

**Nguyễn Tài
(Tur Trọng)**

VỀ VỚI CỘI NGUỒN

LỜI GIỚI THIỆU

Tác giả Nguyễn Tài (1926 - 2016), nguyên Thứ trưởng Bộ Công an, tên khai sinh là Nguyễn Tài Đông, quê ở làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Ông sinh ngày 11 tháng 12 năm 1926, trong một gia đình có nhiều người tham gia cách mạng sớm và bị tù đầy bởi chế độ thực dân. Cha ông là Nguyễn Công Hoan, một nhà văn có đóng góp đáng kể đối với nền văn học Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Tài tham gia cách mạng khá sớm. Từ tuổi thanh niên, đồng chí bắt đầu hoạt động trong Đoàn Thanh niên cứu quốc thành Hoàng Diệu (mật danh của Hà Nội); vào Đảng Cộng sản Đông Dương đầu năm 1945; sau đó lên chiến khu Tân Trào học Trường Quân chính kháng Nhật khóa I, tham gia Giải phóng quân cho đến sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công thì được phân công về Công an Bắc Bộ. Suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ông tham gia Thành ủy Hà Nội, làm Công an, có mấy năm trực tiếp ở Nội thành. Từ giữa năm 1955, ông về công tác tại Bộ Công an, tham gia Đảng đoàn Bộ. Từ 1957 cho đến trước khi đi Nam năm 1964, ông được phân công trực tiếp làm Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị. Ông được lãnh đạo Bộ Công an giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy công tác đấu tranh chống gián điệp - biệt kích, góp phần làm thất bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đối phương.

Ngày 21/3/1964, đồng chí tình nguyện vào Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu

nước; tham gia Ban An ninh Trung ương cục miền Nam; sau đó tham gia cấp ủy Đảng khu Sài Gòn - Gia Định (T4) và trực tiếp làm Trưởng Ban An ninh khu này. Ở miền Nam, ông hoạt động với các bí danh: Tư Trọng, Ba Sáng, Tư Duy... Ông đã không ngừng nỗ lực hết mình trong việc xây dựng và phát triển Ban An ninh khu Sài Gòn - Gia Định trở thành một lực lượng vững mạnh, đồng thời chỉ đạo tiến hành nhiều trận đánh gây tiếng vang cũng như phát hiện nhiều vụ nội gián, bảo đảm an toàn cho lực lượng cách mạng.

Ngày 23/12/1970, đồng chí Nguyễn Tài bị địch bắt khi đang trên đường đi công tác. Trong thời gian bị Mỹ - ngụy giam cầm, ông đã phải trải qua nhiều nhà tù khác nhau, lâu nhất là ở số 3 Bạch Đằng. Theo nhiều tin tức thì địch đã định giết ông vào những ngày cuối tháng 4/1975; nhưng tay sai bên dưới không dám thi hành, vì quân ta đã đến gần Sài Gòn. Cuối cùng, thì bộ đội ta tấn công vào Sài Gòn và đã giải thoát đồng chí Nguyễn Tài khỏi nhà tù số 3 Bạch Đằng vào trưa ngày 30/4/1975. Tới đây, ông đã trải qua bốn năm, bốn tháng, mười ngày trong nhà tù Mỹ ngụy.

Trải qua hơn 70 năm cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đồng chí Nguyễn Tài đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất (1994); Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (2002); Huân chương Hồ Chí Minh (2009); Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng (2015) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Kể về cuộc đấu tranh trong nhà tù Mỹ ngục, đồng chí Nguyễn Tài đã xuất bản cuốn Hồi ký “Đối mặt với CIA” với độ dày hơn 400 trang. Cuốn sách tựa như một thước phim sống động về cuộc đời hoạt động cách mạng tuy gian khó nhưng rất đổi hào hùng của đồng chí nói riêng, của những người chiến sĩ cộng sản trung kiên, bất khuất nói chung.

Những năm 1997, 2004, đồng chí Nguyễn Tài đã cho xuất bản hai cuốn Hồi ký, có tựa đề: Về với cội nguồn và Ngọn lửa; để kể về cuộc sống của gia đình, về sự phát triển của bản thân đồng chí từ thời ấu thơ đến khi trưởng thành.

*Năm nay, nhân kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 80 năm ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam, Nhà xuất bản ... phối hợp với gia đình tác giả tái bản cuốn hồi ký **Về với cội nguồn**. Cuốn sách là sự phối hợp giữa hai cuốn Về với cội nguồn và Ngọn lửa. Cội nguồn, chính là nơi đồng chí được sinh ra, lớn lên, rèn luyện để “nên người xứng đáng với Tổ Quốc”, là nơi ai cũng phải luôn nhớ. Đây cũng là lời tri ân xin gửi đến tác giả, gửi đến gia đình, đồng đội của ông - những người đã trải qua cuộc chiến tranh vệ quốc gian khổ, hy sinh, luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vững vàng chí khí của người cộng sản kiên cường, bất khuất.*

Xin trân trọng giới thiệu cuốn hồi ký tới độc giả!

NHÀ XUẤT BẢN

LỜI TÁC GIẢ

Từ lâu, nhiều bạn bè đã nói với tôi, cần ghi lại những chuyện trong đời tôi. Tôi thường trả lời là cũng không có gì đặc biệt hơn người. Về chuyện nghiệp vụ Công an, đã có cơ quan chuyên trách. Còn chuyện đáng nói khác, thì nhiều chuyện chưa phải lúc nói ra.

Anh em khuyên tôi cứ viết; dù không có mục đích xuất bản, thì cũng dành cho gia đình, và người thân.

Ngày 11 tháng 12 năm 1996, tôi vừa qua ngưỡng của tuổi “cổ lai hy”. Nên từ đầu năm 1997, tôi có ý định soạn tập “Về với cội nguồn” này.

“Về với cội nguồn”, là tập hợp 30 bản Hồi ký của tôi, được xếp đặt theo thời gian tính của các sự kiện, đề cập: về gia đình thân yêu; về cán bộ lãnh đạo đã dìu dắt tôi; về bạn bè đã đồng cam cộng khổ với tôi; về nhân dân các nơi đã đùm bọc, giúp đỡ tôi qua các thời kỳ; với tình cảm trân trọng của tôi đối với những người đã khuất.

Xuân Đình Sửu - 1997

Nguyễn Tài

(Tur Trọng)

Thầy giáo Nguyễn Công Hoan với học trò, và con của mình

Khoảng 1930, tôi còn bé lắm. Sau khi tốt nghiệp trường Sư phạm Hà Nội, Cha tôi bắt đầu nghề “gõ đầu trẻ” ở trường tiểu học thị xã Hải Dương, rồi ở phủ Nam Sách, cùng tỉnh (Cha tôi đã viết một truyện ngắn, nhan đề là GODAUTRE - viết theo lối chữ Tây). Truyện “TẮM LÒNG VÀNG”, mà Cha tôi viết cho trẻ em, mấy năm sau đó, tuy là một truyện có hư cấu, nhưng căn bản đã dựa vào một sự kiện thật; hồi Cha tôi dạy học ở Nam Sách; mà Cha Mẹ tôi đã là những người trong cuộc.

Quy chế công chức thời đó định rằng, mỗi công chức phải trải qua một lần đi làm việc ở “mạn ngược” mấy năm. Nên sau khi ở Nam Sách, Cha tôi lên Lào Cai dạy học ở trường thị xã. Mẹ tôi cùng các con vẫn ở lại Hải Dương.

Có lẽ, do ở một mình buồn, nên có một dạo Cha tôi đón tôi lên Lào Cai. Ban ngày, khi Cha tôi đi dạy học, thì tôi chơi với thằng Chồ, con ông loong-toong của trường. Nhà ở cạnh đường sắt, có hàng rào thưa bằng bê-tông. Thích nhất là xem mấy người, mỗi sáng, vừa chạy vừa đẩy một cái xe goòng, khi xe đã có đà là họ nhảy lên xe, cho chạy một đoạn dài trên đường sắt (Sau này tôi mới hiểu là họ thuộc ngành Hỏa-xa; có nhiệm vụ đi rà soát đường sắt, để báo sửa các chỗ hỏng).

Khi tôi ở Lào Cai, thỉnh thoảng được Cha đưa đi chơi. Khi đã lớn, đọc “Xã hội ba đào ký” của Cha tôi, thấy rõ có hình ảnh các sòng bạc ở Cốc Lếu, mà lúc nhỏ đã có dịp qua đó, nhưng hồi đó chưa hiểu.

*

Khoảng 1933, Cha tôi từ Lào Cai đổi về dạy học ở trường Kiêm bị⁽¹⁾ của phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Mỗi chủ nhật đều về thị xã với gia đình; vì Kinh Môn chỉ cách thị xã Hải Dương khoảng 20 km.

Lúc còn nhỏ ở thị xã Hải Dương, có lần tôi được Cha tôi đưa về Kinh Môn chơi.

Bà Đứng, là em ruột bà nội tôi, cũng ở Kinh Môn; nhà ở chỗ đường dốc đồi, có nhiều cửa hiệu tạp hóa. Một hôm Cha tôi cho tôi đến đó chơi bằng xe đạp. Nhà Cha tôi ở chân dốc. Lúc trở về nhà, xe đang đổ dốc thì bị đứt “phanh” lao thẳng, đâm vào tường một nhà ngay chân dốc, đổ lăn kèn. Tôi ngã sấp, bất tỉnh; bụng đập vào một tảng đá, bị sung u; phải đưa vào bệnh viện của phủ, ở trên đồi gần trường học. Lúc tỉnh, tôi thấy mình còn nằm trên bàn bệnh viện. Cha tôi thì bị cái “phanh” đâm vào ngón tay cái, chảy nhiều máu, phải băng lại.

*

Vài năm sau, Mẹ tôi cùng các con, dọn cả về ở Kinh Môn với Cha. Ngoài ba anh em tôi, lúc đó còn có chú Bông (sau là Thành), anh Thy (con trai bác họ tôi), cậu Các (em họ Mẹ tôi), cùng ở, và học ở trường phủ Kinh Môn.

Trường có ba phòng. Lớp bé do thầy Khản dạy, ở phòng cuối nhà. Hai lớp trên do thầy Đản dạy, ở phòng giữa. Cha tôi dạy ba lớp trên, ở phòng đầu

nhà. Tôi được vào lớp Dự bị⁽²⁾ của thầy Đản (trên lớpбет - tức Đồng ấu⁽³⁾ - của thầy Khả). Do lúc bắt đầu đi trường, tôi bị bệnh đậu mùa, và bỏ không qua lớp Đồng ấu, nên tôi học bị đuối. Nhưng rồi hết năm học cũng vẫn lên lớp trên - gọi là Sơ đẳng; học vẫn đuối.

Tôi dốt và sợ nhất làm toán (không ngờ khi học đến Thành chung - như cấp 3 phổ thông hiện nay - thì lại thuộc loại giỏi toán). Hôm thi Sơ học yếu lược⁽⁴⁾, tại trường Kinh Môn, Cha tôi đi chấm thi ở nơi khác. Trên sườn đồi sát cửa sổ lớp, nhiều người giương ô đen, dùng phấn trắng viết bài giải lên cái ô, để cho con cháu trong phòng thi chép lại. Thầy coi phòng tôi thi, ở trường khác tới, là bạn của Cha tôi; ông ấy đã viết vào giấy toàn bài giải, và bảo tôi cứ thế chép vào giấy thi. Năm ấy, tôi đỗ đầu bảng Sơ học yếu lược của Phủ. Cả nhà ai cũng cười.

*

Ở trường Kinh Môn, có nhiều chuyện vui.

*

Khi anh em chúng tôi chưa về ở hẻm Kinh Môn, một lần Cha cho anh tôi và tôi đến trường chơi; cũng vào ngồi trong lớp. Trong thời gian ngồi chơi ở lớp, Cha tôi giao cho anh Tài Khoái (là anh ruột tôi - đã hy sinh năm 1947) học bài thơ “Vợ chồng người bán than trên núi” của Tản Đà. Gần tan buổi học, Cha tôi bảo anh Khoái lên đọc bài đó; anh Khoái đọc thuộc lòng cả bài; trong khi nhiều học sinh học mãi không thuộc.

Trường ở sườn đồi. Chiều, tan lớp, đến giờ thể dục; học sinh lớp nào theo thầy giáo lớp ấy lên đỉnh đồi, cũng hơi bằng phẳng, để tập thể dục. Do

đó, những lúc giờ ra chơi, hoặc xong giờ thể dục, chúng tôi thường lấy một cái lá dừa dại, to bản, vài dừa ngò lọt trong đó; kéo một cái, thế là cái lá trơn trên cỏ, chạy tuột từ chỗ dốc cao xuống thấp. Hồi đó chưa biết ở các xứ lạnh, họ có xe trượt tuyết.

Đồi cao, nhiều gió, nên thả điều trên đỉnh đồi rất tốt. Chỉ khi bị đứt dây, chạy theo điều rất khổ; vì từ đồi nọ phải chạy sang đồi kia. Xuống dốc, lên dốc, rất mệt; nhưng lúc bé, chẳng để tâm; chỉ biết vui. Duy có điều là, cỏ may bám đầy quần áo, gỡ rất lâu, về nhà khó giặt Cha Mẹ.

*

Ở chân đồi của trường, có mọc một cây gạo, hoa đỏ ối. Khi hoa tàn và rụng, thì có mùi thối. Bông gạo, không thấm nước; thả cho bay từ sườn đồi cao xuống đất, trông rất thích mắt trẻ con. Giờ nghỉ giữa buổi, học trò lớn các lớp trên, hay thi nhau ném gạch, đá, sao cho trúng cái cây.

Ở phố phủ Kinh Môn, lúc đó có một thằng Tây lai làm Đoan. Nó thường vai vác súng săn, đi bắt rươi lậu, và qua trường. Một hôm, khi nó đi ngang qua trường, đang lúc học trò lớn thi nhau ném gạch vào cây gạo. Bất ngờ một hòn gạch không trúng cây, mà trúng nó. Nó bèn tìm đuôi người nào ném để đánh. Thì học trò lớn lại chọc tức nó, hét lên “Le Francais porte le cái bắp cây” - nghĩa là “Người Tây vác cái bắp cây” (ngụ ý nói xỏ, gọi cái súng săn của nó là cái bắp cây - biểu thị sự ghét Tây). Nó càng tức. Nó dò hỏi, thì biết người ném gạch trúng nó là anh Mạc Văn Chục, học trò của lớp Cha tôi. Gia đình anh Chục ở xa trường, trên đường ra ga Phú

Thái, hàng ngày phải đi, về bằng xe đạp. Thế là nó vác súng đón đường ở chỗ ngã ba, định bắn anh Chục; làm cho anh Chục phải trốn không dám về làng chiều hôm đó. Cha tôi phải can thiệp, nó mới thôi lòng để trả thù anh Chục.

*

Hồi là Đại biểu của tỉnh Hải Hưng trong Quốc hội khóa VIII, có một lần năm 1990, tôi về gặp cử tri ở huyện Kim Môn (huyện Kim Thành nhập với huyện Kinh Môn).

Ngày bé, thấy ngôi trường có ba phòng ở sườn đồi, sao nó to thế. Hôm về họp thấy có cái nhà nhỏ, vẫn ở chỗ trường cũ. Nhưng không hiểu nhà trường cũ đã bị phá đi và làm lại; hay đó vẫn là cái nhà cũ từ khoảng 1933, 1934? Hôm đó, tôi hỏi thăm, nhưng không ai biết để trả lời được.

*

Năm 1936, Cha tôi đổi về dạy học ở thành phố Nam Định, trường Jules Ferry - còn gọi là trường Cửa Bắc.

Cha tôi dạy ở lớp nhì năm thứ hai. Trường có 3 lớp như thế; một lớp do thầy Vũ Văn Ninh (học sinh thường gọi là ông Ninh “gù”), một lớp do thầy Nguyễn Tảo (học sinh thường gọi là ông Tảo “lùn”); một lớp do Cha tôi đảm nhiệm.

Trong gia đình, vẫn có mấy chú cháu, anh em đi học như hồi ở Kinh Môn. Khác với ở phố Phủ, ở thành phố Nam Định có rạp “chiếu bóng”. Cha tôi đặt lệ: Theo xếp hạng hàng tháng trong lớp, ai giữ nguyên hoặc lên chỗ xếp hạng, thì được thưởng một vé đi xem chiếu bóng; ai xuống chỗ xếp hạng, thì không được vé. Bây giờ nghĩ lại, thấy đó là một cách

động viên thi đua đơn giản trong gia đình. Có một tháng, trong chú cháu, anh em, có người không được vé. Nhưng lúc đó rạp đang chiếu phim do vua hề Charlot đóng; không được đi xem thì uổng. Biết là Cha tôi rất quý tôi; mọi người bàn, và giao cho tôi nói với Cha tôi, cho tất cả cùng đi xem phim Charlot tháng này; người tháng này không được vé, nếu tháng sau được vé, cũng không đi xem nữa. Cha tôi đồng ý; thế là mọi người đều vui.

Một năm, dịp trường nghỉ lễ Paques (Phục Sinh), Cha tôi cho anh tôi và tôi đi thăm di tích thời Lê Lợi, ở Thanh Hóa. Anh tôi có hoa tay, đã vẽ được nhiều cảnh ở Lam Sơn, bằng bút chì. Trên đường về, ghé thị xã Ninh Bình, thăm chùa Non Nước. Tại đây, thấy có vết bàn chân một ông quan, được khắc lõm trên mặt một hòn đá. Cha tôi kê cho chúng tôi nghe nguồn gốc cái bàn chân đó, và chửi thậm tệ cách làm của ông quan này.

*

Khi tôi từ lớp nhì năm thứ nhất, lên học lớp nhì năm thứ hai, thì vào học ở lớp của Cha tôi.

Theo cách học hồi ấy, mỗi năm có những đợt thi. Hôm đó, thi về bài học thuộc lòng. Tên của mỗi học sinh trong lớp được ghi vào một mảnh giấy nhỏ, gấp tư. Ai lên thi, đọc xong bài của mình, thì bốc một tờ, và đọc tên học sinh đã ghi trong mảnh giấy đó; thì người có tên lên bảng để thi tiếp. Lại bốc thăm bài học thuộc lòng; trong mảnh giấy ghi tên bài nào, thì phải đọc ngay bài ấy.

Tuổi học sinh là tuổi nghịch ngợm.

Hôm đó, do bạn bè khích lệ ra sao, bây giờ tôi không nhớ. Tên tôi là Nguyễn Tài Đông; nhưng khi ghi tên vào mảnh giấy gấp tư, thì tôi ghi theo kiểu “nói lái”, là “Đổng Tài Nguyên”. Xong, tôi bỏ chung vào đồng giấy bốc thăm.

Vào lớp, đến giờ thi. Sau một số bạn lên đọc bài; một bạn bốc thăm, và xướng tên: “anh Nguyên”. Cả lớp đang ngó ra, vì xưa nay cùng lớp, không có ai tên là Nguyên cả. Tôi thì hiểu ngay. Đứng lên để đi lên bảng; tôi nháy mắt cho anh bạn về chỗ. Nhưng dường như không hiểu, anh ta vẫn cứ giơ tờ giấy lên, gọi mãi mấy lần nữa: “anh Nguyên, anh Nguyên”. Làm cho Cha tôi chú ý, cầm lấy tờ giấy để xem.

Khi đó, tôi đã đến đứng ở gần bảng đen; bèn bốc thăm bài thuộc lòng mình phải đọc. Và tôi đọc luôn một mạch. Cả lớp nghe thấy tôi đọc trơn tru, đều tin là tôi sẽ được điểm cao, như mọi người đã đọc tốt bài học thuộc lòng.

Nhưng đến khi ghi điểm, thì Cha tôi lại cho tôi một “quả trứng” (con số dê-rô) thật to.

Lý do, vì tôi đã nghịch ngợm, ghi tên sai, bằng cách nói lái.

Hà Nội, 26/6/1996

(1) Trước đây là một trường sơ học. Nay là một phần của trường THPT Kinh Môn II, thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(2) Lớp Dự bị: thuộc cấp tiểu học, cho học sinh 8 tuổi

(3) Lớp Đồng ấu: thuộc cấp tiểu học, cho học sinh 7 tuổi.

(4) Sơ học yếu lược: bậc tiểu học là 6 năm, hết 3 năm đầu học sinh thì lấy bằng Sơ Học Yếu Lược. Đây là tám bằng thấp nhất

*trong thời thuộc Pháp, phát cho học sinh lớp ba thi đỗ. Có bằng
Sơ học yếu lược mới được lên học lớp nhì.*

Yêu cầu cho ăn cá

Nói đến Sài Gòn, Mẹ tôi hay nhắc đến một chuyện:

Năm 1936, gia đình chúng tôi ở Nam Định.

Cha tôi đang dạy học ở trường Cửa Bắc (Jules Ferry), đồng thời vẫn viết văn. Cuốn Kép Tư Bền đã gây ra cuộc tranh luận sôi nổi về văn học hồi đó.

Nhân dịp trường được nghỉ hè ba tháng, có bạn ở trong Nam hẹn vào chơi, Cha tôi đã làm một chuyến đi suốt các tỉnh miền Trung và miền Nam.

Đến đâu, Cha tôi cũng gửi thư, hoặc gửi ảnh chụp về nhà.

Khi qua Huế, Cha tôi đã phải dành gần một buổi, để ký tên vào sách của mình, làm lưu niệm cho độc giả ở đây.

Sau khi đi nhiều tỉnh ở Nam Kỳ (cách gọi thời đó), Cha tôi đã sang Cao Miên (cách gọi Campuchia thời đó) thăm ông Đào Trọng Đủ, là bạn cũ. Thư gửi về dịp này, có kể chuyện là: Sau khi đi thăm cung điện Ăng-Ko ở Cao Miên, đã đi chơi đến “I-lô Kông”, là một đảo nhỏ thuộc Xiêm (cách gọi bằng tiếng Pháp thời đó để chỉ nước Thái Lan) giáp với Cao Miên. Cha tôi cũng báo trước là sẽ về Nam Định bằng chuyến xe lửa tốc hành từ Sài Gòn ra.

Một hôm, “nhà dây thép” (cách gọi Bưu điện thời đó) đưa đến nhà một bức điện tín của Cha tôi gửi về: Báo đích xác ngày về đến Nam Định; đặc biệt có yêu cầu Mẹ tôi cho ăn cá, hôm về đến nơi.

Mẹ tôi không hiểu ra sao cả. Bà băn khoăn: Đi chừng ấy lâu, không được ăn cá hay sao, mà phải báo về bằng điện tín? Hay là có ông bạn nào trong Nam cùng ra, thích ăn cá?

Tuy nhiên, do biết tính Cha tôi thích ăn canh cá nấu dấm; nên Mẹ tôi ra chợ Ròng trước cửa nhà, mua một con cá to. Rán (chiên) một phần; còn lại, nấu nồi canh dấm thật ngon.

Đến trưa, Cha tôi gọi cửa.

Chưa kịp cất đồ đạc, và rửa mặt mũi gì cả, Cha tôi đã hỏi: Cá đâu?

Mẹ tôi ngạc nhiên, vì không thấy có bạn bè nào về cùng cả.

Bà hỏi: Làm món cá, làm gì?

Cha tôi chìa tay ra.

Một cái lồng nhỏ bằng tre, trong có một chú mèo xinh xinh.

Cha tôi đáp:

- Cá cho con mèo Xiêm này đây! Đích là mèo Xiêm đấy. Mang từ “I-lô Kông” về đây!

Cả nhà được một mẻ cười nôn ruột, về cái tính hay đùa của Cha tôi.

Hà Nội, 23/8/1996

Rươi đâu?

Có lẽ ở gia đình nào cũng thế: Khi người trụ cột gia đình thích ăn món gì, thì thường mọi người khác trong gia đình cũng có thói quen, hay có sở thích ấy.

Không biết từ thế hệ nào, mà trong họ Nguyễn chúng tôi, có những món ăn lưu truyền từ xa xưa đến thế hệ Cha tôi, và chúng tôi.

Năm nào, trong gia đình cũng phải làm mắm tôm chua, và mắm rươi.

Chua, cay, mặn, chát, với thịt ba chỉ, là tóm tắt của nội dung chuẩn bị cho bữa mắm tôm chua.

Còn mắm rươi thì không tóm tắt được. Không kể quá trình làm mắm; phải mua được rươi, dịp tháng Chín đôi Mười, tháng Mười mừng Năm, theo âm lịch hàng năm. Cũng không kể cách ăn mắm rươi sống, hay ăn mắm rươi chung; nếu chung mắm rươi cũng phải đúng cách. Chỉ kể khoản rau sống, cũng đã nhiều loại: bắp cải, rau cải, rau cần, rau cải cúc, rau thơm, vỏ quýt, hành hoa tía, gừng. Tất nhiên, vẫn phải có thịt ba chỉ. Ăn không đủ vị, kém ngon.

Từ trước Cách mạng tháng Tám thành công, Cha tôi đã rất thích hai món mắm này. Thường bữa ăn, Ông không uống rượu; nhưng hễ ăn mắm, thì nhất định Cha tôi phải làm vài chén rượu trắng. Mọi người trong nhà, nếu bữa nào ăn mắm thì có ngồi lâu hơn ngày thường; nhưng bao giờ cũng xong bữa trước Cha tôi. Cha tôi khề khà; rồi đến cuối bữa, bao

giờ cũng phải lôi đám quan lại Tây, Ta, ra chửi một trận; thì mới kết thúc. Chúng tôi cứ theo trình tự đó, mà biết bữa ăn mắm của Ông sắp xong hay chưa?

Tuy nhiên, có lẽ ăn với gia đình, vì chẳng có ai biết uống rượu, cũng hình như chỉ ăn một mình; nên Cha tôi không cảm thấy vui bằng có bạn thân đến cùng ăn mắm.

Dù rằng, khi ăn có bạn, thì không thể có màn chửi quan lại vào cuối bữa.

Sau 1954, thỉnh thoảng Cha tôi rủ mấy ông bạn văn như các bác Tú Mỡ, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Hoàng Trung Thông, v.v... về nhà uống rượu, ăn mắm. Có lần, sau bữa, các Ông cùng nhau lặn ra ngủ trưa, tỉnh rồi mới chia tay nhau, ai về nhà nấy. Thật là những bữa ăn, uống vui vẻ.

*

Hồi ở Nam Định, khoảng 1937, một chiều, Cha tôi báo cho Mẹ tôi là: Có một ông bạn ở tận Sài Gòn mới ra, sẽ đến ăn cơm chiều cùng gia đình; đã hỏi, thì ông bạn nói có biết ăn mắm rươi; vậy đãi bạn bằng món truyền thống gia đình là hay.

Được báo trể, Mẹ tôi vội ra chợ Ròng mua thức ăn cùng với đủ loại rau, và thịt ba chỉ; để làm cho kịp bữa cơm chiều mời khách, có món mắm rươi.

Gần tối, ông bạn Sài Gòn của Cha tôi đến.

Ăn, uống, khoảng trên một tiếng đồng hồ. Có lẽ gần xong bữa.

Bỗng cả nhà nghe thấy tiếng ông bạn Sài Gòn của Cha tôi hỏi lớn: “Rươi đâu?”

Cả nhà bỗng bật cười; nhưng không ai dám cười lớn tiếng.

Vì: Món mắm rươi đã bày ở mâm. Ông bạn Sài Gòn của Cha tôi đã làm đúng các động tác như Cha tôi, khi tự mình gấp đầy đủ gia vị và mắm rươi. Và Ông đã ăn mắm rươi một cách ngon lành từ đầu đến cuối bữa.

Vậy mà bây giờ Ông còn hỏi: “Rươi đâu?”

Té ra: Ông bạn Sài Gòn của Cha tôi đã tưởng mắm rươi, là món vẫn còn chưa được dọn ra!

Được một mẻ cười.

Hà Nội, 22/8/1996

Những cảnh lận đận của thầy giáo, nhà văn Nguyễn Công Hoan

Nếu nói về những sự gâý khó khăn của chính quyền thực dân Pháp đối với Cha tôi, có lẽ nhiều người chỉ mới biết đến sự kiện: Cuốn “Bước đường cùng” ra đời; và bị cấm năm 1938.

Thực ra, không thể lý giải đúng vấn đề này, nếu chỉ khoanh riêng, và đơn thuần vào vụ cuốn “Bước đường cùng”. Vì đang dạy học ở Nam Định, Ông bị chính quyền thực dân “trù”, dời đi dạy học ở làng Trà Cỏ, thuộc tỉnh Hải Ninh; tức là phải “đi mạn ngược” lần thứ hai, trái với quy chế công chức thời đó (lần đầu Cha tôi đã đi Lào Cai). Việc này xảy ra trước khi có chuyện cuốn “Bước đường cùng” bị cấm.

*

Năm 1936, khi ở bên Pháp, Chính phủ của Mặt trận Bình dân lên cầm quyền, ở Việt Nam chính trị phạm được ân xá; thì Cha tôi đang dạy học ở trường cửa Bắc, thành phố Nam Định. Gia đình tôi ở phố Paul Doumer⁽¹⁾, nhìn sang chợ Rồng. Lúc ấy, chú Nguyễn Công Bông, và anh Nguyễn Tài Khoái của tôi học ở Nam Định, cùng lớp với các anh Phạm Văn Cương (Nguyễn Cơ Thạch), Phan Đình Đống (Mai Chí Thọ); nên tôi được biết rằng anh ruột anh Đống, tên là Phan Đình Khải, tù chính trị ở Côn Lôn⁽²⁾ mới được tha về, và ở ngay thành phố Nam Định (Sau này anh Khải dùng tên là Lê Đức Thọ).

Tôi đã thấy anh Khải đến chơi với Cha tôi. Nhưng khác mọi khách khác vẫn thường đến nhà, hai người không ngồi trong phòng khách, mà lần nào cũng mang ghế ra ngồi ở ban-công, để nói chuyện. Sau tôi mới hiểu, là cách để anh Khải quan sát xem có mật thám theo dõi hay không?

Mối quan hệ với anh Phan Đình Khải hồi đó, là một trong các yếu tố đã dẫn đến việc Cha tôi sáng tác cuốn “Bước đường cùng”.

*

Thực dân Pháp “đổi” Cha tôi đi Trà Cỏ, nhiều người cho là do cuốn “Bước đường cùng” bị cấm. Thực ra, khi đã có quyết định “bị đổi” đi Trà Cỏ, Cha tôi mới viết cuốn “Bước đường cùng”.

Vậy sâu xa hơn, là do thực dân Pháp bắt đầu thấy có vấn đề, mà chúng mới phát hiện, và đáng cho chúng phải quan tâm.

*

Những năm đầu 1930, lúc đó mới khoảng 4 hay 5 tuổi, tôi đã nghe trong gia đình đôi khi nhắc đến chú thứ tư của tôi, bỏ nhà đi biệt. Có người kể là trước đó, ở quê, Chú hay đóng cửa phòng để học thôi miên. Sau khi Chú đi biệt tích, có người quen trong làng kể là đã trông thấy trên một chuyến xe lửa đi Sài Gòn, có một người giống như Chú, nhưng chỉ một thoáng là biến mất.

Cho đến khi anh Phan Đình Khải được ra tù, về Nam Định, Anh mới cho Cha tôi biết tin tức về chú thứ tư của tôi.

Bị bắt ở Sài Gòn, Chú chỉ khai tên là Phạm Văn Khương; gia đình đã chết hết (Sau này tôi được hiểu về ý nghĩa cái tên này. Ông nội tôi tên là

Nguyễn Đạo Khang; chú nhận tên Khương, là chữ Khang đọc giọng Nam. Vừa dễ nhớ; vừa thể hiện tình cảm gia đình).

Chú đã bị tòa án thực dân kết án tử hình vì tội “cộng sản, phiến loạn”. Giống như anh Phạm Hùng, nhưng thuộc một vụ khác (là vụ Nhà Bè). Sau, do sự tố cáo trong cuốn sách “*Indochine SOS*” của nữ ký giả cộng sản Pháp André Viollis, và sự can thiệp của Quốc tế đỏ; anh Phạm Hùng và chú tôi được giảm án xuống chung thân, và đều bị đày ra Côn Lôn.

Anh Khải kể chuyện rằng: ở Côn Lôn, bạn tù khác khi nhận thư gia đình thường reo vui: “A! Tao có thư!”. Còn chú tôi, coi như không còn người thân, nên chẳng bao giờ có thư để nhận. Nhưng để bày trò vui, có lần vào hôm có chuyển thư, chú tôi bỗng reo lên: “A! Tao không có thư!”. Bạn bè chỉ thấy reo lên, tưởng là chú tôi đã có thư nhà; chạy đến gần, thì mới nghe thấy rõ câu nói đùa như trên.

Theo anh Khải, thì đến lúc đó, không còn cần giấu kín tung tích của chú tôi nữa; nên mới cho gia đình biết.

*

Theo chính sách mới của nhà cầm quyền Pháp, và sự hướng dẫn của anh Khải, từ đó gia đình tôi đã gửi được thư cho chú tôi. Vẫn đề theo tên Phạm Văn Khương; số tù, giam ở nhà lao nào ngoài Côn Lôn, thì Cha tôi đã ghi ở mặt dưới đế của một con cóc bằng đá, dùng để chặn giấy. Chắc cũng là theo hướng dẫn của anh Khải, gia đình tôi làm cám rang, trộn mật; và nhiều lần gửi ra Côn Lôn, để cho những người tù bị tê phù trị bệnh. Tuần báo, hoặc nguyệt san thì được gửi; nhưng không được gửi báo

hàng ngày. Tiền cũng được gửi, nhưng bị nhà tù quản lý, chỉ cho người tù lĩnh dùng dần.

Đôi khi, gia đình có nhận được thư từ Côn Lôn gửi về. Gọi là thư, nhưng chỉ là một mảnh giấy in sẵn, để trống vài dòng, đủ cho người tù ghi địa chỉ người nhận, báo tin về sức khỏe của người gửi, và vài lời thăm gia đình.

*

Chắc là từ đó, thực dân Pháp mới bắt đầu biết: Người tù bị án tử hình, giảm xuống chung thân, lâu nay chỉ biết tên theo lời khai là Phạm Văn Khương, không còn gia đình; nay phát hiện là em ruột của thầy giáo và nhà văn Nguyễn Công Hoan. Vậy tên thật của người đó, chính là Nguyễn Công Miêu (Sau 8/1945, Chú dùng tên Lê Văn Lương).

Cũng nghĩa là: Nhà giáo, nhà văn Nguyễn Công Hoan có em ruột là một tay “cộng sản gộc” đang ngồi tù ở Côn Lôn.

Thêm nữa: Cự chính trị phạm Côn Lôn Phan Đình Khải, cư trú ở thành phố Nam Định, cũng đã đến nhà thầy giáo Nguyễn Công Hoan nhiều lần.

Lại thêm nữa: Nhà giáo, nhà văn Nguyễn Công Hoan lại mới gia nhập Đảng Xã hội Pháp, chi nhánh Đông Dương, ở Nam Định; và đã đi dự cuộc mít-tinh ngày 1/5, lần đầu tổ chức công khai ở khu Đấu xảo Hà Nội.

Vậy, phải đề ý đến người này; và phải cẩn thận đề phòng!

Theo tôi nghĩ: Trước khi có sự kiện cuốn “Bước đường cùng” bị cấm; chuyện kể trên mới là nguyên nhân ngầm, sâu xa của việc chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương hồi đó đã nhất quyết

áp dụng những biện pháp “trù” đối với Cha tôi; trong đời Văn, lẫn trong đời Giáo.

*

Vậy, chính quyền thực dân Pháp buộc Cha tôi phải đi “mạn ngược” lần thứ hai, trái với quy chế công chức thời đó; chưa phải là đã xong.

Hết một năm ở Trà Cổ, chúng lại “đổi” Ông về dạy học ở Thị xã Thái Bình.

Mới năm đầu Cha tôi về dạy học tại đây, liền bị mật thám Pháp đến khám nhà; và chúng bắt đi ngay chiều hôm đó. Vì chúng phát hiện và tịch thu được cuốn sách “*Stalin con người thép*”; mà chúng nói là sách bị cấm. Tuy được tại ngoại, để tiếp tục dạy học ở thị xã Thái Bình; nhưng Cha tôi chỉ chờ ngày ra tòa.

Bọn mật thám Pháp trông chờ Tòa Nam án Thái Bình mở phiên tòa; và sẽ kết án tù Cha tôi.

Một sự tình cờ không ai ngờ là:

Hồi Mặt trận Bình dân, theo hướng dẫn của anh Phan Đình Khải, Cha tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp, chi nhánh Đông Dương, ở thành phố Nam Định. Có mấy nhà giáo người Pháp, cũng tham gia Đảng Xã hội Pháp, cùng ở Nam Định; nên là “đồng chí Xã hội” với Cha tôi.

Họ đã gặp Cha tôi; và biết là Cha tôi có khai sinh ở Hà Nội. Theo luật thời đó, ai sinh ở Hà Nội, thì không bị xử ở tòa Nam án. Mà phải đưa xử ở Tòa án Tây; chỉ có đặt ở Hà Nội và ở Nam Định.

Sau đó họ lại tìm ra rằng cuốn sách nói là bị cấm đó, chỉ là một cuốn do bọn Trót-kýt xuất bản để

chủ Stalin; hiện vẫn được bán công khai ở các hiệu sách. Vậy không phải là sách bị cấm.

Họ đã trực tiếp gặp Chánh Tòa án Tây ở Nam Định để can thiệp.

Do đó Tòa án Tây ở đây đã tuyên bố Cha tôi vô can.

Bọn mật thám Pháp ở Thái Bình bị một cú thất bại bất ngờ.

Nhưng, chúng không bao giờ rời mắt khỏi gia đình tôi.

*

Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, Cha tôi được giao chức vụ Giám đốc Sở Kiểm duyệt Bắc Bộ, ở Hà Nội (thuộc Bộ Thông tin Tuyên truyền do bác Trần Huy Liệu làm Bộ trưởng).

Cha tôi thường nói đùa: Có lẽ do trước đây mình đã bị bọn Kiểm duyệt thời Pháp thuộc cấm cuốn “Bước đường cùng”, và hay bị gây khó khăn. Nên nay mới được cấp trên giao nhiệm vụ này, để dễ thông cảm với anh em nhà văn, nhà báo.

*

Nhưng, vì sao Cha tôi đang dạy học ở Thái Bình, mà lại lên làm việc ở Hà Nội, ngay sau Cách mạng tháng 8 thành công; thì rất ít người biết. Mà Cha tôi cũng không cho là việc để khoe với mọi người.

Số là:

Sau cuộc Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945 Cha tôi vẫn còn dạy học ở thị xã Thái Bình. Ông đã tham gia các hoạt động công khai của Việt Minh tại đây. Phong trào đang lên, thì bọn Nhật đánh hơi thấy, và

bắt đầu khủng bố. Mấy hôm trước, có một thanh niên nhận là học trò cũ đến thăm; mà Cha tôi không nhớ ra. Có người quen đến mách rằng, tên đó là mật thám Nhật đến thăm dò, định giở trò gì đó; phải đề phòng. Nhưng Cha tôi chẳng để tâm. Đến khi bị Nhật bắt rồi, Ông mới thấy là đúng.

Bọn Nhật bắt Cha tôi ở Thái Bình, xong đưa lên Hà Nội, giam ở tầng hầm của Hãng dầu Shell đường Gambetta (nay là phố Trần Hưng Đạo, trụ sở Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường).

Khi đó gia đình tôi, người thì còn ở tù, người thì thoát ly hoạt động cách mạng bí mật. Chỉ còn một mình Mẹ tôi ở nhà; như muốn phát điên; vì đau buồn và lo sợ; bởi biết bao mối đe dọa đang đè nặng lên gia đình tôi.

Sau 19/8/1945, bọn Nhật ở Hà Nội phải đưa một số người bị chúng bắt, trả lại cho phía Cách mạng; Cha tôi cũng là một trong số người đó. Sau đấy, Cha tôi được giao công tác ở Sở Kiểm duyệt Bắc Bộ. Nên Ông ở luôn Hà Nội cho đến sau này.

*

Chuyện trên, có liên quan rất nhiều đến anh Nguyễn Tài Khoái của tôi.

Chiến tranh thế giới 2 đã bùng nổ.

Chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương siết chặt các quyền tự do dân chủ; chỉ mới được nói rộng khi có chính quyền Mặt trận Bình dân ở bên Pháp. Cuối năm học, Cha tôi đang đi chấm thi ở Hải Phòng.

Một đêm, có người gọi công, với lời nói to: “Ông Hoan. Có Quan đốc gọi” (ý nói, ông Đốc học có việc cần gọi đêm). Công mở, thì lối nhỏ vừa Tây,

vừa ta, hàng chục tên mật thám xông vào nhà. Vừa đi, miệng chúng vừa hỏi: “Bông đâu? Khoái đâu?” (Là chú và anh tôi).

Chúng bắt ngay hai người ngồi một chỗ, tay bị còng. Rồi đi khám nhà. Lục tung tóe mọi thứ; nhất là sách vở, giấy tờ. Xong, chúng dẫn hai người đi, mà sau gia đình được biết là giam ở Sở mật thám Pháp ở Nam Định.

Đợt này, chú Nguyễn Công Bông của tôi bị làm án tù 5 năm, đầy đi Sơn La. Anh Nguyễn Tài Khoái của tôi cùng bị bắt năm ấy, vì không đủ chứng cứ, và trong tuổi vị thành niên, nên được tha về; tiếp tục đi học.

Hai năm sau, anh tôi lại bị bắt ngay trong giờ học, cùng với mấy bạn khác cùng trường. Lần này, bị Tòa án Thái Bình kết 2 năm tù. Chống án lên Hà Nội, án giảm còn 1 năm tù. Hết hạn tù, anh tôi bị quản thúc tại gia đình ở thị xã Thái Bình. Hàng tháng phải đến Sở mật thám trình diện.

Nhưng ngay trong hạn bị quản thúc, anh tôi lại thoát ly, đi hoạt động bí mật. Rồi lại bị bắt lần thứ ba; lần này lãnh án 5 năm tù; giam ở Hỏa Lò Hà Nội.

Đầu năm 1945, khi nạn đói đang hoành hành, thì một hôm được một người dân báo tin anh tôi bị giải từ Hà Nội về Thái Bình, để ra Tòa án lần nữa. Buổi trưa, do nhà lao chưa nhận tù, nên còn chờ ở sân Tòa án. Gia đình đến, được lính dẫn giải cho nói chuyện; nên biết là anh tôi bị đưa về Thái Bình để xử thêm; vì có liên quan đến vụ án khác, mà trước đây bọn mật thám không biết.

Trước Cách mạng tháng 8/1945, gia đình tôi là nơi liên lạc, hội họp của cán bộ Tỉnh ủy Thái Bình, còn hoạt động bí mật.

Anh tôi ra tù ở Thái Bình sau 9/3/1945; tham gia vận động phong trào cách mạng ngay tại Thị xã. Cha tôi tham gia các hoạt động công khai của phong trào Việt Minh ở thị xã Thái Bình, sau 9/3/1945. Nên việc bị Nhật bắt là trong bối cảnh này.

Còn anh tôi, khi có tin bọn Nhật sắp sửa bắt lại, đã nhận được quyết định của Tổ chức là bí mật rời thị xã Thái Bình đi ở nơi khác. Sau này, anh Lê Quang Đạo kể cho tôi là, hồi đó cùng hoạt động với anh tôi ở Bắc Giang.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, anh Khoái tôi đã công tác ở Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình; rồi lại về Nam Định lúc gần Kháng chiến toàn quốc. Hồi Anh ở Hải Phòng, có lần lên Hà Nội họp; hai anh em chúng tôi chỉ gặp nhau một lần cuối cùng đó; trước khi Anh qua đời giữa năm 1947 ở Nam Định.

Cha, Mẹ tôi rất đau khổ vì thương Anh.

*

Năm 1948, tôi nhận thư Cha tôi gửi từ Việt Bắc, báo tin cho tôi, là trước cái chết của Anh tôi, Ông đã quyết định gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Hà Nội, 22/8/1996
Nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Tám.

⁽¹⁾ *Phố Paul Doumer ở Nam Định nay là đường Trần Hưng Đạo.*

⁽²⁾ *Côn Lôn: tức Côn Đảo*

Tôi đã gặp Bác lần đầu như thế nào?

Lúc đó, tôi chưa tròn 19 tuổi.

Ở trong Đoàn Thanh niên Cứu quốc thành Hoàng Diệu (tên bí mật trước Cách mạng tháng 8 của Hà Nội), sau đảo chính Nhật 9/3/1945 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương; tôi đang say sưa cùng anh em hoạt động, thì một chiều sẩm, anh Vũ Oanh đến tìm tôi ở nơi ở - là việc trái với nguyên tắc liên lạc bí mật thông thường.

Anh Vũ Oanh nói việc gấp. Sáng sớm mai, tôi phải lên đường đi học quân sự trên chiến khu. Anh đưa cho tôi một tấm thẻ thuê thân, một mẫu giấy cuốn sâu kèn, nói là giấy giới thiệu; rồi dặn dò địa điểm liên lạc, các thứ mang theo, cách ứng phó trên đường.

Được đi học quân sự để đánh Nhật thì còn gì vui sướng bằng!

Tối hôm đó, tôi chỉ kịp giao lại cơ sở cho một đồng chí khác; đến nhà cơ sở xin một bộ quần áo nâu cũ, một cái nón lá; anh em gom góp cho mấy trăm đồng mang theo. Đó là hành trang để đi chiến khu.

Theo giao liên, cả đoàn chúng tôi, gồm mấy chục người, đã đến làng Vân, ở đây ta đã làm chủ ngày đêm. Khi đó, mới có điều kiện họp đoàn. Anh em cử anh An (sau tên là Lê Vinh Quốc) làm Trưởng đoàn, phụ trách giao dịch; tôi được phân công làm Phó đoàn, phụ trách tuyên truyền dân vận những nơi

đi qua. Trong đoàn còn có những anh em mà bây giờ còn ở trong quân đội, như anh Lê Ngọc Hiền.

Ngày đi, đêm nghỉ, luôn rùng rợn suốt, cuối cùng chúng tôi đã đến Tân Trào. Giao liên báo chúng tôi ngồi nghỉ ở gốc cây đa⁽¹⁾, chờ cán bộ cấp trên đến gặp.

Thấy chúng tôi ở dưới xuôi mới lên, bà con dân làng dần dần kéo đến hỏi chuyện. Tôi làm theo trách nhiệm được phân công.

Đang nói, thì có một cụ già, áo chàm vắt vai, quần chàm xắn đến đầu gối, cũng ra ngồi nghe. Rồi cụ đặt nhiều câu hỏi cho tôi trả lời. Tôi kể tình hình đói ở dưới xuôi, cảnh người chết dọc đường mà tôi mắt thấy; phân tích giặc Nhật hắt cẳng giặc Pháp, tiếp tục áp bức bóc lột dân ta; giải thích về Mặt trận Việt Minh, và chính sách cứu nước của Việt Minh. Cụ hỏi tôi: “Các cháu lên đây làm gì?”. Tôi đáp là học quân sự để đánh đuổi giặc Nhật, giành độc lập cho dân ta. Qua câu chuyện, tôi nhớ như in mấy câu cụ nói, như: Ngày trước khi giặc Pháp đến cướp nước ta, thì đồng bào dưới xuôi bị nô lệ trước, trên núi bị nô lệ sau; bây giờ trên này độc lập trước, thế nào đồng bào dưới xuôi cũng sẽ được độc lập.

Đại biểu của cấp trên đến gặp chúng tôi, đội mũ dạ cửi, áo vét tông vải nhuộm pin đèn, quần tây xắn đến đầu gối, chân đi đất; nổi rõ nhất là một cái xà cọt da, và một khẩu súng lục to đeo ở hông. Người đó tự giới thiệu tên là Văn. Anh hỏi thăm hành trình của Đoàn, tình hình sức khỏe anh em, căn

1 Nay là cây đa Tân Trào lịch sử

dẫn đề phòng sốt rét; bảo chúng tôi chờ vài ngày rồi nhập học. Trong anh em chúng tôi, có người đã ở Hà Nội, biết đó là anh Võ Nguyên Giáp. Sau cuộc gặp chung, anh Văn gặp riêng anh An và tôi để dẫn dò công việc. Nhân nói chuyện hẹp, chúng tôi bảo anh Văn là trong anh em có người biết tên thật của anh. Thì anh Văn dẫn chúng tôi nói lại với ai đã biết, phải giữ bí mật. Từ đó vài ngày một lần, hai người chúng tôi lại đến nhà ông Tiến Sự, gặp báo cáo công việc với anh Văn.

Tối hôm mới đến Tân Trào, trong buổi sinh hoạt Đoàn, kiểm công việc trong ngày, tôi kể lại ý kiến ông cụ già; chúng tôi nhận xét với nhau là ở chiến khu, dân trí cũng cao, có khi còn hơn ở dưới xuôi.

Một hôm, chúng tôi đi lấy lá cọ về lợp nhà. Tôi gánh lá về trước, đang ngồi nghỉ, thì một đồng chí vừa về đã túm lấy tôi, thì thảo việc lạ. Thì ra, để rút ngắn đường, đồng chí này đi tắt sau nhà ông Tiến Sự; thấy ông Ké mà tôi tuyên truyền hôm mới đến Tân Trào, đang nói chuyện với anh Văn, thoáng nghe thấy ông Ké nói: “Các chú làm như thế là đốt lăm”. Lúc đó chúng tôi đều coi anh Văn là cán bộ cao nhất của Khu Giải phóng. Nên thật lạ lùng.

Cũng xin kể rằng, trong gia đình tôi, có nhiều người đã hoạt động cách mạng từ lâu; hai chú và anh tôi đều đang ngồi tù. Nên tôi cũng loáng thoáng nghe tên ông Nguyễn Ái Quốc; cả chuyện đã bị chết vì bệnh lao.

Đến khi nghe kể lại chuyện nghe thấy ở nhà ông Tiến Sự, tôi bèn trao đổi với anh An; và khẳng

định chỉ có người như ông Nguyễn Ái Quốc mới dám nói như thế với anh Văn. Chúng tôi bàn nhau, sẽ có cách để biết phán đoán của chúng tôi đúng hay không. Nhân buổi làm việc thường lệ với anh Văn, trước khi ra về, chúng tôi nói với anh Văn có một việc bí mật cần báo cáo. Anh Văn cho phép. Tôi bèn nói: “Ông Ké ấy mà”. Vừa nghe đến đó, anh Văn giơ tay lên miệng, ra hiệu thôi nói. Rồi không trả lời, anh Văn dặn hai chúng tôi: “Chỉ hai cậu biết thôi nhé, không được nói rộng ra nữa”.

Không khẳng định, nhưng cũng như anh Văn đã trả lời.

Lòng tôi rộn rã.

Đêm đó, nằm thao thức, nước mắt giàn giụa. Tôi nhớ đến chú và anh còn đang ở tù.

Thăm nghĩ có cụ Nguyễn Ái Quốc đã về nước, cách mạng chắc chắn thắng lợi; ngày gặp lại người thân không còn xa.

Sau này, những lần nhớ lại chuyện cũ đó, tôi hiểu là Bác thâm nhập quần chúng, để hiểu tình hình thực tế; và đánh giá nhận thức của quần chúng.

Nhưng tôi cũng tự bảo mình: Nếu hôm ở gốc đa, biết đó là lãnh tụ đã sáng lập Đảng, là người thầy của cách mạng Việt Nam, thì đâu tôi có dám “bạo phổi” mà tuyên truyền những điều mà tôi còn “chưa sạch hơi sữa” đối với Người.

Tháng 12/1994

Làm báo ở chiến khu

Kết thúc khóa I của Trường Quân Chính kháng Nhật⁽¹⁾, vì anh Lê Hiến Mai có nhiệm vụ đưa một đội quân về Sơn Tây, nên tôi được anh Văn (bí danh của anh Võ Nguyên Giáp) phân công về nhà in của Khu Giải phóng thay anh Lê Hiến Mai. Lúc đó tờ báo *Nước Nam Mới* của Khu Giải phóng mới xuất bản được mấy số.

Theo anh Văn, nhà in là nơi bí mật; đã nhận công tác ở đó thì không được đi nơi khác. Quả thật, nhà in đặt trong rừng sâu; ở Tân Trào chỉ có một người biết chỗ, đưa tôi đến rồi về.

Anh Hiến Mai giới thiệu tôi với ba anh em đã ở đó trước; và nói công việc của báo, với việc in ấn.

Làm gì có máy in như tôi tưởng; chỉ có hai miếng đá trắng, gọi là li-tô. Báo in bằng giấy màu xanh, khuôn khổ to bằng một phần tư trang báo hàng ngày bây giờ; gồm bốn trang. Miếng đá to đủ in một lần hai trang báo, còn miếng nhỏ chỉ đủ in một lần một trang báo. Cho nên, phải viết đề in trang 1 trước; trong lúc đó viết trang 2 và 3; đồng thời phải mài nhẵn trang 1 để viết rồi in tiếp trang 4. Ai đã làm li-tô thì biết rằng, đá mài nhẵn, không được lồi lõm, chữ phải viết ngược bằng mực đen trên đá; rồi xát chanh cho nổi chữ, lăn mực bám đều; sau cùng dùng ru-lô đánh trên giấy đặt trên mặt đá, cho mực in bám vào giấy; ru-lô lăn không đều là bị mờ hoặc mất chữ. Ở nhà in báo *Nước Nam Mới*, ru-lô chỉ là một ống

tre ngắn bằng nửa bề ngang trang báo, bọc bằng một đoạn sấm xe đạp, lõi là một chiếc đĩa để hai tay cầm hai đầu lẫn. Tôi đã đếm, phải lẫn khoảng một trăm lần ru-lô thì mới in xong được một trang báo. Như vậy, đủ hiểu, in đủ bốn trang báo thì phải lẫn bao nhiêu lần cái ru-lô. Và mỗi lần xuất bản, số tờ báo càng nhiều thì công lẫn ru-lô phải ra sao.

Anh Văn bảo tôi, phong trào lên nhanh, nên báo trước đây lâu lâu mới ra một số, chỉ có vài chục bản; nay phải cố gắng rút ngắn khoảng cách giữa hai số báo, và mỗi lần in phải đưa lên vài trăm bản.

Chỉ nhớ rằng, chúng tôi bốn người, đã trừ một người chuyên viết chữ ngược; còn lại ba người làm việc mài đá, và in. Chúng tôi cùng nhau làm việc suốt ngày đêm. Khổ nhất là in đêm. Làm gì có đèn dầu. Thắp sáng bằng cuộn lá chuối tẩm nhựa trám. Loại “nén” này hay bị nổ. Bắn vào tay chân là bỏng rát. Nhưng chưa nguy bằng nó bắn vào đá. Nếu vào chỗ không có chữ còn đỡ; chỉ cạo nhẹ là in tiếp được ngay. Vô phúc nó bắn vào hàng chữ, bị vài chỗ, là có khi phải mài nhẵn cả miếng đá để viết lại.

In báo thời đó, đâu có như in bây giờ.

Hôm họp mặt bạn chiến đấu Giải phóng quân cũ ở Thái Nguyên năm 1992, ôn chuyện cũ, anh Văn có nhắc đến báo *Nước Nam Mới*. Theo anh Văn, lúc đó Anh là Chủ nhiệm; còn tôi là biên tập và in báo. Thời đó, tôi làm gì nghĩ rằng mình làm biên tập của báo *Nước Nam Mới*.

Tuy nhiên, với trách nhiệm biên tập của báo *Nước Nam Mới*, tôi cũng có vài mẩu chuyện nhớ đời.

Một lần, in xong một số báo, tôi mang ra Tân Trào đưa cho anh Văn để phân phối đi các nơi. Anh Văn giao cho tôi một bản vẽ, nhưng lại mang tên báo *Việt Nam Độc Lập*, ghi rõ báo chiến khu Cao Bằng. Số này, chỉ là tranh vẽ, với nhan đề “Cứu phi công Mỹ”, có khoảng 8 hay 10 hình vẽ, mô tả một máy bay Mỹ bị Nhật bắn rơi; phi công nhảy dù, may sao rơi vào chiến khu của Việt Minh; được Việt Minh cứu, nuôi, rồi đưa ra khỏi biên giới để về với quân Đồng Minh. Tôi hỏi anh Văn, mình làm báo *Nước Nam Mới*, sao lại in báo *Việt Nam Độc Lập* của Cao Bằng.

Anh Văn chỉ trả lời là rất cần; chỉ cần in vài chục bản, xong là mang ra ngay.

Tôi về nơi in, bàn nhau in nhanh số báo này. Anh em chẳng ai biết vẽ. Tôi cũng chẳng có hoa tay. Nên đành dựa theo bản mẫu, vẽ và viết chữ ngược. Chỉ vài ngày là xong. Tôi mang ngay ra Tân Trào đưa cho anh Văn. Tôi được anh khen vì in kịp báo để gửi đi nước ngoài. Vì lúc đó ta đã làm một sân bay nhỏ; và dịp đó là máy bay của Đồng Minh xuống. Việc này có ý nghĩa cho thấy Việt Minh có chiến khu, có lực lượng mạnh, lại giúp đỡ Đồng Minh.

Chúng tôi rất phấn khởi về việc làm có kết quả.

Nhưng ít hôm sau, tôi nhận được mấy câu thơ; có câu khen, có câu châm biếm, đại ý: Chiến khu của Việt Minh gian khổ quá, nên phi công Mỹ lúc mới nhảy dù thì cao lớn; đến lúc ra biên giới thì lùn hẳn đi. Tôi lấy bản mẫu so với bản in, thì quả thật, do tôi không chú trọng lúc vẽ nên hình viên phi

công Mỹ, đoạn sau, lùn hơn người dẫn đường của Việt Minh.

Ở trên đã kể việc phải lần lượt in xong trang 1, rồi in một lần trang 2 và 3, cuối cùng là in trang 4. Do đó, có nhiều khó khăn trong việc bố cục và in các bài báo trên hai miếng đá to, nhỏ khác nhau. Khi có bài dài, in ở trang trước không đủ, mà phải đưa tiếp sang trang sau là cả một sự đau đầu cho tôi. Có lần, phần tiếp nối ở trang sau cũng không còn đủ chỗ (không phải như bây giờ, máy in có nhiều loại chữ to, nhỏ khác nhau), tôi đành tự ý cắt bớt vài câu cho đủ chỗ.

Không ngờ, một lần tôi nhận được một bài gửi đăng báo. Trong đó có đoạn kể chuyện một cán bộ tuyên truyền nói rất hùng hồn; mà sau có người hỏi lại dân thì người nghe trả lời, chẳng hiểu cán bộ nói chuyện gì cả. Rồi bài báo kết luận mấy câu, mà đến nay tôi còn nhớ: “Trăm lạy, nghìn lạy các đồng chí tuyên truyền, có nói thì nói cho dân dễ hiểu; còn các đồng chí làm báo, thì đừng có cắt đầu cắt đuôi các bài, làm cho người đọc chẳng hiểu hết ý tứ của bài báo”.

Lúc đó, thật tình tôi không vui đối với bài báo, nhưng anh Văn đã dặn phải in bài này, nên tôi đành in cho đầy đủ.

Hôm gặp anh Văn, tôi phàn nàn về chuyện trên. Anh Văn chỉ cười, bảo rằng, người ta nói đúng thì mình nhận và rút kinh nghiệm. Và anh cũng hé cho tôi biết, bản vẽ tờ “Cứu phi công Mỹ”, cũng như bài báo góp ý cho tuyên truyền và báo chí là của “ông Kế” (tức là Bác Hồ).

Tôi đã có lần kể về việc tôi đã ngầm được biết “ông Kế” là ai. Nên nghe đến đó, tuy âm ức nhưng tôi chẳng còn biết nói gì.

Ấu cũng là chuyện của tuổi 19.

Sau này, được đọc cuốn “Sửa đổi lề lối làm việc” của Bác, tôi mới thấm thía.

Một lần đến thăm Bảo tàng Cách mạng, thấy ở đó còn lưu một số báo *Nước Nam Mới*; tôi bỗng bồi hồi nhớ lại những lời góp ý của Bác gửi cho tôi, hồi tôi làm báo ở chiến khu Tân Trào.

Tháng 9/1994

(1) Trường Quân chính kháng Nhật làm lễ tốt nghiệp khóa học thứ nhất ngày 13/7/1945.

Cụ Minh Già

Cuối tháng 9/1945, khi tôi ở Tân Trào về Hà Nội cùng anh Lê Giản; rồi được phân công về Sở Liêm phóng Bắc Bộ; thì “cụ Minh Già” đã làm việc ở đây rồi. Sau Cách mạng tháng 8 thành công, thấy cụ Minh có nhiều kinh nghiệm bị mật thám Pháp bắt, và bị tù đầy, nên Đảng phân công Cụ làm công tác Công an. Cụ làm Chủ sự Phòng Chính trị (bây giờ là An ninh chính trị), lấy tên là Bùi Đức Minh.

Cụ ngang tuổi Cha tôi. Đã làm thầy giáo tiểu học, và quen với Cha tôi. Cụ tham gia Việt Nam Quốc dân đảng cùng thời Nguyễn Thái Học; và bỏ dạy học, thoát ly hoạt động cách mạng; bị mật thám Pháp bắt bỏ tù từ những năm 1930; trong tù được giác ngộ Cộng sản, nên Cụ bỏ Việt Nam Quốc dân đảng, và sang hàng ngũ Cộng sản từ sớm. Sau đó, nhiều lần bị địch bắt, tra tấn dã man, bỏ tù, nhưng Cụ vẫn kiên trì thoát ly gia đình để làm cách mạng cho đến thắng lợi.

Tuy Cụ Minh có tuổi tác và quá trình cách mạng như thế, nhưng hồi đó chúng tôi vẫn gọi Cụ bằng “Anh” (bây giờ thì ta gọi bằng “Bác” hay “Chú”). Cụ đối xử với bọn trẻ chúng tôi rất bình đẳng; không có chút gì “ra vẻ ta đây”, cả về tuổi, lẫn về quá trình hoạt động.

*

Một hôm vào cuối 1945, anh Hoàng Văn Hoan (quen tôi từ Tân Trào), đến Sở Liêm phóng

lúc đầu giờ sáng. Tìm anh Lê Giản không có nhà; nên anh gặp tôi. Vừa đi ở hành lang trên gác, anh Hoan vừa hỏi tôi cho anh ấy gặp anh Hách. Tôi ngạc nhiên, nói không có ai tên đó; anh Hoan bảo có đấy. Tôi bèn tìm anh Hoàng Mỹ để hỏi; thì anh Mỹ bảo: là “cụ Minh già” đấy chứ ai!

Sau cuộc anh Hoàng Văn Hoan gặp “cụ Minh già”, thì “Việt Nam Quốc dân đảng cải tổ” ra đời (để chọi lại với đám Vũ Hồng Khanh). Trong danh sách nhóm sáng lập có tên “cụ Minh già”. Do đó bọn Quốc dân đảng - đặc biệt là Vũ Hồng Khanh (mà Cụ thường gọi tên là giáo Giản) - càng coi Cụ như kẻ thù không đội trời chung. Chúng lệnh cho bọn tay sai tìm mọi cách ám sát “cụ Minh già”.

Thế nhưng, hàng ngày, “cụ Minh già” vẫn đàng hoàng đến Sở Liêm phóng làm việc.

Tính Cụ còn thích xem tuồng; nên bất chấp sự hăm dọa của bọn Quốc dân đảng, thỉnh thoảng Cụ vẫn lên Hàng Bạc xem ở rạp Quảng Lạc. Mỗi lần đi xem tuồng, Cụ thường đi bộ một mình; mặc một cái áo the thâm, đầu đội khăn xếp, chân đi dép da (có mũi tròn như của giày tây, nhưng không bít đàng sau gót). Và đi tay không, chẳng súng ống gì; vì Cụ giải thích cho tôi rằng mang súng mà gặp bọn Tàu Tưởng càng dễ rắc rối. Một lần Cụ rủ tôi cùng đi; thì tôi mới biết thêm tài hóa trang của Cụ. Là người hàng ngày tiếp xúc với Cụ, mà hôm đó tôi phải ngạc nhiên; vì chỉ với một miếng sáp ong bằng ngón tay, độn vào trong miệng, “cụ Minh già” đã làm cho mặt mình khác hẳn. Đến nỗi nếu không nhìn thấy Cụ tự hóa trang, thì có lẽ gặp ngoài đường, tôi cũng đã không nhận ra.

*

Sau này, có lần anh Trần Quốc Hoàn kể cho tôi nghe: Hồi bí mật, một lần “cụ Minh già” đưa anh Hoàng Văn Thụ sang Vân Nam, bằng cách đi xe lửa lên Lào Kay. Đề phòng ở ga chính hay bị xét giấy, nên khi xe lửa chạy chậm để qua một cái cầu, hai người lần lượt nhảy xuống.

Không ngờ có thằng lính đi tuần đường sắt bắt gặp đúng lúc anh Thụ vừa đặt chân xuống đất. Nó giữ anh Thụ lại. Cụ Minh thấy thế lo quá, vội trở lui về Hà Nội, báo cáo cho Trung ương biết. May làm sao, sau đó anh Thụ lại cũng trở về đến Hà Nội. Anh Thụ kể lại việc đối đáp với tên lính. Rằng đi lên Lào Kay làm ăn. Thấy “thằng kia” xuống tàu, tưởng đã đến ga, nên xuống theo; rồi có mấy đồng bạc giắt lưng phải rút cho thằng lính, nó mới tha cho đi. Chuyên đi Vân Nam đó đành phải hủy. Riêng “cụ Minh già” thì gặp bữa hú vía; vì nếu dẫn đường cho anh Thụ đi mà để anh Thụ bị bắt, thì không biết ăn nói với Trung ương ra sao?

*

Đến năm 1951, trong ngành Công an mới có quy định không được dùng nhục hình để lấy cung. Chữ hồi mới sau Cách mạng tháng 8/1945, việc tra tấn là bình thường. Nhưng cụ Minh nói với anh em hỏi cung rằng: Các cậu đánh bằng dùi cui, hay quay điện, gây thương tích; mà mang tiếng; không “hay” bằng kiểu đánh của thằng Lutz đã đánh tôi. Lutz là thằng mật thám Tây, khét tiếng đối với cán bộ cách mạng hoạt động bí mật bị địch bắt. Theo Cụ, nó đánh chẳng có thương tích gì; mà chịu khó nổi! Cánh trẻ chúng tôi có anh “xung phong” được Cụ

thử vào anh ta; xem kiểu đánh của thằng Lutz ra sao? Cự Minh bèn lấy một sợi dây, cột khuỷu tay anh ta; xong lấy một sợi dây khác, buộc khuỷu tay anh ta lên cái tay nắm “cơ-rê-môn” cửa kính trong phòng làm việc (để vặn, mở và đóng cánh cửa). Treo kiểu ấy, đầu ngón chân chỉ hơi chạm mặt đất; chứ mình không đứng được bằng cả bàn chân. Xong, cụ Minh dùng hai ngón tay, cù vào bụng anh ta. Chỉ thấy anh ta buồn, cười sằng sặc, đến chảy cả nước mắt; cười lẫn lộn, người co quắp vì buồn cười. Và chỉ một lát ngẩn ngui; anh ấy bảo hạ xuống. Và nói, quả thật là không chịu nổi; vừa buồn cười, vừa đau bụng, đau vai. Mà chẳng chảy máu, chẳng có vết thâm tím trên người.

Một lần Trinh sát ta bắt được một tên trùm Quốc dân đảng. Y cũng tên là Minh. Anh em hỏi cung báo cáo rằng: Quay điện nó không chịu được, la hét rồi ngất. Cụ Minh bảo: “Tôi biết nó từ lâu. Thằng này loại già dặn đây. Để tôi bắt nó phải lộ tẩy cho mà xem”. Thế là cụ Minh bảo dẫn tên Minh đến phòng làm việc của Cụ. Chúng tôi ngồi xem. Cụ Minh lắp một cái “ma-nê-tô” (máy quay điện để tra tấn người, của mật thám Pháp để lại) vào mép bàn. Xong lấy mấy sợi dây điện buộc vào tai, tay, chân tên Minh. Cụ bắt đầu quay cái cần. Ban đầu nhẹ nhàng; tên Minh rên nhẹ liên tục. Thành linh Cụ nhấn tay, quay thật mạnh cái cần; thì tên Minh rú lên, và ngã lăn quay ra đất. Chúng tôi đang định đỡ y ngồi lại vào ghế. Thì cụ Minh đã bỏ máy quay điện, vừa đi vừa nhảy lò cò xung quanh cái bàn làm việc của Cụ; hai tay vỗ vào nhau; miệng cười khoái trá, và nói: “A! Anh xỏ con nhé! Anh xỏ con nhé!”.

Rồi Cự bảo đưa tên Minh về trại giam. Chúng tôi hỏi vì sao. Cự vừa cười, vừa giảng cho chúng tôi: “Tôi lừa, làm cho nó phải lộ tẩy; chứ làm gì có điện vào người nó lúc quay mạnh tay đâu”. Ban đầu lúc quay nhẹ tay, thì đúng là dây điện vẫn nối với người tên Minh. Nhưng khi sắp quay mạnh tay, thì Cự đã dứt dây điện nối với máy quay. Nó là thằng có thủ đoạn; nên khi thấy cụ Minh làm động tác quay mạnh tay, là nó giả vờ bị điện giật mạnh. Rú lên và ngã lăn ra. Không ngờ là không có điện. Hồi đó, chúng tôi đều phục trí tuệ của “cụ Minh già” quả là cao cường.

*

Đến toàn quốc Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, “cụ Minh già” được phân công làm Giám đốc Công an khu X. Hàng năm, Nha Công an tổ chức Hội nghị toàn quốc, thường giao cho cụ Minh đăng cai địa điểm; khi thì họp ở đất Tuyên Quang, khi thì họp ở đất Phú Thọ. Về dự Hội nghị, anh em kể cho tôi nghe nhiều chuyện hay về tác phong của Cự.

Hồi đó địch chưa chiếm đóng Việt Trì. Vĩnh Yên, Phúc Yên còn là vùng tự do. Đò dọc từ Tuyên Quang xuôi về Việt Trì hay đi ban đêm để tránh máy bay địch. Có nhiều dư luận không hay về Trạm kiểm soát của Công an ở bến Việt Trì.

Một đêm mưa, thuyền xuôi về Việt Trì, đến Trạm kiểm soát. Một chú Công an đứng trong Trạm trên bờ sông, gọi xuống thuyền, bảo hành khách lên Trạm trình giấy thông hành. Bà con trong thuyền xì xầm bàn tán: đang mưa, giá mà anh Công an xuống thuyền xem giấy, thì đỡ khổ cho bà con.

Rồi có tiếng đàn ông nói vọng lên bờ:

“Anh Công an ơi! Chịu khó xuống thuyền xem giấy cho chúng tôi. Đang mưa, kéo nhau lên, thì ướt hết cả”.

Chú Công an đứng trong Trạm, nghe rõ; chẳng những không đồng ý, mà còn hét: “Thằng nào nói đấy? Lên đây!”.

Vừa nghe xong, người đàn ông vừa nói nguyên vọng của bà con, bỗng vùng dậy. Người ta chỉ kịp nhận ra là một người đàn ông đã đứng tuổi, thấp và đậm người, quần áo nâu, mang nón lá.

Ông ấy vừa bước ra mũi thuyền, vừa nói: “Thằng nào à? Giám đốc nhà anh đây! Giám đốc nhà anh đây!”.

Mọi người trong thuyền bấy giờ ngơ ngác nhìn nhau.

Cái nhà ông hiền lành, trò chuyện vui vẻ với người xung quanh suốt chuyến đi, té ra lại là ông Giám đốc Công an!

Sau đó, đương nhiên chú Công an bị “xất xà phòng” đủ độ; và Trạm kiểm soát ở bến Việt Trì sau đó cũng thay đổi phong cách làm việc.

Sau chiến dịch Biên Giới thắng lợi, “cụ Minh già” được Đảng và Nhà nước giao làm Lãnh sự Việt Nam ở Côn Minh; vì ở đây có nhiều Việt Kiều; và hồi còn hoạt động bí mật, cụ Minh đã có thời gian ở đây.

Đến sau tiếp quản Thủ đô, Cụ về nước, lại về Bộ Công an. Cụ làm Giám đốc Vụ Lao Cải (phụ trách các trại tù). Cho đến khi bị bệnh phải nghỉ vào năm 1960; và đã qua đời sau đó mấy năm.

*

Những ai đã sống và làm việc với “cụ Minh già”, đều rất kính trọng và yêu mến Cụ.

Hà nội, 20/9/1996

Báo “Công an mới” ra đời như thế nào?

Trước Cách mạng Tháng 8/1945, Đảng đã lập Đoàn Cảnh sát cứu quốc; có các anh Nguyễn Ngô Học, Thịnh, Ấp... trong Ban Chấp hành.

Năm 1946, với Sắc lệnh sáp nhập Liêm phóng và Cảnh sát thành Việt Nam Công an Vụ, và lập Nha Công an Trung ương, thì Đoàn Cảnh sát cứu quốc được mở rộng thành Đoàn Công an cứu quốc. Lúc đó, tôi là Bí thư chi bộ Đảng, nên tại Đại hội của Đoàn Công an cứu quốc, anh em bầu tôi làm Bí thư Đoàn.

Sau Cách mạng Tháng 8/1945, với Sắc lệnh về Báo chí, việc xin ra báo rất dễ. Trong Ban chấp hành Đoàn Công an cứu quốc, chúng tôi bàn nhau phải ra một tờ báo của Đoàn, định lấy tên là “*Công an mới*”. Và coi như việc của Đoàn, chứ không phải của Ngành.

Hồi đó, vì Đảng rút vào bí mật, nên Trung ương chỉ thị các đồng chí Lãnh đạo cơ quan, tuy là đảng viên, nhưng không sinh hoạt chi bộ, mà sinh hoạt Đảng đoàn; và Bí thư chi bộ Đảng được tham gia sinh hoạt Đảng đoàn.

Một lần họp Đảng đoàn, tôi báo cáo việc ra báo của Đoàn Công an cứu quốc. Giấy phép cho ra báo “*Công an mới*” đã được Sở Kiểm duyệt Bắc Bộ

cấp, do tôi đứng tên với danh nghĩa Bí thư Đoàn Công an cứu quốc. Nghe tôi nói như vậy, anh Lê Giản hỏi tôi về nội dung, về người viết, việc quản lý, v.v... định ra sao? Thú thật, tôi chưa có kinh nghiệm, ngoài việc có tham gia làm báo “*Nước Nam Mới*” ở chiến khu Tân Trào (dưới sự chỉ đạo của anh Văn).

Cuối cùng anh Lê Giản kết luận rằng với giấy phép đã được cấp, vì Đoàn không đủ sức làm, vậy nên để Nha Công an lo việc này. Do đó báo “*Công an mới*” vẫn ra đời, nhưng do Nha Công an phụ trách, và chính thức là tờ báo của Ngành, bán rộng rãi. Xuất bản được mấy số trong năm 1946, thì nổ ra Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, báo “*Công an mới*” cũng nghỉ luôn. Trong Kháng chiến, Nha Công an xuất bản tờ Rèn Luyện, chỉ là nội san.

Vậy có thể nói rằng báo “*Công an mới*” là tiền thân của báo *Công an nhân dân* ngày nay (chứ không phải nội san Rèn Luyện).

Vì thế đến nay, báo *Công an nhân dân* mới có 50 tuổi đời.

Hà Nội, 11/1996

Đòn quyết định: Khám phá vụ Ôn Như Hầu

Trải qua 50 năm chiến đấu và trưởng thành, lực lượng Công an nhân dân Việt Nam đã làm đúng chức trách của mình.

Hoạt động trên nhiều lĩnh vực, trong nước cũng như ngoài nước, những thành tích và chiến công của toàn lực lượng Công an ta trên mọi miền của Tổ quốc gom lại, đã chứng minh Công an nhân dân Việt Nam xứng đáng là *“thanh bảo kiếm bảo vệ mình, tiêu diệt địch”*.

Tuy nhiên, trong quãng đời 50 năm của Công an nhân dân Việt Nam, hiếm có trường hợp chỉ bằng một vụ phá án - chỉ một vụ mà thôi - Công an nhân dân Việt Nam đã có thể đóng góp trực tiếp và đặc lực vào việc bảo vệ an toàn chế độ nhà nước cách mạng, bảo vệ Chính quyền, bảo vệ Đảng, bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia; và làm sụp đổ uy tín của một chính đảng đã có bề dày lịch sử, nhưng đã để bọn lưu manh chính trị thao túng; như vụ phá án 132 Duvigneau⁽¹⁾ và 7 Ôn Như Hầu⁽²⁾; mà mở đầu cuộc phá án là ở 132 Duvigneau, Hà Nội, ngày 12/7/1946.

Thời kỳ đó, tôi mới chỉ phụ trách một số công việc nhỏ trong Sở Công an Bắc bộ. Nhưng do hoàn cảnh đặc biệt, nên tôi đã được chứng kiến một số chi tiết quan trọng, trong rất nhiều sự kiện dồn dập ủa

đến. Kể lại những chi tiết ấy, tôi hy vọng có thể đóng góp chút ít vào việc dựng lại một cách chính xác sự kiện lịch sử này của ngành Công an.

*

Tháng 9/1945, ở chiến khu Tân Trào về Hà Nội cùng anh Lê Giản, tôi cũng được phân về công tác ở Sở Liêm phóng Bắc Bộ. Ban đầu theo dõi những công việc “mật” cho lãnh đạo. Đến khi có việc “trung lập hoá” Công an năm 1946, tôi về Phòng Chính trị (tức là An ninh bây giờ) làm công tác nghiên cứu; vẫn giữ một số công việc “mật”; đồng thời làm Bí thư chi bộ Đảng.

Thời đó, ai có gia đình thì ở tại nhà riêng; còn một số chúng tôi vẫn ở chung tại ngôi nhà, chèo góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng hiện nay. Cùng ở đó, ngoài anh Lê Giản (Tổng Giám đốc Nha Công an), anh Hoàng Mỹ (Phó Giám đốc Sở), còn có anh Bùi Đức Minh (Trưởng phòng Chính trị), anh Phạm Gia Nội, Bùi Văn Thái (Phòng Quản trị) và tôi. Tại căn phòng lớn trên gác hai, có một giường to, một bàn dài để họp; sàn gỗ, nên nếu thiếu chỗ thì trải chiếu nằm ở sàn.

Như ta đã biết, khi quân Tàu Tưởng rút khỏi miền Bắc Việt Nam sau 6/3/1946, phía Pháp được đưa một lực lượng quân đội của họ đóng ở Hà Nội và một số nơi ở miền Bắc (trong lúc thực dân Pháp đã tiến hành chiến tranh xâm lược ở phía Nam).

Bọn Quốc dân đảng, trước đây dựa thế lực Tàu Tưởng, đã thiết lập ở Hà Nội các trụ sở công khai, ra báo công khai chống đối chính quyền cách mạng; thậm chí chúng còn chiếm hẳn khu Ngũ Xã, biến thành một căn cứ phản cách mạng ngay ở Thủ

đô. Dựa vào chính sách thành lập Chính phủ Liên hiệp, lại có 70 đại biểu Quốc hội là người của chúng, sau khi quân Tưởng đã rút, bọn Quốc dân đảng vẫn duy trì tất cả các trụ sở và hoạt động chống đối như cũ.

Công an ta vẫn coi bọn phản động Quốc dân đảng là một đối tượng đấu tranh nguy hiểm. Nên, ngoài việc phải đối phó với Pháp, vẫn thường xuyên trình sát, nắm tình hình bọn Quốc dân đảng là việc dễ hiểu.

Như đã trình bày đoạn trên, tuy tôi không làm công tác trình sát; nhưng cùng một số đồng chí ở bộ phận nghiên cứu, nên các báo cáo tình hình địch đều được biết.

Hồi đó, cũng có một chủ trương đặc biệt của Đảng là: Để đảm bảo bí mật, các đồng chí Lãnh đạo của cơ quan không tham gia sinh hoạt chi bộ, mà sinh hoạt Đảng đoàn; nhưng Bí thư chi bộ thì ngoài việc sinh hoạt chi bộ, được dự họp Đảng đoàn. Ban đầu, anh Hoàng Mỹ là Bí thư chi bộ; với chủ trương trên, tôi làm Bí thư chi bộ, và được bầu làm Bí thư Đoàn Công an cứu quốc. Do đó, ngoài việc ở cùng nhà, với chức trách Bí thư chi bộ, tôi cũng được biết nhiều nội dung quan trọng trong Ngành.

Tôi không đi sâu vào những chủ trương và hoạt động của các lực lượng trình sát của Nha Công an và của Công an Bắc Bộ hồi ấy.

Tôi chỉ nhớ rằng khi đó ngoài lực lượng Trình sát chính trị do anh Lê Hữu Qua phụ trách; đã có thêm anh Nguyễn Tạo ở Nha Công an cũng có lực

lượng Trinh sát riêng; đồng thời anh Lê Giản cũng có riêng một đội do anh Mạnh làm đội trưởng (anh Mạnh là đảng viên sinh hoạt trong chi bộ do tôi làm Bí thư - anh Mạnh đã hy sinh ngay trong đêm 19/12/1946).

Hồi đó, tuy lập Nha Công an, nhưng Nha cũng chỉ dùng có một căn nhà quay ra đường Trần Bình Trọng hiện nay. Còn lại các nhà khác dọc đường Trần Bình Trọng thì các anh Phan Mạnh Hân, Vũ Đình Khoa ở; sau anh Nguyễn Tạo cũng ở một nhà. Việc gặp nhau rất dễ dàng.

Ngày 12/7/1946, mới tờ mờ sáng, anh Nguyễn Tạo đến ngôi nhà chèo góc đường, đã kể đoạn trên. Anh Tạo gọi chúng tôi dậy; và cho xem một tờ truyền đơn còn ướt mực. Đó là của bọn Quốc dân đảng, kêu gọi lật đổ chính quyền cách mạng.

Anh Lê Hữu Qua hồi đó ở tại gia đình ở phố Lò Đúc, nên không có mặt buổi sáng sớm ấy. Chỉ có anh Lê Giản, anh Hoàng Mỹ, anh Bùi Đức Minh, anh Phạm Gia Nội và tôi. Hồi đó anh Hoàng Hữu Nam là Thứ trưởng Bộ Nội vụ; thường hay đến gặp các anh Lãnh đạo Công an tại ngôi nhà chúng tôi đang ở.

Nếu tôi nhớ không nhầm, thì sau khi có bằng chứng nói trên, hình như anh Lê Giản có liên lạc với anh Hoàng Hữu Nam. Nên một lát sau, anh Hoàng Hữu Nam đến. Xem tài liệu, rồi cùng anh Lê Giản đi đâu đó.

Sau tôi được nghe kể lại, là cụ Huỳnh Thúc Kháng thấy tận mắt bằng chứng nói trên, đã phải thốt ra: “Bọn này đều!”. Và với cương vị Quyền

Chủ tịch Nước (thay Bác Hồ đang đi Pháp), và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ Huỳnh đã đồng ý cho trấn áp.

Những diễn biến sau đó như thế nào, mọi người đều đã biết, vì vụ án này đã được xử công khai.

Tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điều: Nếu không có được bằng chứng cụ thể như trên, chắc chắn không thể thuyết phục được cụ Huỳnh có quyết định một cách nhanh chóng như thế.

*

Mở đầu cuộc trấn áp lớn đó là khám bắt đối với nhà số 132 Duvigneau, là nơi đang in truyền đơn. Liên tục trong ngày là khám bắt đối với các trụ sở khác ở Hà Nội. Trong số đó, trọng điểm là nhà số 80 Quán Thánh. Nhà số 7 Ôn Như Hầu, tuy cũng là một nơi khám bắt; nhưng ngay từ đầu, không phải do ta đã biết rõ những tội ác đáng ghê tởm của bọn phản động ở đây đâu.

Có mấy chi tiết mà tôi nhớ:

- Việc bắt Phan Kích Nam ở trụ sở 7 Ôn Như Hầu. Ban đầu y dựa thế là Đại biểu Quốc hội, rút kiếm ra dọa. Công an ta tuy chưa biết rõ y, vẫn cứ bắt. Suốt ngày, phải đối xử tử tế. Cho đến chiều, mới xin được văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Khi đọc cho nghe, Phan Kích Nam sụt hắt, tái mặt, và cúi đầu. Sầm tổi, dẫn y xuống trại giam ngay trong vòng rào của Sở Công an.

- Các tài liệu thu được tại trụ sở 80 Quán Thánh là nhiều nhất. Tôi đã lựa, xem ngay. Đã tìm được một tờ Biên bản làm việc giữa Việt Nam Quốc

dân đảng và Đại Việt Quốc dân đảng. Nội dung đại ý: Gác lại những bất đồng giữa hai Đảng; rút bớt những chữ “Việt Nam” và chữ “Đại Việt”, chỉ còn dùng chữ “Quốc dân đảng” khi xưng danh, vừa để bí mật với Việt Minh, vừa để hư trương thanh thế trong dân; sự phân biệt về mặt tổ chức là việc nội bộ của hai Đảng.

- Việc phát hiện các vụ giết người ở nhà 7 Ôn Như Hầu; trước tiên do nhà này thông liên với nhà ở phố Ha-Le⁽³⁾ mà ta có nhiều tin tức và đã chú ý hơn. Có một người bị chúng bắt để tổng tiền, còn bị giam ở đây. Từ đó ta biết bọn phản động khi giết người đã vút xuống hồ Ha-Le (Thiền Quang bây giờ); và ta tiếp tục phát hiện có người bị chôn ngay ở góc chuôi nhà 7 Ôn Như Hầu. Chính sự phát hiện này, khi được công bố, đã làm cho nhân dân kinh tởm bọn Quốc dân đảng. Và với vụ án xử công khai, bọn phản động Quốc dân đảng đã bị lột mặt nạ hoàn toàn. Sau đó có chủ trương phá toàn bộ tổ chức của bọn Việt Nam Quốc dân đảng, và mọi bọn Quốc dân đảng trong cả nước.

- Âm mưu đồng lõa với giặc Pháp để lật đổ Chính quyền cách mạng, cộng với hành động cướp của giết người ghê tởm như trên, là cơ sở để Nhà nước cách mạng Việt Nam đặt bọn Quốc dân đảng ngoài vòng pháp luật. Đây là đòn quyết định hết sức quan trọng về chính trị đối với chúng.

*

Có ý kiến nói rằng ta đã bắt Nguyễn Tường Tam, Đỗ Đình Đạo, ... vào dịp này. Tôi nhớ là không phải như vậy.

Nếu có như thế, thì làm sao có các sự kiện sau?:

1- Việc Nguyễn Tường Tam, lúc đó là Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao, cuồn một số tiền lớn của công quỹ và bỏ trốn.

Sau này, khi tôi hoạt động ở miền Nam lúc chống Mỹ, thì Nguyễn Tường Tam có lúc trở về Sài Gòn. Báo chí Sài Gòn làm rùm beng ca ngợi. Nhưng sau, vì lý do gì đó, y tự sát; báo chí lại một dịp đưa tin âm ỉ.

2- Vũ Hồng Khanh cũng sống ở Sài Gòn, muốn khôi phục hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng, nhưng không đạt như ý.

Sau 30/4/1975, y ra trình diện, học tập cải tạo; và có viết nhiều lời khai.

3- Trong kháng chiến chống Pháp, Đỗ Đình Đạo ở nội thành Hà Nội.

4- Nghiêm Kế Tổ, hồi đó là Bộ trưởng Kinh tế trong Chính phủ Liên hiệp. Đi Pháp cùng phái đoàn đàm phán, nhưng buôn bán, bị vạch mặt. Hôm y về đến ga Hà Nội, là sau ngày 12/7/1946, tôi còn nhờ anh Trần Kim Xuyên (bên Bộ Thông tin - đã hy sinh) bảo y đứng trên toa xe lửa chụp ảnh kỷ niệm; nhưng chính là để cho Công an ảnh của y.

*

Vụ phá án ở nhà 132 DuVigneau, mở đầu cho việc triệt hạ toàn bộ bọn phản động Quốc dân đảng, từ thực lực đến ảnh hưởng chính trị, đã đi vào lịch sử; như một chiến công hết sức lớn của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Tôi nghĩ rằng: Trong thời gian Công an Việt Nam mới ra đời được khoảng một năm; tự nghĩ ra cách làm, cách đánh (dựa vào dân; biết sử dụng người của địch để đánh lại địch); từ một vụ án cụ thể, khuếch trương kết quả, thành một đòn chính trị trí mạng đánh vào cả tổ chức phản động Quốc dân đảng; đồng thời phá tan một âm mưu đảo chính của thực dân Pháp ngay tại Thủ đô (trong khi chúng đã xâm lược ở miền Nam); là một chiến công rực rỡ, một đòn đánh được hai kẻ thù.

Đó là bài học của tinh thần cách mạng, tự lực, và sáng tạo.

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 1995

(1) Phố Duvigneau: nay là phố Bùi Thị Xuân

(2) Phố Ôn Như Hầu: nay là phố Nguyễn Gia Thiều

(3) Phố Ha-le: nay là phố Nguyễn Du

Một vài mẩu chuyện ở Hà Nội, những ngày đầu Kháng chiến toàn quốc

Để kỷ niệm 50 năm ngày Toàn quốc Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lại nước ta lần thứ 2; mà tiếng súng hiệu đã được nổ ra từ Thủ đô, cùng với Lời kêu gọi bất hủ của Hồ Chủ tịch, tôi nghĩ rằng, không cần nói gì về chính trị. Vì: Cho đến nay, chúng ta đã có đủ các văn kiện của Đảng và Nhà nước để tìm hiểu về cuộc kháng chiến vĩ đại, mà kết cục đã làm chấn động hoàn cầu này. Còn về mặt văn học, tuy vẫn chưa có một bộ tiểu thuyết nào xứng với tầm vóc của cuộc kháng chiến thần thánh đó; nhưng không ai dám tự cho mình có thể viết nên một pho sách như thế trong vòng mười lăm phút.

Nên tôi chỉ xin kể lại vài kỷ niệm nhỏ, của một người, thời đó mới ở tuổi đôi mươi, đã tham gia chuẩn bị và đã bước vào cuộc kháng chiến vĩ đại đó như thế nào.

*

Sau khi Nam Bộ đã kháng chiến từ 23/9/1945, mặc dù phía ta tỏ thiện chí như Bác Hồ đã viết: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!”.

Ở miền Bắc, chúng đã đánh chiếm thị xã Lạng Sơn.

Sau khi thực dân Pháp gây hấn ở Hải Phòng, thì không khí căng thẳng và chuẩn bị chiến tranh bao trùm Hà Nội.

Lúc đó, tôi công tác ở Sở Công an Bắc Bộ. Tôi cũng mới tập lái xe ô tô để tiện dùng, khi có công tác cần đến.

Giữa tháng 12/1946. Một hôm, quá nửa đêm, tôi đang ngủ, thành linh anh Hoàng Mỹ - là Phó Giám đốc Sở Công an, ở cùng nhà - lay tôi dậy. Bảo mặc quần áo, đi ngay có việc cần. Xuống sân; sang Sở. Hai xe ô tô du lịch đã có ở đó. Anh em đang chuyển hồ sơ vào xe. Đây là loại đang dùng để làm việc hàng ngày, phải đưa đến địa điểm dự bị.

Anh Hoàng Mỹ lái xe giỏi từ lâu. Anh ấy nói: “Tôi lái một xe, cậu lái một xe”. Tôi trả lời: “Mới tập, sợ chưa đi đêm nổi”. Anh Mỹ đáp: “Nơi dự bị là bí mật, nên không để ai khác lái. Và cậu cũng đến đó làm việc luôn”.

Thế là chúng tôi lên đường. Xe anh Hoàng Mỹ đi trước, xe tôi chạy sau. Đến Ngã Tư Sở, bỗng xe tôi bị chết máy.

Loay hoay xem mãi, anh Hoàng Mỹ kết luận, xe tôi hết điện ở ắc-quy. Còn phải đi tiếp, anh Hoàng Mỹ bày cách: “Cậu ngồi xe trước. Tôi lái xe sau. Xe sau đẩy xe trước. Xe cậu không có đèn. Nhưng cậu cứ theo ánh đèn xe sau nhìn đường mà lái, là được thôi”. Rồi chúng tôi tiếp tục chạy đường Láng. Nhà ở ngoại ô của người Pháp (chủ nhà máy giấy hồi đó - ở đoạn giữa đường Láng) là địa điểm dự bị của chúng tôi.

Đến nơi chưa được mười phút, thì anh Ngô Ngọc Du cũng đến đó. (Hồi ấy anh Du là Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, và Bí thư Ngoại thành; sau này là Thứ trưởng Bộ Công an).

Anh Du kể: “Tao nhanh mà nhảy xuống vệ đường. Không thì đã chết tươi vì bị một ô tô không đèn, chạy từ đằng sau vượt lên, đâm phải”.

Anh Hoàng Mỹ và tôi nhìn nhau. Rồi anh Hoàng Mỹ nói: “Xe bọn này đấy. Xe hồng từ Ngã Tư Sở, mà cũng phải cố chờ cho xong mấy thứ này đây”.

Thật là ông Du có phúc bảy mươi đời!

Còn tôi, gặp một phen hú vía!

Chúng tôi chỉ còn cách, cùng nhau cả cười.

*

Khi lính lê dương của thực dân Pháp tàn sát đồng bào ta ở phố Yên Ninh ngày 17/12/1946 ngay tại Thủ đô Hà Nội, thì không khí chiến tranh đã bao trùm Hà Nội.

Cuộc họp Chi bộ của chúng tôi lần cuối cùng ở nội thành là vào đêm 18/12/1946, tại trụ sở Công an quận Hàng Trống (nay là quận Hoàn Kiếm). Phân công mỗi người mỗi nhiệm vụ. Trong lúc họp, tiếng xe ô tô của lính Pháp chạy ngoài đường, càng làm cho không khí vừa căng thẳng vừa trang nghiêm.

Không ngờ đây là cuộc gặp mặt cuối cùng với đồng chí Mạnh, Đội trưởng trinh sát đặc biệt của Nha Công an (con người hiền hòa, nhưng mưu trí), đã có nhiều đóng góp cho công tác trinh sát những năm 1945 và 1946.

*

Sau đêm nổ súng 19/12/1946 chỉ được ít ngày, thì Liên khu phố I của ta đã nằm trong vòng vây của địch.

Tuy nguy hiểm, vẫn có thể ra vào Liên khu phố I. Đường liên lạc đi trên bãi cát, có đoạn phải chui qua gầm cầu Long Biên; mặc dù trên mặt cầu địch đã bố trí lính gác để bảo vệ cầu. Đôi lần, lính địch đã phát hiện, và bắn chết người của ta. Có người chết, xác bị lính địch chôn theo kiểu trồng cây chuối ngược ở đường mòn trên bãi cát.

Gần Tết, anh Trần Quốc Hoàn (lúc đó là phái viên của Trung ương, cạnh Khu ủy XI) cùng anh Lê Quang Đạo (lúc đó là Phó Bí thư Khu ủy XI) vào thăm Liên khu phố I.

Hôm ra về, anh em ở Liên khu phố I kỷ niệm cho anh Đạo một cái đồng hồ báo thức.

Lúc theo giao liên, chui qua gầm cầu Long Biên, mọi người phải bò.

Cái đồng hồ không thể để trong túi áo; phải cầm ở tay, rồi bò bằng khuỷu tay. Không hiểu vì sao, đúng lúc đó, cái đồng hồ của anh Đạo bỗng đổ chuông, và reo “reng, reng”.

Mọi người như bị đứng tim. Đồng thời cũng buồn cười, mà không dám.

May mà bọn lính địch gác trên cầu không nghe thấy.

Về đến căn cứ, anh Hoàn kể lại cho chúng tôi nghe. Và đó chúng tôi đoán được bộ mặt của anh Đạo, lúc đang là “đồng diễn viên” của tấn bi hài kịch.

*

Cảnh giác Việt gian, là tâm lý phổ biến ngay từ những ngày đầu kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

Lúc đó, ở xung quanh Hà Nội, không thiếu gì chuyện các chị em bị bắt vì tình nghi là Việt gian. Chỉ vì, sau khi có máy bay địch ném bom hay bắn phá, dân quân kiểm soát, khám thấy trong túi họ có cái gương nhỏ, và bị buộc là để chiếu lên trời báo hiệu cho máy bay; hoặc vì nẹp quần có vải màu “cờ tam tài”.

Mãi về sau, mới kết luận: Vì chị em ta ưa làm dáng, nên lúc nào trong túi cũng có một cái gương nhỏ, thỉnh thoảng đem soi. Hay vì nhà máy sản xuất vải đen may quần, từ nước ngoài, đã làm mép vải sẵn có màu như thế; khi may, thợ dùng nguyên mép vải, để khỏi phải vắt sổ.

*

Lại còn chuyện súng “tắc bọp”. Người này đồn người kia rằng thực dân Pháp cho bọn Việt gian, trà trộn trong dân, bắn súng “tắc bọp” để báo hiệu cho máy bay của chúng.

Mà nào, đã có ai bắt được một khẩu súng “tắc bọp” để xem mặt mũi nó ra sao đâu!

Lúc đó, chúng tôi ở cạnh pháo đài Láng. Tại đây, đêm 19/12/1946, một đơn vị pháo binh ta, mở đầu kháng chiến toàn quốc, đã nhả đạn vào trong “Xi-ta-đen” (chữ Pháp, tên gọi Thành cũ của ta - là nơi trú đóng của quân đội Pháp, theo Hiệp định 6/3/1946).

Cũng đêm 19/12/1946, một đội cảm tử của ta được giao nhiệm vụ đột nhập sân bay Gia Lâm, để phá hủy máy bay địch. Chuyện thật xảy ra là: Người

có nhiệm vụ mang pháo hiệu sang Gia Lâm, vì mãi việc gì đó, không đi sớm; đến khi nổ súng, thì cầu bị giới nghiêm, không qua được nữa. Đội cảm tử bên Gia Lâm, thấy súng đã nổ thì cứ đột nhập sân bay. Trận đánh đã không thành công như mong muốn. Nhưng đội cảm tử thì lại không có pháo hiệu để bắn lên trời, báo kết quả cho Bộ chỉ huy. Thế mà, báo Thủ Đô, thì cứ y theo kế hoạch tác chiến đã được biết, đưa tin là ta đã phá hủy bao nhiêu máy bay địch ở sân bay Gia Lâm. Làm cho ai cũng vui mừng; vì chắc hẳn là địch không thể nhanh chóng điều máy bay từ Sài Gòn ra, để đi bắn phá, ném bom ngoài Bắc.

Bỗng, xế trưa ngày 20/12/1946, có tiếng máy bay. Rồi thấy mấy chiếc máy bay địch đến tấn công pháo đài Láng. Làm cho mọi người đều bị bất ngờ. Bỏ bom xong, chúng còn xối xả bắn súng liên thanh xuống. Có nhiều tiếng “tắc bọp”. Chắc chắn phải có Việt gian quanh đây! Một số chiến sĩ pháo đài Láng, theo hướng có tiếng “tắc bọp”, tìm bắt cho được Việt gian. Họ lao ngay đến chỗ. Thì thấy, trong một cái “tăng xê”, chỉ có một mình ông cán bộ chỉ huy của pháo đài đang ngồi tránh máy bay địch. Thật chẳng biết ra sao nữa!

Mãi về sau, mới có kiến thức, là địch dùng loại đạn “đum-đum”. Ban đầu, ta không biết, cứ tưởng là do súng ở dưới đất bắn làm hiệu, mới gọi là Việt gian bắn súng “tắc bọp”.

Nếu hôm đó không phải ông cán bộ chỉ huy pháo đài, mà là dân thường, thì chắc hẳn khó gỡ nổi tội là Việt gian bắn súng “tắc bọp” báo hiệu cho Tây.

*

Súng đã nổ rồi. Khắp nơi, Dân quân, Tự vệ (Pháp gọi là Việt Minh carré; vì mũ ca-lô có “sao vuông”) cùng Vệ Quốc Đoàn triển khai các trạm canh gác và kiểm soát.

Chỉ ngại nhất là đi ban đêm; và gặp phải trạm có Vệ Quốc Đoàn. Mấy ông này hay đứng kín trong bóng tối; và nhìn thấy mình từ xa. Nhưng lại cứ để cho mình đi sát đến nơi, rồi mới lên cò súng đánh “rốp” một cái, và hét thật to: “Ai? Đứng lại. Giờ tay lên”. Làm giật cả mình. Lỡ súng bị cướp cò, thì khỏi nói.

Nhưng cũng có những trạm gác, do nữ dân quân đảm nhiệm. Có cô đã hô: “Ai? Đứng lại. Giờ tay lên. Quay đằng sau. Không, ... em ... bắn bây giờ!”. Do đó cánh nam giới đi qua các trạm có nữ dân quân, hay tìm cách trêu các cô.

Không biết ai bày cho các cô cách trả đũa. Mà một đêm mưa rét, có một anh chàng đi qua một trạm có nữ dân quân; bị các cô nhận diện là kẻ đã từng đùa dai. Bèn nghe rõ tiếng hô: “Ai? Đứng lại. Giờ tay lên. Quay đằng sau. Nằm xuống. Không, tôi bắn bây giờ!”. Chàng ta không có cách nào khác, là đành phải làm theo đúng.

Về đến cơ quan, rét thế mà vẫn tắm, làm lý do thay giặt áo quần ngay trong đêm; rồi tiếp tục nằm miệng đi ngủ.

Vô phúc, có người biết chuyện, kháo âm lên. Thế là, từ đó về sau, cánh nam trẻ bắt đầu “kiềm mặt” mấy “bà dân quân”.

*

Hồi đầu kháng chiến toàn quốc ở Hà Nội, Ủy ban Kháng chiến khu XI làm ra một “Thẻ bài Hòa

tốc” để phát cho những người có công tác cần. Đưa Thẻ bài này ra, thì các trạm gác đều cho đi qua ngay.

Anh Vương Thừa Vũ, lúc đó là Quân khu trưởng Khu XI.

Không rõ anh Vũ để quên đâu, hay bị rơi mất cái Thẻ bài Hỏa tốc của mình, có ghi tên và chức vụ rõ ràng. Sợ bị kẻ xấu lấy được, và lợi dụng; bèn ký thông tri rộng rãi, hề thấy ai mang Thẻ bài Hỏa tốc ghi tên Vương Thừa Vũ, thì phải giữ lại, và báo cáo ngay cấp trên. Coi làm vậy là đủ cảnh giác, để yên tâm.

Một hôm, đi công tác đêm về. Qua một làng ở ngoại thành. Giữ đúng kỷ cương, anh Vương Thừa Vũ cũng trình Thẻ bài Hỏa tốc. Thì thấy, sau khi rọi đèn bão xem xong giấy, người dân quân gọi to: “Anh em ơi, bắt được Vương Thừa Vũ đây rồi!”.

Anh Vũ nghĩ bụng: “Mới đánh nhau, mà ở ngoại thành đã mọc đầy Việt gian rồi ư?”.

Tính vốn nóng, anh Vương Thừa Vũ hét vè binh cùng đi, tóm cổ gọn mấy chú dân quân của trạm. Truy hỏi ngay.

Thì té ra là: Sau khi mất Thẻ bài Hỏa tốc, anh Vũ đã cho làm cái khác để thay thế, nhưng cũng vẫn đề tên Vương Thừa Vũ. Trạm dân quân này cũng đã nhận được Thông tri về việc Quân khu trưởng Vương Thừa Vũ mất Thẻ bài Hỏa tốc. Nên họ cứ theo đúng Thông tri mà làm. Không ngờ lại bắt trúng phải Vương Thừa Vũ thật.

Nên mới có chuyện ông Vương Thừa Vũ tự ký giấy lệnh bắt mình.

*

Anh Vương Thừa Vũ nổi tiếng nóng tính, đã đập tan mấy máy điện thoại vì nghe tiếng được, tiếng không.

Trong mấy Trung đoàn chủ lực chiến đấu ở khu XI, có Trung đoàn của anh Phùng Thế Tài. Anh Phùng Thế Tài, con người tốt, nhưng tính nóng cũng không thua gì anh Vương Thừa Vũ. Nên hồi đó, tuy chưa có phong quân hàm mà đã có biệt danh là “quan năm đòn gánh”.

Một lần, dân bắt được quả tang một chú Vệ quốc đang “có chuyện” với một cô thôn nữ ở một đồng rom. Bộ chỉ huy cho là một vụ hãm hiếp; cần lập Tòa án binh Mặt trận, xử tử hình để làm gương. Anh Vương Thừa Vũ cử anh Phùng Thế Tài chủ tọa phiên tòa, lập ở khu vực mấy làng Tây Mỗ, Đại Mỗ.

Xong phiên tòa; anh Phùng Thế Tài về chỗ anh Vương Thừa Vũ. Vừa ăn cơm, vừa kể lại phiên Tòa cho anh Vương Thừa Vũ nghe, là đã tha bổng bị cáo.

Anh Vũ chưa hiểu ra sao. Còn anh Tài thì vừa kể, vừa cười, không nói nổi gọn câu.

Chuyện đã xảy ra tại phiên Tòa là:

Chú Vệ quốc nhận tội có hủ hóa. Vậy sẽ tuyên án theo mức án đã dự kiến.

Nhưng trước khi tuyên án “tử hình”, Chánh tòa cho “nạn nhân” được có ý kiến.

Ngập ngừng hồi lâu, rồi cô ấy mới lúng búng:

“Em ... em... cũng xin ... ủng hộ một tý, ạ”.

Dân dự phiên tòa cười ầm lên.

Làm cho anh Phùng Thế Tài cũng không thể giữ mặt nghiêm được nữa.

Ở khu XI, sau đó, có giai thoại: “ủng hộ một tỷ!”.

*

Đêm 19/12/1946, chúng tôi ở cạnh pháo đài Láng của ta. Nghe pháo ta nã đạn vào “Thành” là nơi quân đội Pháp đang đồn trú, anh em reo hò vui sướng. Sau khi quân Pháp chiếm Ngã Tư Sở, chúng tôi rút vào Mễ Trì, rồi Đại Mỗ, Tây Mỗ. Ngay thời gian Liên khu I của ta còn đang ở trong vòng vây của địch, anh Hoàng Mỹ - Giám đốc Công an khu XI - đã giao cho tôi cùng anh Lê Tuấn (tức Thuần) mở một lớp huấn luyện anh chị em Công an khu XI để hoạt động trong kháng chiến.

Chúng tôi mượn ngôi đình làng La Dương (thuộc ba làng La) làm nơi mở lớp. Lớp học khoảng một tháng. Đêm ngủ trên ổ rơm của nhà dân. Đi kháng chiến, mỗi người chúng tôi chỉ có hai bộ áo quần; anh Lê Tuấn mang theo một cái cờ đỏ sao vàng. Đêm ngủ lạnh, chẳng có gì đắp, phải lấy cờ trùm lên người (Bây giờ trong các đám tang, chỉ có lãnh đạo cao mới có cờ phủ trên quan tài).

Bài giảng, chúng tôi phân công nhau. Anh Tuấn ở bộ đội chủ lực về, nên giảng về quân sự. Tôi giảng về điều tra, gây cơ sở, công tác bí mật, v.v...

Học viên thì đủ loại. Cán bộ đang công tác trong Công an các quận; các em nhỏ bán báo, bán quà sáng, đánh giày, đánh mũ; cả một số người thuộc lớp nghèo thành thị chuyên đi ở thuê, gánh nước thuê, v.v... (số này là đi theo anh chị em các

đoàn thể, tham gia kháng chiến một cách đương nhiên và tự nguyện).

Tôi không bao giờ quên buổi bế mạc lớp học.

Chúng tôi cùng nhau ăn một bữa cơm nhạt; mà đến bây giờ nhiều anh chị em gặp lại nhau còn nhớ.

Liên hoan bế mạc, toàn là các mục tự biên tự diễn. Đặc biệt là tiết mục của các em bán báo, bán quà sáng, đánh giầy, đánh mũ ở Hà Nội. Ai đã sống ở Hà Nội hồi đó đều nhớ những tiếng rao buổi sáng, là đặc trưng của Hà Nội. Sân khấu không có người ra diễn, mà khán giả (đều là học viên, người Hà Nội), bỗng nghe thấy những tiếng “Báo! Báo, ơ...”. Có nhiều người sụt sùi.

Rồi vang lên “Bài hát Người Hà Nội” của Nguyễn Đình Thi; mà các em đã học từ lúc nào không rõ; càng làm sôi động hình ảnh của Thủ đô kháng chiến.

Chính lớp này đã cung cấp cho các quận Công an, những người đầu tiên về gây cơ sở ở vùng địch kiểm soát, kể cả nội thành Hà Nội, ngay sau khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội.

Anh Chung của quận IV, khi vào Thành, với một gia đình giả “hồi cư” đã được bọn địch giao làm Trưởng khu (chef d'ilôt) ở quảng Hàng Cót bây giờ. Nhóm này, sau bị lộ; hai anh Chung và Minh đều bị tù, đầy đi Côn Đảo, đến 1954 mới được trao trả về.

Nhiều em nhỏ lúc đó, sau này đều làm giao liên; có người tiến bộ, thành cán bộ, đảng viên của Công an Hà Nội suốt cuộc kháng chiến. Không ít người đã qua tù đầy. Cho đến nay, có người đã nghỉ hưu.

*

Một trong những chiến công đầu của đội ngũ trinh sát, là nhóm đi vào vùng địch đã đóng quân ở ngoại thành thuộc quận IV. Họ đã mang về cho lãnh đạo một tấm bản đồ quân sự, một cái la-bàn lấy của một đơn vị địch. Nhưng trả giá cho chiến công đó, là chị M. đã bị lính tây đen hãm hiếp. Tôi đã vô cùng xúc động và đau đớn, khi trực tiếp nghe báo cáo của nhóm công tác này.

Trong suốt cuộc kháng chiến, còn biết bao gương sáng của cán bộ chiến sĩ Công an Hà Nội đáng được ôn lại và biểu dương; mà không thể kể hết được.

*

Bản thân tôi, và lớp bạn bè cùng lứa tuổi, chúng tôi đã bước vào cuộc kháng chiến 9 năm, như thế đó.

Cho đến bây giờ, mỗi khi hồi tưởng lại, tôi không khỏi thương nhớ những chiến sĩ nam và nữ Công an Hà Nội, nhiều người đến nay vẫn là vô danh, nhưng đã đóng góp cho Kháng chiến đi đến thắng lợi, bằng sự hy sinh cao cả của bản thân, mà không một lời đòi hỏi đãi ngộ hoặc đền đáp nào.

Hà Nội, 19/12/1996

Chuyện kể về Hồ

Mãi đến giữa năm 1950, quân đội của thực dân Pháp mới thực hiện được chủ trương, từ khu vực Hà Nội đánh lần ra, chiếm đóng Phủ Lý, và Văn Đình; uy hiếp vùng tự do còn lại ở hữu ngạn sông Hồng, thuộc Liên Khu Ba.

Các cơ quan thuộc Hà Nội chúng tôi đang trú trên hai huyện Ứng Hòa và Mỹ Đức, thuộc tỉnh Hà Đông, phải tạm lánh vào đường quốc lộ số 21; phía Cầu Râm, Chợ Bền.

Lúc đó, riêng chúng tôi lại có việc sáp nhập ba cơ quan khác nhau, nhưng có nhiệm vụ giống nhau, và cùng hoạt động ở địa bàn Hà Nội. Cần có nơi tương đối yên ổn để sắp xếp tổ chức, cán bộ. Nên phải tạm rời vào làng Mát.

Ai hỏi đó, đã từ đồng bằng lên Việt Bắc, đều phải đi đường qua Kim Bôi, Hạ Bì, thuộc Hòa Bình; với các địa danh như chợ Sồ, Sào, Rạnh, ... Làng Mát ở ven con đường huyết mạch đó.

*

Đó là một xóm người dân tộc Mường; heo hút và thưa dân. Sáng ngủ dậy, có lần còn thấy rõ vết chân của hồ mẹ, hồ con, đi xung quanh nhà sàn.

Ở đây, ban đêm có hồ về bắt lợn, nuôi dưới sàn nhà.

Dân địa phương đi rừng, có người đã gặp hồ ngồi ở ven đường.

Người ta truyền cho nhau kinh nghiệm: Đi đâu, phải vác trên vai một cây tre hay gỗ nhỏ, dài khoảng hai mét; để nếu có bị hổ vồ, thì nó không cắn được vào người, vì miệng hổ bị vướng cái cây dài.

Có người kể: Trên đường đi, gặp con hổ đang ngồi như tượng ở ven rừng; nếu sợ hãi bỏ chạy, là bị nó rượt theo, và vồ mình ngay; còn nếu mắt mình cứ nhìn thẳng vào mắt hổ, cho đến khi nó ngoảnh đầu sang phía khác, rồi mình đi luôn, thì nó không đuổi.

Người ta còn đồn rằng: Hễ đôi bên có chạm súng ở phía đường số 21, thì khi êm tiếng nổ, là có một con hổ xám mò ra chỗ mới có chiến sự, để tìm ăn xác người tử trận.

*

Một đêm, chúng tôi đang ngủ, thì nghe âm ỉ trong xóm, tiếng gõ chiêng, nôi, thau bằng đồng. Đó là cách của dân địa phương làm cho hổ sợ. Đuốc nửa cháy đỏ rực. Mọi người đều trông rõ một con hổ xám, đi bằng ba chân; còn một chân trước thì đang quắp một con lợn, từ một nhà dân chạy lên rừng.

Hôm sau, trong cơ quan chúng tôi bàn việc trừ hổ, đỡ hại cho dân.

Mấy người khéo tay, đi xin tre, đóng một cái cũi nhỏ. Đơn vị chúng tôi tăng gia, có nuôi dê; nên chọn một con dê nhỏ, cho vào cũi. Sau đó, lên đồi tìm chỗ nào cỏ gianh mọc dày, nhiều vắt, là nơi hổ thường đi qua. Dùng dây thép, cột chặt cái cũi vào mấy cái móc chôn khá sâu dưới đất; rồi gài mấy quả lựu đạn đã mở chốt, để nếu con hổ đến bắt con dê, là bị trúng lựu đạn. Phân công mấy tay “thiện xạ”

ráng chịu đựng muỗi đốt, vắt cắn, phục kích ở hai đầu.

Quả nhiên, con hổ xám đánh hơi thấy ngay con dê. Nó mò đến, ngó nghiêng ra chiều quan sát. Xong, thấy nó chạy rất nhanh, từ đầu nọ sang đầu kia, qua chỗ có cái cũi nhốt con dê con. Mấy tay súng muốn nhằm đúng con hổ, nhưng vì nó chạy quá nhanh, không sao theo kịp; đành nổ súng liều.

Thì ngay lúc đó, con hổ tạt vào quơ lấy cái cũi.

Tiếng lựu đạn nổ vang. Tan khói, chẳng thấy hổ đâu. Mà dê, cùng cũi, đều mất luôn.

Con hổ khôn quá. Nó cũng chạy nhanh quá, nên không bị trúng lựu đạn.

Thế là công toi. Lại mất cả chì lẫn chài!

*

Nhưng chuyện về hổ ở nơi chúng tôi chưa chấm hết.

Hồi đó, cơ quan chúng tôi cũng như các cơ quan khác, đều dùng bí danh là đơn vị quân đội. Thành đội là nơi cấp bí danh cho các cơ quan. Anh Vỹ Hải, lúc đó là Thành đội trưởng; anh ấy đặt bí danh cho chúng tôi là “Tiểu đoàn 30”. Và giải thích hóm hỉnh rằng: Người ta sợ các ông như “cọp”. Nên gọi các ông là “30”.

Sáng, chiều nào, chúng tôi cũng tập hợp toàn đơn vị, chào cờ, điểm danh.

Một chiều, cơm xong, anh em lẻ tẻ ra suối rửa bát, đĩa; chân, tay. Bỗng nghe một tiếng súng ngắn nổ “đùng”. Tiếp đó một tiếng “gầm” của hổ.

Anh em chạy ra bờ suối, phía có tiếng súng và tiếng gầm, xem sao. Thì gặp anh Chính từ bờ suối

bên kia đi vào. Mặt còn căng thẳng. Anh kể lại: Vừa đến gần bờ suối, thấy một con hổ xám ngồi ở đó. Sẵn mang theo súng ngắn, anh rút ra, bắn một phát vào con hổ. Nó gầm một tiếng, và chạy lên đồi (có nhà làm việc, đồng thời là nơi ngủ của nhiều anh em trong đơn vị). Chưa đến giờ chào cờ, điểm danh; nhưng vội đánh kẻng tập hợp đơn vị để kiểm điểm quân số. Thì thấy thiếu anh Ba.

Hỏi nhau, thì chưa ai thấy anh Ba xuống ăn cơm; chắc còn ở nhà trên đồi. Không khéo bị hổ vồ. Đồ nhau lên đồi. Trong nhà, trống trơn. Xung quanh nhà, phát hiện có chỗ có vết chân hổ. Đi quanh nhà, gọi to, vẫn không có tiếng đáp lại.

Lại vào nhà, tìm trong gầm bàn, gầm giường. Vẫn không có.

Bỗng nghe văng vẳng có tiếng kêu nhỏ: “A...ai...cứu...tôi...vớ...ới”.

Tiếng phát ra là từ một kèo nhà. Nhìn theo hướng có tiếng kêu, thì thấy một cái chần trần thủ lũng bùng ở trên kèo nhà. Anh em gọi to. Tự nhiên, cái chần lũng bùng từ kèo nhà, rơi tụt xuống đất. Từ trong chần, lộ ra cái đầu của anh Ba. Chân tay anh còn lầy bầy; mặt còn như cắt không có được hột máu.

Anh em bèn dìu anh Ba ngồi xuống ghế.

Thấy:

Một tay anh Ba vẫn nắm mép chần. Một tay kia vẫn còn run; nhưng lại có một cái “manh-xơ lam” (lưỡi dao cạo râu), kẹp ở giữa ngón tay cái và ngón trỏ.

Khi đã định thần, anh Ba mới kể:

Đang thu dọn giấy tờ để đi ăn cơm, thì anh nghe tiếng súng nổ, và tiếng hổ gầm. Liên ngay sau đó, thấy một con hổ xám chạy vụt qua nhà làm việc.

Chỉ có một mình. Sợ quá, anh quơ vội cái chần trần thủ, quàng lên người để hổ không nhìn thấy mình. Không dám chui xuống gầm bàn; sợ hổ đánh hơi thấy.

Anh phải leo cột nhà, lên nằm phủ phục ở một đoạn kèo.

Nhưng vẫn lo con hổ tìm thấy mình.

Bèn nghĩ cách phòng thân.

Lục hết mọi thứ đang có trong người. Chỉ có mỗi một cái “manh-xơ-lam” (lưỡi dao cạo râu) là vật sắc. Nên cầm sẵn ở tay.

Anh em vẫn không hiểu, nên hỏi: “Anh định làm gì với cái “manh-xơ-lam” ấy?”.

Anh Ba đáp, giọng còn run: “Đề ... nếu có bị con hổ vồ ... thì mình dùng cái “manh-xơ-lam” này thiến cái dái của nó” (Xin lỗi bạn đọc, vì ghi nguyên văn).

*

Tối hôm đó, đã có sinh hoạt toàn “Tiểu đoàn 30” để rút kinh nghiệm.

Chuyện anh Ba định “thiến dái hổ” đã được tường thuật không sót một chi tiết.

Chúng tôi chỉ còn biết “bái phục” anh sát đất mà thôi!

Hà Nội, 26/8/1996

Trời đánh không chết

Hồi Kháng chiến chống Pháp, năm 1948, tôi ở Hà nội lên Việt Bắc họp Công an toàn quốc.

Từ Vĩnh Yên, men chân Tam Đảo, đến châu Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tại đây, phải đến đồn Công an để liên hệ báo tin cho Văn phòng Nha Công an trung ương. Gặp mấy anh ở các Khu khác cũng chờ ở đó.

Đồn Công an là một cái nhà nhỏ, bằng tre, lợp gò, ẩn dưới một cây to, tán lá um tùm.

Hôm ấy, trời mưa.

Tôi nhờ điện thoại của Đồn Công an gọi vào Nha Công an trung ương.

Máy điện thoại đặt ở phía trong cùng của đồn Công an; trên một cái bàn làm bằng tre, ở dưới gốc cái cây to, lá che phủ cả mái nhà.

Điện thoại hồi đó là loại từ thạch. Phải quay tròn một cái cần để gọi tổng đài Bưu điện, xin họ nối máy cho mình nói chuyện.

Tôi đang cầm ống nghe, chờ Bưu điện nối đường dây.

Thì một tiếng sét nổ lớn. Mọi người trông thấy một luồng sáng xanh lè nhằng từ trên trời, chạy qua người tôi. Đồng thời nghe tiếng sét nổ ỳnh tai.

Tôi thì chỉ bàng hoàng vì thấy một luồng sáng loé, hoa cả mắt; và nghe một tiếng nổ chát chúa; xưa nay chưa từng gặp. Cái ống nghe điện thoại tôi đang

cầm ở tay thì bật rơi xuống đất; còn cái máy điện thoại trước mặt tôi thì nổ tung.

Xong, lại im lìm như cảnh trong rừng. Trời vẫn mưa.

Mọi người xúm lại, xem tôi có việc gì hay không. Và kể lại cho tôi biết cảnh tượng như trên; mà ai cũng nghĩ là tôi đã bị sét đánh chết tươi rồi.

Thấy tôi còn sống, ai cũng ngạc nhiên.

Anh em sau đó biết chuyện cũng thường đùa, gọi tôi là “thằng trời đánh không chết”.

Mà theo nhiều người, thì như thế tôi sẽ sống lâu.

*

Sống lâu hay không, chẳng có gì quan trọng đối với tôi.

Nhưng, vì tôi là kẻ “trời đánh không chết” nên tôi phải kể lại những trường hợp “hút chết” để kiểm nghiệm.

*

Hồi Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối năm 1947, chúng tôi ở khu vực Bương Cấn, thuộc huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Tôi tránh không đóng cơ quan ở gần chợ, mà chọn một xóm nhỏ tên gọi là Trại Do. Đây là một xóm nghèo có người theo đạo Thiên Chúa, trong xóm có một cái nhà thờ nhỏ. Quốc Oai là vùng có nhà ở làm bằng đá ong, đào từ dưới đất lên, để khô là xây được tường nhà bằng vôi trộn với mật (hồi đó làm gì có xi măng nhiều như bây giờ). Đất lại đỏ; gặp mưa, đi lại là giày dép bị bết đất; nhưng trồng trà và mít rất tốt (có xóm mang tên Ao Sen, Đất đỏ).

Nhà chúng tôi đóng cơ quan có một cái sân nhỏ, cũng có một ít cây trà và cây mít.

Một hôm, giặc Pháp tấn công vào phủ Quốc Oai, cách cơ quan chúng tôi khoảng 10 km. Dân đi chợ về, báo cho chúng tôi. Nhưng vì biết chúng chỉ có bộ binh, nên với khoảng cách ấy, chúng tôi vẫn ở tại chỗ, chỉ gọt găng giấy tờ, đồ đạc; để nếu giặc đến gần thì mới phải di chuyển.

Xế trưa, bỗng nghe “uỳnh oàng” ngoài ngã ba đường cái.

Hồi đó chưa có kinh nghiệm, nơi đóng cơ quan chẳng có hầm tránh phi pháo gì cả.

Thấy có tiếng nổ lớn, đoán là “đại bác”. Chúng tôi phải chia nhau ra nằm ở góc mấy cây mít.

Bỗng, một tiếng nổ “ầm” ngay gần nhà chúng tôi. Rồi thấy khói mù mịt một lúc mới tan.

Tôi đang nằm ở góc một cây mít, bỗng thấy bên vai trái như có vật gì chạm phải. Sờ tay, thấy vai áo bị rách, thịt hơi rớm máu. Quay vào góc mít, thấy thân cây bị sạt một miếng; và ở đó, có ghim một miếng thép nhỏ, sắc. Thì ra, đó là một mảnh nhỏ đạn “đại bác”. Suy ra, tôi mới hiểu là mảnh đạn nhỏ này sạt qua vai tôi, đâm vào gốc cây, rồi ghim lại đó.

Nếu mảnh đạn bay thấp hơn một ít, ắt là đã trúng người tôi.

Sau này, mới hiểu là địch có loại pháo 105 ly, bắn xa hơn loại cối 81 ly của ta nhiều. Nếu đi đường bộ 10 km, thì đường chim bay ngắn hơn. Nơi ở của chúng tôi là trong tầm của pháo 105 ly.

*

Khoảng 1948, một lần buổi trưa đi công tác qua chợ Đồng Quan, thuộc huyện Thường Tín, tỉnh

Hà Đông. Nơi đây, hồi đó sầm uất nổi tiếng. Dù loại cà phê, nước đá. Lại còn có cả “nhà thổ”.

Mới đến đầu chợ, đã thấy tiếng máy bay địch. Rồi thấy đạn đại liên của máy bay bắn xối xả vào chợ, có hàng quán dọc hai bên đường. Đất cát bị cày lên, bụi mù. Chẳng kịp tránh máy bay; mà nếu muốn tránh, thì cũng chẳng có chỗ nào mà tránh.

Máy bay địch bắn xong một lượt, rồi bay đi luôn; không quay lại bắn nữa.

Chúng tôi vội đạp xe đạp qua khỏi phố, với ý định đi xa hẳn chợ Đồng Quan để tránh nguy hiểm.

Ngang phố, thấy có một nhà còn đang bị cháy. Nhưng thật lạ, là từ dưới đất, có vọng lên tiếng của một máy hát (hồi đó là máy chạy bằng dây cót, dùng đĩa hát bằng nhựa). Thì ra chủ quán đó có đào hầm tránh máy bay. Đang nghe dở máy hát, thì máy bay đến bắn. Chủ nhà bê cả cái máy hát xuống hầm. Nên cái máy hát vẫn chạy.

*

Hồi chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, tôi đã nhiều lần “hút chết” rất kỳ lạ.

Năm 1966, đơn vị Trinh sát vũ trang thuộc Ban An ninh Khu Sài Gòn - Gia Định đóng ở một ấp thuộc xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Tôi đến để họp với đơn vị. Chưa bắt đầu làm việc, thì máy bay địch đến bắn và ném bom ấp này.

Chúng tôi xuống một hầm tránh bom, đào dưới gốc một bụi tre lớn.

Bỗng một trái bom nổ ngay trên đầu. Tai ù, đầu choáng. Đất rơi lả tả đầy người.

Khi máy bay địch đi rồi, lên mặt đất xem, thì cả bụi tre như bay biến đâu mất. Chỉ còn vệt đen sạm ở mặt đất. Nếu không có bụi tre đỡ đòn, thì ắt là những người ở dưới hầm - trong số có tôi - đều đã “tiêu” hết.

*

Cũng từ cuối năm 1965, sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới” của Mỹ đã đóng ở Đồng Dù, Củ chi. Sư đoàn 1 “Anh cả đỏ” của Mỹ, thì đóng ở căn cứ Lai Khê (Bình Dương); bọn này có pháo tầm xa 175 ly, đạn pháo có gắn thêm hỏa tiễn đẩy. Loại pháo này, khi đạn nổ cạnh mình rồi, mới nghe tiếng “ê-pa” (phát hoả). Bọn chúng thường xuyên từ Lai Khê bắn pháo 175 ly qua sông Sài Gòn, sang vùng giải phóng của huyện Củ Chi.

Khi đó, hàng đêm, chúng tôi đã phải ngủ trong hầm tránh pháo.

*

Một lần họp Khu uỷ. Đã luân chuyển dùng địa điểm của các cơ quan khác nhau trong Khu để thay đổi chỗ họp, nhằm đảm bảo bí mật và an toàn.

Một đêm, các “thủ trưởng” đang họp dưới hầm. Che đèn kỹ lưỡng, đề phòng máy bay trinh sát của địch bay đêm phát hiện ánh sáng.

Thì bỗng nghe tiếng cười nói ồn ào trên nóc hầm họp.

Ngó lên xem sao.

Thì ra bảo vệ đang chơi “tú-lơ-kho” vui quá. Đèn bão sáng trưng “cho dễ thấy lá bài”!

*

Một bữa khác, chuyển đến họp ở Bộ Tư lệnh Quân khu. Nơi đây mới đào thêm hầm ngủ; nên chỉ

mới lợp tôn tránh mưa, chứ chưa “đà” cây trên mái và chưa đắp đất lên trên.

Anh Năm Xuân, anh Tư Trường và tôi cùng ngủ ở một hầm. Vỡng cá nhân giăng dọc trong hầm. Chiều hôm đó, mới cơm xong, tôi đang nằm vờng nghe radio. Bỗng chú ý thấy có tiếng pháo bắn rải từ xa đến gần. Tôi bảo hai anh kia: “Coi chừng, nó bắn tới chỗ bọn mình đây”. Chưa buông miệng, đã nghe tiếng gió hú - mà theo kinh nghiệm là đạn pháo đến gần. Tay vẫn cầm radio, tôi nhảy khỏi vờng, cùng hai anh kia vừa chui kịp vào ngách hầm tránh pháo, thì đã nghe nổ ầm, ngay trên mép miệng hầm ngủ. Đất đá văng vãi lung tung trong hầm. Khói đen mù mịt.

Khi đã êm, ba chúng tôi ra khỏi ngách tránh pháo. Anh em các hầm gần đó kéo đến. Thấy cả ba người, mặt mày đen xạm.

Riêng cái vờng của tôi, thì miếng pháo ghim từ đầu đến cuối. Xà cột giấy tờ của tôi không kịp mang theo vào ngách tránh pháo, cũng bị ghim một miếng pháo. Nhưng nó chỉ đâm vào nửa bề dày của cái xà cột, là bị giấy tờ trong xà cột cản. Nếu không nhảy kịp khỏi vờng, thì toàn thân tôi ắt đã ăn hàng dãy miếng pháo rồi.

Sau đó, anh em may cho tôi cái vờng khác; và cất cái này vào kho, giữ làm kỷ niệm. Nhưng sau, một lần kho cũng bị trúng bom, nên cũng tiêu tan luôn.

*

Hồi ở ấp Dược, thuộc xã Phú Mỹ Hưng, đêm nào, pháo của Mỹ cũng bắn liên miên từ tối cho đến khoảng 5 giờ sáng hôm sau. Chúng tôi không làm

hầm ngủ lớn cho nhiều người nữa; mà đào nhiều hầm tránh pháo cá nhân, mỗi cái đủ dài để ban đêm dựng hai gậy tầm vông ở hai đầu là giăng được vông cho một người ngủ. Phân tán làm nhiều chỗ, lỡ có sao, cũng hạn chế thương vong.

Một đêm, mọi người đang ngủ, thì nghe tiếng pháo 175 ly nổ ngay trong khu vực. Riêng tôi, thì thấy rõ là pháo nổ ngay trên nóc hầm của mình. Inh tai, nhức óc; vông đu đưa trong lòng đất. Nhưng thấy mình vẫn tỉnh, tức là vẫn sống. Phòng khi còn có pháo bắn tiếp, nên ai nấy phải đợi đến sáng hôm sau mới quan sát được.

Quả nhiên, cái hầm tôi ngủ, bị một quả đạn pháo 175 ly làm sạt một miếng lớn cái “gò mối”, trên mặt đất.

Tôi không chết, là nhờ ở cái “gò mối” đó.

“Gò mối” là do những con mối khi ăn dưới đất, nhả ra, đùn đất quện với dãi của con mối, lên thành từng gò đồng nhỏ trên mặt đất. Đất này rất rắn - có khi hơn xi măng - cuộc vào đó, thấy nháng lửa.

Khu vực áp Dục này có rất nhiều “gò mối”. Anh em bảo vệ có sáng kiến đào hầm tránh phi pháo dưới các “gò mối”. Chỉ cần đào âm xuống đất chừng một mét, thì trên mặt đất đã có sẵn cái “gò mối” cao khoảng gần một mét nữa (thay cho phần nắp hầm). Đêm, chỉ đặt hai khúc tầm vông ở hai đầu lỗ lên xuống để giăng vông, là đã thành một hầm ngủ cá nhân rất đảm bảo. Các “gò mối” thường cách xa nhau khoảng 5 đến 10 mét, nên các hầm cá nhân cũng xa cách nhau.

Trái pháo 175 ly tuy nổ đúng trên nóc hầm tôi ngủ; nhưng vì đụng vào “gò mối”, nên chỉ làm sạt

một mảng. Còn tôi ở dưới đất, thì không bị sức ép của trái pháo nổ (vì sức ép đó bay lên trời). Chỉ bị nhức tai, choáng đầu bởi tiếng nổ mà thôi.

*

Thế nhưng, cũng chưa kỳ lạ bằng một lần khác, tôi “hút chết”, cũng ở đất Củ Chi này.

Mọi lần đi họp cấp uỷ, tôi đều dậy sớm để đến chỗ họp. Thường là đi lúc 5 giờ sáng. Vì cái căn cứ Lai Khê của Mỹ thường bắn pháo khoảng từ 11 giờ đêm trước đến gần 5 giờ sáng hôm sau; sau đó hình như chúng dậy buổi sáng, còn làm vệ sinh, ăn uống gì đó, nên ngưng bắn pháo đêm. Từ 5 giờ sáng đến chiều, là việc của bọn làm ban ngày; chúng thường cho máy bay “bà già” đi tuần, thấy có gì khác thường thì mới gọi pháo bắn, hoặc máy bay chiến đấu đến bắn phá, ném bom.

Hôm đó, không hiểu nghĩ sao mà Ba Phước (chú bảo vệ) lại bảo tôi: “Hôm nay ăn sớm, rồi đi sớm”. Thành ra khởi hành trước 5 giờ sáng. Hai thầy trò, hai xe đạp, theo đường đá đỏ dọc rừng cao su, đi cho nhanh trước khi máy bay địch có thể đi tuần.

Mới khỏi Hồ Bò, đã nghe có tiếng pháo nổ ở xa, rồi kéo gần lại trên đoạn đường chúng tôi đang đi. Tôi bảo Ba Phước:

- Coi chừng, nó sắp bắn tới chỗ mình đây!

Vừa dứt lời, đã nghe gió hú.

Chúng tôi nhảy khỏi xe đạp, nằm vội ép mình vào gốc cao su. Hai chiếc xe đạp như làm xiếc, cứ theo quán tính, còn chạy một đoạn rồi mới lăn kềnh ra đất.

Liền nghe tiếng nổ chát chúa ngay trên đầu. Lửa sáng loé. Khói mù mịt.

Vẫn thấy tỉnh. Người nọ gọi hỏi người kia có sao không? Rờ tay chân, thấy còn nguyên. Đứng dậy, nhìn xung quanh.

Thì thấy trên thân các cây cao su quanh đó, cơ man nào là những mũi tên thép, găm vào mấy thân cây quanh đó.

Thì ra, bữa đó bọn Mỹ không dùng đạn pháo thông thường, hễ chạm đất mới nổ; mà chúng dùng loại đạn pháo “nổ chụp”, là loại quả đạn khi còn ở lưng chừng cách mặt đất khoảng vài mét đã nổ. Như thế, gây sát thương cao hơn. Đồng thời chúng cũng lại dùng loại quả đạn mà khi nổ, bắn ra hàng mấy ngàn mũi “tên thép”, cũng để gây sát thương cho đối phương nhiều hơn.

May mà chúng tôi không đứng thẳng; chứ đứng là bị trúng “tên thép” ngay.

Nằm ở gốc cao su, do các mũi “tên” găm vào thân cây cách mặt đất khoảng 30 cm, nên hai đứa chúng tôi ngoài vòng bị sát thương.

*

Chuẩn bị cho tấn công và nổi dậy dịp Tết Mậu Thân 1968. Các xã giải phóng ở Củ Chi đã bị quân đội Mỹ càn ủi sạch trơn. Chúng tôi phải băng qua An Tịnh (Trảng Bàng) chuyển tạm đến xã An Ninh (Đức Hòa) ở ven sông Sài Gòn, giáp tỉnh lộ 10 để tiếp tục mọi việc.

Đây là vùng yếu. Bót quân nguy ngay ở lộ 10, đầu đường rẽ vào xã. Không có càn lớn như bên Củ Chi; nhưng tốp nhỏ quân nguy cũng sục sạo được vào ấp, đồng thời để kiểm soát thức ăn. Gay nhất là bọn Mỹ, dùng trực thăng bắt chốt ở quân lực soát.

Chúng tôi mới ở đó được ít ngày, thì một hôm, khoảng 9 giờ sáng, trực thăng địch ù ù kéo đến. Chỉ một loáng là đã đầy lính Mỹ trong ấp. Du kích nổ súng báo động xong, cũng phải “lách” vì không “chơi” nổi bọn này.

Tôi và hai chú bảo vệ phải xuống một hầm bí mật, đào ở gốc một bụi tre.

Ngồi một lát, thì thấy tiếng lạo xạo trên đầu, và qua lỗ thông hơi, đất rơi xuống đầu chúng tôi. Máy chú nhỏ không biết tiếng Anh, nên không quan tâm. Còn tôi, thì nghe rõ bọn Mỹ nói với nhau: “Here! Here!” (nghĩa là: Đây! Đây!). Cùng lúc, có tiếng, như có cái thuôn bằng sắt, chọc chọc vào đất ở gốc bụi tre. Chúng tôi như đứng tim.

Rồi, bỗng im bật.

Tôi bảo nhỏ hai chú bảo vệ, rằng Mỹ đang ở trên đầu chúng mình.

Súng đã lên đạn; chỉ mở sẵn chốt lựu đạn. Nếu chúng tìm ra miệng hầm, thì phải bật nắp lên mà đánh, rồi chạy. Không thể cứ nằm im trong hầm, để chúng mở nắp lên, rồi bắt mình được.

Nhưng vẫn nghe im lìm.

Hầm bắt đầu bị ngột. Tôi yếu tim, nên cảm thấy mau hơn mấy người khỏe. Đã phải nằm úp sấp mặt xuống đất để hít hơi mát, còn nhiều dưỡng khí; mà cũng không còn chịu nổi.

Chúng tôi bàn nhau, đành bật nắp hầm lên; đánh nhau mà chết hơn là chết ngột ở trong hầm.

Tư thế vừa sẵn sàng, thì nghe tiếng lạo xạo trên miệng hầm; và nghe gọi: “Lên đi thôi! Lên đi thôi!”.

Liệu có phải một người nào đó bị giặc bắt được, rồi ép chỉ hãm chúng tôi núp chẳng?

Chúng tôi vẫn không trả lời. Lặng nghe thêm.

Thì đúng là tiếng anh Bảy Bình.

Lại nghe gọi tiếp:

- Anh Tư. Lính Mỹ rút rồi.

Chúng tôi đẩy nắp hầm lên. Bảy Bình lộ đầu xuống, miệng cười nhoèn.

Anh em kéo tôi lên trước. Khi đã nằm dài trên mặt đất, tôi thở hỏn hển hồi lâu.

Chỉ chậm ít nữa, thì chưa biết sự thể sẽ ra thế nào.

*

Khoảng mừng 3 hay mừng 4 Tết Mậu Thân 1968, tôi đang ở Khánh Hội, được tin hôm sau địch lùng sục các khóm phường ở đây.

Vì đã cho giao liên thăm dò trước đường, nên tôi quyết định rời đây về Bình Thới.

Từ phường Cây Bàng, đi bộ khỏi nhà ở, được một đoạn, cô Hai Tre là giao liên, gọi xích lô cho hai người chúng tôi ra bến Nancy. Từ đó đi xe lam sang Chợ lớn.

Nhưng chỉ được một chặng là xe lam thôi chạy, vì đến khu vực mới có chiến sự. Chúng tôi phải xuống xe lam, đi bộ tiếp. Dọc đường, địch đã giăng kẽm gai, chỉ chừa một lối đi nhỏ. Thấy có bọn mang kính đen, rào quanh. Đoán là mật vụ. Nhưng nếu ngập ngừng, hay trở lui, là bị chúng nghi. Chúng tôi cứ bình tĩnh đi qua. Được một đoạn xa rồi mới lại tìm xe lam để đi nốt chặng cuối.

Dọc đường, thấy dân các xóm lao động, tay ôm chần màn quần áo, lếch thếch lôi kéo nhau đi; có người đầu máu bê bết.

Nhìn vào khu xóm lao động, thấy trực thăng “cá lẹp” của Mỹ đang xối xả bắn đại liên, gây nhiều đám cháy. Thì ra, biết lực lượng vũ trang của ta dựa vào các xóm lao động, chủ trương của bọn Mỹ là tiêu diệt các xóm lao động. Sau này, chúng cho xây lại các xóm này bằng nhà gạch, đem lợi nhuận cho bọn chủ thầu, và gây khó khăn cho lực lượng ta trụ bám.

Về đến Bình Thới, vào nhà anh chị Ba Trương.

Hai Tre lại quay lại quận 4 để đưa nốt số anh em bảo vệ vũ trang còn gửi ở Chùa, cũng trở lại quận 6. Chú Kện đi nửa đường bị cảnh sát nghi là thanh niên trốn lính, giữ lại. Còn Tám Tiêm và Út Đáng thì trốn lọt; cũng lại gửi vào chùa Bình Thới.

Ở trong Chùa đang có một đơn vị Biệt động trú tạm. Hỏi, thì họ nói đêm nay đi gặp cánh Hai Sang, là Bí thư quận Bình Tân; và nghe nói anh Sáu Dân đang ở đó. Tôi cần gặp anh Sáu Dân, nên hẹn với họ buổi tối sẽ cùng đi.

Khoảng 8 giờ tối, chúng tôi nhập với đơn vị Biệt động để đi Bình Tân.

Khỏi Chùa một đoạn dài, bỗng nghe tiếng chó “béc-giê”. Tôi bảo người chỉ huy Biệt động:

- Coi chừng có lính Mỹ đóng ở gần.

Mới dứt lời, thì đại liên địch nã xối xả về phía chúng tôi. Dạn đại liên đụng vào đường đá, nháng lửa. Chúng tôi nhảy ào xuống rãnh vệ đường. Gai tre móc rách áo, xây xát tay chân.

Nghe ngưng tiếng súng, chúng tôi hô nhau rời ngay đi chỗ khác.

Đến một đoạn có nhà, anh em núp vào các ngách cửa, ngách cổng. Tôi đứng sau lưng một chú mang khẩu B.40.

Người chỉ huy hô bắn B.40 theo hướng có súng máy của địch. Người mang B.40 bắn. Tôi thấy lửa loá cả mắt, phụt ra đằng sau ống B.40. Nếu tôi đứng không trệch một chút, thì lửa đã tấp thẳng vào mặt tôi, và ắt là tôi bị bỏng nặng, hoặc bị chết ngay.

Tôi hô anh em rời ngay, kéo pháo địch sẽ bắn. Chúng tôi di chuyển. Mới vài phút, quả nhiên địch câu pháo ngay đến khu vực chúng tôi vừa mới núp.

Về Chùa, thấy không có khả năng đi tiếp đêm đó, tôi gửi Tám Tiêm và Út Đẳng tạm ở cùng đơn vị Biệt động. Còn tôi đang đêm, quay về nhà anh chị Ba cũng ở gần đó.

Dân tránh nơi có chiến sự, chạy nạn, đang ngủ la liệt trên hè và nền nhà anh chị Ba.

Tôi vào nhà. Rửa ráy. Soi đèn, thấy cổ tay bị rách một vết; không rõ do gai tre hay do đập tay xuống đường đá. Chiếc đồng hồ tự động cũng không chạy nữa.

Sáng hôm sau, một đoàn xe tăng Mỹ kéo đến bao quanh khu chùa.

Lại có tin sắp có bố ráp ở khu vực này. Hai Tre bàn với tôi tạm rời về Bà Điểm. Trên một xe Honda, chúng tôi làm như người chạy chiến sự, cũng ôm một cái chắn. Ngang khu Tân Sơn Nhất, kẹt đường, phải chạy dưới ruộng.

Về đến Bà Điểm, đến gia đình anh Năm Tấn.

Ở đó một bữa, thì hôm sau, thấy xe tăng địch chạy lỏm ngòm ngoài ruộng. Một chiếc đậu ngay gần nhà. Gia đình đóng chặt cửa, và bảo tôi cứ ngồi im trong nhà. Lính Mỹ đi bộ quanh khu vực, nhưng không vào nhà ai cả.

Hôm sau nữa, thấy êm, tôi mượn xe gắn máy trở về Củ Chi, để bắt liên lạc với các đơn vị An Ninh nội thành.

Trên đường, gặp một đoàn xe lính Mỹ đi xuôi cùng chiều.

Đến đoạn đường có ổ gà, đầy nước, phải tránh. Thì xe jeep của lính Mỹ đằng sau vượt lên. Suýt đụng vào xe tôi. Vượt qua, một tên lính Mỹ giơ súng “các-bin” lên nhắm vào tôi; không hiểu nó đùa hay định bắn thật. Tôi ngưng xe gắn máy; khi đoàn xe của chúng chạy xa, mới thấy nó hạ súng xuống.

Lâu sau, hỏi thì được tin hôm đó xe tăng Mỹ bao vây chùa Bình Thới, đã tiêu diệt hết đơn vị vũ trang đang trú ở trong chùa. Vậy là Tám Tiếm và Út Đăng chắc đã chung chịu một số phận. Vợ Tám Tiếm ở Hóc Môn nhắn hỏi tin nhiều lần. Còn Út Đăng, gia đình ở An Tịnh; Út Đăng có người yêu là cô Hoa người Đức Hòa. Cho đến nay, chẳng hay họ đã được chôn cất ở đâu?

*

Sau đợt 1 Tết Mậu Thân 1968, chúng tôi về vùng Gò Đen (Long An - hồi đó gọi là Phân khu 3), dọc theo lộ 4 để tiện chỉ đạo đối với nội thành Sài Gòn.

Chúng tôi luân chuyển nơi đóng cơ quan. Lúc thì ở Phước Vân, lúc thì ở Long Cang, Long Định.

Một hôm, đang ở Long Cang, thì địch càn. Lực lượng vũ trang của chúng tôi phối hợp với du kích, vừa chống càn, vừa bảo vệ.

Ở vùng này, thanh niên rất tốt, không chịu đi lính cho giặc; có bị bắt lính cũng có người trốn về. Giặc càn là thế, nhưng hễ “lách” khỏi mũi càn là mấy chú thanh niên kiếm rượu “nhậu”.

Hôm ấy cũng thế. Nghe tiếng súng máy của địch nổ ngay ở đầu ấp; chúng tôi biết ngay là lính đi càn đã phát hiện mấy chú thanh niên đang ở quán rượu chạy trốn.

Anh em bảo tôi xuống một hầm bí mật; đào ngay ở mép ruộng cao và khô. Một tổ bảo vệ bố trí ở bờ rạch gần đó.

Vẫn nghe tiếng súng máy, ngày càng gần nơi tôi ngồi.

Tôi bắt đầu nghe tiếng cò cháy, kêu tanh tách quanh đó. Rồi tiếng cò cháy ngay trên nắp hầm của tôi. Khói đưa xuống hầm, vừa bị ngợp thở, vừa bị cay mắt.

Dùng miếng mo cau, quạt mỗi tay mà không ăn thua gì. Tôi đành nghĩ ra một cách. Đái vào cái khăn, lấy nước đái lau mặt cho mắt đỡ cay. Khói vẫn tuôn vào.

Một lát sau, nghe êm tiếng cò cháy.

Đoán chừng giặc đã đi qua chỗ này rồi. Nhưng, quái lạ, sao không thấy bảo vệ báo tin gì. Hay là địch còn lẩn quất và phục kích ở gần đây.

Ngợp quá. Có lẽ phải bật nắp hầm; nhảy lên và rời đi chỗ khác.

Nhưng suy nghĩ thấy: Cò cháy trên nắp hầm, đã thành một lớp tro phủ lên trên. Nếu nắp hầm mở

rồi là lộ, không thể dùng hầm này được nữa - vì không thể nào phủ tro lên, mà giống y hệt lớp tro do cỏ bị cháy và phủ tại chỗ.

Còn đang phân vân, thì có tiếng động trên nắp hầm. Rồi nắp hầm mở lên từ mặt đất.

Thì ra, mấy chú bảo vệ đi nắm tình hình, biết chắc địch đã rút hết, mới đến gọi tôi lên.

*

Cũng ở Phước Vân năm 1968. Gia đình bà cụ chủ nhà sống hợp pháp với địch. Nhưng vẫn cho chúng tôi đóng cơ quan tại nhà.

Giữ kín không để chủ nhà biết, anh em bảo vệ đã làm một cái hầm bí mật ngay trong vườn nhà cho tôi tránh né khi cần.

Hầm làm bằng một cái lu đựng nước loại to nhất, mà dân địa phương gọi là cái “mái” nước. Nó lớn, đủ cho một người thụt vào, và ngồi xếp bằng bên trong.

Vùng này đất thấp; hàng ngày nước lớn chảy vào ruộng; rồi lại rút. Muốn chôn cái “mái” xuống đất, phải đổ đầy nước vào trong, thì cái “mái” mới chìm được xuống lòng đất. Nếu cứ để cái “mái” nổi mà chôn, thì sức nước từ lòng đất đẩy cái “mái” lên (như đẩy một quả bóng); sức người không sao nhận chìm cái “mái” được. Khi đất quanh cái “mái” đã khô, mới tát nước ra. Như thế, cái “mái” mới chôn và đứng im được trong lòng đất.

Ngày nào, từ sáng sớm, cũng phải bí mật thăm hầm, và tát nước bị ngấm qua lỗ thông hơi vào. Lỡ quên, đến lúc có động, ra hầm mà đầy nước, thì đành bỏ.

Ngồi lâu trong cái hầm bí mật như thế, tuy không bị ngâm nước lâu và bị lạnh; nhưng chân tay không thoải mái được.

Cùng sống với tôi lúc đó, có anh Sáu Châu.

Anh Sáu Châu quê ở An Nhơn, Bình Định. Tập kết ra Bắc năm 1955. Nhưng trở về Nam trước khi tôi vào. Đến Ban An ninh Trung ương cục, là tôi đã gặp anh. Tính tình hiền dịu; làm việc mẫn cán. Nên khi về Ban An ninh khu Sài Gòn - Gia Định, tôi đã xin anh về làm việc với tôi.

Sáu Châu khi tâm sự, thì có một chuyện buồn riêng.

Sau Hiệp định Genève, anh cưới vợ mới vài ngày là đi tập kết ngay. Những tưởng 2 năm là trở về; nhưng đằng đằng nay đã trên 10 năm. Quê anh ở sát thị xã Bình Định, là vùng yếu. Vào đến Nam bộ, anh có nhờ người “móc” gia đình, nhưng không gặp ai; chỉ được tin vợ đã đi lấy chồng khác.

Hồi ở R, anh có báo cáo với chi bộ, xin cho anh lập lại gia đình. Nhưng chi bộ không đồng ý; lý do: Nhiều người, khi tập kết ở ngoài Bắc, cũng báo cáo như anh; đồng hương ký bảo đảm, cưới xong vợ mới, thì được tin của vợ cũ ở trong Nam gửi ra. Anh Sáu Châu tôn trọng kỷ luật, nên đành theo ý chi bộ. Anh có kể riêng với tôi, và cam đoan là không nói dối tổ chức làm gì. Tôi không thể có ý kiến khác, mặc dù tôi tin anh, và thương hoàn cảnh của anh.

Hồi còn ở Củ Chi, thỉnh thoảng anh giúp chúng tôi tiếp xúc cơ sở nội thành. Có một chị cơ sở, hiền lành, chồng đã hy sinh. Anh Sáu Châu đôi lần được phân công bồi dưỡng chính trị và chuyên môn cho cơ sở này. Có lần tôi đến nhà dân dùng làm

nơi gặp cơ sở nội thành; thấy hai người thủ thủ nói chuyện, ra vẻ ý hợp tâm đầu. Bụng nghĩ, nếu Sáu Châu mà được phép, thì xây dựng vợ chồng với chị này thật đẹp đôi.

Trở lại Phước Vân.

Sáu Châu cùng sống với tôi ở đây đã vài tháng.

Một lần tôi phải về Củ Chi họp với đơn vị Trinh sát vũ trang. Mọi lần tôi ở Phước Vân, nếu có địch càn, thì tôi vẫn dùng cái hầm bí mật (bằng cái “mái” chứa nước) anh em đã chuẩn bị cho tôi ở dọc hàng dừa, và coi là cái tốt nhất.

Kỳ ấy, do tôi đi khỏi, nên hôm địch càn, Sáu Châu mới dùng cái hầm của tôi. Cuộc càn kéo dài từ sáng; đến chiều; địch đã rút quân.

Sáu Châu từ hầm bí mật, mở nắp lên. Vẫn còn đứng ở miệng hầm, mới có nửa người lộ lên.

Thình lình một chiếc trực thăng của Mỹ từ xa bay thẳng đến hướng này. Không rõ, phi công Mỹ có trông thấy gì hay không, mà một trái hỏa tiễn “không đối đất” nổ; và bay thẳng đến trúng Sáu Châu. Anh đã hy sinh tại chỗ.

Khi tôi trở về Phước Vân, thì Sáu Châu đã không còn nữa.

Tôi thương Anh. Vì hoàn cảnh riêng chưa có hạnh phúc. Mà còn vì, lẽ ra tuổi Anh nhỏ hơn tuổi tôi, sao Anh lại có thể chết trước tôi?

Hơn hai chục năm đã trôi qua.

Đến năm 1990, tôi mới có dịp về thăm lại Phước Vân.

Bà già chủ nhà chúng tôi ở, đã qua đời. Chị Hai con của Bà cũng vậy.

Thằng cháu ngoại của Bà, hồi đó còn là trẻ nít, nay dựng căn nhà lá trên mảnh đất hương hỏa.

Cháu chỉ cho tôi xem, cái “mái” mà tôi đã dùng làm hầm bí mật; nay cháu móc từ dưới đất lên, chứa nước mưa dùng làm nước ăn.

Lòng tôi bồi hồi. Hình ảnh những năm xưa hiện trở lại.

Phải chăng, cái “mái” đựng nước này, chính là cái hầm bí mật mà Sáu Châu đã sử dụng hôm giặc càn, và đã hy sinh ngay ở miệng hầm?

Nếu không có việc đi họp ở xa, thì lẽ ra, chính tôi mới là người đã hứng chịu trái hỏa tiễn đó.

Anh Sáu Châu ơi! Đã nhiều lần tôi tự nhủ: Chính là Anh đã chết thay cho tôi hôm đó!

*

Năm 1970, lúc ở Châu Thành - Bến Tre, một hôm địch càn vào xã Phước Thạnh. Tôi ở ấp trên, Văn phòng anh Sáu Thành ở ấp dưới. Quá trưa, bỗng nghe tiếng súng liên thanh, sau có pháo địch nã vào khu Văn phòng.

Anh em bảo vệ cùng tôi ra hầm. Vừa bước xuống, thì bỗng nhiên tôi bị ngất xỉu, khụy xuống. May mấy anh em bảo vệ kéo ngay lên; nếu đi một mình thì chắc là đã chết vì mặt úp sấp vào nước gần đây trong hầm.

Chiều, địch rút quân. Về Văn phòng, thì biết hôm đó, đơn vị tôi bị địch giết chết 6 người. Sau này được tin do có chỉ điểm, nên địch càn và đánh đúng điểm của Văn phòng. Chúng bắt đầu càn, rồi nghi binh làm bộ rút, cho anh em mình chủ quan. Quả nhiên, người thì về nhà nấu nước uống, người thì ra

khỏi hầm cho thoáng. Định cho một cánh quân bọc sườn, phát hiện ai là bắn chết ngay.

Anh Sáu Thành bị địch bắn chết ngay trên miệng hầm bí mật; xung quanh một thùng đạn đại liên, cạnh xác anh Sáu Thành, sổ sách, giấy tờ tung tóe trên mặt đất.

Chúng tôi đã thống nhất với nhau: Mỗi người có một thùng đạn đại liên để tài liệu giấy tờ (là loại thùng kim khí, có gioăng cao su rất kín); khi có giặc càn, thì chôn thùng tài liệu xuống sình (bùn), hết càn lại móc lên để làm việc; ai cũng chỉ còn có súng để chống càn, lỡ có hy sinh, cũng không bị mất tài liệu.

Không hiểu vì sao anh Sáu Thành lại mang thùng tài liệu theo mình ra hầm bí mật? Để đến nỗi địch lục soát tung tóe ra như thế. Chuyện này, đến khi tôi bị địch bắt, mới thấy hậu quả.

*

Dù sao, trên đây cũng chỉ là những lần “hút chết” với quân thù ở xa.

Từ sau 23/12/1970, không may tôi bị địch bắt. Lần này không còn là đối phó từ xa với quân thù.

Mà là trực tiếp đối mặt với kẻ thù. Chúng tìm nhiều cách để khai thác những cơ sở và bí mật mà tôi nắm giữ; nên tôi đã trải qua những đợt tra tấn dai dẳng của địch, suốt từ tháng 3 đến tháng 11/1971.

Đến cuối tháng 11/1971, bỗng nhiên chúng ngưng tra tấn tôi.

Rồi đến Hiệp định Paris 1973. Nhưng bọn địch vẫn không chịu trao trả tôi cho phía ta.

Đến 30/4/1975, khi quân ta tiến công vào Sài Gòn, thì một đơn vị bộ đội đã giải thoát tôi khỏi nhà

tù 3 Bạch Đằng của Trung ương Tỉnh báo nguy quyền.

Sau khi đã ra tù, tôi mới được biết hai chuyện có liên quan đến sự sống và chết của tôi trong thời gian bị địch giam giữ.

Một là: Hồi cuối 1971, phía ta chủ động thả một tên hạ sĩ quan Mỹ; và giao cho y mang một thư của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, do anh Trần Bạch Đằng ký tên, đặt vấn đề với phía Mỹ trao đổi tôi với một sĩ quan Mỹ. Đó là nguyên nhân, bọn Tỉnh báo nguy buộc phải ngưng tra tấn tôi từ đó. Suốt thời gian gian từ cuối 1971 đến trước 30/4/1975, tôi không sao tự lý giải được về sự khác thường này.

Hai là: Sau 30/4/1975, bọn nhân viên tình báo nguy quyền đi học tập cải tạo đã khai rằng: Ngày 26/4/1975, trước khi rút chạy khỏi Sài Gòn, CIA Mỹ đã thông qua tên Nguyễn Khắc Bình là Đặc ủy trưởng Tỉnh báo trung ương, kiêm Tổng Giám đốc Cảnh sát nguy quyền, ra lệnh thủ tiêu tôi một cách “êm dịu”; nhưng do thấy quân ta đã đến sát Sài Gòn, nên bọn nhân viên cấp dưới không dám thi hành lệnh; sợ mang thêm tội với Cách mạng. Còn Frank Snapp thì lại viết trong Hồi ký của y xuất bản năm 1977, là CIA chủ trương đưa tôi lên một chiếc trực thăng và vớt tôi xuống biển Đông. Riêng tôi thì nhớ rõ là: Trong bữa cơm chiều hôm 26/4/1975, thấy bát canh dưa có mùi vị khác thường, nên tôi đã không ăn, và đổ hết đi. Dù cho diễn biến thực là thế nào, thì rút cục tôi vẫn còn sống.

Tóm lại, kẻ địch đã không giết được tôi; cả về thể xác lẫn về tinh thần.

Một người bạn vui tính, đã nhận xét: “Ông cầm tinh Con Hổ; Trời đánh còn không chết, thì làm sao địch đánh chết được Ông!”.

Ngày 11/12/1997

Những chuyến đi, và những cuộc gặp

Giữa năm 1950 quân đội Pháp lần ra, chiếm đóng Vân Đình và Phủ Lý, thu hẹp và uy hiếp vùng giải phóng của Liên khu Ba, ở hữu ngạn sông Hồng. Đồng thời, chúng càn quét mạnh ngoại thành Hà Nội, là vùng tạm bị chiếm sâu; do đó, phong trào kháng chiến ở nội thành Hà Nội cũng có biểu hiện chững lại.

Bí thư Đặc khu ủy Hà Nội là anh Trần Quốc Hoàn, khi đó dùng bí danh là Nguyễn Quang Thành. Trong khi các hoạt động kháng chiến ở Hà Nội vẫn tiến hành theo hướng cũ; là một cán bộ cách mạng lâu năm, đã hoạt động phong trào trải qua nhiều thời kỳ khác nhau; anh Hoàn đã bắt đầu đặt ra trong suy nghĩ của lãnh đạo, làm thế nào để duy trì và đưa phong trào kháng chiến ở Hà Nội phát triển tốt.

Nhân dịp cơ quan Điện báo của Nha Công an, cơ quan Tình báo Hà Nội sáp nhập vào Công an Hà Nội; đã có anh Nguyễn Phủ Doãn làm Giám đốc Công an, anh Hoàn bàn với tôi, tạm giao lại công việc Công an ở căn cứ, để thực hiện một nhiệm vụ mới của Cấp ủy.

Tôi càn vào Nội thành, để qua tiếp xúc với quần chúng trong và ngoài tổ chức, và tự mắt thấy, phản ánh tình hình ra căn cứ; giúp Đặc khu ủy - cùng với báo cáo của hai Quận ủy nội thành - xác định, là có thể tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo phong trào như cũ, hay cần chuyển hướng cách hoạt động.

Tháng 8/1950, đường giao liên bí mật của anh Trần Hoàng Bá, thuộc ngành Công an, đã tổ chức một chuyến đi cho tôi. Vượt qua sông Đáy phía trên Vân Đình vào chiều tối; chúng tôi đội mưa, băng qua cánh đồng Miêng (một nửa làng là lương, một nửa là có đạo); rồi vượt đường 22 phía trên Ngã tư Vác, có chốt của lính Pháp; lội đồng chiêm đầy nước, vào làng Bồ Nâu, thuộc huyện Thanh Oai; tuy là vùng địch đã kiểm soát, nhưng ở đây ta có cơ sở bí mật.

Vừa vào đến làng, thì được tin đêm trước, địch đến càn ở đây; đã phá hầm bí mật ở nhà cơ sở. Tình huống thật rắc rối. Vì chúng tôi cần nghỉ lại đây đêm nay, suốt ngày hôm sau; đợi đêm đến, mới đi tiếp lên ngoại thành Hà Nội, để từ đó vào nội thành. Muốn đi tiếp ngay đêm đó lên được ngoại thành, thì không thể kịp. Vì địch nắm được quy luật các chuyến giao liên của ta, vào ngoại thành Hà Nội về đêm, nên chúng thường hay phục kích ở khu vực giữa cống Ngọc Hồi và Văn Điển.

Thấy không ổn, anh Bá yêu cầu tôi quay trở lại vùng tự do, đợi đi chuyến khác. Và cũng phải trở lại ngay trong đêm đó. Đành phải như vậy.

Trời vẫn mưa; áo quần ướt sũng, người lạnh run. Trên đường về, một lần nữa chúng tôi lại phải lội ruộng chiêm, nước ngập ngang ngực, có chỗ đến cổ. Mỗi lần leo qua bờ ruộng, lại phải gạt cho hết dĩa, đã bám đầy người.

Gần đến đường 22, chúng tôi bị lạc đường. May lúc đó, chốt Vác quét đèn pha sáng lóe; chúng tôi mới định được hướng vượt qua đường. Đến cánh

đồng Miêng, đã quá nửa đêm từ lâu rồi. Nếu không đi nhanh cho kịp sang bên kia sông Đáy trước rạng sáng, thì nguy hiểm.

Vẫn mưa; mệt; lại thêm buồn ngủ. Phải đi trên bờ ruộng, trơn như mỡ. Vì mắt không còn phân biệt được đâu là mầu của đất, đâu là mầu của nước ruộng; nên, thỉnh thoảng lại bị hụt chân, chúi xuống ruộng. Cuối cùng, chúng tôi cũng về được cơ sở, ở một làng vùng yếu, sát bờ sông Đáy, thuộc huyện Mỹ Đức.

*

Gần Tết năm đó, tôi lại tiếp tục chương trình vào nội thành công tác.

Lần này, anh Bùi Đức Việt đưa tôi đi.

Rút kinh nghiệm lần trước, tôi bàn với anh Việt, đi làm sao khác với quy luật thông thường của các dây giao liên, đã bị địch biết và hay phục kích.

Buổi sáng, từ làng Hữu Văn - vùng tự do của huyện Chương Mỹ - chúng tôi qua sông, vào làng Tốt Động, cùng huyện, lúc đó đã là vùng yếu.

Một chị giao liên, đứng tuổi, sống hợp pháp, đi trước chúng tôi một quãng để phát hiện địch; với đôi quang gánh trên vai, lĩnh kính đồ đạc, trong có bộ quần áo tây tôi sẽ dùng.

Hai chúng tôi đi sau; mặc đồ nâu, đội nón, khoác áo tơi lá; súng ngắn, lựu đạn dắt ở lưng.

Gần trưa, chúng tôi đến sát đường đá Quảng Bị. Hai anh em ngồi lại ngoài ruộng ngô, đợi chị giao liên đi nắm tình hình. Gió bắc, rét run. Được báo yên, chúng tôi băng qua đường, vào làng. Rồi từ đó lội qua sông Đáy, sang đất Thanh Oai. Mùa khô, nước sông cạn, chỉ đến bụng chân.

Sang sông, là khu vực Kim Bài. Chúng tôi lên đê. Nhìn thấy rõ đường 22, lúc nào có xe, lúc nào không. Cứ băng đồng, chúng tôi vượt đường 22 ban ngày. Sau đó, chị giao liên ở lại. Chỉ còn hai chúng tôi tiếp tục đi.

Đêm đó lội qua sông Cầu Chiếu, nước lạnh buốt. Về đến một cơ sở để nghỉ lại. Hôm sau, trời chưa tối hẳn, chúng tôi đã đến sát khu vực Văn Điển. Vậy, do vượt được nhiều đoạn đường, chúng tôi đã không bị rơi vào giờ địch hay bố trí các ổ phục kích; vì mọi ngày, phải đến khuya, các toán giao liên mới tới được khu vực này. Còn nhìn rõ mọi động tĩnh trên đường; vào giờ địch không thể ngờ; ngay dưới Văn Điển không xa, chúng tôi vượt qua đường số 1, ở một chỗ khác với các đường giao liên hay đi.

Hướng làng Yên Mỹ, nhưng không vào làng, mà cứ men chân đê, chúng tôi đi thẳng lên Nam Dư thượng. Gần đến Nam Dư, bỗng nghe tiếng trống, thanh la khua inh ỏi. Biết là trong làng đang có động, chúng tôi phải chờ lại ở chân đê. Đến khuya, nghe im tiếng, mới lội ruộng, chui bờ rào tre để vào nhà cơ sở. Thì ra hồi tối, có lính vào làng. Chúng tôi ăn nốt nắm cơm nguội mang theo; rồi ngủ ngay trong bếp, trên đồng cây ngô khô - gia đình dùng thay củi - mà chẳng thấy đau mình mảy gì. Sáng sớm hôm sau, gia đình đi chợ mua thức ăn, làm như nhà có giỗ để nắm tình hình.

Quá trưa, không có lính. Chị giao liên, người ở làng này, theo bờ ruộng, gồng gánh đi trước; tôi đã mặc áo quần tây, chân đất, theo sau. Vào đến làng Tương Mai, tôi ghé một bờ ao rửa chân, mang giày. Rồi ra đường cái, thuê xe kéo để vào phố.

Nơi tôi phải đến là nhà hộ sinh của bác sĩ Nguyễn Bách. Tại đây, tôi sẽ gặp anh thư ký của ông Bách, đưa một thư viết tay. Đây là giấy làm tín hiệu, để giúp tôi bắt liên lạc với anh Kim Tấn, một cán bộ Công an ở nội thành.

Trời vẫn mưa. Không có bóng cảnh sát trên đường. Xe kéo, mui che kín mít.

Nhà hộ sinh ở ngay ngã ba dốc Hàng Kèn⁽¹⁾. Tôi đến, thì gặp ngay được anh thư ký của bác sĩ Bách (Dưới đây, tạm gọi là anh Ba). Anh ta ngồi ở bàn ngay cửa vào; mời tôi ngồi ở bộ ghế dành cho khách đến nhà hộ sinh.

Chưa được bao lâu, thì bác sĩ Bách bảo anh ta cùng đi có việc.

Tôi ngồi đợi, đọc gần hết cuốn Kinh Thánh đạo Thiên Chúa, thấy đề trên bàn khách; trời sắp tối mà anh Ba vẫn chưa về. Mấy bà đỡ cùng làm, cho biết anh Ba ở ngay gian phòng xép trong nhà này, nên có khi về muộn. Đến giờ ăn tối, mấy bà đỡ chỉ cho tôi hàng cơm tám giò chả, bên kia đường, ngay trước nhà, sang đó ăn bữa chiều. Xong, lại về ngồi chờ. Tối đã lâu, anh Ba mới về. Anh ta cho biết, mỗi tuần anh Kim Tấn chỉ đến đó một lần. Vừa đến hôm qua. Vậy, phải đợi đến tuần sau.

Đêm ngủ, anh Ba chui đầu trong chăn, đọc tài liệu bí mật bằng một cái bóng đèn điện, đặt trong một ống bơ sữa bò đã đục thủng, để che bớt ánh sáng, đồng thời sưởi ấm.

Hôm sau, anh Ba bảo tôi cứ ở trong phòng của anh ấy. Ăn thì phải ra cửa hàng như hôm trước. Nhưng đến chiều, không hiểu có đoán biết gì hay

không, mà mấy bà đỡ, sau khi nấu cơm chiều, mời tôi cùng ăn, cho đỡ phải ra phố.

*

Nếu cứ đợi thế này cả tuần, thì gay quá. Buổi tối hôm đó, tôi bàn với anh Ba, để tôi đi phố một lát. Trong bụng, tính cách tìm liên lạc sớm. Tôi nhớ một địa chỉ của anh Ngọc “đen”, ở 110 Bovet (nay là Yết Kiêu).

Đi khuất nhà hộ sinh, tôi thuê xe xích lô đến phố Bovet. Vào đúng nhà số 110. Mọi người đang ăn cơm, người đứng người ngồi. Thấy người lạ đột ngột vào nhà, gia đình hơi nhón nhác. Tôi đã kịp trông thấy anh Kim Tấn. Anh ấy đang định lui vào buồng trong. Tôi khẽ gọi; anh ấy quay lại. Thấy tôi, anh Kim Tấn mừng quá, bảo gia đình yên tâm.

Sau đó một lát, anh Kim Tấn đưa tôi đến nhà số 11 ở phố Phan Bội Châu bây giờ. Trên sân thượng, có một cái tum. Chủ nhà này là cơ sở của anh Ngọc “đen”; là họ hàng với luật sư Vũ Văn Hiến, một người trong số trí thức lớn của Hà Nội, mà khi đó báo chí nội thành gọi là “trùm chăn”. Nhà này riêng một chủ; chỉ cho thuê các phòng xếp ở dưới đất. Cái tum này là nơi anh Ngọc “đen”, Kim Tấn và Phan Khắc Trình hay hẹn gặp nhau. Chúng tôi đến nơi, thì anh Ngọc “đen” đang ở đó. Anh Ngọc “đen” cho biết, anh Trình cũng đã có hẹn, lát nữa sẽ đến.

Anh em không ai ngờ là tôi vào nội thành. Gặp nhau, mừng hết sức. Thế là, đêm hôm đó, bốn chúng tôi chen chúc nhau trên một cái giường gỗ nhỏ. Anh em bắt tôi kể chuyện “ngoài kia”; hàn huyên suốt đến sáng. Sớm hôm sau, mấy anh kia lần

lượt đi từ sớm. Anh Kim Tấn sẽ báo cho anh Ba, chỗ bác sĩ Bách, là đã gặp tôi, cho anh ấy yên tâm. Còn anh Ngọc “đen” thì dặn chủ nhà - là cơ sở - cho tôi ăn cơm cùng gia đình ngày hôm đó.

*

Ở đó một ngày, đến tối hôm sau, anh Ngọc “đen” đưa tôi đến phố Wiélé - nay là Tô Hiến Thành - ở nhà ông bà Huấn Linh, một trí thức yêu nước; đóng vai thầy giáo dạy tư cho con của gia đình này (Nay là trụ sở Công an quận Hai Bà).

Đêm đầu, ngủ ở giường có nệm, đắp chăn bông; tôi nhớ và thương anh em ở vùng tự do, không sao ngủ được.

*

Hồi đó, mấy nhân viên nội thành của Công an Hà Nội, bị địch bắt và quay phản - như bọn tên Tốn, Hùng đen, Hùng khoèo - rất nguy hiểm; đã chỉ bắt một số cán bộ Công an của Hà nội. Bọn này biết mặt tôi rất rõ, nên anh em bàn, chỉ đề cho tôi đi ra phố vào ban đêm.

Tôi nhắn ngay đề hẹn gặp anh Trần Sâm và anh Tiến Đức, để truyền đạt ý kiến của anh Hoàn. Lúc đó mỗi anh đang là Bí thư của một Quận ủy nội thành.

*

Vài hôm sau, cuộc gặp anh Trần Sâm được bố trí tại nhà anh Lê Bằng, là con rể giáo sư Mai Phương, ở phố Nguyễn Trãi (nay là Nguyễn Văn Tố). Anh Bằng nhường giường cho hai chúng tôi, nói chuyện suốt đêm.

Lần sau, anh Trần Sâm hẹn tôi đến phố Bovet (nay là Yết Kiêu). Đây là nhà ông Nguyễn Văn Chế,

em vợ anh Trần Duy Hưng (Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội). Ông Chế đã làm Chánh Văn phòng Nha Công an của ta hồi 1946, không may bị kẹt lại ở trong thành. Ông Chế có biết tôi; thấy tôi vào hoạt động bí mật trong thành; phần cũng lo lờ có nguy hiểm, phần cũng mừng vì gặp người quen cũ, hỏi được nhiều chuyện.

Tôi cũng phải đến đây từ tối hôm trước, ngủ ở đó; hôm sau làm việc với anh Trần Sâm; xong lại đợi đến tối, tôi mới về nơi ở.

(Sau, ông Chế dọn nhà đến góc đường Điện Biên Phủ và Tổng Duy Tân bây giờ; và lại để chúng tôi sử dụng làm nơi gặp gỡ, hội họp. Sau năm 1954, ông Chế đã được kết nạp vào Đảng).

*

Anh Tiến Đức thì muốn tôi dự luôn cuộc họp Quận ủy. Nên nhân dịp Tết, hẹn tôi đến một nhà ở ngõ Hàng Đũa (nay là Ngõ Sĩ Liên). Nhà này là cơ sở của anh Quốc Minh, Quận ủy viên. Tôi phải đến đó ngủ sẵn, để hôm sau dự họp, cũng ở nhà này. Anh Quốc Minh đã chờ tôi ở đây; và cùng ngủ lại đó.

Đến tối, sắp đi ngủ, thì thấy ầm ầm, xì xồ tiếng Tây ở công nhà.

Chủ nhà vội đưa anh Quốc Minh và tôi, dùng thang leo lên trần nhà, là chỗ đã bố trí làm nơi trốn bí mật.

Một lát sau, êm. Chủ nhà đưa thang gọi xuống. Thì ra cảnh sát Tây, ta, đi bắt bạc ở nhà bên. Chứ không ngờ gì nhà này.

Anh Quốc Minh thì hú vía. Vì bố trí nhà cơ sở của mình cho tôi đến; mà lỡ tôi bị bắt ở đây, thì không biết sẽ trả lời anh Hoàn ra sao.

*

Tuy nhiên, nếu muốn tiếp xúc, để hiểu được tâm trạng, nguyện vọng cơ sở hay quần chúng ngoài tổ chức, mà cứ dùng mãi kiểu “đi đêm” như thế này, thì làm sao đạt yêu cầu của Cấp ủy được?

Nên tôi nói với anh em, cứ hẹn vào ban ngày, tôi vẫn có cách đi được.

Từ sau đó, tôi đã gặp được nhiều cán bộ, đảng viên, cơ sở quần chúng; và ở những nơi này có khi nói chuyện cả với người ngoài tổ chức, mà họ không hề biết tôi là ai.

Những báo cáo do tôi gửi về cho anh Hoàn, cộng với tình hình do hai Quận ủy báo cáo, đã giúp cho Cấp ủy có thêm sự nhìn nhận tình hình nội thành sát hơn trước.

Đến năm 1952 thì Đặc khu ủy có chủ trương dứt khoát, chuyển hướng cách hoạt động ở nội thành Hà Nội, kết hợp hoạt động bí mật bất hợp pháp với hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp. Chủ trương mới này, thi hành cho đến thời gian có chiến dịch Điện Biên, và Hội nghị Genève về Đông Dương, thì phong trào đã có khí thế mới.

*

Một hôm, vào lúc sắp tối, tôi vừa dắt xe đạp theo phố Wiélé đi ra phố Huế, thì gặp hai tên Cảnh sát, thối còi bắt dừng lại. Tôi xuống xe, bật ổ điện, nâng bánh xe trước, quay cho đèn sáng. Làm bộ như bị kiểm tra đèn xe; tôi nói: “Chưa tối, nên tôi chưa chạy đèn”. Thằng Cảnh sát bảo tôi đưa xem Giấy căn cước. Nó nhìn mặt, so với ảnh. Rồi dùng một ngón tay, gảy vào cái ảnh dán trên căn cước. Ảnh vẫn dính chặt; nó trả lại giấy cho tôi, và bảo đi.

Sau, tôi được tin: Địch đã phát hiện một số giấy căn cước giả; ảnh dán bằng hồ nếp; nếu lấy ngón tay gầy, là bị tróc luôn. Thằng Cảnh sát kiểm tra giấy của tôi hôm đó đã làm đúng hướng dẫn của cấp trên của nó, nhằm phát hiện giấy giả.

Nhưng, “giấy căn cước” do chúng tôi làm giả; thì từ giấy, bản chữ in đúc bằng chì, đều là gốc thật của địch. Vì cơ sở của Công an, là công nhân nhà máy đã in “giấy căn cước” cho Sở mật thám địch; sau khi in xong cho địch, họ đã chuyển tất cả cho ta; nên rất đúng. Chỉ phải in ra, và giả chữ ký. Còn ảnh, thì chúng tôi đã có đúng loại hồ mà địch dùng, nên cũng bám rất chắc. Do đó, địch khó phát hiện.

*

Cũng thời gian này, tôi đã gặp bác sĩ Phạm Khắc Quảng.

Ông Quảng cũng bị địch liệt vào loại trí thức “trùm chăn”. Nhưng thực tế, Ông không “trùm chăn”, mà đã tham gia hoạt động Kháng chiến. Tôi không kể ở đây, những hoạt động tận tâm của Ông, hỏi Ông sống trong vùng địch kiểm soát; nên sau giải phóng Thủ đô, có lúc Ông đã đảm trách nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc của Hà Nội.

Mà chỉ kể về lần đầu tôi đến gặp Ông, tại hiệu sách của Ông ở phố Tràng Thi. Ngày hẹn, trùng ngày Bảo Đại ra Hà Nội. Cảnh sát gác đầy đường, và dọc phố Tràng Thi. Tôi vẫn đến hiệu sách; ông Quảng bình tĩnh và vui vẻ đưa tôi vào căn phòng phía trong để nói chuyện.

Qua những lần tiếp xúc sau đó, tôi mới biết: Không ai ngờ được, trong nhà Ông lúc đó đã có một tủ sách bí mật, bằng tiếng Pháp, gồm nhiều sách do

Đảng Cộng sản Pháp xuất bản. Vì Ông mở hiệu sách; sách gửi từ bên Pháp về; nên trong các thùng sách loại thường, đã được “bỏ lẫn” những sách “cấm” đó. Ông Quảng có, và đưa cho tôi đọc tạp chí Littérature Soviétique (Văn học Xô viết), La Chute de Paris (Pa-ri thất thủ), La Tempête (Con bão táp), L'étoile (Tinh cầu); là những sách mà lúc công tác ở vùng tự do hồi đó, tôi cũng không dễ gì kiếm được.

*

Giữa năm 1951, chúng tôi đã đưa được một máy vô tuyến điện thu phát, và bố trí được báo vụ, ở ngay trong nội thành Hà Nội.

Bỗng một hôm, tôi nhận được điện của anh Hoàn, gọi về căn cứ có việc gấp; với lời căn dặn là sẽ trở vào nội thành ngay.

Đường giao liên bí mật lúc này bị đánh liên tiếp, không thể dùng. Mà dù có dùng, thì cũng không thể đảm bảo thời gian tính như điện của anh Hoàn. Tôi bàn với anh Trình, anh Ngọc “đen”, anh Kim Tấn; thấy chỉ có cách đi đường công khai. Anh em bàn: Bà Hương Kế, là giao liên tin cậy và có kinh nghiệm, sẽ dẫn đường. Dùng một xe ô tô mượn của cơ sở, và người lái xe cũng là cơ sở tin cậy. Đi theo đường bột Đại Ôn, đi qua sông Bùi về Tiến Văn, Hữu Văn; ở đó có trạm giao liên; rồi từ đó về căn cứ của anh Hoàn, đóng trên đường 21.

Tôi dùng vô tuyến điện báo cho anh Hoàn là sẽ về đúng hẹn.

Một sáng mùa hè, một xe ô tô đưa tôi đến phố Hàng Bồ. Vào một cửa hàng lớn. Anh Ngọc “đen” đã chờ tôi ở đó.

Vài phút sau, một xe ô tô du lịch khác đến. Trên xe, ngoài bà Hương Kế, đã có mấy cháu nhỏ; tôi lên xe là vừa kín chỗ. Bà Hương đã chuẩn bị ngựa giấy, mũ giấy, vàng hương, đầy một thùng.

Xe qua thị xã Hà Đông, thẳng đường đi Hòa Bình. Qua Mai Lĩnh, đến đúng nhà thờ Đại On - ở đó có một bột Tây, khét tiếng tàn ác - thì xe dừng. Bà Hương và tôi xuống; xe quay trở lại Hà Nội ngay.

Lúc đó thẳng xếp bột Đại On; là một thẳng Tây, mặt đỏ, râu rậm, mồm ngậm tẩu thuốc lá; đang đứng ngay trước cửa bột.

Chúng tôi đi ngay đến chỗ nó đứng. Ngựa giấy, mũ giấy, vàng, hương lủng củng đầy tay. Tôi chào nó: “Bonjour Monsieur” (Chào Ông). Rồi đi qua mặt nó luôn. Nó chẳng nói, chẳng rằng. Thế là yên một chạng.

Tiếp đó, chúng tôi băng ruộng đi về phía sông. Nhìn sau lưng chẳng thấy có phản ứng gì; chúng tôi cứ thế đi tiếp, cho đến làng Dót Dét, ở sát bờ sông. Vào xóm, hỏi tình hình, biết là êm. Ra bến đò, qua sông, sang bên kia là làng Tiến Văn, Hữu Văn, vùng tự do của huyện Chương Mỹ rồi. Anh Bá đã chờ đón tôi ở đó.

Bà Hương theo đường ra Quảng Bị, để trở về nội thành, báo tin chuyên đi yên ổn.

Từ Tiến Văn, Hữu Văn, theo đường Chân Chim, Đồng Mít, ra Miếu Môn, trên đường 21; ngay đêm đó tôi đã về đến căn cứ của anh Hoàn.

Anh Hoàn vừa đi họp với cấp trên về. Anh phổ biến cho tôi, chủ trương mở chiến dịch Hà Nam Ninh (Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình); nhưng cần

đánh lạc hướng, cho địch tưởng là ta sẽ đánh hướng ứng Hòa, Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông.

Công an ở nội thành, cùng các Quận ủy được giao nhiệm vụ báo cáo thường xuyên, kịp thời, hướng vận chuyển quân đội và súng đạn của địch. Ngoài ra, Quận ủy và các ngành chuẩn bị tuyên truyền cho chiến thắng.

Sáng hôm sau, tôi lại theo đường 21, lên Miếu Môn, để trở về nội thành.

Nhưng nếu lần này, lại qua Đại Ôn, thì không ổn.

Nên chúng tôi chọn đường chợ Chuông.

Làng Chuông, ngay bên dưới làng Đôn Thụ - là quê ngoại tôi - tôi cũng thạo đường; tuy cũng phải đề phòng có người biết mặt.

Đường đi sẽ là: Vượt sông Đáy, vào làng Viên Nội, là nơi có cơ sở giao liên. Ở đó, có giao liên dẫn tôi đi công khai ra đường 22. Từ đó, tôi tự đi. Sẽ dùng ô tô khách về Hà Đông; sau cùng là đi xe buýt về Hà Nội.

Từ Miếu Môn, bước đầu chúng tôi đến Phú Khê, Phú Hữu, một làng ở bờ sông Đáy, thuộc Mỹ Đức; đối diện với Viên Nội, thuộc ứng Hòa. Đến nơi, dân ở đây cho biết: Mới vài hôm nay, ngày nào lính Tây đen cũng rải ra, phục suốt dọc đê Viên Nội; dân làng ra sông đều bị kiểm soát kỹ.

Chúng tôi dùng ống nhòm xem, thấy đúng như tin của dân cho biết. Theo dõi suốt cả ngày, thì thấy từng toán lính Tây đen từ phía thượng lưu đi xuống; chúng rải quân dọc đê Viên Nội, ở liên mấy giờ đồng hồ; khi rút về, cũng lại theo đường cũ lúc

đi xuống; hết toán này về, thì đến toán khác đến thay, suốt đêm ngày.

Anh Bá nhớ đến chuyến đi không thành năm 1950, nên rất bồn chồn.

Tôi an ủi anh. Nói là: Mình theo dõi mãi, thế nào cũng tìm ra chỗ hở của địch.

Quả nhiên, qua một ngày quan sát, chúng tôi thấy toán lính đi phục kích cứ đúng giờ là đứng dậy, kéo nhau về; trước khi toán khác đến thay. Bấm đồng hồ, thấy thời gian bỏ trống trận địa giữa hai toán lính, khoảng từ 10 phút đến 15 phút.

Tôi hỏi anh Bá và anh Bôn (tổ trưởng giao liên có cơ sở ở Viên Nội): Chừng ấy thời gian có kịp cho mình lợi sông, qua đê, vào đến xóm có cơ sở hay không?

Chúng tôi còn phân tích thêm: Nếu chọn giờ buổi trưa, lính thường đói, thế nào bọn cũ cũng bỏ về sớm hơn; còn bọn đến thay, thì mới ăn xong, thế nào cũng chùng chình. Khoảng thời gian chúng bỏ trống trận địa có thể lâu hơn. Vả lại, từ hôm rải quân phục kích đến nay, chúng chưa phải nổ súng lần nào; nên có thể chúng chủ quan cho là tình hình vẫn yên ổn.

Sau khi tính toán kỹ, chúng tôi cho là kịp.

Nên trưa hôm sau, chúng tôi thực hiện kế hoạch. Quả nhiên, mọi việc tiến hành đúng như dự định.

Vào đến làng, một nữ giao liên đưa tôi đi đường đồng, men giữa Viên Nội và Chuông. Lúc đó cũng có một số người tan chợ Chuông ra về. Chúng tôi ra đến đường 22 yên ổn. Vừa đến, là có một xe khách từ Vân Đình về Hà Đông. Tôi lên xe.

Qua Bình Đà, thấy xe tăng lớn của địch dàn hàng ngang, lấp ló dưới các tán cây. Tôi vui thầm và nghĩ trong đầu: Thế là chúng bay bị trúng kế nghi binh rồi.

Đến Thạch Bích, có bớt địch nổi tiếng ác ôn, xe khách dừng lại. Hành khách phải xuống xe, trình giấy cho bọn mật vụ. Hôm đó, tôi mang một cái kính đen to giống như của mấy thằng mật vụ ở Hà Nội. Tôi đi thẳng đến bên cạnh mấy thằng đang xét giấy; tay tôi chống nạnh, cũng làm bộ dòm vào giấy của khách đi qua. Khi hành khách đã qua hết, tôi cũng lững thững lên xe.

Chẳng thằng mật vụ nào xét giấy của tôi.

Đến bến xe thị xã Hà Đông, tôi sang xe buýt loại lớn thường chạy ra Hà Nội. Lúc đó đã xế chiều. Lên xe, đã thấy mọi người chen chúc đứng trong xe.

Về đến bến xe Cửa Nam (ở phố Hai Bà Trưng bây giờ), tôi xuống đi bộ một quãng để cắt “đuôi”. Thấy yên, tôi rẽ vào cơ sở của anh Ngọc “đen” ở số 11 phố Phan Bội Châu. Ghi mấy chữ, để ở đó, hẹn gặp anh em có việc gấp. Rồi đợi tối, thuê xích lô để về nơi ở.

Chúng tôi có một cơ sở, làm trong bệnh viện Đồn Thủy (bệnh viện 108 bây giờ). Binh lính địch ở các nơi bị thương, bị bệnh, đều về đó điều trị; nên sự bố trí quân lực của địch ở toàn miền Bắc, cơ sở này nắm rất chính xác. Ngoài ra, chúng tôi cũng có một cơ sở khác làm thư ký trong Intendance (Hậu cần quân đội Pháp), nên việc cấp phát súng đạn cho các đơn vị lính địch, cũng nắm được chắc.

Chỉ vài hôm sau, qua máy vô tuyến điện, chúng tôi đã gửi về chỗ anh Hoàn những tin tức cần thiết.

Không cần nhắc lại chiến thắng Hà Nam Ninh năm 1951; ở đó con trai của tướng Đờ Lát bị tử trận.

Chỉ xin kể thêm một chuyện nhỏ, rất bất ngờ đối với tôi.

Một thời gian sau đó, anh Kim Tấn báo cho tôi là: Hôm tôi đi xe buýt từ Hà Đông về Hà Nội, có một người biết tôi từ hồi xưa; nay nó làm mật thám; nó cùng đi chuyên xe buýt với tôi, và đã trông thấy tôi. Nó kể cho một người quen nó rằng, không muốn báo bắt tôi, vì có biết gia đình tôi. Người đó báo cho anh Kim Tấn; và dặn, nếu đúng là tôi vào Nội thành, thì phải cẩn thận.

Thật hù vía!

*

Thế nhưng, vẫn chưa lạ bằng một cuộc gặp khác đã xảy ra đối với tôi, cũng năm đó, ở ngay nội thành Hà Nội.

Theo chương trình tìm hiểu tình hình phong trào phụ nữ ở các chợ, hôm đó tôi đến gặp một chị cán bộ cơ sở, tại nhà chị ấy ở khu vực nghĩa trang, phố Nguyễn Công Trứ bây giờ (nghĩa trang này, đã di chuyển để xây khu chung cư). Nhà này, có một cổng chung; trong có nhiều nhà nhỏ, riêng chủ. Tôi đã một lần đến đây, nên quen chỗ, không phải hỏi thăm.

Đúng giờ hẹn, tôi vào cổng. Chưa vào đến nhà của chị cán bộ cơ sở, thì gặp một người đàn ông dắt xe đạp đi ra cổng. Cùng lúc tôi dắt xe đạp đi vào.

Tôi giật mình. Thằng này tên là V. Đã làm ở Sở Công an Bắc bộ hồi 1945, 1946. Có tin nó “đỉnh tề”⁽²⁾ từ lâu; và làm mật thám. Nó rất biết tôi hồi ở Sở Công an.

Đã nhìn thấy tôi; nó ngưng xe lại. Nhưng nó lại lắp bắp, nói: “ Ông ... ông gặp ai? Tôi ... tôi đi vắng rồi. ...!”

Tôi không mở miệng trả lời. Vì nếu nói, thì càng dễ bị nhận diện chính xác.

Nó nói xong, tiếp tục dắt xe ra cổng, và lên xe đi ngay.

Tôi phân tích rất nhanh trong đầu. Thằng này tỏ ra hoảng hốt, tức là nó sợ tôi. Vì nó ắt biết tôi hiện đứng đầu cơ quan Công an Kháng chiến, là tổ chức đã từng diệt trừ Việt gian ngay trong thành phố này. Nó sợ, nên chạy đi luôn. Cũng có thể sẽ đi báo cho bọn mật vụ.

Rất nhanh, tôi vào nhà chị cán bộ báo việc bắt thường; dặn cách đối phó; rồi tôi cũng quay ra cổng, lên xe, đi luôn ra phố Huế đông người đề trà trộn, sau đó rẽ vào một vài phố vắng để kiểm tra xem có “đuôi” sau lưng mình hay không. Thấy yên, tôi ghé một cơ sở, đợi tối mới về nhà.

Sau này, chị cán bộ cơ sở nhắc cho tôi biết là: Thằng V. có hỏi chị ấy, có gặp người nào vào nhà chị hôm đó không; thì chị đã đáp là không; và nói trịch đi, có lẽ họ vào thu tiền gì của nhà nào đó trong ngõ này.

*

Sau này, nhiều lần tôi suy nghĩ, thử phân tích: Vì sao hai lần, bọn tay sai địch gặp mình, mà chúng lại sợ, và không dám bắt tôi tại trận?

Tôi chỉ có thể tự giải đáp được qua câu chuyện, cũng có thật, sau đây.

Năm 1948, Nha Công an mời thi sĩ Lan Sơn cộng tác, để viết về đề tài Công an. Ông Lan Sơn đã có thời gian đến làm việc với chúng tôi ở Công an Hà Nội.

Đến năm 1952, tôi được báo cáo là ông Lan Sơn đã về nội thành Hà Nội, và đi dạy học ở một trường tư tên là Minh Tân. Lúc đó, anh Trần Văn, cán bộ Công an Hà Nội, đang xã hội hóa để hoạt động ở nội thành, nên tôi bố trí cho đi học ở trường Hàn Thuyên; đồng thời đi làm, không ngờ lại làm đúng ở trường Minh Tân (anh Trần Văn là Đại tá An ninh, nay đã hưu).

Hồi đó, tôi còn kiêm phụ trách Công chức vận ở nội thành. Tôi nghĩ có thể vận động ông Lan Sơn tham gia; vì tôi tin ông không phải là người chống lại Cách mạng.

Tôi viết một thư tay cho ông Lan Sơn, giao cho anh Trần Văn chuyển; hẹn sẽ gặp. Ông ấy nhận lời; và cho tôi địa chỉ nơi ở của ông ấy, thuê trên gác một nhà ở phố Quán Thánh.

Tối hôm hẹn, trời mưa. Tôi vẫn đạp xe đến. Khi tôi vào phòng rồi, ông Lan Sơn ra ban-công nhìn ngó xung quanh; rồi quay vào. Chưa nói chuyện gì, câu đầu tiên của ông Lan Sơn, nguyên văn bằng tiếng Pháp: “Tu as ton garde-corps là-bas?” (Nghĩa là: Anh có người cận vệ ở gần đây chứ?). Hẳn là ông ấy nghĩ, tôi là cán bộ Công an có cỡ, thì phải như thế.

Tôi không trả lời. Cứ để ông ấy yên tâm như thế là hơn.

Cán bộ cách mạng hoạt động bí mật trong vùng địch, làm gì có chuyện đi đâu cũng kè kè có cận vệ!

*

Nhưng, qua chuyện hai lần tình cờ đụng phải tay sai địch đã biết rõ tôi là ai, mà hoặc chúng hoảng hốt, hoặc không dám bắt tôi; hẳn là không phải vì chúng có lương tâm gì; mà phải là vì chúng cũng có sự suy nghĩ giống như ông Lan Sơn. Nghĩa là: Chúng cho rằng bao giờ tôi cũng có cận vệ cùng đi; nếu gây chuyện gì đối với tôi, thì chúng là người mang vạ đầu tiên.

*

Nhân dân trong vùng địch kiểm soát đã đùm bọc, giúp đỡ tôi như thế đấy.

Và uy thế của Kháng chiến, ngay ở sào huyệt của địch, cũng đã bảo vệ cho tôi, là như thế đấy.

*

Trong tâm tưởng của tôi, luôn luôn giữ hình ảnh đẹp đẽ về những chiến sĩ giao liên, nam cũng như nữ, của ngành Công an, trong thời Kháng chiến.

Hà Nội, 6/9/1996

⁽¹⁾ *Dốc Hàng Kèn: Phó Bà Triệu, đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Du.*

⁽²⁾ *“Dinh tê”*: Trong bối cảnh kháng chiến, “dinh tê” được hiểu là hành động từ bỏ vùng kháng chiến, trở về các khu vực do Pháp kiểm soát, hoặc quay về “thành” tức là các đô thị, vùng xuôi.

Một cuộc đấu tranh

Anh Trần Quốc Hoàn được Trung ương Đảng điều động lên làm Thứ trưởng Thứ bộ Công an⁽¹⁾ nên anh Lê Thanh Nghị lúc đó là Bí thư Liên khu ủy Ba, kiêm Bí thư Đặc khu ủy Hà Nội. Thường trực Đặc khu Hà Nội, khoảng 1954, đóng tại khu vực Xích Thổ (nay là huyện Hoàng Long).

Khoảng tháng 6/1954, đại diện của Trung ương về Liên khu Ba, triệu tập một cuộc họp có cả đại biểu của Khu Tả Ngạn và Đặc khu Hà Nội dự, để thông báo về Hiệp định Giơ-ne-vơ sắp tới, đặc biệt là vấn đề tạm chia Việt Nam thành hai miền. Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Quân đội Pháp rút bỏ ngay Nam Định và Phủ Lý. Anh Trần Quốc Hoàn điện giao nhiệm vụ cho tôi đi gặp Công an khu Tả Ngạn và Hải Phòng, truyền đạt một số chủ trương công tác.

Vừa về đến cơ quan, thì được ý kiến của Thường vụ cấp ủy, cho di chuyển toàn bộ hậu cứ ra đường 1, thuộc các huyện Phú Xuyên và Thường Tín. Việc di chuyển vừa xong, thì lại được chỉ thị cùng đoàn cán bộ của Hà Nội, lên Việt Bắc dự lớp tập huấn, để chuẩn bị tiếp quản Hà Nội.

Trường cải cách ruộng đất thuộc huyện Đại Từ được dùng làm nơi mở lớp chuẩn bị tiếp quản Hà Nội. Đến nơi, tôi gặp anh Trần Danh Tuyên, mới được Trung ương chỉ định làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Chúng tôi đang bàn chuẩn bị nội dung lớp học,

thì một hôm anh Tuyên cùng tôi đến gặp Ban Bí thư Trung ương Đảng để báo cáo và xin chỉ thị.

Đến nơi, lại gặp anh Song Hào, anh Lê Quang Đạo cũng ở đó; hỏi ra thì hai anh đang công tác ở Ủy ban Liên hiệp đình chiến trung ương, do anh Văn Tiến Dũng làm Trưởng đoàn phía Việt Nam. Trưa hôm đó, tôi được lệnh theo anh Song Hào và anh Lê Quang Đạo đi nhận công tác mới. Anh Song Hào, thì tôi đã quen từ Tân Trào trước Cách mạng tháng 8; còn anh Lê Quang Đạo đã là Bí thư Thành ủy Hà Nội, tôi được cùng công tác nhiều năm. Chẳng chuẩn bị gì hành trang, hai anh bảo tôi lên cùng chiếc xe jeep, theo đường Thái Nguyên về Phủ Lỗ. Tối hôm đó đến nơi, anh Văn Tiến Dũng giao nhiệm vụ công tác.

Lúc đó tôi mới được biết, trong Hiệp định Giơ-ne-vơ có điều khoản, mà ở thế giới chưa từng có. Hai nước chiến tranh, nay ký ngưng bắn, mà lại chuyển giao bằng cách hòa bình, các thành phố cho nhau.

Anh Văn Tiến Dũng phân công cho tôi làm việc trực tiếp với anh Lê Quang Đạo, nghiên cứu Hiệp định, để chuẩn bị làm việc với phía Pháp. Trong Hiệp định, đối với Hà Nội, có việc chuyển giao về quân sự và việc chuyển giao về hành chính.

Qua ý kiến trình bày của tôi, anh Văn Tiến Dũng đồng ý đề nghị lên trên, rút anh Trần Vỹ, cũng ở Thành ủy Hà Nội, mới được điều động tham gia phái đoàn của anh Hà Văn Lâu, đang ở nội thành Hà Nội, trở về làm việc ở Ủy ban Liên hiệp đình chiến trung ương. Như thế, Thành ủy Hà Nội có 2 ủy viên

tham gia công tác ở đây; anh Trần Vỹ lo về chuyển giao quân sự, còn tôi lo về chuyển giao hành chính.

Tiểu ban về Hà Nội trong Ủy ban Liên hiệp đình chiến trung ương do anh Lê Quang Đạo phụ trách, thực chất công việc là hai nhóm công tác về chuyển giao quân sự và chuyển giao về hành chính. Việc chuyển giao quân sự, chính là vạch ra lịch rút của quân đội Pháp, cùng với ranh giới trên bản đồ để quân ta tiến đến đóng quân. Còn việc chuyển giao hành chính, nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ chỉ có mấy câu, trong đó có mấy ý lớn là “đảm bảo công việc hành chính không bị đứt đoạn”, và có “đội hành chính vào trước”.

Phía Pháp điều đến ông De Bresson là cố vấn pháp lý của tòa Đại sứ Pháp ở Sài Gòn. Còn tôi, về gặp Thành ủy xin một số cán bộ các ngành, đang ở trường tiếp quản. Về đến nơi thì được biết Trung ương lại điều động anh Trần Quốc Hoàn về làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Anh Trần Quốc Hoàn điều động cho tôi luật sư Dương Văn Đàm có chuyên môn pháp lý; và một số anh khác, tôi còn nhớ như anh Bùi Văn Các,... có chuyên môn các ngành khác; về cùng làm việc.

Buổi đầu làm việc, cả hai bên Việt và Pháp đều nói thật với nhau là trên thế giới chưa từng có việc này; và yêu cầu người đối thoại phát biểu ý kiến. Anh Văn Tiến Dũng chỉ thị cho tôi từ trước, là cứ để bên phía Pháp nói trước, xem ý kiến họ ra sao, rồi ta nghiên cứu để hoàn chỉnh đạt được yêu cầu của ta.

Trong quá trình đàm phán và xây dựng Hiệp nghị về chuyển giao hành chính thành phố Hà Nội,

Thành ủy luôn luôn gửi đến cho tôi tin tức nội thành. Được biết phía Pháp, ngoài việc cưỡng ép di cư, còn di chuyển rất nhiều máy móc, hồ sơ, dụng cụ làm việc của các cơ quan vào Nam. Còn công nhân viên chức do ta lãnh đạo thì tìm cách cất giấu, để sau này chuyển lại cho Chính phủ ta.

Nghiên cứu nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ thấy có điều khoản “đảm bảo công việc hành chính không bị đứt đoạn”, khi đàm phán, tôi kịch liệt chỉ trích phía Pháp đã làm không đúng Hiệp định. Ban đầu phía Pháp thanh minh là không có, sau họ phải thừa nhận, nhưng lại cãi rằng chỉ có cơ quan hoạt động thường xuyên thì mới phải theo Hiệp định; còn cơ quan hoạt động không thường xuyên thì không cần như vậy.

Tôi vạch cho phía Pháp biết rằng chỉ có cơ quan Quốc Hội mới là hoạt động không thường xuyên, mà ở Hà Nội không có cơ quan Quốc hội. Tôi nói: “Ông De Bresson, cố vấn pháp lý của tòa Đại sứ Pháp mà tuyên bố như vậy, tôi xin phép được công bố trên đài phát thanh lời tuyên bố ấy”.

Thấy nếu phía ta công bố trên đài, thì họ bị mất mặt, nên phiên họp tới, phía Pháp tuyên bố là “không phản đối việc bồi hoàn những tài sản đã bị lấy đi”, và đổ lỗi cho những lực lượng mà họ không chi phối được. nắm lấy ý đó, tôi yêu cầu soạn thành văn và ghi vào Hiệp nghị chuyển giao hành chính.

Còn về Đội hành chính vào trước, cả đôi bên đều chẳng hiểu nó sẽ ra sao nên cứ ghi đúng nguyên văn của Hiệp định Giơ-ne-vơ. Nhưng đến khi bàn cụ thể việc thi hành, thì bên phía Pháp tuyên bố đề nghị ta cho biết ý định. Tôi trả lời họ theo tinh thần vào

trước 10 ngày với một số nhân viên nhất định; họ đồng ý. Nhưng đến khi cơ quan Công an ta dựa vào danh mục điện thoại ở Hà Nội, kê ra có hàng trăm cơ quan lớn nhỏ khác nhau, thì Thành ủy lại chỉ thị phải nâng số người lên mấy chục người. Tại cuộc hội đàm, tôi đặt lại vấn đề, phía Pháp cũng đồng ý ngay. Gay nhất là sắp đến ngày ký Hiệp nghị chuyển giao, thì Thành ủy lại chỉ thị cho tôi phải đưa vào trước một đoàn khoảng trên dưới 100 người, thì mới bảo đảm cho mỗi cơ quan có từ một đến vài người. Ra cuộc hội đàm, tôi nói với phía Pháp “có một vài chi tiết nhỏ, đề nghị bổ sung”.

Họ sẵn sàng nghe. Khi tôi nói cần đưa vào trước khoảng trên dưới 100 người, thì họ nói phải xin chỉ thị cấp trên của họ, rồi cuối cùng họ đồng ý; vì thật ra, trên thế giới chưa có tiền lệ này.

Những ngày cuối chuẩn bị văn bản, và ký Hiệp nghị, phía Pháp còn có vài động tác gây rối, nhưng cuối cùng là ký. Buổi chiều ký Hiệp nghị cũng là buổi chiều mà Đội hành chính vào trước, lên đường vào Hà Nội. Từ Đại Từ, khoảng 100 cán bộ các ngành đã tập trung ở Phủ Lỗ. Chúng tôi giới thiệu nội dung Hiệp nghị chuyển giao hành chính, và nhấn mạnh kế hoạch làm biên bản bàn giao ở từng cơ sở, có kèm bản danh mục tài sản. Thành ủy Hà Nội đã cử anh Trần Danh Tuyên, lúc đó là Phó Bí thư Thành ủy, với danh nghĩa Tổng Liên đoàn Lao động làm Phó Chủ tịch Ủy ban quân quản Hà Nội, làm Trưởng đoàn các Đội hành chính vào trước; tôi làm Phó đoàn.

Bác sĩ Hoàng Đình Cầu cùng trong Đoàn hành chính vào trước, được phân công tìm nơi ở cho

cả đoàn. Anh Cầu đề nghị dùng nhà thương De Lanessan (nay là Quân y viện 108) làm nơi ở cho cả đoàn; vì thương bệnh binh Pháp đã đi hết, ở đó rộng rãi, chỉ làm vệ sinh tẩy uế là dùng được. Ý kiến anh Cầu được chấp nhận.

Từ Phủ Lỗ, chiều tối 2/10/1954, hàng đoàn xe vận tải của phía Pháp chở khoảng 100 người của các Đoàn hành chính về Hà Nội. Họ phải làm vậy, vừa vì Hiệp nghị cũng chỉ mới ký lúc chiều, vừa để tránh gây ảnh hưởng chính trị không lợi cho họ, nếu Đoàn đi ban ngày.

Từ ngày 3/10/1954, các chuyên viên của ta được đưa đến các cơ quan hành chính ở Hà Nội. Anh em đã được sự giúp đỡ của công nhân, viên chức tại chỗ; họ cung cấp bản danh mục tài sản gốc của từng cơ quan; anh em ta đòi phía Pháp lập danh mục tài sản hiện có, rồi xác định những thứ bị mang đi, làm cơ sở cho việc đòi bồi hoàn sau này. Anh em còn biết lợi dụng mạng lưới điện thoại, mà ngay từ ngày đó, người của ta đã nắm giữ tổng đài, để liên lạc với chúng tôi thường trực tại bệnh viện De Lanessan. Do đó, chúng tôi chỉ đạo được chặt chẽ cách thức đấu tranh cho từng nơi. Công việc làm đến chiều 9/10/1954 là xong.

Từ sáng 10/10/1954, mọi người đã biết sự thế ra sao.

Có điều là, ngay sau tiếp quản thành phố Hà Nội, tôi được cử làm tiếp công việc ở Ủy ban Liên hiệp đình chiến trung ương. Công việc giống như đã làm, là xây dựng Hiệp nghị chuyển giao khu 300 ngày; công việc mới là Tiểu ban bồi hoàn tài sản, là

một kết quả và kế tục của việc chuyển giao hành chính Hà Nội.

Tôi làm việc ở Ủy ban liên hiệp đình chiến trung ương, đồng thời cũng vẫn phải làm nhiệm vụ ở Hà Nội. Nên sau này, chỉ còn việc bồi hoàn tài sản, tôi giao việc cho anh Dương Văn Đàm làm tiếp tục cho đến khi phía Pháp phải ký biên bản bồi thường bao nhiêu triệu Franc Pháp, tôi không nhớ rõ.

*

Đã 40 năm trôi qua. Đứa con gái đầu lòng của chúng tôi, sinh dịp này, được đặt tên là Hòa Bình; năm nay vừa tròn 40 tuổi.

Hồi tưởng lại, sau ngày 19/12/1946, một bài hát có câu “Ngày mai sẽ về Thủ đô...” là câu kết.

Những người con của Hà Nội, những người đã chiến đấu ở Hà Nội, vì Hà Nội và vì cả nước, đã giữ trọn lời thề, khi mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược lại nước ta.

Ngay trong đoàn xe chở các Đội hành chính vào trước, đêm 2/10/1954, không biết bao anh em đã rơi nước mắt, khi trên đường trở về Hà Nội trước ngày chính thức tiếp quản thành phố.

Hà Nội, năm 1994

(1) Nha Công an, tách từ Bộ Nội vụ cũ ra, ban đầu được gọi là Thứ Bộ Công an. Cuối tháng 8/1953, mới đổi tên là Bộ Công an.

Chuyển giao hành chính và tiếp quản Hải Phòng

Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, sau khi tiếp quản Hà Nội, Hải Dương, thì giai đoạn cuối là tiếp quản khu 300 ngày, trong đó có thành phố Cảng Hải Phòng.

Việc tiếp quản khu 300 ngày và thành phố Hải Phòng có ý nghĩa quan trọng. Như Bác Hồ đã viết rằng, trước đây ta có đêm, nay ta có ngày, trước ta có núi rừng, nay ta có biển.

*

Sau khi làm xong nhiệm vụ giúp tiếp quản Hải Dương, tôi nghĩ đã có thể trở về với trách nhiệm được phân công ở Thành ủy Hà Nội. Không ngờ, lại nhận được chỉ thị của Ban Bí thư, tiếp tục lên làm việc ở Ủy ban Liên hiệp đình chiến trung ương về việc chuẩn bị cho tiếp quản khu 300 ngày và thành phố Hải Phòng.

Trụ sở Ủy ban Liên hiệp đình chiến lúc này đã chuyển từ Phủ Lỗ về phía dưới ga xe lửa Phú Thái, trên đường Hà Nội - Hải Phòng. Đoàn Việt Nam do đồng chí Văn Tiến Dũng làm Trưởng đoàn; phía Pháp do tướng De Brébisson làm Trưởng đoàn.

Suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi công tác ở Hà Nội, nên quen biết tình hình và công việc. Còn Hải Phòng, tôi chỉ có một số kỷ niệm thời nhỏ; sau này qua các bạn bè mà biết tình hình, chứ không thật sự hiểu biết có chiều sâu.

Lúc này, những tin tức của Đảng bộ địa phương cung cấp cho phái đoàn ta ở Ủy ban Liên hiệp đình chiến cho biết, đối phương đang tìm cách di chuyển tài sản của các cơ quan, công sở vào Nam; ngay cả một số tài sản của Hà Nội cũng còn ùn ở Cảng Hải Phòng. Những việc làm đó đều trái với Hiệp định Giơ-ne-vơ. Nếu làm tốt việc đấu tranh chuyển giao Hải Phòng, không những phục vụ cho Hải Phòng mà còn có ích đối với Hà Nội.

Theo chỉ thị của Trung ương, Ban chỉ đạo đấu tranh và tiếp quản khu 300 ngày và thành phố Hải Phòng do anh Đỗ Mười, Bí thư Khu ủy Tả Ngạn làm Trưởng ban. Anh Mười triệu tập tôi đến, cho biết có anh Nguyễn Khai và tôi; theo sự phân công của anh Mười, tôi chịu trách nhiệm việc đấu tranh ở Ủy ban Liên hiệp đình chiến để đi đến ký kết Hiệp nghị về chuyển giao, tiếp quản hành chính Hải Phòng, như đã đạt được ở Hà Nội.

Lúc đó, Khu ủy Tả Ngạn đóng ở Hải Dương. Thường trực Thành ủy Hải Phòng cũng đã ở phía nam cầu Phú Lương. Tôi đã gặp các anh Hoàng Mậu, Trần Kiên, Tô Duy để bàn việc của Hải Phòng; và Công an Khu, giúp hình thành Công an Hải Phòng.

Hàng ngày, tôi cùng mấy đồng chí đã có kinh nghiệm ngồi soạn Hiệp nghị chuyển giao hành chính Hà Nội, đến trụ sở Ủy ban Liên hiệp đình chiến để cùng phía Pháp thảo luận nội dung văn kiện.

Lúc chuẩn bị cho Hà Nội, phía Pháp điều động một cố vấn pháp lý tòa Đại sứ Pháp ở Sài Gòn đến làm người đối thoại với tôi; sau còn điều động thêm một cố vấn kỹ thuật, đang làm việc ở tòa Đại

sứ Pháp ở Hoa Kỳ đến phụ tá. Họ đều nói trên thế giới, đây là lần đầu tiên hai bên chiến tranh xong, mà lại bàn giao cho nhau các thành phố, như Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định.

Nhưng đến Hải Phòng, có lẽ họ cho rằng đã có kinh nghiệm, nên giao cho một trung tá trong quân đội viễn chinh Pháp đứng đầu phía Pháp. Viên trung tá này thuộc họ quý tộc, quen thói nông nhênh nhưng thực ra không am hiểu công việc và có lẽ chỉ làm theo lệnh, nên làm việc khá rắc rối.

Trong Hiệp nghị chuyển giao hành chính Hà Nội trước đây, qua đấu tranh quyết liệt của phía ta, phía Pháp lúc đó buộc lòng phải chịu ghi vào Hiệp nghị điều khoản bồi hoàn tài sản đã bị lấy đi; là một sự phát triển so với Hiệp định Giơ-ne-vơ. Đối với Hải Phòng lần này, đây là điểm gay cấn nhất: phía Pháp khẳng khẳng không chấp nhận tiền lệ của Hà Nội; phía ta nhất định đòi ghi vào. Cuộc thảo luận về các nội dung khác đều đã xong, chỉ bế tắc ở điểm này.

Một hôm, Trưởng phái đoàn Pháp đề nghị với đồng chí Văn Tiến Dũng cho phép ông De Bresson, là người đã đối thoại với tôi về Hà Nội, được hội ý riêng với tôi về những khó khăn tồn tại trong đàm phán về Hải Phòng. Đồng chí Văn Tiến Dũng chấp nhận. Anh Bùi Văn Các trong đoàn ta, cùng tôi đã gặp De Bresson. Đây chỉ là một cuộc thăm dò lập trường của nhau, chứ không đi đến một thỏa thuận nào cả. Tuy nhiên, ít lâu sau, Hiệp nghị về chuyển giao hành chính Hải Phòng đã được ký kết.

Tôi báo cáo lại kết quả với Ban chỉ đạo. Anh Mười quyết định phải mau chóng tổ chức các Đội

hành chính vào trước, để tiếp quản theo trình tự rút quân của phía Pháp. Đó là bắt đầu từ Móng Cái trước, rồi chuyển dần về Hồng Gai, Quảng Yên, rồi mới đến Hải Phòng; mà Đồ Sơn là điểm cuối cùng phía Pháp rút hết quân ở miền Bắc nước ta.

Theo kinh nghiệm tiếp quản Hà Nội, toàn bộ các ngành của khu Tả Ngạn có trách nhiệm hình thành bộ máy cho các cơ quan ở Hải Phòng; trên cơ sở đó chọn một số cán bộ đưa vào các Đội hành chính vào trước.

Cùng thời gian này, theo quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, lập Thành ủy mới của Hải Phòng, Ủy ban quân quản, Ủy ban Hành chính Hải Phòng. Cán bộ ở Trung ương về giúp tiếp quản Hải Phòng có anh Lý Ban, anh Hoàng Sâm và tôi, cũng được chỉ định tham gia Thành ủy tiếp quản.

Tại một địa điểm của huyện Đông Triều, có anh Đỗ Mười cùng dự, trong một buổi tối, tôi đã phổ biến cho một số đồng chí của khu Hồng Quảng cũ, nội dung Hiệp nghị chuyển giao hành chính khu 300 ngày; nêu những điểm cần chú ý đấu tranh, cũng như cách làm đảm bảo có lợi nhất cho ta.

Sau đó, cùng với anh Hoàng Mậu và anh Tô Duy, tại Hải Dương, chúng tôi hình thành Đội hành chính vào trước cho Hải Phòng. Anh em đều được phổ biến đầy đủ nội dung Hiệp nghị, các điểm quan trọng đối với Hải Phòng, cách dựa vào quần chúng công nhân viên chức tại chỗ, để ký biên bản ở từng cơ sở, đảm bảo vững chắc nhất.

Theo Hiệp nghị, các Đội hành chính sẽ vào Hải Phòng 10 ngày, trước ngày chính thức tiếp quản. Để có người quen biết thành phố, anh Mười phân

công anh Hoàng Mậu, anh Tô Duy cùng với tôi thành nhóm lãnh đạo các Đội hành chính vào trước; mà tôi là Trưởng đoàn. Anh Tô Duy vào chọn địa điểm trú đóng cho các Đội của ta.

Vừa để đảm bảo đủ chỗ cho khoảng một trăm người, vừa để biệt lập đoàn ta với dân, phía Pháp thu xếp trại lính Bouet gần Cảng, làm nơi ở cho đoàn ta; nơi đây không còn quân lính trú đóng.

Để đưa cán bộ các Đội hành chính vào trước đến được Hải Phòng, đã phải sử dụng rất nhiều xe tải. Khi đó ta bắt đầu có một số xe ca loại lớn và đẹp của Tiệp Khắc sản xuất; chúng tôi chủ trương cán bộ các ngành đều ngồi ở các xe tải; còn xe ca của Tiệp Khắc thì dành cho chị em cấp dưỡng, với lưng còng nôi, cháo, thúng, mủng. Chủ trương như thế, vì chúng tôi vào Hải Phòng ban ngày, chắc chắn đồng bào sẽ trông thấy; chúng tôi muốn cho mọi người thấy ở chế độ ta, những người lao động bình thường được quý trọng như thế nào. Quả nhiên, khi đoàn xe vào đến thành phố, rất đông người đổ ra xem, và bàn tán xôn xao.

Hồi tiếp quản Hà Nội, các Đội hành chính vào trước của ta trú trong khu vực bệnh viện Đồn Thủy (nay là quân y viện 108). Ở đó chúng tôi sử dụng được hệ thống điện thoại sẵn có để liên lạc và chỉ đạo công việc mới phát sinh ở các điểm cụ thể.

Ở Hải Phòng, phía Pháp viện lý do an ninh, đi đâu cũng cần có hộ tống, lại chẳng có điện thoại trong trại lính cũ; nên Đội nào đến đâu làm việc là phải tự lực giải quyết công việc. Rất may là chúng tôi đã chuẩn bị khá kỹ công việc, dựa vào kinh nghiệm của Hà Nội, nên các Đội có kinh nghiệm đầu

tranh, biết dựa vào công nhân viên chức tại chỗ, lập được biên bản bàn giao, ghi rõ những tài sản bị thiếu, buộc người của đối phương ký biên bản theo thực trạng. Trong việc này, phải nói rằng cơ sở tại chỗ, đặc biệt là ngành Công đoàn đã có đóng góp đáng kể.

*

13/5/1955 là ngày quân đội ta vào thành phố, cùng với các ngành công tác khác, tiếp quản các cơ quan, công sở, mà ở mỗi nơi đều đã có anh em trong Đội hành chính vào trước chờ sẵn.

Cho đến trưa, quân đội ta và cán bộ các ngành đã làm xong việc tiếp quản thành phố.

Những đơn vị cuối cùng của phía Pháp, theo đường Đồ Sơn, rút theo cảng quân sự.

Miền Bắc nước ta hoàn toàn sạch bóng thực dân.

Toàn thành phố tưởng như rực sáng màu cờ đỏ sao vàng. Cuộc đời đã bắt đầu cho biết bao nhiêu người. Cuộc cách mạng của toàn dân tộc ta đã bước sang giai đoạn mới.

*

Cuộc trở về của những người con yêu của thành phố cảng lớn nhất miền Bắc đã thành sự thật. Sau bao nhiêu năm gian khổ, khi Đèo Voi, lúc địch hậu Tả Ngạn, có người trụ bám ngay trong nội thành tạm bị chiếm; đối với những người bạn của tôi, niềm tin và tình yêu đối với Thành Tô quê hương, chính là sự có mặt của họ hôm nay, trên đường phố Hải Phòng, với tư thế người chiến thắng.

Tháng 5/1995

Mấy lần đầu đi công tác ở nước ngoài

Cha tôi đã kể rằng:

Sau năm 1955, Hội Nhà văn Việt Nam bắt đầu có hoạt động quốc tế. Cha tôi đã thay mặt Hội ta, đi dự Hội nghị các Nhà văn Á-Phi họp ở Ấn Độ.

Năm đó anh Nguyễn Cơ Thạch đang làm Tổng Lãnh sự Việt Nam ở Ấn Độ; đã giúp đỡ Đoàn của Hội Nhà văn Việt Nam nhiều kinh nghiệm hoạt động quốc tế.

Hội Nhà văn ta không có người biết tiếng Anh để đi cùng Đoàn. Tổng Lãnh sự quán ta ở Ấn Độ lại phải giúp người phiên dịch, tạo điều kiện cho Cha tôi tiếp xúc được các nhà văn châu Á và châu Phi. Nhiều nhà văn các nước tặng Cha tôi sách của họ, để làm kỷ niệm. Cha tôi mang về một cái khăn, của Hội Nhà văn Miến Điện, trên có chữ ký của nhiều nhà văn các nước dự Hội nghị; nay vẫn còn rõ một ít chữ. Một ông họa sĩ châu Phi đã tặng Cha tôi mấy bức họa màu, vẽ người châu Phi, trên những mảnh bìa kích thước nhỏ; mấy tranh đó, khi về, Cha tôi treo trong phòng; nay vẫn còn. Gặp mấy nhà văn Trung Quốc, tuy không nói được tiếng Trung Quốc, nhưng do Cha tôi biết chữ Nho đủ để diễn tả ý mình, nên hai bên có thể dùng “bút đàm” để nói chuyện với nhau.

Đọc bài phát biểu tại Hội nghị, “Mình chỉ phải đọc mấy câu đầu. Rồi người phiên dịch đọc tiếp cả bài đó, đã được dịch sẵn ra tiếng Anh. Gần hết, thì mình chỉ còn phải đọc nốt mấy câu cuối”. Cha tôi cho đó là cách làm việc mà Ông thích thú nhất.

*

Cha tôi lại kể rằng:

Năm 1960, Hội Nhà văn Liên Xô mời Cha tôi sang thăm. Lần đầu đến Liên Xô, thấy rất nhiều điều mới lạ.

Lúc đó, ông Ni-cu-lin đã học tiếng Việt, để nghiên cứu về văn học Việt Nam. Ông ấy đã dịch một số truyện ngắn của Cha tôi, và xuất bản bằng tiếng Nga, bán ở bên đó. Trong tập truyện ngắn, có truyện “Đàn bà là giống yếu”. Họa sĩ minh họa đã vẽ trên bìa sách, hình một người đàn bà to béo hết cỡ. Ai xem thấy, cũng phải buồn cười. Sách này Cha tôi có mang về nhà (Sau tôi đem cho một người bạn Nga, hồi đó công tác ở Hà Nội, để anh ấy đọc giải trí lúc xa nhà).

Khi Cha tôi làm việc với Hội Nhà văn Liên Xô, thì ông Ni-cu-lin giúp làm phiên dịch. Ngoài ra hai người nói chuyện trực tiếp với nhau bằng tiếng Việt; nên nói được nhiều chuyện về văn học.

Ở ta, khi đó chưa quen một số cách làm việc ở Liên Xô.

Cha tôi được mời phát biểu ở Đài phát thanh. Xong, người ta đưa ngay tiền thù lao, coi như nhuận bút. Những truyện do ông Ni-cu-lin dịch và đã xuất bản, khi Cha tôi đến Liên Xô, người ta đưa một khoản nhuận bút khá lớn bằng tiền Rúp. Mua quà

cho gia đình, chẳng hết là bao. Số tiền Rúp còn lại nhiều, cũng chẳng mang về được.

Cha tôi bèn mời các bạn nhà văn Liên Xô - đã gặp gỡ trong chuyến thăm đó - đến khách sạn Bắc Kinh ở Mát-xcơ-va, “chén” một bữa; bằng cách đưa tất cả số tiền Rúp mình đang còn, mời bạn bè ăn uống cho hết số tiền ấy. Xong bữa đó, có ông bạn Nga nói là chưa lần nào phải chi nhiều tiền như thế cho một bữa tiệc.

Bỗng một buổi, một cán bộ Sứ quán Việt Nam ở Liên Xô đến. Nói là Bác Hồ bảo đưa xe của Sứ quán ta đến đón, và đưa ngay Cha tôi đến nơi Bác đang ở.

Hiện Bác đang dự Hội nghị Đảng Cộng sản ở bên đó. Cha tôi không hiểu có việc gì mà đến nỗi Bác cho gọi gấp thế.

Hỏi, thì cán bộ Sứ quán ta cũng không biết có chuyện gì.

Cha tôi băn khoăn, hay là mình phát biểu ở Đài phát thanh có gì thất thố chẳng?

Nhưng Bác đã gọi, thì phải đến ngay.

Tới nơi, gặp Bác.

Bác bảo ngồi.

Thưa: “Có việc gì mà Bác cho gọi?”

Thì Bác trả lời: “Mình đọc báo hàng ngày, thấy ở mục Khách đến, có đưa tin là Chú đã đến Mát-xcơ-va. Hôm nay rồi, nên mình bảo đón đến chơi thôi”.

Tai nghe rõ rồi. Cha tôi thấy như hết lạnh trong người.

Bác nhiều việc, mà không bỏ qua việc đọc báo hàng ngày; và Bác để ý cả đến một mẩu tin cụ thể, chi tiết.

Thì ra, khi ở nước ngoài, gặp đồng bào của mình, luôn luôn là một niềm vui thích cho bất cứ ai.

Đồng thời, nghĩ bụng, Cha tôi cũng thấy tự buồn cười mình.

Gặp văn nghệ sĩ, Bác coi như một sự quan hệ bình thường, với thái độ mộc mạc thân tình.

Thế mà ban nãy mình đã sợ, cứ như đến hết hồn!

Hà Nội, 12/9/1996

Bảo vệ Bác Hồ đi thăm mấy nước Đông Nam Á

Năm 1958, Bác Hồ đi thăm các nước Ấn Độ, Miến Điện (nay gọi là Mi-an-ma) và đầu 1959 Bác đi thăm In-đô-nê-sia.

Biết tính Bác, Thủ tướng Nê-Ru đã chỉ thị cho Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao Ấn Độ là: Đối với Hồ Chí Minh, không có những thủ tục lễ tân gò bó được.

Quả vậy.

Bữa đến thăm Thủ tướng Nê-ru tại nhà riêng; trên đường trở về Phủ Tổng thống (là nơi nghỉ của Bác), đoàn ô tô đang chạy bỗng dừng lại bất ngờ. Mọi người chưa hiểu có việc gì. Thì đã thấy Bác từ trong xe bước xuống đường, ngay giữa phố. Đoạn đường này không còn xa cổng sau của Phủ Tổng thống. Thế rồi Bác cứ thế đi bộ. Dân Ấn Độ hai bên đường đổ ra hoan hô Bác. Khi đến cổng sau của Phủ Tổng thống, Bác đi thẳng vào, qua các lều vải căng cho các đội vệ binh Ấn Độ, Bác rẽ vào thăm họ. Đội vệ binh hết sức bất ngờ. Ai nấy đều rất phấn khởi trước sự quan tâm của Bác. Người Đội trưởng, nước mắt muốn trào ra, nói với một cán bộ của ta đi trong Đoàn: “Vô cùng vĩ đại, mà cũng vô cùng giản dị”.

Ở Tân Đê-li, có một cái tháp cổ, khá cao. Cán bộ bảo vệ của ta đến đó nghiên cứu trước, thấy muốn lên đỉnh tháp, phải leo khoảng trăm bậc, đã bị mòn nhiều. Người khoẻ leo lên cũng thấy mệt. Nên khi Bác đến đó, anh em đề nghị Bác chỉ đi xem bên

dưới. Nhưng Bác gạt đi; và nói rằng, đã đến thăm thì phải đi cho hết; cứ leo từ từ sẽ đỡ mệt. Thế rồi, Bác bắt đầu leo lên đỉnh tháp.

Đến nơi, Bác ra cửa trên đỉnh tháp. Dưới đất, nhân dân Ấn Độ đã tập hợp khá đông, khi họ biết là Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm tháp. Từ trên cao, Bác vẫy họ. Tiếng hoan hô ầm ĩ.

Xong Bác trở xuống. Anh em bảo vệ chỉ lo Bác trượt chân. Các bậc lên xuống lại quá hẹp. Không có cách nào đỡ Bác. Nên đành phải một người đi trước đón bên dưới, một người đi sau. Bác vẫn nói: Các Chú yên tâm, Bác đi được.

Cuối cùng, Bác đã xuống đến đất. Nhân dân Ấn Độ đợi ở dưới đất xúm đến, tiếp tục hoan hô, cho đến khi đoàn xe rời hẳn khu vực.

Tại một cuộc gặp mặt với các giới, Bác sẵn sàng trả lời các câu hỏi. Một người hỏi: Thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hòa bình là thế nào? Bác liền trả lời: Nghĩa là người Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc ngồi lại với nhau để bàn bạc công việc của đất nước. Cử tọa vỗ tay tán thưởng.

Tại một cuộc họp báo, số phóng viên đông hơn dự kiến của Ban Tổ chức, nên không đủ ghế ngồi. Bác liền yêu cầu mọi người dẹp ghế sang một bên. Rồi Bác bắt đầu ngồi xuống đất, và bảo các phóng viên làm theo. Như thế ai cũng có chỗ ngồi. Các phóng viên ò lên cười vui vẻ, vì sáng kiến của Bác làm thỏa mãn mọi người có mặt. Cuộc phỏng vấn đã diễn ra như thế, chưa bao giờ có trên thế giới, đối với một nguyên thủ quốc gia.

Ở Miến Điện, khách đến thăm Chùa Vàng, cũng như ở In-đô-nê-sia, khách đến thăm đền Bô-ru-bô-đua, đều phải cởi giày. Mọi người đều rất mất thì giờ tháo giày, tháo tất. Riêng Bác, với đôi dép lốp vẫn thường đi ở trong nước, việc bỏ dép rất nhanh. Phóng viên các nước đi theo chớp ngay lấy cơ hội hiếm có này để quay phim chụp ảnh đôi dép lốp của Bác, động tác khi Bác bỏ dép cũng như mang lại dép. Vì không có nguyên thủ quốc gia nào mà có đôi dép như vậy.

Lần đi thăm In-đô-nê-sia, ngay sau khi đến Gia-các-ta, chưa có việc theo chương trình, Bác liền yêu cầu đi thăm thành phố, theo lối vi hành. Sĩ quan tùy tùng do phía In-đô-nê-sia cử đi theo Bác gồm ba người đại diện cho Hải, Lục, Không quân. Nhưng Bác chỉ cần một người, nên Trung tá Không quân đưa Bác đi. Trên đường đi, ngang kênh rạch của Thủ đô, bỗng nhiên có một chỗ tình cờ gặp phải một người dân đang ngồi “cầu tôm”. Bác đã trông thấy. Viên Trung tá Không quân đỏ mặt vì ngượng. Nhưng Bác đã nói ngay, đại ý, xây dựng một nước về các mặt, phải rất nhiều công sức và thời gian. Sau đó, viên Trung tá này có viết một bài kiểu Hồi ký, kể lại chuyện này. Và tỏ ý xúc động vì sự thông cảm của Bác; và lời nói của Bác đã xóa hết mặc cảm của ông ta.

Cũng ở In-đô-nê-sia, khi đến thành phố Cảng Su-ra-bay-a, sau một ngày hoạt động khá căng theo chương trình, buổi tối lại còn chiều dài, vẫn công. Đã khuya. Người ta mời Bác đi nghỉ.

Thì Bác ngỏ ý muốn vi hành thăm khu nhà của vị Sultan Hồi giáo. Phía chủ nhà cũng bị bất ngờ; nhưng là yêu cầu của khách, nên họ liền thu xếp. Họ gọi đội bảo vệ và xe hộ tống. Nhưng Bác gạt đi, nói chỉ đi một xe. Đoàn phải làm theo ý Bác.

Thế là, trên một chiếc xe ô tô, Bác ngồi đằng sau, viên Trung tá Không quân ngồi cạnh để hướng dẫn, giải thích; một cán bộ bảo vệ của ta cùng ngồi ghế sau; ghế trước, ngoài lái xe, hai cán bộ bảo vệ của ta cùng ngồi một ghế.

Xe chạy một đoạn đường dài, ngoắt ngoéo, mới đến một khu vực có tường cao bao bọc. Đó là dinh cơ của vị Sultan. Quá nửa đêm, xe mới trở về nhà nghỉ.

Đến sáng hôm sau, Bác cùng đoàn lại tiếp tục chương trình, bay đi thăm đảo Bali.

5/9/1995

Cơ yếu tham gia chống biệt kích

Những năm 1960, Mỹ Diệm ở miền Nam hào Bắc tiến, lấp sông Bến Hải. Đồng thời chúng bắt đầu tung các toán gián điệp biệt kích ra miền Bắc.

Theo sự phân tích và chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng lúc đó, thì chẳng phải Mỹ nguy muốn dùng gián điệp biệt kích chỉ để do thám, phá hoại ta về vật chất; mà chúng còn muốn kích động bọn phản động tại chỗ, chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh xâm lược thực sự đối với miền Bắc nước ta. Vì vậy, phải phát động một phong trào quần chúng nâng cao cảnh giác, phòng và chống gián điệp biệt kích, trên toàn miền Bắc nước ta hồi đó.

Tôi không có ý định kể lại ở đây về phong trào quần chúng sôi nổi phòng và chống biệt kích hồi đó, rộng khắp như thế nào.

Tôi sẽ chỉ đề cập chừng nào đó về cuộc đấu tranh bằng nghiệp vụ của Công an ta, là một bộ phận quan trọng trong phong trào chung của toàn dân ta ở miền Bắc hồi đó, phòng và chống gián điệp biệt kích.

*

Bắt được gián điệp biệt kích, đưa ra xét xử công khai để nâng cao cảnh giác cho quần chúng, đồng thời vạch mặt địch về chính trị, phải công phu, tuy nhiên không khó. Vấn đề là: Làm thế nào tiếp tục nắm được âm mưu, kế hoạch, cũng như thủ đoạn hoạt động của địch, để chủ động đối phó? Đó là chức

trách của ngành Công an. Trong lúc hoạt động phải khiến chưa có được tin tức, thì phản gián phải đảm nhiệm trong khả năng có thể. Và lại cơ quan phản gián cũng đã từng thông qua chuyên án trình sát mà mở rộng sự hiểu biết về địch.

Căn cứ kinh nghiệm đấu tranh chống gián điệp nói chung, và kinh nghiệm chuyên án trình sát nói riêng, lãnh đạo Bộ Công an chủ trương mở các chuyên án đấu tranh chống gián điệp biệt kích. Loại chuyên án này khác với các chuyên án khác.

Bọn gián điệp biệt kích ta đã bắt được, đều phải khai thác đầy đủ về nhiệm vụ, địa bàn hoạt động, các thủ đoạn liên lạc điện đài, cách làm tình báo, phá hoại, gây cơ sở, ... Ngoài ra, còn phải khai thác tối đa những sự hiểu biết của từng đứa về địch (tổ chức, nhân sự, ý đồ, ...). Đặc biệt phải nắm chính xác về những quy ước an toàn và báo động của từng toán biệt kích, đề phòng trường hợp bọn chỉ huy địch có nghi ngờ và kiểm tra.

Ta sẽ dùng ngay điện đài của địch đã phát cho biệt kích để liên lạc với trung tâm của chúng, cung cấp tin tức giả, cũng như tình hình hoạt động giả tạo theo hướng nhiệm vụ mà bọn chỉ huy địch đã giao cho từng toán. Qua đó ta tiếp tục phát hiện âm mưu ý đồ của địch. Muốn vậy, ít nhất ta phải cảm hóa, khống chế được tên báo vụ trong toán gián điệp biệt kích để sử dụng y vào việc liên lạc điện đài. Không thể dùng người của ta làm thay người của địch, tuy làm như thế rất dễ. Vì bọn chỉ huy địch đã ghi âm vào băng nhịp điệu và đặc tính của từng tên báo vụ khi ấn ma-níp (giống như tự dạng người ta, mỗi người một khác). Còn các tên khác trong toán, nếu

chúng đầu hàng, xin lập công chuộc tội thì cũng tốt; chẳng hạn như để chính chúng soạn thảo các báo cáo với cách hành văn đúng với trình độ văn hóa và phong cách của chúng, thì hơn là ta tự làm thay chúng (sau này anh em ta cũng quen được với cách làm của chúng, nên khi cần, ta cũng có thể tự làm).

Riêng việc mã dịch các bức điện đi, thì ta phải rất cảnh giác; nếu cứ để bọn biệt kích tự làm, lỡ chúng viết cho ta xem một đảng, còn khi mã dịch lại là khác, hoặc xen quy ước báo động vào thì hỏng việc (cũng như tên báo vụ, khi làm phiên liên lạc, nếu ta sơ ý, nó cũng có thể tự xen vào những câu, hay khoá riêng của chúng).

Vì vậy, các tổ công tác chuyên án của Cục Bảo vệ chính trị lúc đó phải được cấu tạo gồm đài, cán bộ cơ yếu; chưa kể đến lực lượng bảo vệ.

Lúc đó, Ban nghiên cứu chính trị và xã hội của Trung ương Đảng, do anh Trần Quốc Hoàn đặc trách. Ban này giúp Cục Bảo vệ chính trị theo dõi giám sát các phiên liên lạc điện đài, theo dõi các bức điện đến và đi của toán biệt kích, để Cục Bảo vệ chính trị đối chiếu với tài liệu của tổ công tác; đề phòng có sơ hở, hoặc bọn biệt kích có dấu hiệu không trung thành với ta.

Ở Bộ Công an lúc đó chỉ mới có một bộ phận điện đài nhỏ, để liên lạc với những địa phương mà Bưu điện không đảm bảo được; và một phòng cơ yếu trực thuộc lãnh đạo Bộ. Theo chủ trương đã có của lãnh đạo Bộ, đồng thời tôi là Ủy viên Đảng đoàn Bộ, trực tiếp làm Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị, nên việc tiếp xúc, huy động anh em báo vụ, cơ yếu

phục vụ cho các tổ chuyên án, tôi bàn trực tiếp với các đồng chí phụ trách hai bộ phận này rất thuận lợi.

Cán bộ cơ yếu tham gia các tổ chuyên án, thường có nhiệm vụ: khi có bức điện đi hoặc đến của toán biệt kích, đều làm việc mã dịch song song với bọn biệt kích để kiểm tra chúng, nhằm đảm bảo sự chính xác; hoặc phát hiện nghi vấn. Cùng lúc đó ở Hà Nội, bộ phận chuyên trách của Ban nghiên cứu chính trị và xã hội cũng qua phương tiện của mình để thu điện và mã dịch, và chuyển cho Cục Bảo vệ chính trị. Trước khi thực hiện một phiên liên lạc của toán biệt kích với trung tâm chỉ huy địch, tổ chuyên án lại phải qua đường vô tuyến và mật điện của ta, báo cáo thỉnh thị lãnh đạo Cục Bảo vệ chính trị. Do đó, cán bộ Cơ yếu còn phải dịch mật điện liên lạc giữa tổ công tác với Cục Bảo vệ chính trị. Cũng phải nói thêm là: Bọn biệt kích dùng điện đài Mỹ, với sóng ngắn dùng cho đường xa; còn báo vụ của ta không được dùng cùng điện đài đó, mà phải dùng máy khác, với sóng dài, để đề phòng địch cũng dò đài, thì dù có phát hiện, chúng cũng không thể đoán biết là cùng ở một tọa độ, mà đang có hai điện đài cùng làm việc.

Ban đầu chỉ mới có một chuyên án gián điệp biệt kích. Sau phát triển thêm nhiều chuyên án khác, bố trí ở nhiều địa phương. Nên phải hình thành nhiều tổ công tác chuyên án. Đương nhiên, cũng phải huy động thêm nhiều cán bộ báo vụ và cơ yếu cùng tham gia. Các tổ chuyên án đều phải ở rừng, dù là mùa mưa hay mùa rét; ăn uống phải mang theo; lại xa gia đình; thật là gian khổ! Nhưng anh em, ai nấy đều vui lòng chịu đựng khó khăn để hoàn thành trách nhiệm

có ý nghĩa lớn. Phải ở rừng vì: Toán biệt kích được định ném xuống vùng rừng núi hiểm trở; ta cho điện đài phát điện mật phải đúng ở tọa độ thật của vị trí mà bọn chỉ huy địch chỉ định cho toán biệt kích hoạt động (nếu cứ ở Hà Nội mà làm, thì dễ quá; nhưng sớm hay muộn bọn chỉ huy địch cũng phát hiện được. Như thế không phải chỉ làm thất bại cho một vụ án; mà còn làm hỏng toàn bộ một chủ trương kế hoạch quan trọng của Bộ Công an, nhằm phục vụ đắc lực cho việc đối phó một âm mưu nguy hiểm của địch; ảnh hưởng chẳng những đối với hoạt động nghiệp vụ của Công an, mà còn đối với nền an ninh quốc gia của toàn miền Bắc lúc đó). Nhớ lại, tôi thấy rất thương, cũng rất khâm phục các cán bộ đã tham gia các tổ chuyên án chống gián điệp biệt kích hồi đó. Và nghĩ là cần biểu dương đúng mức sự cống hiến của các đồng chí đó.

Vì ở đây chỉ muốn kể đến cơ yếu, nên tôi không đề cập đến nhiều bài học nghiệp vụ khác. Chỉ xin ghi lại tên một số đồng chí cơ yếu đã tham gia các tổ chuyên án chống gián điệp biệt kích, khoảng thời gian từ 1960 đến đầu 1964 (là lúc tôi còn chưa đi Nam, và còn trực tiếp chỉ đạo công tác đấu tranh chống gián điệp biệt kích với trách nhiệm Cục trưởng Bảo vệ chính trị, Bộ Công an). Đó là các đồng chí Phan Bạch Liên, Trần Quang Hôn, Trần Quang Giai, Đặng Văn Long, Nguyễn Quang Phiệt, Nguyễn Văn Một, Vũ Trọng Nội. Có lẽ bây giờ các đồng chí kể trên, cũng có đồng chí đã được nghỉ hưu như tôi. Từ 1964 về sau, còn nhiều đồng chí cơ yếu khác cũng tham gia công tác này; nhưng khi đó tôi

đã ở miền Nam, nên không ghi được tên trong bản viết này.

Nhân đây cũng muốn ghi lại một chuyện vui.

Qua chuyên án, bọn chỉ huy địch ở miền Nam tỏ ra tin tưởng ở toán biệt kích ta đang điều khiển. Chúng hẹn cho máy bay ném tiếp tế, thường vào đêm có trăng. Nhưng có một lần, máy bay địch không đến tiếp tế, mà lại thả dù một toán biệt kích khác ở một nơi khác. Đây là một kinh nghiệm cho ta. Nên, một lần, cũng đêm trăng rất sáng; địch hẹn cho máy bay tiếp tế một toán biệt kích ở ngoài Bắc. Nhưng tôi bỗng nghĩ rằng chưa biết chừng, chúng sẽ thả toán biệt kích mới ở miền Trung (trên đường ra Bắc hoặc trên đường về; hoặc cũng có thể bỏ phiên tiếp tế để tung toán mới, vì chúng đang rất cần).

Nên đến giờ hẹn của máy bay, tôi cho phát ngay một bản mật điện hỏa tốc cho Công an các tỉnh khu 4 cũ, yêu cầu quan sát kỹ máy bay địch có thể thả biệt kích. Phòng cơ yếu làm và chuyển ngay. Sau đó Công an Quảng Bình báo cáo là nhờ có bức điện kịp thời đó mà Quảng Bình bắt gọn một toán biệt kích địch thả dù đêm đó ở vùng núi. Địa phương rất tin tưởng Bộ Công an có máy móc hiện đại và chính xác. Tôi cứ lặng yên cho các địa phương tin tưởng ở Bộ Công an; vì sự hiểu nhầm đó chỉ có ích. Đến nay, có thể tiết lộ sự bí mật. Máy móc tinh xảo nhất chính là bộ óc con người. Cơ yếu hôm đó đã làm việc rất nhanh, rất kịp thời.

*

Hôm nay, ôn lại chuyện cũ trên 30 năm, tôi nghĩ rằng, các đồng chí cơ yếu có tên kể trên, cũng như các đồng chí cơ yếu khác, đều đã làm tốt nhiệm vụ được giao.

Và cho đến nay, các đồng chí ấy đều có quyền tự hào là mình đã có một thời để nhớ.

Ngày 19/3/1995

Thiên la địa võng chống gián điệp biệt kích

Sau khi công khai phá hoại Hiệp định Genève 1954, phản đối Tổng tuyển cử để thống nhất Đất Nước bằng phương pháp hoà bình, Ngô Đình Diệm hung hăng hô hào lấp sông Bến Hải và Bắc tiến.

Nhưng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ địch ở miền Nam vẫn phát triển phức tạp. Mặc dù Diệm đã dẹp xong giáo phái chống đối, vẫn xảy ra vụ phi công ngụy ném bom Dinh Độc Lập, rồi đến vụ đảo chính không thành năm 1960.

Trong thời gian này, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, càng thúc đẩy mâu thuẫn trong hàng ngũ địch tăng lên.

*

Để hòng giành lại chủ động, Mỹ ngụy chủ trương tung gián điệp biệt kích ra miền Bắc. Những toán gián điệp biệt kích đầu tiên nhảy dù xuống miền Bắc là khoảng năm 1960. Điều đáng chú ý là: Chúng đã không giữ bí mật, mà công khai tuyên truyền cho hoạt động này.

Khi Công an và nhân dân một số địa phương bắt được gián điệp biệt kích, thấy bọn chúng hầu hết là những tên ngụy quân, bọn phản động cũ, quê ở địa phương, đã theo địch vào Nam hồi 1954, nay được tuyển mộ, huấn luyện và đánh trở lại quê quán để hoạt động tình báo, phá hoại; đặc biệt là gây cơ sở trong người tại chỗ.

Trước tình hình ấy, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã nghe báo cáo; sau đó chỉ đạo cho Đảng đoàn Bộ Công an phương hướng đối phó toàn diện âm mưu địch, trước mắt cũng như lâu dài. Riêng đối với gián điệp biệt kích thì chủ trương phải nâng cao cảnh giác, phát động một phong trào quần chúng sâu rộng, phòng và chống gián điệp biệt kích; dù chúng đến bằng đường nhảy dù, bằng đường biển, hay đường bộ.

*

Chấp hành ý kiến chỉ đạo đó, Đảng đoàn Bộ Công an làm nòng cốt, đã giúp Ban Bí thư, vừa có chỉ thị hướng dẫn cho các cấp Đảng, Chính quyền, các ngành, vừa tổ chức nhiều cuộc hội nghị đại biểu để giới thiệu kinh nghiệm thu thập được qua các vụ bắt gián điệp biệt kích thành công, thông báo âm mưu thủ đoạn của gián điệp biệt kích (qua các lời khai của bọn bị ta bắt). Những vụ án gián điệp biệt kích khi xét xử công khai, đều tuyên truyền rộng rãi; vừa nâng cao cảnh giác để phát động quần chúng, vừa đánh vào tinh thần bọn gián điệp biệt kích mà địch chuẩn bị tung ra Bắc; đồng thời phổ cập chính sách khoan hồng đối với bọn ra đầu thú, hoặc lập công chuộc tội. Ở các địa bàn có nhiều khả năng địch tung gián điệp biệt kích, đều lập phương án hợp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, trước hết là Công an, và Dân quân xã, bản; nội dung có mặt đề phòng, có mặt truy lùng gián điệp biệt kích khi chúng xuất hiện. Nhiều nơi đã tổ chức những cuộc thực tập. Đối với những gia đình có người thân trước đây là nguy quân, nguy quyền, phản động, mà theo địch vào Nam, đều được phổ biến chính sách của Nhà nước

ta; để nếu có bọn gián điệp biệt kích về địa phương móc nối, thì họ chủ động khuyến bảo chúng ra đầu thú, hoặc báo cho Công an biết để đối phó.

Do có sự chuẩn bị chu đáo như vậy, nên trừ mấy vụ đầu tiên ta bị bất ngờ, còn sau đó ta rất chủ động. Nhân dân đều được nâng cao cảnh giác, nên thấy có hiện tượng người lạ mặt ở địa phương là ai cũng tìm cách báo ngay cho Công an hay dân quân xã, bản. Đây là yếu tố hết sức quan trọng, mà kẻ địch không bao giờ lường trước được. Do Công an và Dân quân xã thông thuộc địa phương, nên việc truy lùng gián điệp biệt kích thường nhanh gọn.

*

Có thể kể đến một số ví dụ; như các vụ:

Máy bay địch bị bắn rơi ở Ninh Bình khi từ ngoài biển xâm nhập đất liền tỉnh Ninh Bình. Một số tên bị chết; bọn còn sống bị bắt cùng tang vật (tuy bản đồ đã bị cháy, nhưng số tang vật còn lại đủ chứng minh đây là chuyến bay để thả biệt kích bằng nhảy dù xuống một nơi ở phía Bắc nước ta). Vụ án này đã được xử công khai tại một phiên tòa ở Hà Nội.

Vụ biệt kích người nhái xâm nhập bờ biển tỉnh Quảng Bình, định gài mìn phá tàu của Hải quân ta ở cảng Sông Gianh, bị bắt với đầy đủ tang vật. Vụ án này cũng đã được xử công khai tại một phiên tòa ở Quảng Bình.

Vụ một số tên gián điệp bí mật đồ bộ vào bờ biển miền Trung để bí mật móc nối cơ sở ở khu 4

cũ; có tên còn có nhiệm vụ ra tận Hà Nội. Do có những biện pháp nghiệp vụ, kết hợp với sự giúp đỡ của nhân dân, Công an ta đã phát hiện ngay bọn chúng.

Một tên dùng giấy tờ giả của đặc khu Vĩnh Linh, đã bị phát hiện khi y đến tạm trú ở một quán trọ ở Vinh. Tên này khi ra đến Hà Nội là bị theo dõi sát sao. Khi cảm thấy đã bị lộ, y chơi một nước cờ khá phức tạp, nằm trong kế hoạch đã định trước của bọn chỉ huy gián điệp địch, là: lợi dụng chính sách khoan hồng đối với người tự nguyện đầu thú, y chủ động đến Sở Công an xin đầu thú; với ý định sau khi được yên ổn sẽ tiếp tục hoạt động gián điệp.

Biết vậy, ta cần vạch mặt cho được sự gian dối của y. Tôi phải trực tiếp làm việc này; vì không thể làm thô bạo, mà phải bằng nghiệp vụ có được chứng cứ khách quan về sự giả đầu thú của y.

Căn cứ báo cáo của địa phương về một số hiện tượng lạ ở ven biển Hà Tĩnh, chúng tôi đã đến tại chỗ xem xét. Và đã tìm được, chôn dưới cát ở ven biển, nào là bản đồ, đồ dùng cá nhân, cùng giấy tờ của cơ quan chỉ huy gián điệp địch cấp cho tên gián điệp để dùng khi y trở về miền Nam. Vậy có nhiều khả năng chính là tên giả đầu thú ở Hà Nội.

Muốn xác định một cách khách quan rằng đúng y là tên gián điệp đã xâm nhập ven biển Hà Tĩnh, đồng thời lột mặt nạ giả đầu thú của y, không thể ép cung bằng tang vật đã thu được ở ven biển Hà Tĩnh; mà phải lấy nghiệp vụ đối phó với nghiệp vụ.

Hồi đó, trên quốc lộ 1 của ta chưa có cầu như ngày nay, phải qua rất nhiều phà. Ô tô chở khách đến mỗi phà, là hành khách phải xuống xe, để đảm

bảo an toàn. Căn cứ lời khai ban đầu của tên gián điệp ra đầu thú, thì y vượt giới tuyến Vĩnh Linh, rồi đi xe ô tô khách từ Vĩnh Linh ra Hà Nội, theo như giấy tờ giả của y.

Muốn đạt yêu cầu trên, tôi bèn đặt câu hỏi, có ghi âm, đại ý như sau: Anh đi dọc đường thì thấy những gì? Y đáp là: Tôi ngủ suốt dọc đường. Tôi hỏi tiếp: Vậy có khi nào, anh đang ngủ, mà bị người ta gọi anh dậy hay không? Y tưởng là tôi muốn nói đến việc bị xét hỏi giấy tờ dọc đường; nên trả lời ngay là không lần nào bị gọi dậy cả. Rõ là y nói sai sự thật; vì từ Vĩnh Linh ra phải qua phà Quán Hâu, phà sông Gianh, phà Bến Thủy, phà Ghép, phà Hàm Rồng, v.v...

Tôi bắt y viết cung và cam đoan trách nhiệm nếu nói sai sự thật. Sau đó tôi vạch cho y biết là y đã nói dối, nên không còn được hưởng khoan hồng đối với người đầu thú.

Trước tình hình đó y đành khai sự thật; khớp với tang vật chúng tôi đã thu được ở ven biển Hà Tĩnh. Và tên này khi ra đến quốc lộ 1, đã đi nhờ xe tải về Vinh. Đến đó y bị phát hiện. Vụ án này cũng đã được xử ở Hà Nội.

Trong vụ này có một chuyện buồn cười là: Sau đó chúng tôi trở lại ven biển Hà Tĩnh, hỏi chuyện bà con chòm xóm ở đó, thì được ông Trưởng Công an xóm xác nhận, hôm đó ông đang mổ vịt ăn, thấy có người lạ từ ngoài biển vào đi qua nhà, hỏi đường ra quốc lộ 1, thì ông liền chỉ đường cho người đó đi, mà không hỏi han giấy tờ gì cả. Nếu hôm đó ông Trưởng Công an xóm xét giấy, mà thấy tên này mang giấy của Vĩnh Linh, ắt đã phải nghi ngay rồi.

Thế mới hay: Nói cảnh giác thì dễ; còn thường xuyên cảnh giác bằng hành động thì không phải dễ.

Có lẽ bọn địch ở miền Nam nghĩ rằng vùng đồng bào có đạo Thiên Chúa là nơi chúng có thể nương tựa yên ổn. Một lần, chúng tung một tên gián điệp là người có đạo, cũng xâm nhập bằng đường biển, để móc nối với một tên phản động có vai vế trong vùng giáo dân toàn tông ở khu 4 cũ. Chính là người hàng xóm của tên phản động đã phát hiện và kịp thời báo cho Công an. Tên gián điệp bị bắt quả tang. Ông hàng xóm này cũng là người theo đạo Thiên Chúa. Thật rõ ràng, dù có hay không có tín ngưỡng, người công dân nào cũng có lòng yêu nước cao.

Một lần khác, địch cho máy bay thả dù một nhóm biệt kích xuống xã Khánh Mậu thuộc tỉnh Ninh Bình; nơi đây cũng là vùng có đạo Thiên Chúa. Nhưng lương cũng như giáo, đồng bào tại chỗ đã bắt gọn bọn biệt kích nộp cho Công an.

Vì địch đâu có biết, Khánh Mậu là xã “lá cờ đầu” của tỉnh Ninh Bình hồi ấy về phong trào Bảo vệ trị an.

Đối với vùng núi, bọn địch ở miền Nam cho rằng chúng tuyển người trong số lang đạo di cư là chắc ăn. Nên chúng đã tung một toán biệt kích nhảy dù xuống một vùng thuộc tỉnh Hòa Bình; mà tên toán trưởng là dòng quan lang cũ. Nhưng gia đình tên này ở địa phương vẫn được đối xử đúng đắn, và được hiểu chính sách của Chính phủ. Nên khi y về

móc liên lạc, họ đã khuyên y đầu thú. Tên này tự nguyện lập công chuộc tội. Được Bộ trưởng Công an chấp thuận cho thử nghiệm, chúng tôi cho y thông qua điện đài liên lạc với chỉ huy địch ở trong Nam. Hồi đó, Bộ đội phòng không của ta mới thành lập, còn non trẻ. Sau khi đã trao đổi ý kiến với anh Trần Quốc Hoàn (lúc đó là Bộ trưởng Công an), một hôm anh Văn Tiến Dũng (lúc đó là Tổng tham mưu trưởng) mời tôi đến gặp, có mặt anh Phùng Thế Tài (lúc đó là Tư lệnh Phòng không, cũng là bạn của tôi). Anh Văn Tiến Dũng yêu cầu Bộ Công an thông qua vụ án biệt kích, giúp cho Bộ đội Phòng không, tập luyện bắn máy bay địch. Tôi nghĩ đến toán biệt kích ở Hòa Bình, vì tiện cho Bộ đội Phòng không đã thường bố trí ở dốc Cun. Kế hoạch là: Toán biệt kích xin máy bay ra tiếp tế; chắc chắn đường bay đến chỗ toán biệt kích trú ngụ phải qua dốc Cun. Vậy dễ cho Bộ đội Phòng không bắn. Quả nhiên, đúng dự kiến của ta, một đêm, máy bay địch bay qua dốc Cun. Bộ đội Phòng không của ta khi đó chỉ mới có pháo cao xạ (chưa có tên lửa) đã bắn trúng máy bay địch. Máy bay bị thương, chúng vội thả hết đồ trên máy bay cho nhẹ, rồi mở hết tốc lực, cố bay qua giới tuyến Vĩnh Linh.

Kinh nghiệm hồi đó, cứ đêm trăng là máy bay địch hay bay ra Bắc thả dù biệt kích. Nên những ngày tuần trăng là tất cả mọi nơi đều theo dõi máy bay đêm. Đồng thời các bộ phận kỹ thuật của Bộ Công an cũng phải làm việc cật lực. Một tối, trực ban báo cáo là bộ phận kỹ thuật cho biết có hiện tượng khác thường. Tôi liền điện hỏa tốc cho các

tỉnh khu 4 cũ cảnh giác theo dõi. Điện xong, vài giờ sau, Công an Quảng Bình đã báo cáo là thi hành điện của Bộ, đã bắt gọn được một toán biệt kích nhảy dù xuống vùng núi huyện Tuyên Hóa. Trong vụ này, đích thân Bí thư Tỉnh uỷ đôn đốc Công an, Tỉnh đội, Dân quân truy lùng. Nên các địa phương rất tin tưởng ở bộ phận kỹ thuật của Bộ Công an.

Có thể cho rằng đi bằng đường không đã lộ, nên bọn chỉ huy địch xoay sang dùng đường biển. Chúng không ngờ rằng trên biển ta cũng đã triển khai kế hoạch phòng chống gián điệp biệt kích.

Một đêm tối trời, Công an vũ trang đang tuần tra trong Vịnh Hạ Long thấy một hiện tượng lạ. Một chiếc thuyền buồm lớn hơn thuyền đánh cá của dân địa phương, thuộc loại tàu chở hàng, nhưng hình dáng không giống của các thuyền vẫn có ở vùng này. Đặc biệt là hồi đó, ta chưa có thuyền chạy máy. Hôm đó, gió ngược, thuyền này căng buồm, mà thuyền vẫn chạy bằng băng ngược chiều gió. Nghi lắm. Anh em bèn đuổi theo, vừa cặp mạn, mấy anh em Công an vũ trang có vũ thuật đã nhảy ngay sang thuyền lớn, giữ ngay số người trên thuyền. Sau đó đơn vị Công an vũ trang lên thuyền khám xét, thì quả là thuyền lắp máy loại mạnh, và hàng hoá trên thuyền có điện đài, chất nổ, và đồ dùng cho toán biệt kích định thâm nhập đường biển vùng vịnh Hạ Long. Vụ này cũng đã được đưa ra xử công khai ở tỉnh Hồng Quảng⁽¹⁾ hồi ấy.

Bọn đặc vụ Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan còn được bọn Mỹ ngụy ở miền Nam hỗ trợ. Chúng cũng dùng đường biển tung một toán gián điệp biệt kích ra đảo Trà Cổ, thuộc tỉnh Hải Ninh⁽²⁾ hồi đó. Với ý định mượn đường qua đất Việt Nam, để xâm nhập vùng Thập vạn đại sơn của Trung Quốc, giáp biên giới Việt Nam. Nhưng Dân quân, Công an xã, cùng nhân dân Trà cổ đã truy bắt gọn ngay cả toán biệt kích này, do một tên thượng tá của đặc vụ Tưởng cầm đầu. Ta đã trao cho Trung Quốc để xử lý. Và họ rất cảm ơn Chính phủ và nhân dân ta.

*

Nhờ có tinh thần cảnh giác cao của nhân dân, nhờ có sự chuẩn bị sẵn cũng như tinh thần chiến đấu cao của Công an và Dân quân tại chỗ, không vụ nào kẻ địch thoát khỏi thiên la địa võng của nhân dân ta.

Sau này, chính Lầu Năm góc (tức Bộ Quốc phòng Mỹ) đã phải thừa nhận trong Cuốn Sách Trắng của họ, là âm mưu kế hoạch tung gián điệp biệt kích ra miền Bắc nước ta những năm 1960 đã hoàn toàn thất bại.

*

Những chiến công của Công an (kể cả Công an nhân dân vũ trang), Dân quân và Nhân dân ta, từ năm 1960, truy quét gián điệp biệt kích, dù chúng từ đâu đến, bằng đường nào, hoặc bằng cách nào, đã góp phần chuẩn bị tinh thần và lực lượng để đánh bại cuộc chiến tranh bằng không quân của đế quốc Mỹ bắt đầu từ 8/1964, với lời huênh hoang của chúng là để kéo miền Bắc nước ta trở lại thời kỳ đồ đá.

Ôn lại chuyện cũ, chúng ta vô cùng tự hào về sự lãnh đạo chỉ đạo sáng suốt của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tự hào về các Lực lượng vũ trang nhân dân ta đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ, tự hào về Nhân dân Việt Nam anh hùng đã tự mình đảm đương sự nghiệp phòng chống gián điệp biệt kích thành phong trào sâu rộng chưa từng có, và đã hỗ trợ đắc lực cho các lực lượng An ninh chuyên trách hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Ôn lại bài học đã qua, toàn Dân ta, cũng như các Lực lượng vũ trang của Nhà Nước ta không ngừng nâng cao cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn mới của địch hòng gây “diễn biến hoà bình” trên đất nước ta. Và quyết tâm đánh thắng mọi âm mưu thủ đoạn đen tối của chúng; bảo vệ vững chắc chế độ Nhà Nước cách mạng của dân, do dân, vì dân; bảo vệ an toàn Tổ quốc Việt Nam yêu quý.

Hà Nội, tháng 6 năm 1995

^{(1), (2)} Tỉnh Hồng Quảng, Hải Ninh: nay là tỉnh Quảng Ninh

Đi Nam bằng tàu không số

Những năm 1960, tôi là Ủy viên Đảng đoàn Bộ Công an, trực tiếp làm Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị (tức An ninh chính trị).

Sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, nhu cầu phát triển công tác nhiều mặt, Bộ Công an bắt đầu đào tạo những khóa đặc biệt cán bộ cung cấp cho miền Nam. Lúc đó Phòng Phái khiển, tiền thân của Cục Tình báo Công an bây giờ, còn đặt trong Cục do tôi làm Cục trưởng. Một bộ phận chuyên trách phục vụ cho miền Nam bắt đầu được hình thành.

*

Một hôm, anh Hoàn lúc đó là Bộ trưởng, nói với tôi soạn một bản hướng dẫn công tác tình báo cho Đảng bộ miền Nam, đề Trung ương Đảng gửi cho trong đó. Tôi nghĩ rằng ở trong Nam, ta chưa có chính quyền, còn làm công tác vận động quần chúng là chính. Cho nên cần quán triệt quan điểm nhân dân. Bản dự thảo tôi đưa anh Hoàn duyệt, tôi nhớ là không bị sửa chữa gì. Ít lâu sau, anh Hoàn cho biết là Trung ương Đảng đã gửi cho Đảng bộ trong Nam rồi.

Sau này, khi vào Nam hoạt động, gặp những đồng chí phụ trách công tác này; tôi nghe từ các đồng chí đó kể chuyện có văn bản nói trên, và khen văn bản đó có tác dụng chỉ đạo tốt cho các địa phương. Trong lòng tôi vui sướng vì đã làm được

việc có ích cho phong trào miền Nam. Tất nhiên tôi không nói ra là đã đóng góp vào nội dung quan điểm của văn bản đó.

*

Trở lại chuyện Bộ Công an mở những lớp đặc biệt đào tạo cán bộ An ninh phục vụ cho phong trào miền Nam. Tôi nhớ, ban đầu là để cung cấp cho khu 5. Để giữ bí mật, anh em tổ chức lớp đã mượn mấy phòng ở khu tập thể của Công ty Vệ sinh thành phố, địa điểm ở trên đường Ô Chợ Dừa đi Thành Công, giáp khu Hoàng Cầu ngày nay. Đường vào hơi tối, ít ai ngờ trong đó có một lớp học bí mật. Tôi đã đến giảng bài; hôm bế giảng, có mấy đồng chí Khu uỷ 5 cùng dự.

*

Khoảng quý 4 năm 1963, tôi tham gia Đoàn của Việt Nam hội đàm với phía Trung Quốc về biên giới Việt Trung.

Địa điểm họp ở thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Phía ta, đồng chí Nguyễn Quang Việt, Thứ trưởng Bộ Công an, Chính uỷ Công an vũ trang làm Trưởng đoàn; có các Giám đốc Công an và Tham mưu trưởng các Quân khu có biên giới với Trung Quốc; ở cấp trung ương có Tham mưu phó Bộ tư lệnh Công an vũ trang, và tôi ở Bộ Công an.

Đoàn Trung Quốc do Phó Tổng tham mưu trưởng Quân giải phóng Lý Thiên Hựu làm Trưởng đoàn; còn có đại diện các Quân khu Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Bộ tư lệnh Hải quân. Cũng cần nhắc lại là gần thời gian họp, ta bắt gọn một toán biệt kích của Đài Loan, được gián điệp của Ngô

Đình Diệm giúp, đổ bộ vào ven biển Trà Cổ, Hải Ninh, định xâm nhập khu Thập vạn đại sơn của Trung Quốc; ta bắt được, trao cho phía Trung Quốc nên họ rất quan tâm việc ta phối hợp giúp ích cho họ.

Cuộc hội đàm kết thúc. Ngày 1/11/1963, Đoàn ta chờ chuyển xe lửa liên vận quốc tế từ Bắc Kinh qua Nam Ninh để về nước. Trong lúc chờ ra ga, anh em trong Đoàn có người mở đài thu thanh nghe tin. Bỗng đài đưa tin có đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, đã thành công. Mọi người đều xôn xao bàn tán, ai nấy đều rất vui vẻ. Riêng tôi suy nghĩ rất nhiều về sự biến chuyển của thời cuộc miền Nam.

*

Hôm sau, về đến Hà Nội, là ngày thứ bảy trong tuần. Tôi đến thăm anh Hoàn, kể chuyện cuộc Hội đàm, tuy chưa phải là báo cáo chính thức của Đoàn. Vì nhà tôi ở ngay cạnh nhà anh Hoàn; quan hệ công tác giữa tôi với anh Hoàn rất chặt chẽ; chẳng những ở Bộ Công an, mà còn từ trong kháng chiến chống Pháp, thời kỳ ở Thành ủy Hà Nội.

Trong buổi nói chuyện, có đề cập tình hình miền Nam. Tôi nói với anh Hoàn: Có lẽ đã đến lúc tôi cần vào hoạt động trực tiếp ở miền Nam. Anh Hoàn cũng tỏ ra quan tâm đến ý kiến của tôi; nhưng trả lời là để báo cáo lên Ban Bí thư xem sao đã. Tôi hiểu sự phân vân của anh Hoàn khi đó. Tôi đang là Ủy viên Đảng đoàn Bộ, trực tiếp làm Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị. Ở cương vị ấy, chẳng những tôi nắm giữ nhiều bí mật của Đảng và Nhà nước; mà thực tế lúc đó tôi đã chỉ đạo thành công nhiều việc mà trước đó chưa ai làm được; thêm nữa hồi đó Mỹ

nguy đang tung nhiều biệt kích ra Bắc, tôi đang chỉ đạo đấu tranh có hiệu quả. Nếu tôi đi Nam, cũng có ích; nhưng ai thay?

Tôi đề nghị với anh Hoàn đưa anh Viễn Chi thay tôi.

Ít ngày sau, anh Hoàn gặp riêng tôi, cho biết nhóm đồng chí Bộ Chính trị phụ trách miền Nam được biết đề nghị của tôi, mừng và cho là rất quý; dặn anh Hoàn phải giữ bí mật và thu xếp gấp. Sau này, tôi mới hiểu sự tính toán của Bộ Chính trị về khả năng địch thất bại trong chiến tranh đặc biệt, mà ta phải tranh thủ thời cơ.

Tại một cuộc họp Đảng đoàn Bộ, anh Hoàn đưa việc này ra; mọi người đều nhất trí.

Tôi vẫn chỉ đạo công tác hàng ngày, nhưng đã đồng thời chuẩn bị kế hoạch bàn giao cho anh Viễn Chi; chẳng những công việc trước mắt, mà cả những chủ trương ý định lâu dài cho từng loại việc. Tôi nhớ là khi bàn giao, chúng tôi đã làm với nhau trong thời gian khoảng một tuần lễ hay hơn một chút.

*

Anh Phạm Hùng đã biết tôi từ lâu; một hôm gọi tôi đến và cho biết sẽ phổ biến cho tôi Nghị quyết về miền Nam; cũng nói là Anh đang chuẩn bị chuyến đi cho tôi, vì Anh phụ trách vấn đề này. Theo anh Phạm Hùng, tôi sẽ đi bằng đường biển, nhanh hơn lộ bộ dọc Trường Sơn, vì như thế sẽ chậm. Sau này tôi được biết anh Trần Văn Trà, Lê Đức Anh cũng được bố trí đi bằng đường biển. Anh Phạm Hùng nói đang chọn tàu nào có nhiều kinh nghiệm;

còn về thời gian, thì còn tùy vào tình hình Hạm đội 7 của Mỹ đang giăng ra kiểm soát ở Vịnh Bắc Bộ.

*

Nghĩ rằng ở trong Nam, sông nước nhiều, mà tôi bơi còn kém, nên phải bổ cứu nhược điểm này. Trong Cục Bảo vệ chính trị lúc đó có anh Hồng, mà vì có 6 con, nên anh em đặt tên vui là Hồng Sáu; anh này bơi giỏi, đã biết tôi từ 1945. Tôi đã dặn riêng anh Hồng giữ bí mật. Rồi trong những ngày mùa đông giá lạnh, anh Hồng đã cùng tôi đến hồ bơi Quảng Bá. Tại đó anh Hồng đã hướng dẫn tôi; chẳng phải chỉ đứng trên bờ, mà anh Hồng cũng phải cùng tôi xuống nước. Tôi bỗng nhớ lại, trong kháng chiến chống Pháp, có lần đêm tháng chạp mưa rét, tôi đã cùng anh Đức Việt phụ trách giao liên đưa tôi vào nội thành Hà Nội, đã phải lội qua sông cầu Chiếu⁽¹⁾, lạnh cóng cả người. Lần này, cũng vào những ngày lạnh ghê gớm, chúng tôi đi luyện bơi. Hết một buổi tập, anh Hồng cùng về nhà tôi; bồi dưỡng bằng cốc nước đường, với vài cái bánh quy bơ; hồi đó như vậy đã là khá lắm. Cũng phải nói thêm: Những anh em chuẩn bị đi Nam thường ở tập trung, ăn uống bồi dưỡng theo chế độ riêng. Đối với tôi, để giữ bí mật, vẫn ở nhà, sinh hoạt như bình thường.

*

Ở Bộ Công an, có anh Chín Kiềm, hồi kháng chiến chống Pháp, hoạt động Công an ở Sài Gòn; nay phụ trách bộ phận giúp miền Nam. Anh Kiềm tự tay chuẩn bị mọi thứ cho tôi, với những tình cảm không bao giờ có thể quên được. Mọi thứ đều để tại nơi anh Kiềm làm việc; biết tôi sẽ đi bằng tàu biển, anh Kiềm làm mấy thùng tôn, bỏ vào mấy máy vô

tuyến điện loại tốt, ta bắt được của biệt kích địch, thuốc chữa bệnh, và cả sách cho anh em trong Nam. Theo ý anh Kiêm, vào trong đó, đi bằng xuồng, không ngại nặng. Sự thật là khi đến nơi, những thứ nặng phải gửi giao liên đi đường riêng; còn tôi cũng lạc lè chiếc bông bột như ai mà thôi.

*

Một lần anh Phạm Hùng hẹn tôi đến nhà riêng làm việc, tôi mới biết là Anh đang bệnh. Nằm trên giường, Anh phổ biến cho tôi Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị về Cách mạng miền Nam. Có một ý tôi rất chú ý, là ngay từ hồi đó anh Phạm Hùng đã nói với tôi rằng, ta có thể đánh chiếm và giữ Sài Gòn. Đến Mậu Thân 1968, tôi mới thấy đây là một ý đồ chiến lược đã được suy ngẫm từ rất lâu.

Chờ nhiều lần chưa đi được, có lần tôi đã đề nghị anh Phạm Hùng cứ để tôi đi theo đường bộ; nhưng anh Phạm Hùng nhất định không chịu.

Thấy không có khả năng đi trước Tết âm lịch, anh Phạm Hùng bảo tôi cứ yên tâm ăn Tết xong sẽ liệu.

*

Đối với gia đình, tôi được nói thật để mọi người biết; trừ trẻ nhỏ. Bố, Mẹ tôi rất buồn và lo lắng; vì anh trai tôi đã hy sinh trong kháng chiến chống Pháp; nhưng vẫn đồng tình với việc tôi đi Nam. Khi đó Bố, Mẹ tôi đang ở làng Vồng Thị, gần chợ Bưởi. Cả nhà vẫn xum họp ăn Tết, nhưng ai cũng thầm nghĩ đây có thể là Tết xum họp chưa biết đến bao giờ mới lại có. Đêm giao thừa năm ấy, Hòa Bình là con gái đầu của chúng tôi được 10 tuổi; thường ngày ở với Ông Bà, đi học trường làng, hôm

đó được theo vợ chồng tôi, vẫn ở nhà trong cơ quan, đi chơi đón giao thừa quanh Hồ Gươm. Tôi còn nhớ, Bố tôi đi công tác nước ngoài về, có cho Hòa Bình một đôi giày da; hồi đó giày da cho trẻ là hiếm. Nhưng đôi giày hơi to. Đi bộ lâu sẽ đau chân, nhưng cũng muốn diện đi giao thừa; nên tôi phải vo giấy cho mềm, rồi độn vào mũi giày cho vừa. Buổi đi giao thừa đó Hòa Bình rất thích, tự coi như đã là người lớn. Lúc đó, Hòa Bình đâu có hiểu được đây là buổi cuối cùng con được đi chơi với bố, trước khi xa các con chưa biết đến bao giờ. Cho nên Hòa Bình chỉ thấy vui sướng; nhất là trên đường về, được vào hàng phở, tình cờ gặp ông Ngoại.

Tết âm lịch đầu năm 1964, gia đình Bố Mẹ tôi còn ở làng Võng Thị. Cả nhà xum họp ăn Tết, nhưng ai cũng biết sau Tết thế nào tôi cũng đi. Tại sân nhà, cả gia đình tập họp. Bố Mẹ tôi ngồi ghé, hai vợ chồng em gái tôi, vợ tôi cùng bốn con trai em tôi, hai con gái, hai con trai chúng tôi, chia nhau đứng xung quanh; tôi để máy ảnh ở chế độ tự động, rồi chạy vào chỗ. Ảnh đó nay vẫn còn.

Trong dịp Tết, anh Long, Giám đốc Công an Hà Nội trước đã công tác ở trong Nam đến tìm tôi ở làng Võng Thị, hẹn hai vợ chồng tôi đến ăn cơm. Chúng tôi nhận lời. Tại nhà anh Long, anh ấy nói tuy Bộ giấu, nhưng anh ấy biết tôi sắp đi Nam, nên mời cơm coi như tiễn. Sau bữa cơm, không hiểu có phải do rượu quá mạnh, vợ tôi bị đau bất ngờ, phải nằm bệnh viện. Biết tôi sắp đi, vợ tôi rất lo không có mặt ở nhà; sau phải bày cách nói dối bệnh viện để được về nhà.

Tôi vào bệnh viện cắt a-mi-đan, nhưng vì có Hội nghị cán bộ để nghe phổ biến Nghị quyết 9 của Trung ương, nên tôi được ra sớm. Nghe ở Hội trường không sao; nhưng về Tổ thảo luận thì tôi chưa nói được, cố nói cũng chưa rõ tiếng.

*

Đã mấy lần được báo chuẩn bị lên đường, nhưng đến chót lại hoãn. Anh Phạm Hùng đang phải nằm bệnh viện, vì một chân có hiện tượng bị teo nhỏ hơn chân kia.

Tôi thường vào bệnh viện thăm, và hỏi việc đi. Anh Phạm Hùng cho biết đã chọn được đội tàu, nhưng chờ lúc Hạm đội 7 của Mỹ dẫn ra là đi ngay.

Một tối, tôi được báo đến gặp anh Lê Duẩn tại nhà riêng. Hầu hết buổi gặp, anh Lê Duẩn nói, dặn dò. Ngoài những việc của ngành Công an, còn nhấn việc để nói lại với Trung ương Cục.

Đảng đoàn Bộ Công an đã tổ chức cơm tiễn, vợ tôi cũng dự.

Một tối, Ban Bí thư mời đến ăn cơm. Có anh Lê Đức Thọ, Lê Toàn Thư là những đồng chí theo dõi cán bộ cho miền Nam. Gia đình tôi, ngoài vợ chồng tôi, còn có Bố Mẹ tôi, và chú Lê Văn Lương của tôi.

Gặp anh Phạm Hùng ở bệnh viện, tôi kể lại. Thì anh Phạm Hùng nói là anh ấy báo cho Ban Bí thư cần tổ chức, vì trong ngành Công an, tôi là người có cấp cao nhất từ trước đến lúc đó đi Nam.

*

Cuối cùng, thì tôi cũng được báo chuẩn bị lên đường; và lần này là chắc chắn.

Trong Bộ, tôi đã bàn giao xong cho anh Viễn Chi. Đã đưa dư luận tôi chuẩn bị đi học dài ngày ở Liên Xô. Trong gia đình cũng thống nhất cách nói ấy với các con tôi, đề phòng chúng còn nhỏ, lỡ làm lộ. Anh em trong Cục Bảo vệ chính trị, có lẽ đều đoán được, nhưng theo nguyên tắc bí mật, không ai nói ra; tuy vậy anh em đều nhìn tôi với con mắt tỏ ra là họ biết. Một buổi nghỉ trưa; khi đó chưa làm thông tâm như bây giờ, ai nấy về ăn trưa rồi đến làm buổi chiều; các đồng chí Cục Phó của tôi hẹn tôi ở lại trưa ở cơ quan. Có anh Sanh Châu (đã từ trần), anh Sỹ Huỳnh, anh Kim Tấn; các anh ấy nói vì phải giữ bí mật, không thể cùng nhau đi đến đâu ăn cơm tiễn tôi, nên đành mang đồ nguội đến làm ở cơ quan.

Ngày đi đã được quyết định là 21/3/1964.

Tôi vào bệnh viện, thăm và từ biệt anh Phạm Hùng. Anh Phạm Hùng ôm hôn tôi, rung rung nước mắt; dặn tôi cố gắng nhanh chóng làm quen với tình hình trong Nam. Lúc đó tôi không nghĩ là có lúc anh ấy cũng vào Nam

*

Chiều 20/3/1964, Bố Mẹ tôi ở Vòng Thi xuống nhà tôi ở cơ quan, và ngủ đêm lại đó. Hôm sau, vợ chồng em gái tôi cũng tề tựu ở nhà tôi. Các con tôi được nghỉ học, ở nhà với bố. Bữa cơm chia tay trưa đó, Mẹ tôi nấu canh cá dầm mà tôi ưa; nhưng không ai muốn ăn.

Trưa 21/3/1964, nghỉ một lát là đến giờ lên đường.

Cu Đại, con trai út của tôi, thường được tôi chiều nhất, không chịu rời tôi nửa bước; không rõ có gì mách bảo linh tính nó là người lớn nói dối nó.

Đến giờ đi, tôi ôm hôn từng người trong gia đình. Cha tôi, giọng run run, chỉ nói một câu: “Con đi nhé”.

Nói là đi Liên Xô, thì đúng hôm đó là ngày thứ bảy, hàng tuần có chuyến xe lửa liên vận quốc tế. Cu Đại đoán thế nào tôi cũng phải qua cổng Bộ để đi, bèn ném quả bóng nó đang chơi qua cửa sổ xuống sân. Rồi mặc dù người lớn ngăn, nó cũng chạy xuống cầu thang, đón đường bố ở cổng Bộ. Tôi xuống thang gác. Nghĩ thương con, vì tôi không đi qua cổng Bộ.

Tôi sang nhà anh Hoàn. Đi ngang hội trường Bộ, hôm đó đang nghe thời sự. Tại nhà anh Hoàn đã đông đủ các đồng chí trong Đảng đoàn Bộ cùng anh Chín Kiềm. Cùng đi Nam chuyến đó với tôi, có anh Nguyễn Hoàn, Tham mưu phó Công an vũ trang.

Hai xe ô tô du lịch đã chờ sẵn. Đồ đạc đã xếp lên xe.

Lần lượt, anh Hoàn, rồi từng đồng chí trong Đảng đoàn Bộ, là những đồng chí đã cùng sát cánh với tôi từ khi bắt đầu thành lập Đảng đoàn Bộ Công an năm 1957 đến nay, chụp ảnh kỷ niệm với tôi. Từng người ôm hôn tôi trước khi chia tay. Từ cửa sổ nhà tôi nhìn sang nhà anh Hoàn, gia đình tôi cùng trông sang. Cu Đại lúc đó đã về nhà. Tôi vẫy chào gia đình một lần nữa.

Lên xe khoảng 14 giờ. Anh Ngô Ngọc Du lúc đó là Thứ trưởng phụ trách Tổ chức, anh Nguyễn Quang Việt là Thứ trưởng, Chính uỷ Công an vũ trang, cùng lên xe đi tiễn.

*

Dầu tiên đến đường Lý Nam Đế bây giờ, liên hệ với bộ phận phụ trách đường dây trên biển. Biết chắc chuyến đi không hoãn, chúng tôi lên đường đi Hải Phòng. Xẩm tối, dừng lại Hải Dương ăn cơm, rồi đi tiếp.

Đến Hải Phòng, vào Bộ Tư lệnh Hải quân. Đợi ở đó một lúc thì đi Đồ Sơn. Tại đây, gặp ba cán bộ quân đội được bố trí đi cùng chuyến tàu với tôi.

Anh Du và anh Việt ở lại; ôm hôn tôi lần chót.

Chúng tôi dùng xe của Bộ Tư lệnh Hải quân để ra Đồ Sơn.

Xe ra thẳng bến. Tàu đã nổ máy sẵn.

Chúng tôi mang đồ đạc xuống xong, là tàu chạy ngay.

*

Tàu chúng tôi đi là loại tàu sắt. Nghe anh Phạm Hùng, thì mới dùng. Trọng tải có lẽ khoảng 100 tấn; chuyên chở vũ khí. Chỉ cán bộ đặc biệt mới đi cùng. Khoang cho chúng tôi nghỉ ở cuối tàu; đằng trước là hầm vũ khí, kế đến là nơi chỉ huy.

Thuyền trưởng gặp, dặn nguyên tắc bí mật, không hỏi tên nhau, gọi nhau bằng thứ. Đóng giả tàu đánh cá, nếu gặp kiểm soát, tàu có vũ khí tự vệ; và nếu bị lộ, thì cuối cùng phải cho nổ tàu.

Anh em dặn chúng tôi, là sẽ bị say sóng, nôn oẹ là bình thường; nhưng phải cố gắng ăn, muốn ăn bao nhiêu cũng được, để lấy lại sức.

Tàu theo hướng hải phận quốc tế mà đi. Bữa đó sóng gió cấp 7, có lúc sóng đánh trùm qua cả tàu. Mới đi mà mọi người đã nôn, oẹ; chúng tôi nằm bẹp, trừ khi phải dậy đi vệ sinh. Được biết chuyến đó,

chẳng riêng chúng tôi nôn, oẹ, mà cả tàu; chỉ có đồng chí báo vụ là không sao.

Nhân lúc rỗi, hỏi chuyện anh em, mới biết: Khi ở căn cứ, họ chỉ được ăn uống bình thường, khi nào đi công tác mới được bồi dưỡng theo chế độ tác chiến. Tôi nghĩ bụng, lẽ ra khi ở căn cứ phải cho họ ăn tốt, chứ đã đi đường như thế này, ăn bao nhiêu nôn ra bấy nhiêu thì lấy sức nào mà làm việc, chưa kể đến phải tác chiến. Trong số anh em làm tàu, tôi cảm thấy thương nhất đồng chí thợ máy. Lúc nào cũng ở hầm tàu; mà có lần tôi thử xuống, có vài phút mà không chịu nổi tình hình thiếu dưỡng khí, và nồng nặc mùi dầu máy. Làm việc trong điều kiện như thế, nhưng hễ chuyển tàu trót lọt khi trở về Bắc, anh em lại chắt củi đước, cá khô đầy tàu để giúp đơn vị ngoài Bắc cải thiện sinh hoạt. Khi đến miền Nam, tôi liền viết ngay một thư gửi tàu đưa về Bắc, phản ánh sự bất hợp lý trong chính sách. Tôi nhớ là có đề nghị những cơ quan chính sách hãy cho cán bộ thử đi một vài chuyến để định chính sách cho sát đúng, chứ ngồi bàn giấy định ra những điều không hợp lý, là không phải. Chẳng hiểu thư của tôi có đến được tay ai xem, và có giúp gì cho anh em hay không.

Khi đã ở miền Nam, tôi được biết xảy ra vụ Vũng Rô. Sau 30/4/1975 tôi hỏi thăm chiếc tàu tôi đi, mà anh em gọi tên thuyền trưởng là Phước, được biết Anh đã hy sinh trong một chuyến đi sau này. Hôm xem truyền hình chiếu phim “Tiếng gọi của biển”, mô tả về các “con tàu không số”, tôi không sao cầm được nước mắt.

Tàu đi ở hải phận quốc tế, nhưng thấy tàu buôn hay tàu lạ, đều tránh. Ban đêm, có khi gặp tàu

biển loại lớn, tôi thấy tàu chúng tôi như một người đứng ở chân một tòa nhà cao tầng, sáng choang. Ban ngày, nhìn đại dương mênh mông, tàu mình chỉ như một dấu chấm nhỏ. Vậy mà tàu vẫn nổi, vẫn đi.

Chúng tôi chịu sóng gió mất mấy ngày. Đến một hôm, thuyền trưởng báo là sóng êm, cấp 3 hoặc 4, anh em có thể ra boong ngồi chơi. Tôi thấy anh em lấy súng đạn ra lau chùi. Hỏi thì được biết tàu đã vượt qua vĩ tuyến 17; tuy vẫn ở hải phận quốc tế.

Sau khi lau chùi xong vũ khí, anh em tổ chức giải trí. Có gì đâu. Người thì hát, có người múa tũn; hoặc kể chuyện trêu chọc nhau để cười với nhau. Trong hoàn cảnh chiến đấu hiểm nghèo, mà vẫn giữ được niềm lạc quan cách mạng. Tôi rất cảm động và khâm phục anh em.

Có chuyện buồn cười, là sau này có đồng chí nghe loáng thoáng tôi đi đường biển, đã thêu dệt là tôi đi bằng tàu ngầm. Cứ y như là chuyện trinh thám loại hoang đường. Thực tiễn cách mạng Việt Nam, chính là từ những việc vừa đơn giản, vừa vô cùng vĩ đại; làm nên bởi những con người rất mộc mạc, trong đó biết bao người xứng đáng là anh hùng.

*

Tàu vẫn chạy. Bỗng một đêm, đang nằm lơ mơ, tôi nghe tiếng “rùng rùng” khác thường. Hỏi thì được biết có sự cố. Anh em loay hoay xem lại máy, rồi xem xung quanh tàu. Tôi không sao quên được đồng chí thợ máy; hôm đó hàng giờ chui vào hầm máy.

Thuyền trưởng triệu tập họp chi bộ. Chúng tôi được cùng dự. Khi đó mới biết, cái “lốc” của con tàu đã bị một con cá có lẽ rất lớn, đớp mất. Trước

đây, tôi cứ tưởng tàu biển có la bàn là đủ. Bây giờ mới hiểu, tàu chạy, còn bị sóng cản, gió đẩy. Nên không phải cứ nhìn tốc độ ở đồng hồ là biết tàu đã đi đến đâu. Tàu lớn, có dụng cụ đo đặc hiện đại; còn tàu chúng tôi đang đi, muốn xác định tàu thực đi được bao nhiêu xa, đang ở đâu, phải nhờ ở cái “lốc” đặt ngầm dưới nước.

Chính sự cố cái “lốc” đã gây cho tàu chúng tôi những điều rắc rối ấy; và có nhiều chuyện bất ngờ cho bản thân tôi mà không lường trước được trong hoạt động của tôi sau này ở miền Nam.

Tàu chúng tôi đi có nhiệm vụ vào bến ở Trà Vinh.

Nhưng việc đầu tiên xảy ra là, đáng lẽ phải đi ngoài đảo Lý Sơn, thì chúng tôi đã đi giữa đảo đó với đất liền.

Một sáng, ước chừng tàu đã đến địa phận Nam Bộ; chúng tôi thấy từ xa một tàu đánh tín hiệu đèn, hỏi tàu chúng tôi. Thuyền trưởng cho lệnh không trả lời; và cho tàu quay thẳng hướng chạy ra hải phận quốc tế, để tránh tàu lạ.

Thì ra, đáng lẽ phải đi phía ngoài Côn Đảo, thì tàu chúng tôi đã đi nhầm vào giữa Côn Đảo và Vũng Tàu. Cái tàu đánh tín hiệu đèn hỏi tàu chúng tôi, có thể là tàu tuần của địch.

Nắng oi ả. Tàu vẫn chạy. Đến khi thấy khuất dạng tàu ban nãy, mới họp chi bộ lần nữa. Ý kiến thuyền trưởng và hầu hết anh em thuyền viên đều cho là khó lòng vào đúng bến Trà Vinh. Nên đêm hôm đó sẽ vẫn cố tìm vào đúng bến; đồng thời điện về Bắc báo cáo tình trạng của tàu, và xin được vào

bến Rạch Gốc ở Cà Mau, mà anh em đã quen, và có được ngọn đèn biển Hòn Khoai làm chuẩn.

Đêm đó, tàu thử vào Trà Vinh. Đêm, chỉ thấy một vệt đen chạy dài dọc bờ. Có lẽ là rặng dừa. Nhưng lấy gì phân biệt với Bến Tre? Thuyền trưởng quyết định quay tàu ra, và đợi lệnh.

Lại một ngày căng thẳng ngoài biển khơi. Vừa chờ tối. Vừa chờ lệnh.

Cuối cùng, cơ yếu báo là đã được chấp nhận vào Rạch Gốc.

*

Tàu theo hướng Nam đi thêm, đồng thời chờ tối.

Tính toán giờ, thuyền trưởng cho lệnh chạy vào bờ. Và chú ý quan sát tìm đèn biển Hòn Khoai làm chuẩn.

Tối. Tàu đã vào gần đất liền. Nhưng vẫn không thấy đèn Hòn Khoai. Anh em có người đoán hay là nhầm vào cửa Sông Hậu. Vào gần bờ, bỗng nhiên bị mắc cạn. Thì ra lúc đó, nước còn ròng, chưa lên lại. Anh em người sào, người lội hẳn xuống nước, thăm dò. Thuyền trưởng cho lệnh phải tìm cách quay ra biển xa; đề phòng gặp địch.

Loay hoay mãi, có lẽ cũng là lúc nước đã lớn, tàu xoay được, mũi quay ra khỏi vùng nước đục. Rồi cứ thế từ từ tàu quay được ra xa.

Chỉ ra khỏi chỗ lầy khoảng 1 km, anh em bỗng reo lên. Đã thấy ánh đèn của Hòn Khoai.

Thì ra, chỗ mà tàu vừa vào bị vướng một doi đất, nó che lấp mất đèn biển Hòn Khoai. Thế là chắc ăn rồi. Mọi người yên tâm, phấn khởi.

Gấp bữa húp vĩa.

Tàu tiếp tục chạy một cách vững bụng.

Đến khuya, thuyền trưởng cho lệnh chạy vào sát bờ, để dễ tìm Rạch Gốc, là bến định vào.

Chạy dọc bờ biển hồi lâu, bỗng thấy từ trong bờ có ánh đèn, lúc xanh, lúc đỏ, không đều nhau. Rõ ràng là người của bến đón, đánh tín hiệu hỏi.

Thuyền trưởng cho lệnh đánh đèn tín hiệu của tàu trả lời.

Sau đó, vì đã quen bến, thuyền trưởng cho tàu rẽ vào một lùm cây.

Thực ra đó là một con rạch, vừa cho tàu vào; bên trên lá cây um tùm, che khuất ánh trăng đang sáng tỏ, lúc tàu còn ở ngoài biển.

Tàu giảm tốc độ, rồi dừng lại.

Một chiếc xuồng nhỏ cập tàu; trên tàu thả thang dây cho người ở xuồng lên tàu. Té ra người quen. Người đó, anh em trên tàu gọi là anh Ba Cụt, vì một tay bị cụt. Sau có người nói với tôi, anh Ba Cụt đã từng đi thuyền ra Bắc với các đồng chí lãnh đạo, không chịu nổi sự đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm, ra xin Trung ương cho vũ trang đấu tranh. Nay lại trở về quê hương, làm nhiệm vụ ở bến, đón các chuyến tàu chở vũ khí tiếp tế cho phong trào miền Nam.

Hàn huyền một chút, anh Ba Cụt mới nói rằng tàu các anh trả lời sai tín hiệu. Lẽ ra phải bắn. Nhưng thấy dạng tàu đúng là của ta, nên trong bờ không bắn, đợi vào xem sao. Lại một phen hú vía. Không hiểu liên lạc điện đài ra sao. Tàu chúng tôi vào bến này, là đã được trên đồng ý rồi kia mà!

Anh Ba Cụt cho biết hôm nay, cũng đón một tàu. Vậy là tàu kia cũng sắp đến.

Quả nhiên, chỉ một lát sau, có một tàu nữa vào.

Sau này, khi về đến khu 9, tôi được biết tàu vào sau tàu chúng tôi là tàu chở anh Lê Đức Anh. Tàu đó đi trước chúng tôi, nhưng vì lý do nào đó phải nghỉ lại dọc đường. Thành ra đi trước mà lại đến sau.

Cuối cùng là đều đến được đích. Chuyến đi mất khoảng 7,8 ngày.

Anh em ở bến đưa chúng tôi đến chỗ nghỉ. Còn vũ khí thì huy động lực lượng bốc dỡ.

Nơi tạm trú của chúng tôi là những chòi, làm trên cây đước. Đi từ chòi nọ sang chòi kia, phải đi bằng “cầu khi”, cũng làm bằng những cây đước.

Anh em làm cơm cá cho chúng tôi ăn. Ở miền Bắc hồi đó mua ăn bằng tem phiếu. Kiếm được cá ăn, không phải là ăn thả cửa. Tôi thấy bữa ăn nhiều cá quá; hỏi có phải anh em chiêu đãi khách mới đến hay sao, mà nhiều thế, ăn không hết. Anh em cười, nói ở đây ngày nào cũng vậy; chỉ phải đặt lưới, và đi thu gom là đủ cá ăn.

Đêm ngủ, giăng mùng kỹ lưỡng, mà sáng dậy vẫn thấy bị muỗi đốt. Một lần để ý thấy đồng chí nằm cạnh tôi, để cùi tay sát mùng; thì cả một “quả táo muỗi” lủng lẳng ở chỗ mùng, sát cùi tay. Thì ra, con muỗi đầu tiên bám vào tay, rồi con sau đâm bám vào con trước, tiếp tục hút máu. Cứ thế tất cả chùm muỗi to bằng một quả táo. Khi đó tôi mới bắt đầu hiểu muỗi Cà Mau là thế nào.

Tôi còn bị tình trạng người ta gọi là “say sóng đất”. Ngồi, nằm, đứng, cứ thấy trời đất nghiêng ngả, y như lúc còn ở trên tàu. Mất mấy ngày như vậy rồi mới ổn định.

*

11 năm sau, sống và hoạt động ở Nam bộ, dần dần giúp tôi hiểu tương đối đầy đủ hơn về Miền đất ruột thịt này của Tổ Quốc.

Nhưng tôi không sao quên được những hình ảnh khi lần đầu tiên đặt chân đến mảnh đất Cực Nam của Tổ Quốc; mảnh đất biết bao đau thương và anh dũng, đồng thời cũng rất nhiều huyền thoại.

Một giai đoạn chiến đấu mới trong đời hoạt động cách mạng của tôi bắt đầu từ nơi đây.

*

Sau 30/4/1975, mãi đến năm 1990, tôi mới có dịp đến Cà Mau. Bí thư Tỉnh uỷ Minh Hải lúc đó là anh Tư Hườn. Hồi 1984, anh Tư đã cùng tôi dự khóa học quản lý kinh tế tại Viện hàn lâm kinh tế quốc dân Liên Xô ở Mát-xcơ-va. Anh cho người đưa tôi về Năm Căn. Năm ấy chưa làm xong đường ô tô từ Cà Mau đi Năm Căn, nên vẫn phải đi xuống máy, mất gần nửa ngày.

Năm Căn đã thay đổi quá nhiều so với năm 1964, khi tôi đến đó.

Một nhà máy cá hộp đã được dựng lên. Nhiều ruộng tôm đã hình thành. Nhưng tiếc thay, rừng đước đã bị tàn phá ghê gớm. Đâu còn cảnh bạt ngàn các rừng đước bịt bùng.

Các đồng chí ở Huyện đã giúp đưa tôi về Rạch Gốc.

Cũng tình trạng về tâm và đức, như trên dọc đường tôi đã thấy.

Dọc các kênh, nhà cửa san sát. Những hàng đáy, những tấm lưới lớn phơi nhiều hơn ngày trước, vì dân được tự do làm ăn, không phải chui lủi như thời Mỹ nguy thống trị. Ăng-ten máy thu hình nhan nhản.

Gần trụ sở Ủy ban xã, một đoàn cải lương đang treo băng quảng cáo đêm diễn sắp tới.

Mấy đồng chí trong Đảng uỷ và Ủy ban xã cho tôi biết đang chuẩn bị dựng ngay tại đây, tượng thầy giáo Ngọc Hiền, người chiến sỹ Cộng sản năm xưa lãnh đạo khởi nghĩa chiếm Hòn Khoai.

Các đồng chí đã đưa tôi đến thăm nhà đồng chí Hai Dĩa, người phụ trách bến Rạch Gốc năm 1964; đã đón nhiều con tàu tiếp tế vũ khí cho miền Nam; trong đó có con tàu đưa tôi lần đầu tiên đến miền Nam thân yêu, tại mảnh Đất Mũi, cuối cùng của Đất Nước ta.

Anh Hai đã không còn. Chị Hai tiếp tôi, ôn lại chuyện xưa. Tôi đã thắp hương trên bàn thờ anh Hai.

*

Những hình ảnh của 26 năm về trước hiện lên trong tâm trí tôi.

Đò Sơn, Rạch Gốc, đường mòn Hồ Chí Minh trên biển, những con tàu không số, thuyền trưởng Phước, đồng chí thợ máy chưa biết tên, anh em thuyền viên con tàu tôi đã đi; và biết bao chiến sỹ mà tôi chưa được biết. Ai còn, ai mất?

*

Dù thế nào, suốt đời, bao giờ tôi cũng nhớ đến
Những Con Người ấy; cũng như không bao giờ quên
được chuyến đi duy nhất ấy trong đời tôi.

Kỷ niệm 20 năm giải phóng miền Nam
Hà Nội, 6/1/1995

⁽¹⁾ Cầu Chiếc bắc qua sông Nhuệ, thuộc xã Hiền Giang, Thường
Tín, Hà Nội, nối quốc lộ 21B với quốc lộ 1A.

Lòng dân miền Nam

Nếu nói chung về miền Nam, thì có không biết bao nhiêu điều tốt đẹp đáng phải nói. Mà dù nói mãi, cũng vẫn có thể là thiếu.

Vậy, xin dành những cảm nghĩ đầu tiên của tôi để nói về tâm lòng của người dân miền Nam đối với cách mạng, thể hiện cụ thể đối với cán bộ chiến sĩ đang chống Mỹ cứu nước hồi đó.

*

Cuối tháng 3/1964, bằng đường biển, trên một con tàu không số, tôi đã đến miền Nam để trực tiếp tham gia chống Mỹ cứu nước. Nơi tôi đặt chân lần đầu tiên ở miền Nam là Rạch Gốc, thuộc vùng đất mũi Cà Mau. Sau đó, tôi đã đi ngang đồng bằng Nam Bộ, để về căn cứ của Trung ương cục miền Nam, hồi đó đóng ở chiến khu Dương Minh Châu, thuộc tỉnh Tây Ninh.

Rời khu 9, các đồng chí địa phương đã thu xếp tôi đi cùng một đoàn cán bộ của khu lên học trường Đảng của Trung ương cục; để trên đường nếu có gì bất trắc, thì tôi còn được anh em giúp đỡ. Ngày ấy, những cán bộ hồi kết cũng còn phải giữ bí mật tung tích, hướng chỉ là cán bộ chỉ viện, mà lại nói tiếng Bắc.

Tại các chặng nghỉ trên đường dây, anh em trong Đoàn dặn tôi nên ít nói cho đỡ lộ. Bởi vì sự xuất hiện một cán bộ nói tiếng Bắc còn đặc sệt, mà

lại từ khu 9 đi lên rừng, còn có thể làm lộ con đường mòn Hồ Chí Minh trên biển.

Thế nhưng, chẳng làm gì giấu được đám trẻ và nhất là các bà Má.

Hôm chúng tôi sắp rời cù lao Long Phú để tiếp hành trình, thì đại diện Hội phụ nữ nói có làm một bữa liên hoan chia tay anh em. Các Má tự gom tiền đồ bánh xèo, là món ăn được ưa chuộng. Bắt đầu, một bà Má đứng lên nói: “Hôm nay các con xa gia đình, xa Tổ quốc đi chiến đấu giải phóng cho đồng bào, nên Hội phụ nữ địa phương có một bữa liên hoan, chúc các con lên đường mạnh giỏi ...”

Nghe đến đây, anh Hai Hồng, người bạn cùng tuổi và thân với tôi, hích cùi tay vào tôi, nháy mắt cười. Khi xong bữa, anh em trong đoàn đều nói: “Hôm nay các Má cốt cho Tư Trọng ăn bánh xèo, còn tụi mình ăn ghé thôi”. Tôi chẳng hiểu ý tứ ra sao, thì anh em mới giảng cho hay:

Bà con vùng khu 9 thường coi đây là đất Việt Nam; còn ra phía ngoài nữa, dù là miền Trung hay miền Bắc, đều gọi chung là Huế. Bà Má nói ban nãy dùng chữ “xa gia đình, xa Tổ quốc” là muốn nói đến “người từ tận Tổ quốc Huế xa xôi đến Việt Nam để chiến đấu đây”.

Sau này, trong 11 năm hoạt động ở Nam Bộ, tôi cũng như các bạn chiến đấu khác, dù là gốc Bắc hay Nam đều đã được sự đùm bọc, chăm sóc và che chở của nhân dân miền Nam (mà càng là người Bắc, càng được quý mến).

Chẳng cứ ở các xã giải phóng ở Củ Chi mà chúng tôi đã đóng cơ quan nhiều năm, ngay cả các

vùng nông thôn khác thuộc Trảng Bàng (Tây Ninh), Đức Hòa (Long An), Gò Đen (Long An), Cai Lậy (Tiền Giang), Mỹ Cày, Châu Thành (Bến Tre); hoặc ở Bà Điểm (Hóc Môn) sát Sài Gòn, thậm chí ngay ở Nội thành Sài Gòn, đâu đâu đồng đội của tôi và bản thân tôi cũng được sự che chở, giúp đỡ tận tình của bà con trước nay không hề có họ hàng thân thuộc gì với mình cả.

Có một chuyện khá đặc biệt và cảm động, không bao giờ tôi quên. Sau khi địch cần ủi sạch trơn mười xã giải phóng ở Bắc Củ Chi hồi cuối 1967, cũng là lúc ta chuẩn bị ráo riết tấn công Mậu Thân 1968. Chúng tôi phải tạm trú ở xã An Ninh, Đức Hòa, Long An; đang cần mua một chiếc ghe để chở súng vào nội thành Sài Gòn. Tôi giao cho anh Bảy Bình dùng giấy tờ giả đến thị trấn Đức Hòa tìm mua. Đang tìm chỗ, thì bọn lính đi tuần gặp, xét giấy và giữ anh Bảy để hỏi. Người đi cùng vội về căn cứ để báo động. Nhưng chỉ một lát sau đã thấy anh Bảy Bình về.

Hỏi mới biết:

Ngay khi lính giữ giấy của anh Bảy Bình, bà con quanh đó xúm lại vây bọn lính. Người thì nói: Thằng này là dân làm ăn, đi mua ghe, sao lại giữ giấy và định bắt nó? Người mạnh dạn hơn, móc ngay túi thằng lính lấy lại giấy căn cước giả của anh Bảy Bình. Sau đó, người thì bao vây giữ chân bọn lính, người thì dắt anh Bảy Bình ra bến xe lam, thẳng đường về Trảng Bàng. Đến địa phận xã An Ninh, người đưa anh Bảy Bình bảo anh xuống, còn mình đi tiếp. Rót cuộc anh Bảy Bình chẳng hề biết tên những người đã cứu mình; còn bà con ta cũng chẳng

cần hỏi xem anh Bảy Bình tên gì, thuộc đơn vị nào. Lòng dân đối với cách mạng là như thế đấy!

Có một chuyện cũng vui. Hồi đó địch đã bình định cấp tốc nông thôn sau Mậu Thân 1968. Chúng tôi đến xã Định Thủy, Mỏ Cày, Bến Tre. Nơi đây là vùng yếu vì gần địch. Tôi dặn anh em bảo vệ, súng đạn để đâu dễ lấy nhưng kín đáo kéo rắc rối cho gia đình. Nhà ở trong xóm chật, chỉ có một giường, dành cho ông Hai, là người già. Con cháu ban ngày đến phục vụ, tối phải ra chòi ngoài ruộng cho đỡ pháo. Ban đêm anh em chia nhau giăng võng ở các góc dừa; riêng tôi để tránh mưa bất ngờ, giăng võng ở dưới mái chuồng heo. Qua đêm đầu, đến đêm sau, bắt đầu đi ngủ, thì nghe ông Hai lớn tiếng gọi: “Ba đâu! Chú Ba đâu?”. Ban đầu, tôi còn nghĩ là ông Hai gọi ai khác. Sau anh em bảo vệ nói là ông Hai kêu tôi. Tôi vào nhà, ông Hai bảo tôi không được ngủ ở chuồng heo, vào giường nằm chung với Ông. Tôi từ chối thế nào cũng không được. Mà giường này, xưa nay, đến con cháu trong nhà cũng không ai được nằm chơi ở đó, dù chỉ một lát. Cần nhắc là ông Hai có đạo, nên khi có pháo nổ, không bao giờ ông chịu xuống hầm để tránh, nói rằng “không được để đất lên trên đầu mình”. Có khi còn ra sân thắp hương trên ban thờ. Ông già Hai thương cán bộ như thế đấy!

Cũng ở Định Thủy, rất nhiều bà con đã giúp đỡ chúng tôi hết mình! Mặc dù chúng tôi là T4⁽¹⁾, chứ không phải T2⁽²⁾. Gia đình chị Ba, chúng tôi ở đó nhiều thời gian; ông Tư; ông Sáu; ông Chín đã không ngại nguy hiểm, nhiều lần đưa cán bộ đi lại bằng đường công khai, lại còn nhiều lần dùng ghe

riêng nghi trang chở súng đạn từ biên giới về Bến Tre cho đơn vị chúng tôi.

Người dân Xứ Dừa của chị Ba Định là như thế đấy!

Ở nội thành, dù địch kiểm soát gắt gao, rất nhiều gia đình biết chúng tôi là cán bộ kháng chiến, vẫn che chở nuôi giấu. Sau đợt 1 và đợt 2 Mậu Thân, có gia đình mà đội Trinh sát vũ trang của An ninh T4 đã dùng căn nhà bố trí làm kho súng; rồi là người phụ trách bị hy sinh, đơn vị không ai biết chỗ làm kho súng để bắt liên lạc. Vậy mà, đến ngày Sài Gòn hoàn toàn giải phóng, gia đình đã mời đơn vị đến để giao lại kho súng còn nguyên vẹn. Địch mà bắt được ai giữ súng trong nhà thì bị tù ít nhất cũng cả chục năm; vậy mà gia đình đã giữ kho súng an toàn suốt bảy năm trời. Quả thật là âm thầm hết lòng vì cách mạng; và cũng quả thật là gan cùng mình!

Ngày 30/4/1975, tôi được một đơn vị bộ đội ta giải thoát khỏi nhà tù 3 Bạch Đằng của Mỹ ngụy. Tôi đang tìm về nhà cơ sở, không một xu dính túi, với bộ quần áo của người khác, râu tóc bù xù. Trên đường phố, tôi gặp hai cháu thanh nữ. Thấy tôi khác thường, hai cháu hỏi thăm. Biết chuyện, hai cháu dắt tôi lên xe buýt về chợ Bến Thành, sau đó từ biệt; nhưng đã mua sẵn vé đi tiếp cho tôi, lại cẩn thận nhờ một bà già đi cùng tuyến là đến Bình Thới thì bảo tôi xuống. Đến nay, tôi còn giữ làm kỷ niệm tấm vé xe buýt và mấy trăm đồng mà hai cháu đã đưa cho tôi. Tiếc là tôi vẫn không biết tên những con người đáng quý như thế!

Đêm 1/5/1975, tôi ngủ tại nhà anh chị Ba Trương, ở Bình Thới. Nhà bị địch bắn cháy hồi đợt 2 Mậu Thân. Mưa to, dột lung tung, cả nhà chỉ có một chỗ không dột. Anh chị Ba nhất định bắt tôi ngủ ở chỗ đó. Ngại tình hình khu vực chưa yên, anh Ba và một cháu trai canh gác phòng kẻ xấu có thể đến làm hại tôi. Làm sao tôi có thể ngủ. Thế là mọi người đều thức, quây quần quanh nơi còn khô ráo trong nhà để hàn huyên tâm sự cho đến sáng. Nơi đây, thực ra, tôi chỉ bắt đầu biết lúc đợt 1 Mậu Thân mà thôi. Thế mà tình cảm sâu đậm như thế! Chính đó là lòng dân đối với cách mạng.

*

Phần tôi, chỉ có thể kể lại một vài chuyện làm ví dụ. Nếu ghi lại tất cả những hình ảnh do tất cả các cán bộ, chiến sĩ giải phóng kể lại, suốt chặng đường dài từ 1954 đến 1975, thì phải có nhiều pho sách lớn, để ghi tạc lòng dân miền Nam đối với cách mạng. Chính đây là yếu tố rất quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng miền Nam, mà Mỹ ngụy không có và không bao giờ chúng có thể có được. Sự thất bại của chúng, trước hết là vì chúng không có được lòng dân.

Đó cũng là bài học lớn trong đời hoạt động cách mạng đối với tôi.

Tháng 4/1995

Nhân kỷ niệm 20 năm giải phóng miền Nam

⁽¹⁾ T4: Khu Sài Gòn – Gia Định.

⁽²⁾ T2: gồm các tỉnh miền trung Nam bộ: Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc và Bến Tre.

Về với cội nguồn

Tháng 4 năm 1995, tôi từ Hà Nội vào Nam dự nhiều cuộc họp mặt các bạn chiến đấu trong thời chống Mỹ cứu nước.

Ngày 2/4, họp các cán bộ chiến sĩ thuộc Ban an ninh Trung ương cục miền Nam. Ngày 9/4 tại Củ Chi, họp những cán bộ chiến sĩ thuộc Ban An ninh T4 (Khu Sài Gòn-Gia định) đã từng cùng sống và chiến đấu ở Củ Chi. Ngày 16/4 tại Dinh Thống Nhất là cuộc gặp của các cán bộ ở các Ban, Ngành thuộc Trung ương cục miền Nam trước đây; cũng có cả một số đại biểu các Khu, Tỉnh thuộc B2 cũ. Ngày 22/4 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh, là cuộc họp các cán bộ chiến sĩ thuộc Ban An ninh T4 thời chống Mỹ.

Ngày 30/4/1975 đã đi vào lịch sử như thắng lợi vĩ đại của toàn dân tộc ta; miền Nam “đi trước về sau”, miền Nam là của cả nước, và cả nước đã từng có mặt ở miền Nam. Hãy đến các Nghĩa trang liệt sĩ ở các địa phương trong Nam, bên cạnh các mộ Liệt sĩ có tên, ở đâu cũng có rất nhiều ngôi mộ mà bia vẫn để trắng. Ai cũng hiểu đó là mộ các chiến sĩ bộ đội chủ lực, quê ở một nơi nào đó ngoài Bắc. Bây giờ “Bắc Nam xum họp, Xuân nào vui hơn” (Lời thơ Bác Hồ), chúng ta đời đời ghi nhớ các Liệt sĩ.

Riêng đối với tôi, đó cũng là ngày tôi được bộ đội ta giải thoát khỏi nhà tù của Mỹ ngụy; nên tôi vô cùng nhớ ơn Đảng, Quân đội và nhân dân ta

(trong đó có cả đồng đội của tôi) đã chiến đấu thắng lợi, nên tôi mới thoát chết và được tự do.

Vì chẳng những địch vi phạm Hiệp định Paris, không trao trả tôi. Mà sau này, số nhân viên cơ quan tình báo của Mỹ ngụy ra trình diện và học tập cải tạo, có khai rằng: Ngày 26/4/1975, bọn chỉ huy tình báo Mỹ, ngụy đã có lệnh giết tôi, nhưng do quân ta đã tiến sát Sài Gòn, nên bọn bên dưới sợ mang thêm tội, không dám thi hành (Phù hợp với nội dung hồi ký của Frank Snepp, nhân viên CIA, viết rằng chúng chủ trương đưa tôi lên một trực thăng để ném xuống biển).

Gia đình tôi coi 30/4/1975 là ngày tôi được tái sinh, khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng và Tổ Quốc ta được thống nhất.

Trước thắng lợi và hạnh phúc lớn chung cho cả nước và cho riêng gia đình tôi, bao giờ tôi cũng nhớ đến các Liệt sĩ, nhất là những đồng chí, đồng đội đã ngã xuống ở chiến trường trước ngày chiến thắng; cũng như nhớ đến những đồng bào, cơ sở đã đùm bọc giúp đỡ tôi và đồng đội của tôi, trong những ngày gian khổ. Nên tôi đã tranh thủ thời gian giữa các cuộc gặp mặt nói trên, để đi thăm cơ sở cũ; những nơi mà có đồng đội đã hy sinh và thăm gia đình họ.

Thời gian không cho phép đi đủ mọi nơi, và đủ mọi nhà. Mà đến đâu, bà con, anh em cũng muốn lưu tôi ở lại lâu hơn; nhưng tôi đành xin lỗi.

Xin chỉ kể về vài nơi mà tôi đã đến.

Tôi đã thăm chị Năm Tấn. Anh Năm là Phó Ban An ninh T4, hy sinh sau Mậu Thân, ở Phân khu I (mà mấy năm gần đây mới tìm được mộ, vì bom

đạn làm mất hết dấu tích). Anh Năm và tôi đã có nhiều thời gian chung sống ở Củ Chi và cộng tác với nhau rất tốt; mặc dù quê Anh ở ngay Hóc Môn, còn quê tôi ở ngoài Bắc (Hưng Yên).

Tôi cũng đã đến thăm một số gia đình liệt sĩ thuộc An ninh T4 cũ; và nơi mấy cán bộ của Ban An ninh T4 đã hy sinh, sau khi tôi bị địch bắt.

Tôi đã thăm nhiều gia đình cơ sở trước đây đã giúp đỡ chúng tôi, tại nhiều địa phương ở miền Nam.

Cũng đến thăm và nhờ Công an các Tỉnh, mà trước đây An ninh T4 đã trú đóng trên địa bàn, chuyển lời cảm ơn đến các cấp Đảng, và đoàn thể ở địa phương, đã tận tình giúp đỡ An ninh T4.

Cuộc thăm nào cũng có ý nghĩa riêng.

Tháng 3/1964, tôi vào Nam bằng tàu không số. Nơi mà tôi đặt chân lần đầu đến miền Nam là Rạch Gốc, thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Minh Hải bây giờ. Hồi đó đồng chí Hai Dĩa (tên thật là Bông Văn Dĩa) là người tổ chức bến đón các tàu không số, đã đón chúng tôi. Anh Hai Dĩa đã được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Hồi 1990, tôi đã về đây thăm một lần. Khi đó anh Hai Dĩa đã từ trần; chỉ còn chị Hai. Năm nay, tôi lại về Rạch Gốc, đến thăm gia đình, gặp lại chị Hai. Chị đã 85 tuổi; gia cảnh vẫn đạm bạc, mặc dù anh Hai là Anh hùng, và Anh Chị cũng có một con là liệt sĩ. Về đến Hà Nội, tôi đã phản ánh tình hình này lên Thủ Tướng để đề nghị xem xét. Gặp lại người cũ, chốn xưa, lòng tôi bồi hồi xúc động. Nhất là so sánh tình cảnh các gia đình người có công mà tôi thấy, với

tình trạng phung phí công quỹ của những kẻ tham nhũng.

Dịp Noel 1965, được Cấp uỷ T4 đồng ý, lần đầu tiên tôi vào Sài Gòn để nghiên cứu thực địa. Cuộc đi này có ý nghĩa rút được kết luận, giúp các cán bộ người Bắc, mới vào Nam, quyết tâm vào hoạt động ở Sài Gòn. Người lái taxi đưa tôi đi xem các nơi, là anh Tư. Anh là anh ruột của Tám Trọng (cán bộ An ninh T4). Tôi không bao giờ quên, đêm tôi ngủ lại nhà, anh Tư giả bộ chữa xe, thấp đèn suốt đêm trước cửa nhà, để ứng phó khi có xét nhà, hoặc bố ráp khu vực, nhằm đảm bảo an toàn cho tôi. Năm nay, Anh đã nghỉ hưu. Anh rất vui mừng gặp lại tôi, ôn kỷ niệm cũ.

Hồi đợt 1 Mậu Thân 1968, tôi đã ở nhà anh chị Ba; nhà này bị địch bắn cháy lúc đợt 2 Mậu Thân. Cháu Nhơn, con trai lớn của Anh Chị ra khu theo Giải phóng. Sau khi được giải thoát khỏi nhà tù, tôi đã về đây, nhờ tìm liên lạc với Tổ chức. Đêm đó, mưa to, nhà dột tứ tung. Gia đình nhường cho tôi cái võng là nơi duy nhất không bị dột. Anh Ba và một cháu trai, lượm được một khẩu AR15 của lính rút ngoài đường, thay nhau canh gác đề phòng bắt trặc; vì Anh thấy tình hình khu vực chưa thật an toàn. Làm sao tôi có thể ngủ được. Thế là mọi người quây quần ở chỗ khô ráo nhất trong nhà, hàn huyên tâm sự. Hồi 1990, giải tỏa nhà làm đường Đàm Sen, Anh Chị phải rời nhà đi chỗ khác, mà không cho tôi địa chỉ mới. Lần này, tôi phải nhờ rất nhiều anh em quen mới tìm và gặp được. Cả gia đình vui mừng gặp lại tôi dịp này.

Công an Thành phố Hồ Chí Minh, mà tiền thân là An ninh T4, đã được Hội đồng Nhà Nước phong tặng là Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Công an ta có sự nỗ lực phấn đấu của bản thân; nhưng trong mọi tình thế, đều có sự giúp đỡ to lớn của nhân dân, nên mới có được thành tích đáng khen thưởng. Vì thế ta luôn luôn phải nhớ đến yếu tố nhân dân; cũng vì vậy mà không bao giờ được quên những cơ sở trong nhân dân, những người đã giúp đỡ mình, nhất là trong những ngày gian khổ của cách mạng, trước khi giành được thắng lợi 30/4/1975. Hy vọng rằng, người lớp trước cũng như người lớp sau, trong Công an Thành phố, ai nấy đều góp sức giữ vững, phát huy truyền thống tốt đẹp, và danh hiệu cao quý của đơn vị.

Tôi cũng tiếc là chưa có thì giờ thăm hết, như mong muốn của tôi.

Đặc biệt là, do sơ xuất hôm 1/5/1975, đến nay tôi vẫn chưa biết tên và địa chỉ hai cháu gái (nay chắc đã gần 40 tuổi, có thể đã là Mẹ), hôm đó chỉ biết tôi là mới ở tù ra, đã tận tình giúp tôi về đến Bình Thới; do đó tìm được nhà anh chị Ba đã nói ở trên. Nếu biết, chắc chắn tôi đã phải đến thăm và cảm ơn.

Đó là tất cả ý nghĩ và niềm tin của tôi đối với nhân dân Việt Nam anh hùng của Tổ quốc chúng ta.

Ngày 18/5/1995

Xung quanh cuốn Bất Khuất

(Ghi lại chuyện kể của anh Nguyễn Đức Thuận)

1- Đầu năm 1964, tôi vào Nam trực tiếp tham gia chống Mỹ. Tôi không ghi lại ở đây hành trình của tôi, đề về đến căn cứ của Trung ương Cục miền Nam (R), lúc đó đóng ở chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh).

Tôi chỉ ghi lại chuyện đã gặp anh Nguyễn Đức Thuận, giữa năm 1964, ở Văn phòng Trung ương Cục Miền Nam, trước khi anh Thuận ra Bắc.

2- Hôm đó, mấy người chúng tôi ở Ban An ninh Trung ương cục sang làm việc với Thường vụ Trung ương cục; cơm chiều xong, buổi tối nghỉ, đề hôm sau làm việc tiếp.

Khách nghỉ lại, ở chung trong một chòi có mái tranh, nhưng không có vách tường gì cả. (Nếu có mưa tạt thì sẽ quây ni-lông thay vách; không thì thôi). Mỗi người có võng của mình, để nghỉ và nằm ngủ. Có một cái bàn làm bằng một miếng ván, kê trên bốn cọc bằng cây. Có hai cái ván làm ghế, ở hai bên.

Chúng tôi đang uống trà, thì có mấy đồng chí ở chòi khác đến ngồi chơi. Cùng đi với mấy đồng chí tôi đã quen, thấy một người hơi thấp, mắt sáng. Anh Sáu Hoàng, Phó Ban An ninh Trung ương cục - là cán bộ ở lại miền Nam sau Genève - cùng đến Trung ương cục với tôi, hỏi tôi có biết anh này

không? Tôi hơi ngờ ngợ, chưa nhớ ra là đã gặp ở đâu, bao giờ. Anh Sáu Hoàng giới thiệu mọi người với nhau. Thì tôi mới biết, người tôi còn ngờ ngợ đó là anh Nguyễn Đức Thuận; mới ở tù ra, sau đảo chính Ngô Đình Diệm 1/11/1963.

Tôi bỗng nhớ lại, năm 1948, ở miền Bắc. Hồi đó tôi ở Liên tỉnh ủy Lưỡng Hà (Hà Nội - Hà Đông), do anh Lê Quang Đạo làm Bí thư. Mùa hè năm đó, địch tổ chức một cuộc nhảy dù xuống thị trấn Văn Đình - mà theo tin tức thu được của địch, là chúng định bắt phái đoàn miền Nam của ta ra Bắc. Hôm địch nhảy dù, tôi đang đi công tác ở địa phận huyện Thanh Oai, nên sau khi địch rút, cũng về Văn phòng Liên tỉnh ủy (đóng ở một làng phía dưới Văn Đình) xem có xảy ra chuyện gì hay không? Tại đây, tôi gặp mấy đồng chí trong phái đoàn Nam Bộ ra Bắc. Trong số đó, có đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Phó Bí thư Xứ ủy. Anh là người Bắc, nhưng bị tù ở Côn Đảo. Sau Cách mạng tháng 8/1945, ra tù, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ. Tôi chú ý nét mặt của Anh, nụ cười của Anh, và phong cách thẳng thắn của Anh khi nói chuyện, dù chỉ mới gặp chúng tôi lần đầu.

Trước hôm đến Văn phòng Trung ương cục, tôi không biết việc anh Thuận ở lại miền Nam sau Genève, và bị mật vụ họ Ngô bắt. Thế là chúng tôi quay lại, đề nghị Anh kể lại câu chuyện tù của Anh, và các đồng chí cùng bị tù. Chúng tôi nghe đến khuya, chỗ nào chưa rõ, cũng hỏi thêm; và Anh giải đáp ngay.

3- Tôi nhớ rõ các chuyện Anh kể.

Trong đó có chuyện: *Khi địch đánh bằng cách dùng đèn công suất mạnh, rọi thẳng vào mắt; lúc nào thẳng chỉ huy rời đi chỗ khác, thì thẳng nhân viên canh gác đã tắt đèn* (không hiểu vì nó có cảm tình với người cách mạng, hay vì có lòng thương người chung chung). Tôi cũng nhớ việc Anh cố ý trả lời các câu hỏi của địch bằng từ “Không”, để dù lúc còn tỉnh hay bị tra tấn mê sảng, cũng chỉ nói một từ đó mà thôi, không sợ bị lộ bí mật.

Tôi nhận thấy anh Thuận kể chuyện cho chúng tôi nghe với thái độ rất chân thật; hẳn là đúng với những gì Anh đã báo cáo với Tổ chức - theo nguyên tắc thông thường của bất cứ ai đã bị địch bắt và trở về.

4- Sau này, tôi được nghe những điều mà tôi ghi lại sau đây:

Sau khi tôi được bộ đội ta giải thoát khỏi nhà tù 3 Bạch Đằng trưa ngày 30/4/1975, do sức khỏe yếu, nên tháng 8/1975 tôi được đi điều trị tại Cộng hòa dân chủ Đức cùng một đoàn cán bộ miền Nam.

Ở Đức, tôi có nghe nói là đã xuất bản cuốn Bất Khuất; mà người Đức họ phân tích theo khoa học, cho là cuốn Bất Khuất nói không đúng. Vì, về khoa học sinh lý, sức chịu đựng của con người trước ánh sáng đèn công suất cao, không thể liên tục nhiều ngày như sách kể.

Về nước cuối 1975, tôi đã tìm đọc cuốn Bất Khuất. Thì thấy đúng như đã nghe ở bên Đức.

Hồi đó, nhà anh Thuận ngay cạnh nhà tôi (ở Hàng Bông Nhuộm). Do đã biết nhau từ trong Nam, nên tôi đã có lần tìm gặp Anh để hỏi, vì sao có nội

dung như trong sách viết. Thì được biết: *Anh chỉ kể lại, đúng sự thật, chứ không tự viết. Còn người viết thì lại bỏ ý về việc tên nhân viên canh gác đã tắt đèn, lúc thăng chỉ huy rời chỗ tra tấn. Anh không biết gì việc xuất bản.*

Tôi có tìm gặp chú tôi là đồng chí Lê Văn Lương để hỏi về việc này. Thì được biết, *cuốn Bất Khuất xuất bản lúc còn chiến tranh; hình như người ta sợ lộ bí mật (như: có hại cho tên nhân viên canh gác đã tắt đèn), nên đã xóa bỏ ý của anh Thuận kể theo sự thật.*

Như vậy, theo tôi: *Anh Thuận rất chân thật. Nhưng người xuất bản đã vô tình gây thành sự hiểu nhầm đối với cá nhân anh Thuận, là cường điệu để tự đề cao cá nhân mình; nhưng trái với khoa học.*

5- Tôi thấy cần ghi lại những điều trên đây. Vì bây giờ anh Thuận, cũng như chú Lê Văn Lương của tôi, đều đã qua đời. Tôi thấy bất cứ ai đã từng nghe anh Thuận kể, từ hồi còn chống Mỹ, ở trong Nam, đều có trách nhiệm lương tâm làm cho dư luận hiểu rõ sự thật, và từ đó hiểu đúng về con người anh Thuận.

Hà Nội, 14/8/1996

Tết ngưng bắn trong thời đánh Mỹ

Từ thời đế quốc Mỹ đang còn tiến hành chiến tranh đặc biệt (quân nguy, với cố vấn Mỹ), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã đơn phương tuyên bố ngưng bắn, vào các dịp lễ Noel và Tết Nguyên đán. Làm cho đối phương bị động, cũng phải ra tuyên bố tương tự, để đáp ứng đòi hỏi của dư luận.

Vào dịp này, nếu ai có thể đứng đón ở những con đường mòn dẫn vào vùng giải phóng Củ Chi, mới thấy hết ý nghĩa của lệ này; và nó đã bén sâu vào lòng người như thế nào.

Trên những chuyến xe đò, xe lam đầu tiên, đã đầy ắp khách, tủa ra hướng Củ Chi. Rẽ khỏi đường nhựa, những dòng người nối đuôi nhau, theo đường mòn len lỏi trong rừng cao su, hướng vào các xã như Nhuận Đức, An Nhơn, Trung Lập, v.v... Trên tay người nào cũng lĩnh kính quà cáp. Nói, nói, cười, cười. Ai cũng mong đi cho nhanh, để chóng đến chỗ hẹn, gặp gỡ người thân. Chỗ này, chỗ kia, họ đã gặp nhau. Nét mặt ánh niềm vui khó tả. Có người vội tìm đến nhà dân mà mình đã quen; thậm chí có người chọn ngay một mảnh đất quang quẻ trong rừng cao su để cùng người thân hàn huyên. Càng về trưa, càng thêm đông.

Từ trong vùng căn cứ đi ra, chẳng riêng là số cán bộ chiến sĩ của T4; mà cả một số cán bộ chiến

sĩ từ R cũng nhân dịp ngưng bắn, xin phép về T4 móc gia đình ra thăm nuôi.

Một không khí rộn rã, kéo dài suốt ngày đêm đó.

Ở một số địa điểm, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng T4 tổ chức triển lãm sách báo; hoặc bày tranh ảnh mô tả cuộc chiến đấu của Quân Giải phóng; hoặc sinh hoạt trong vùng giải phóng, v.v...

Ở một số nơi khác, có những cuộc tiếp xúc giữa cán bộ Mặt trận với dân chúng từ vùng địch kiểm soát ra thăm. Những cuộc trao đổi ý kiến về cương lĩnh của Mặt trận; các câu thắc mắc được giải đáp xung quanh các chính sách của Mặt trận, v.v...

Đêm đến, có tổ chức chiếu phim của Điện ảnh Giải phóng; hoặc biểu diễn ca kịch giải phóng.

Những người từ trong vùng địch ra thăm, ở lại đêm xem văn nghệ, đều đề xe đạp, xe máy ở một bãi ruộng. Chẳng có vé. Xem hết chương trình. Trở lại bãi đề xe. Xe ai, lại nẩy lầy. Chẳng ai mất chiếc nào. Làm cho những người từ vùng địch ra, rất ngạc nhiên về trật tự “tự giác” trong vùng giải phóng.

Những cặp người yêu, những cặp vợ chồng thì đã có những người quen, sẵn sàng cho mượn nhà làm nơi tạm trú.

Trong những người từ vùng địch kiểm soát ra thăm vùng giải phóng, còn có cả nhiều binh sĩ trong quân đội nguy. Hầu hết họ là những người bị bắt đi quân địch, nên không có chút gì mặc cảm với “đồng mình”. Thậm chí, đây cũng là dịp thuận tiện cho các cán bộ binh vận gặp cơ sở.

Nhưng ít ai biết rằng, trong những dịp này, có những người phải tất bật để hoàn thành nhiệm vụ

nặng nề. Đó là những chiến sĩ giao liên vùng địch; những người làm hậu cần của các đơn vị võ trang nội thành. Nhờ không khí chung êm dịu, sự kiểm soát của địch có phần lơ lửng; họ phải tận dụng cơ hội tốt, để tranh thủ vận chuyển báo chí công kênh; và cả súng, đạn, thuốc nổ vào thành.

*

Giữa năm 1965, các đơn vị lính Mỹ đầu tiên đổ vào miền Nam Việt Nam, và chuyển cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ thành chiến tranh cục bộ.

Sau các trận càn ở miền Trung của lính Mỹ đầu năm 1966, hai sư đoàn Mỹ “Anh Cả đỏ” và “Tia chớp nhiệt đới”, phối hợp cùng mấy lữ đoàn độc lập cũng của Mỹ, bắt đầu trận càn lớn đầu tiên vào Củ Chi. Du kích Củ Chi đã diệt nhiều giặc Mỹ. Bằng hành động thực tế, du kích Củ Chi đã đóng góp vào kết luận, là du kích chiến cũng có thể giáng cho quân Mỹ những đòn đau.

Trong trận thử lửa đầu tiên, địa đạo đã tỏ rõ hiệu lực của nó. Lính Mỹ, được huấn luyện theo lối chính quy. Đụng một ổ chiến đấu của du kích, một lính Mỹ bị bắn chết. Chúng dùng bộ đàm, gọi trực thăng đến chở thương binh đi. Kêu pháo bắn cấp tập. Xong, lại tập hợp đội hình hàng dọc, hành quân rất chi là đúng điều lệnh. Ổ chiến đấu của du kích lại bắn tia. Và bài bản “chính quy đúng điều lệnh của lính Mỹ” lại tái diễn. Một du kích bắn “xâu táo”, một phát đạn đã làm bị thương luôn mấy lính Mỹ. Trong trận này, chúng đã bỏ mạng, và bị thương riêng ở điểm này gần chục tên.

Có một chuyện vui khó quên. Một cô y tá bị lính Mỹ bắt được. Chúng biết là có du kích đang ở

dưới lòng đất. Bèn bắt cô y tá chui xuống gọi hàng. Cô y tá xuống địa đạo. Bọn lính Mỹ cứ chờ mãi ở trên. Kết quả giống như hình ảnh “Đuôi uoi giữ ống”.

Sau trận càn lớn này, là đến Tết Nguyên đán. Lại có ngưng bắn.

*

Trong cuộc càn nhằm tạt sạch dân ở các xã giải phóng Củ Chi ra áp chiến lược; do lính Mỹ trực tiếp thi hành; bà con ta kiên quyết đấu tranh bám đất, ở lại ấp, xóm; viện lý do là trâu bò không chở đi được; lính Mỹ bèn đưa tàu đầu bằng đến, lừa trâu bò xuống. Anh em ta quan sát trận địa, thấy có trục thẳng địch đến cầu một khẩu pháo đi chỗ khác; chắc mẩm đêm đó bớt bị pháo; không dè pháo vẫn nổ trên đầu. Sau hỏi ra mới biết chuyện là: Có ông nông dân, lấy có có cái xe bò, cày dài, bánh xe lớn, nhất định không chịu đi; chúng gọi ngay trục thẳng đến cầu cái xe bò đi. Trông xa, thấy cái bánh xe tròn, du kích ngỡ là của khẩu pháo.

Hồi đó, lính Mỹ đi càn, phải ngủ đêm ở Củ Chi; có lần bị quân ta pháo kích. Bọn này phải bỏ chạy. Sáng sớm, du kích ở ấp gần đó, đến tại chỗ tìm súng đạn. Thì thấy, nào là lê tảo, nào là thịt hộp, sữa hộp, và cả lòng đỏ trứng gà sấy khô. Hay nhất là phát hiện ra: Lính Mỹ thường thì chỉ có các bao cát để làm công sự bảo vệ. Còn sĩ quan thì mỗi đứa có một “quan tài thép” ban đêm chui vào đó ngủ; để nếu bị pháo kích thì không bị thương vong.

Lần quân đội Mỹ càn ủi sạch cây cối mười xã giải phóng ở Củ Chi trong suốt ba tháng liền. Mỗi chiều, khoảng đúng giờ, chúng cụm quân lại. Sau

đó, một trực thăng cần cẩu (2 cánh quạt) bay đến. Hạ xuống một cái bầu lớn có chân chống cao, chứa nước mang từ căn cứ Clark ở Phi-líp-pin sang. Đó là nước cho lính mới đi cần hôm đó tắm. Một túi quần áo sạch cũng được thả xuống; để sáng hôm sau, trực thăng lại đến mang túi quần áo bẩn đi giặt. Lạ hơn nữa, là sau buổi tắm rửa, lại có một trực thăng cần cẩu khác hạ xuống. Qua ống nhòm, có thể thấy các tà áo xanh, đỏ. Sau mới biết, đó là gái điếm được chở đến cho lính Mỹ giải trí ban đêm.

Thật là “lính công tử” độc nhất trên thế giới.

*

Thông thường, nếu sau một cuộc cần, mà có dịp ngưng bắn, thì anh em ta lại tranh thủ những ngày này để sửa sang, củng cố công sự, hầm ngủ, đã bị quân địch đánh phá.

Có lần, sau một cuộc cần, còn lâu ngày mới đến Tết.

Anh em cơ quan tôi phải đào lại một cái hầm ngủ. Đêm đến, chưa “đà” xong mái hầm. Anh em đành cứ xuống hầm để ngủ. Dù sao cũng an toàn hơn ngủ trên mặt đất. Không dè đêm máy bay địch đi ném bom trộm (ở miền Bắc gọi là “bom tọa độ”). Một quả bom trúng đúng hầm ngủ, đang còn làm dở. Không ai có thể tưởng tượng được. Đường đi của quả bom, trúng ngay chân một đồng chí, tiện đứt cả bàn chân của đồng chí ấy. Người thì vẫn sống. Quả bom không nổ, mà chui xuống đất, nằm dưới đó. Sau, du kích đào lên để lấy thuốc nổ làm mìn đánh xe tăng của Mỹ; thì thấy là một quả bom cỡ mấy tạ. Nếu nó đã nổ, ắt là cả sáu mạng ngủ trong hầm đêm đó đã bị tiêu luôn. Người không may bị bom cắt đứt

bàn chân, là anh Hà Minh Trí. Anh là người đã từng bị địch kết án tử hình vì đã mưu sát Ngô Đình Diệm ở Buôn Ma Thuật năm xưa. Bây giờ, Hà Minh Trí còn công tác, ở Tây Ninh, và đi lại bằng một cái chân giả.

*

Tết ngưng bắn mà chủ quan, chơi vui đèn đóm sáng quá, đến sau ngưng bắn là máy bay địch có điểm đánh phá. Hồi ở Châu Thành, Bến Tre, sau Tết, đơn vị Trinh sát vũ trang của An Ninh T4 đã bị bom trộm trúng điểm. Anh Ba Hiệp, Trưởng đơn vị hy sinh. Chị Ba, cùng với cái thai trong bụng cũng bị bom, qua đời cùng hôm đó.

*

Tết Nguyên đán đầu năm 1966, sau cuộc càn lớn của quân Mỹ vào Củ Chi; còn ngưng bắn, anh Thép Mới từ R về Củ Chi, tìm thăm tôi.

Hàn huyền xong, anh ấy có nguyện vọng: Mình không được tham dự chống càn với các ông. Nhưng cũng cho mình xuống địa đạo, xem nó ra sao. Chẳng có gì dễ chiều khách hơn.

Xuống đến trong lòng đất, Thép Mới ngồi tựa lưng vào thành địa đạo. Lim dim mắt. Không biết anh ấy nghĩ suy gì. Phải đến nửa giờ, mới lên lại mặt đất. Mặt tươi roi rói.

Bây giờ thì Thép Mới đã vĩnh viễn yên nghỉ trong lòng Đất Mẹ.

Hà Nội, 30/10/1996

Lúc nghe tiếng xích xe tăng Mỹ chạy trên đầu

Năm 1965, đế quốc Mỹ đổ quân vào miền Nam nước ta, chuyển cuộc chiến tranh đặc biệt thành chiến tranh cục bộ. Căn cứ khu Sài Gòn - Gia Định (thường gọi là T4) trú đóng ở mười xã giải phóng Bắc huyện Củ Chi. Từ khi Mỹ trực tiếp đưa quân vào miền Nam, ngoài những cuộc càn lớn, phối hợp nhiều sư đoàn và lữ đoàn vào Củ Chi (thuộc T4), và Bến Cát (tỉnh Bình Dương - nay là Sông Bé), mà địch gọi là “Khu tam giác sắt”, mỗi tháng chúng cũng càn cấp lữ đoàn vào Củ Chi ít nhất một lần.

Năm 1967, Khu ủy T4 họp; nhưng do căn cứ không còn an toàn, nên Trung ương Cục bảo lên họp ở căn cứ của Trung ương Cục.

Tại cuộc họp này, anh Nguyễn Văn Vịnh là phái viên của Bộ Chính trị từ Hà Nội vào dự; phổ biến chủ trương Tổng tấn công vào đầu năm Mậu Thân 1968. Tôi đã có bản viết riêng về vấn đề này, gửi các cơ quan Sử; ở đây chỉ ghi lại một kỷ niệm.

Sau cuộc họp Khu ủy, tôi trở lại Củ Chi. Cơ quan tôi trú đóng ở ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng, gần ấp Dược, cạnh sông Sài Gòn. Tôi làm nhiệm vụ phổ biến chủ trương, và chuẩn bị cho hoạt động Mậu Thân trong phạm vi được phân công.

Vừa về đến nơi, thì địch mở cuộc càn. Như mọi lần, hễ càn cấp lữ đoàn thì chỉ vài ngày là xong. Chúng tôi cứ ở tại chỗ, có gì thì bám địa đạo. Tôi

cũng đã gửi thư triệu tập các cán bộ An ninh ở Nội thành Sài Gòn ra Củ Chi để bàn công việc.

Không hiểu làm sao, kỳ này địch chỉ dùng có ít quân, mà chúng càn lâu quá. Hơn một tuần vẫn chưa rút. Trinh sát về báo: Mỹ càn từ Bùng Bình (Trảng Bàng) tiến về phía ấp Dục, nơi chúng tôi đang ở; đi đến đâu, xe tăng ủi đổ hết cây cối; tôi chúng cụm lại; sáng hôm sau lại tiếp. Nơi sắp cho xe tăng ủi, chúng cho máy bay B.52 rải thảm trước; chúng tôi ngồi trong hầm tránh phi pháo mà đất như đưa văng.

Đến hôm địch càn sát đến ấp Dục, thì anh Hai Yên, Trưởng ban An ninh quận 4 Nội thành ra Củ Chi theo giấy triệu tập. Giao liên phải vượt bao nhiêu là ổ phục kích để đưa được anh Hai Yên đến chỗ tôi đang ở.

Từ mờ sáng hôm sau, pháo địch bắn cấp tập ngay chỗ chúng tôi đang ở. Pháo vừa dứt tiếng, là trực thăng đổ lính Mỹ ngay khu vực này. Đội bảo vệ cùng du kích ấp, đã phải đánh với bộ binh Mỹ, chỉ cách nhau 5 hoặc 10 mét. Rồi cuối cùng rút xuống địa đạo.

Ở dưới địa đạo, tranh thủ thời gian, tôi phổ biến cho anh Hai Yên về nhận định của Bộ Chính trị, và chủ trương Tổng tấn công vào dịp đầu năm 1968. Lúc đó còn dùng quan niệm “Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa”.

Trong địa đạo, không thắp đèn cây (nến), chúng tôi làm việc với nhau trong bóng tối; tôi nói theo trí nhớ; anh Hai Yên nhập tâm.

Trên mặt đất, nóc địa đạo nơi chúng tôi ngồi, tiếng xích xe tăng và xe bọc thép của Mỹ chạy, nghe roong roong.

Đến gần trưa, trinh sát báo là lính Mỹ nghi mấy ngôi mộ của dân là miệng địa đạo; chúng đang dùng mìn đánh phá. Tiếng nổ âm âm. Rồi chúng tìm thấy một nắp hầm tránh phi pháo đã ngụy trang; đó là nơi tôi hàng ngày ngồi làm việc; từ đây có đường bí mật thông xuống địa đạo. Lính Mỹ cũng đang tập trung đánh mìn chỗ đó. Còn khúc địa đạo nối liền nơi chúng tôi đang ngồi với đoạn địa đạo của đội du kích ấp, thì do một xe tăng Mỹ chạy ngang, đã làm sập. Tuy địch không phát hiện ra địa đạo, nhưng đã cắt đứt chỗ chúng tôi với đội du kích ấp. Chúng tôi đã phải chôn tài liệu trong lòng địa đạo; chuẩn bị chiến đấu, nếu địch phát hiện ra địa đạo.

Xem đồng hồ đã xế trưa. Thời gian sao như kéo dài hơn thường lệ.

Nhưng rồi cũng đến khoảng 5 giờ chiều. Tiếng xích xe tăng bắt đầu im ắng. Chúng tôi phán đoán: Như mấy ngày trước, chúng đã cụm quân. Và như thường lệ, trực thăng cần cầu chở nước tắm đến cho lính Mỹ (loại nước tắm mang từ Phi-líp-pin sang, vì chúng cho rằng nước ở Sài Gòn không đủ sạch); rồi chở gái điếm áo xanh áo đỏ đến; để sáng hôm sau, trước khi tiếp tục cần, trực thăng cần cầu lại đến chở đi hết.

Cho trinh sát, thấy đúng chúng đã cụm quân. Chúng tôi nán chờ đến sẩm tối, lần lượt lên khỏi mặt đất, để chuyển sang Hố Bò, là nơi địch chưa cần đến.

Nơi chúng tôi trú đóng, mọi ngày cây cối um tùm; hôm ấy nhìn thấy trống lốc, chỉ còn là một bãi

bằng. Không ai còn nhận ra được là nơi đã quen thuộc, nếu không từ dưới đất ngay chỗ đó chui lên. Ít ngày sau, địch càn đến Hồ Bò, chúng tôi phải tạm lánh ra Sa Nhỏ, là một ấp mà dân còn sống công khai với địch, tuy không hợp pháp với chúng.

Đến đây, một cảnh tượng bất ngờ đối với chúng tôi. Xưa kia, rừng Củ Chi dày đặc, không thể nhìn xa quá một cây số. Vậy mà, nay từ Sa Nhỏ, chúng tôi nhìn thấy các xã Nam Bến Cát, bên kia sông Sài Gòn, nghĩa là khoảng 10 cây số chim bay.

Đất không còn một cây nào đứng thẳng. Thế mà, hàng ngày, trực thăng “cá rô” (loại phản lực nhỏ) còn bay kiểm tra, chúi mũi, thổi gió vào các lùm cỏ, xem có ai ẩn nấp hay không. Hơi một chút nghi ngờ là gọi pháo bảy, bắn tới tấp.

Chúng tôi bố trí cho anh Hai Yên trở về Nội thành.

Đến ngày nổ súng đêm Tết Mậu Thân, tôi đã gặp lại anh Hai Yên ở quận 4. Chính tay anh Hai Yên trừ gian diệt ác ở một khóm; và hiệu triệu đồng bào nổi dậy tại đây.

Sau này, khi miền Nam đã được hoàn toàn giải phóng, và đã thống nhất Đất nước, những lần gặp nhau, anh Hai Yên thường nhắc lại chuyện hai chúng tôi trong địa đạo, bàn việc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa ở Sài Gòn, lúc mà tiếng xích xe tăng Mỹ rong rong trên đầu hai đứa. Anh Hai Yên nói vui: Chỉ có những người Cộng sản, trong những thời điểm như vậy, mới có niềm tin và lạc quan cách mạng như thế.

*

Bây giờ anh Hai Yên đã nghỉ hưu, về quê ở Xuân Đinh, Từ Liêm, Hà Nội. Anh tên thật là Dung; nguyên Đại tá Công an. Không may, hiện nay, Anh bị tai biến mạch máu não, có lúc nửa người bị liệt ; nay đi lại còn khó khăn.

Tết năm nay, tôi đến thăm Anh, Anh còn vui vẻ nhắc lại chuyện lúc hai chúng tôi nghe tiếng xích xe tăng Mỹ chạy trên đầu ...

Tháng 3/1995

Nhân kỷ niệm 20 năm giải phóng Sài Gòn

Nhớ về mùa xuân năm ấy

Ngày ấy, căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định cũng như Ban An ninh T4 đóng tại khu vực 10 xã giải phóng phía Bắc huyện Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh bây giờ). Sau chiến thắng của ta ở Bình Giã, cuộc chiến tranh đặc biệt của Mỹ-ngụy, trên thực tế đã bị phá sản, buộc đế quốc Mỹ phải đưa quân Mỹ trực tiếp thực hiện cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nước ta. Từ khi Mỹ đổ quân vào chiến trường miền Nam năm 1965, chúng coi khu vực Bến Cát và Củ Chi ở hai bên sông Sài Gòn là “khu tam giác sắt”. Do vậy, chúng đã cấm chốt sư đoàn 1, biệt danh là “Anh Cả đỏ” ở khu vực Bến Cát - Bình Dương; và sư đoàn 25 (tức “Tia chớp nhiệt đới”) ở Củ Chi, nhằm bảo vệ Sài Gòn và đánh phá các vùng giải phóng của ta ở khu vực này. Chúng đã liên tục mở hàng chục trận càn, có trận với quy mô lớn cấp sư đoàn, còn hàng tháng thì ở cấp lữ đoàn, có phi cơ, pháo binh, xe tăng tham gia, với hy vọng xóa sổ khu căn cứ Củ Chi. Khu căn cứ lúc đó nhiều lần bị máy bay B.52 ném bom, chưa kể đến pháo bắn suốt đêm, ban ngày thì máy bay đến ném bom, v.v...

Mùa thu năm 1967, Khu ủy Sài Gòn-Gia Định mở cuộc họp. Để đảm bảo an toàn, theo ý kiến của Trung ương cục, đã phải chuyển địa điểm tổ chức cuộc họp về vùng căn cứ của Trung ương cục miền Nam. Một bất ngờ là anh Nguyễn Văn Vịnh, phái viên của Bộ Chính trị đã đến dự và truyền đạt

nhận định của Bộ Chính trị; đại ý là: Nếu mùa khô năm nay, địch không còn phản công chiến lược được nữa, thì chúng ta sẽ chủ động tấn công, đánh thắng vào các đô thị, mà trung tâm là Sài Gòn; có thể vào đầu năm 1968.

Nghe anh Vĩnh phổ biến chủ trương của Bộ Chính trị, các đồng chí trong Khu ủy đều rất phấn khởi, bởi vì ai cũng chỉ mong có ngày ấy đến. Sau cuộc họp đó, tôi trở lại Củ Chi để tổ chức thực hiện các công việc thuộc phạm vi ngành An ninh; cùng lúc quân Mỹ tổ chức càn và ủi sạch tron nhà cửa, cây cối ở 10 xã giải phóng ở Bắc Củ Chi. Chúng làm liên tục mấy tháng liền, kết quả chỉ còn bình địa.

Theo sự chỉ đạo của Khu ủy, thì nhiệm vụ của các chiến sĩ An ninh T4 trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy đầu xuân năm 1968, là phải diệt bọn ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân, nhất là bọn đầu sỏ; nhằm hỗ trợ cho quần chúng nhân dân nổi dậy.

Vì căn cứ ở Củ Chi không còn ở được an toàn, chúng tôi phải tạm chuyển đến mấy xã giáp sông Vàm Cỏ Đông, thuộc huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để chuẩn bị công việc. Trước Tết vài ngày, tôi nhận được mệnh lệnh của cấp trên, đề ngày giờ cụ thể của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy ở Sài Gòn là đêm mùng 1 Tết.

Tôi đã triệu tập các đồng chí chủ chốt của các đơn vị An ninh từ nội thành Sài Gòn về xã An Ninh (giáp bờ sông Vàm Cỏ Đông) để truyền đạt mệnh lệnh.

Tối 29 Tết, anh em quây quần trong một căn nhà lá, dưới lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và ánh đèn dầu.

Chúng tôi làm lễ đọc lời hiệu triệu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam về Tổng tấn công và nổi dậy. Hầu như tất cả mọi người tham dự khi nghe lời hiệu triệu, đều xúc động rơi nước mắt. Thay mặt lãnh đạo Ban An ninh T4, tôi chúc Tết anh em và các đơn vị. Mọi người truyền tay nhau uống mỗi người một ngụm rượu và chúc Tết lẫn nhau, bày tỏ quyết tâm hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong đợt.

Cả đêm đó, mọi người đều không ngủ được, chỉ mong trời sáng để kịp trở về đơn vị của mình ở nội thành.

Trưa 30 Tết, tôi dùng giấy tờ giả và được một cơ sở nội thành dùng xe gắn máy đưa vào nội thành Sài Gòn. Lúc đầu ở một địa điểm tại khu vực Bình Thới. Gia đình đã chuẩn bị cơm Tết đón tôi; nhưng đâu còn bụng dạ nào để nghĩ đến ăn uống.

Tôi dành thời gian đi gặp gỡ các cán bộ chủ chốt các đơn vị thuộc An ninh T4 để kiểm tra công việc chuẩn bị. Qua kiểm tra, tôi thấy lúc đó có đơn vị đã nhận đủ vũ khí, có đơn vị gặp trục trặc trong việc giao nhận, nên chưa nhận đủ.

Thấy một số anh em băn khoăn, tôi đã nói: Vũ khí có bao nhiêu, có loại gì thì cứ sử dụng để làm nhiệm vụ.

Đêm 30 Tết năm ấy ở Sài Gòn bao trùm không khí Tết ngưng bắn, nên cả bọn binh lính và cảnh sát ngủ lơ đãng như rất lơ đãng.

Nhưng đến sáng Mùng Một Tết, qua các tin tức do đài phát thanh nước ngoài đưa tin, thì được biết ta đã nổ súng tấn công vào thành phố Huế. Nên đến tối Mùng Một Tết, khi đi xem lại nắm tình hình,

tôi đã phát hiện trên các đường phố, địch rải quân từng đoạn, từng đoạn, binh lính đã chụm súng ở trên các hè phố; còn ở các khu vực quan trọng, chúng tăng cường phòng thủ.

Để tiện cho việc chỉ đạo, anh em lại đưa tôi đến một gia đình cơ sở ở phường Khánh Hội. Gần nửa đêm Mùng Một Tết, tôi mở đài thu thanh để thường trực theo dõi tình hình. Vì Đài phát thanh Sài Gòn phát liên tục 24/24 giờ, và cứ vào đầu mỗi giờ, sau phần điểm giờ là phát một vài tin tức, rồi đến chương trình ca nhạc. Khi đến giờ nổ súng, tôi thấy sau phần báo giờ, chỉ là những âm thanh sè sè, không có cả việc phát tin Theo kế hoạch đã được biết trước, tôi phán đoán đơn vị biệt động thành được phân công đã chiếm xong đài phát thanh. Nhưng chờ ít phút sau, vẫn không thấy phát đi lời hiệu triệu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; tôi nghĩ có việc trở ngại ở đây.

Cũng từ khu vực Khánh Hội, tôi nghe hướng dinh Độc Lập có tiếng súng nhỏ nổ, nhưng không rõ tin tức ra sao?

Mãi đến sáng Mùng Hai Tết, qua các đài phát thanh nước ngoài, tôi được biết biệt động của ta đã tấn công vào Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn, đã chiến đấu rất oanh liệt; và đã vào được đài phát thanh Sài Gòn, nhưng không thực hiện được kế hoạch đã định.

Qua giao liên, tôi nhận được báo cáo từ các đơn vị An ninh T4. Nhà riêng của Đại sứ Mỹ Bunker, chúng đã tăng cường phòng thủ nhiều phía nên các chiến sĩ ta vẫn không đột nhập vào được.

Còn Nguyễn Văn Thiệu thì đi ăn Tết tại thành phố Mỹ Tho, không ở Sài Gòn.

Ngoài việc diệt ác ở nhiều khu vực trong thành phố, cảnh cáo những tên tay sai chưa có nợ máu với nhân dân; tiểu đội vũ trang của An ninh T4 làm nhiệm vụ dẫn đường cho một tiểu đoàn chủ lực của ta có nhiệm vụ từ phía Nam Sài Gòn đánh vào Tổng Nha Cảnh sát, đã gặp sự đề kháng quyết liệt của địch. Sau này, tôi được biết, trong cuộc chiến đấu ấy, gần hết tiểu đội đã hy sinh anh dũng, một số đồng chí khác bị thương nặng đã bị địch bắt làm tù binh. Một đơn vị an ninh vũ trang khác làm nhiệm vụ bảo vệ Ban chỉ huy Tiền phương 2 phía nam Sài Gòn cũng chiến đấu rất dũng cảm để bảo vệ an toàn cho Ban chỉ huy. Một đơn vị an ninh ở nội thành đã tấn công vào Đại sứ quán Phi-líp-pin, là nước hồi đó có đưa quân sang Việt Nam tham chiến cùng với quân Mỹ-ngụy.

Sau đợt 1 của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy, chỉ đạo của cấp trên là tiếp tục mở các đợt tấn công khác vào đô thị. Các chiến sĩ an ninh T4 vừa khắc phục những khó khăn do sự kiểm soát ngặt nghèo của địch để trụ bám và xây dựng thêm cơ sở tại nội thành, vừa tiếp tục chuyển vũ khí vào các nơi cất giấu.

Dũng cảm và mưu trí, các chiến sĩ an ninh T4 đã lập thêm nhiều chiến công gây tiếng vang lớn trong thành phố. Như dùng lựu đạn nổ và lựu đạn cháy tấn công tên thiếu tướng Kiểm, Tham mưu trưởng Biệt bộ Phủ Tổng thống ngụy quyền; vụ tấn công xe hơi có hộ tống của Thủ tướng ngụy Trần Văn Hương ở ngay trong khu vực mà địch coi là an

toàn nhất; vụ nổ mìn ở bãi xe ngay cổng ra vào Tổng Nha Cảnh sát vào lúc tan giờ làm việc; vụ nổ mìn ở rạp Quốc Thanh là nơi bọn cảnh sát và mật vụ nguy tu tập chơi bời; cũng như hai lần vượt qua nhiều chặng kiểm soát gắt gao của địch đưa xe chở hỏa tiễn H.12 đến sát cổng ra vào Tổng nha Cảnh sát nguy, nhưng gặp rủi ro, kíp nổ làm tung tóe hỏa tiễn ra mặt đất, người điều khiển bị hy sinh, v.v...

Chưa kể đến hoạt động Diệt báo đã thu được nhiều tin tức quan trọng, và có một số cơ sở có tác dụng tốt cho đến tận 30/4/1975.

Trong các chiến công vang dội, cũng như thâm lặng đó, không thể quên sự đóng góp không nhỏ của các chiến sĩ nữ giao liên, từ các bà, các chị, đến các cháu thanh nữ ở tuổi 15, 16. Nhiều nữ giao liên bị địch bắt và tra tấn rất dã man, nhưng vẫn giữ vững bí mật và khí tiết cách mạng. Trong số họ, có một số đã hy sinh, có người ra tù đến nay thân thể vẫn còn dị tật hậu quả do các cuộc tra tấn, nhục hình của địch.

26 năm đã trôi qua, các chiến sĩ An ninh T4 ngày ấy đã tham gia cuộc Tổng tấn công và nổi dậy, nhiều đồng chí đã mãi mãi yên nghỉ dưới nấm mồ, như các anh Năm Tấn (Phó Ban An ninh T4), Năm Phụng, Năm Mai, Tám Phong (ủy viên Ban), cùng nhiều đồng chí khác mà không thể một lúc kể hết tên được; có những đồng chí đến nay còn sống và công tác như Năm Thu, Ba Đạo, Hai Cầu, Út Cạn, v.v...; có những đồng chí đã chịu đựng tù đầy như Hai Minh, Tư Phong; có những đồng chí nay đã nghỉ hưu như Ba Dũng, Tư Hồ, Ba Mầu, Sáu Sinh, Chín

Hà. Mỗi người ở mỗi nơi xa nhau, nhưng mỗi khi có dịp gặp lại, chúng tôi vẫn hay cùng nhau ôn lại về những kỷ niệm của mùa xuân ấy - Xuân tấn công và nổi dậy; và không bao giờ quên nhắc đến những người đồng chí, đồng đội thân thương đã không may mắn thấy được ngày toàn thắng của dân tộc Việt Nam ta.

Xuân Ất Hợi - 1995

Một trận thắng “kép”

Sau khi tôi bị địch bắt trên sông Cửu Long, hồi cuối 12/1970, chúng đã giải tôi từ cơ quan thẩm vấn của Cảnh sát ở Bến Tre, qua cơ quan thẩm vấn của Cảnh sát và Quân báo vùng IV chiến thuật ở Cần Thơ, đến phòng Quân báo của Sư đoàn 7 nguy ở Bình Đức, Mỹ Tho; rồi cuối cùng, từ đầu năm 1971, chúng giải tôi về Sài Gòn, giam ở 3 Bạch Đằng, là trụ sở của Trung ương Tình báo nguy quyền.

Lúc đó, tôi chưa bị lộ tung tích, và chưa bị bọn phản bội đến nhận mặt. Vẫn giữ được lý lịch giả là đại úy Tình báo Nguyễn Văn Hợp, mới đi Nam bằng chuyến tàu chở vũ khí vào Vàm Mang Cung, ở Bến Tre; mà báo chí Sài Gòn đã đăng tin là địch đã bắt được tàu này tháng 11/1970; còn những người đi tàu thì đã thoát được từ trước.

Bọn thẩm vấn người Việt và người Mỹ đang hỏi cung tôi.

Ngoài việc hai tên Mỹ thay nhau hỏi cung để đối chiếu, chúng còn dùng phương tiện kỹ thuật, và trò chơi nghiệp vụ để đánh giá các lời khai của tôi.

*

Một hôm, thằng Mỹ trẻ đang hỏi cung tôi, bỏ đi đâu một lát. Khi nó quay lại, thì một thằng Mỹ già cùng đến. Xách theo một hòm gỗ. Hai thằng nói riêng gì với nhau, bằng tiếng Mỹ. Xong, thằng Mỹ trẻ, qua phiên dịch, nói: “Tôi có việc đi, người này làm tiếp với Anh”.

Thằng Mỹ già mở hòm. Rồi, qua người phiên dịch, nó hướng dẫn tôi; và yêu cầu tôi trả lời theo nó hỏi. Trước hết mở những tập sách. Thấy toàn là ảnh. Có đoạn thì toàn là các loại mắt; có đoạn thì toàn là các loại mũi, mồm, chân mày, v.v... Rồi đến tai, tóc, khuôn mặt.

Nó đặt một miếng gỗ to bằng cuốn vở, có hai cái cọc sắt nhỏ cắm ở miếng gỗ nhỏ hình chữ nhật. Nó đưa ra mấy hộp toàn là giấy mi-ca trong suốt. Mỗi miếng mi-ca có in sẵn bằng màu đen, hoặc một cái mũi, hoặc một cái mồm, hoặc một cái tai.

Nó giảng giải rằng: Trong bốn người đi cùng tàu với Anh, và họ đã rời Bến Tre trước Anh, hãy nhớ lấy mặt từng người một. Nhìn vào sách, thấy cái mắt, cái cằm, cái tai mà giống của người đó, thì xem số chú thích lấy một miếng mi-ca cùng số. Miếng mi-ca có đục sẵn hai lỗ, đặt lọt vào cọc sắt trên miếng gỗ. Mi-ca đứng yên, lại tìm cái khác đặt chồng lên trên. Làm hết người này, thì làm sang người khác.

Vì bốn người gọi là đi cùng tôi, là những người do tôi bịa đặt ra, cho nên tôi phải tiếp tục nghĩ, để hình dung và bịa ra bốn khuôn mặt. Rồi, tôi giả bộ tìm kiếm các miếng mi-ca. Suốt sáng cho đến chiều, mới làm xong bốn mặt người.

Rõ là với cách xếp như vậy, thì nhìn ngay ra một người, mà có thể chụp ảnh lại và cho truy tìm ngay. Tôi thấy ngay bọn Mỹ nghi bốn người kia cũng là tình báo, hoặc gì đi nữa thì cũng phải tìm; cho nên nó dùng cách tả nhân dạng này.

Cứ làm đến đâu, thì thằng Mỹ già ghi ngay số hiệu các tấm phim mi-ca.

Riêng tôi, thì lại phải nhớ lấy; đề phòng sau nó có bắt làm lại.

*

Một hôm, cả buổi sáng chẳng thấy nó gọi đi cung; tôi định ninh bữa đó nó bỏ luôn. Vì sắp đến giờ chia cơm cho tù. Không dè, đến lúc đó nó mới đưa đi cung. Phòng mới này, cách phòng vẫn hỏi cung không xa.

Vào, đã thấy thằng Mỹ trẻ vẫn hỏi cung ngồi một góc; có một thằng Mỹ khác, với một lô máy, để sẵn ở trước mặt.

Tôi đoán là nó định dùng phương pháp trắc nghiệm bằng polygraph (đo tim mạch, trong khi thẩm vấn). Nhưng so với các thứ mà tôi đã được nghe nói, thì cái máy này nhỏ gọn, chỉ bằng một va ly thầy thuốc.

Tụi nó nói: Hôm nay, chúng tôi muốn kiểm tra xem Anh nói thật hay nói dối. Chúng tôi đã làm sẵn các câu hỏi, có tiếng Việt dịch ra tiếng Anh. Anh được quyền xem trước, nếu câu hỏi nào không rõ, thì Anh nói để sửa lại. Sau đó, Anh chỉ có quyền trả lời “có”, hoặc “không”; mà không nói dài dòng.

Đọc các câu hỏi này thì toàn là dựa vào lời cung, không có gì khó. Chỉ có một vấn đề nó đặt câu hỏi: Anh có phải là Tình báo Công an Bắc Việt hay không? Thì tôi nêu lên rằng: ở nước tôi, đó là hai cơ quan. Nếu hỏi vậy, tôi nói “có” thì cũng không phải; nói “không” cũng không phải; yêu cầu tách làm hai câu; để nếu hỏi Tình báo, tôi nói “có”; hỏi Công an, tôi nói “không”; cho đúng. Kẻo sau này lại bảo tôi nói dối. Chuyện này cãi vã rất lâu, sau nó chịu.

Đi vào trắc nghiệm, nó gắn dây vòng quanh ngực, gắn vào tai, vào đầu ngón tay. Bịt mắt, ngồi thẳng. Con phiên dịch đứng sau lưng đọc chậm từng câu. Sau mỗi câu, tôi nói, “có” hoặc “không”. Quá trưa mới xong.

Ngày hôm sau, cũng buổi sáng, gần cơm trưa, chúng lại gọi đi cung.

Chính tôi cũng không ngờ nó trắc nghiệm lần sau. Đến nơi, thằng Mỹ nói: Chắc Anh tưởng xong rồi phải không? Rồi buổi trắc nghiệm lại tiếp tục với các câu khác, theo phương pháp hôm trước.

Cuối cùng thằng Mỹ chuyên viên trắc nghiệm nói: Bây giờ cho Anh chọn một chữ số trong các số từ 0 đến 9. Nhưng lần này, khi tôi hỏi thì Anh được quyền nói sai; tôi sẽ vạch cho Anh thấy công hiệu của máy. Rồi bắt đầu.

Tôi đã hiểu nguyên lý trắc nghiệm này. Nên khi nó hỏi đến số mà tôi chọn, và tôi nói “không”, thì cùng lúc đó tôi thở mạnh hồi hộp. Mục đích của tôi để máy ghi sự xúc động của tôi khi nói sai; để nó sẽ căn cứ vào đó, rà lại toàn bộ các băng mà chúng đã bí mật ghi âm các lời cung của tôi, đối chiếu với băng polygraph; từ đó nó sẽ đánh giá các sự trả lời của tôi, từ đầu đến nay, đều là đúng sự thật.

Sau khi làm trắc nghiệm này, thằng Mỹ xem băng ghi một lát, rồi nói đúng con số tôi đã chọn. Tôi biết là nó đã bị tôi lừa; nhưng tôi làm bộ khâm phục cái máy. Nó cho về.

Mấy năm sau, khi tôi đã bị lộ tung tích, và dịch không chịu trao trả tôi theo Hiệp định Paris 1973, nhưng cũng không còn hỏi cung; một hôm, một thằng gác tiết lộ với tôi là: Hồi đầu 1971, sau

khi làm trắc nghiệm polygraph, tui Mỹ đã chịu tin theo lý lịch giả của tôi. Nếu không có chuyện do bên ngoài vô tình làm lộ tung tích tôi, thì chúng nó không biết. Vả lại, nếu khi đó chúng đã biết tôi là ai, thì chúng cũng không bày trò trắc nghiệm ấy làm gì.

*

Sau buổi làm trắc nghiệm bằng polygraph, thì chủ nhật tui nó nghỉ. Tôi hàng ngày vẫn ôn lời khai để đối phó. Được ngày chủ nhật bọn địch nghỉ, thì tôi lại phải phân tích sâu thêm các mặt, để tính trước cho việc đối phó các buổi hỏi cung sau.

Nhưng tôi chủ nhật đó, bỗng bị gọi đi hỏi cung. Đúng là bọn này chơi đòn ngược tâm lý.

Một thằng Mỹ khác, với con phiên dịch cũ. Nó tự giới thiệu là chuyên viên tâm lý. Nó nói: Không có chuyện kết luận nói thật với nói dối đâu mà sợ.

Nó khoe làm nghề tâm lý 20 năm; đã ở Việt Nam ba, bốn năm gì đó.

Nó đọc cho tôi nghe qua phiên dịch các câu, yêu cầu tôi trả lời. Như: Bà Trưng khởi nghĩa năm nào? Gia huấn ca của ai?

Rồi đọc các chữ số, một tràng, từ hàng có hai số, dần dần lên hàng có nhiều số; cho nghe hết, bắt nhắc lại ngay. Nhắc sai, hoặc không nhớ thì thôi.

Rồi nó đưa tranh vẽ; lấy tranh không lời, yêu cầu tôi nói ý nghĩa. Đưa bộ tranh xếp lộn xộn, bảo xếp có trật tự, theo ý nghĩa tôi hiểu. Lấy hình vẽ một bàn tay; rồi lấy các mảnh cắt rời của hình vẽ bàn tay đó, yêu cầu tôi xếp lại cho ra bàn tay.

Làm gì nó cũng có đồng hồ ghi, đo phản ứng của tôi trong bao lâu, và ghi đúng sai bằng điểm.

Trong các câu hỏi có một câu: Tại sao giá đất thành phố lại đắt hơn giá đất ở nông thôn? Tôi trả lời tôi không biết; nhưng tôi cũng lạ lùng là “đắt chết” mà lại đắt hơn. Nó hỏi gặng và ghi chú rất tỉ mỉ sang một tờ giấy riêng. Có lẽ nó chú ý gì đó, nên yêu cầu tôi giải thích. Tôi nói đất nông thôn làm ra cái ăn; ở thành phố xây nhà lên là hết.

Nó hỏi một câu khác: Nếu người ta báo cho Anh biết là anh sẽ chết trong sáu tháng; thì Anh sẽ làm gì trong sáu tháng đó, nếu Anh được đủ cách để làm? Tôi đáp, nếu tôi bị như vậy, thì trong những ngày ấy, tôi sẽ làm việc cho Tổ quốc tôi hết sức tôi.

Nó hỏi một câu về vấn đề gia đình; tôi nói tôi yên tâm vì gia đình tôi đã được chăm sóc.

Kết thúc buổi trắc nghiệm, nó hỏi tôi có gì nói; tôi trả lời: “Người Mỹ không hiểu tâm lý người Á Đông và người Việt Nam đâu”!

*

Tôi ở phòng biệt giam số 3, cuối dãy. Khoảng giữa 2/1971, một chiều đi cung về, đi ngang phòng biệt giam số 5, tôi thấy một người mới đến, ghé ra hỏi: “Ồ đảo mới về ư?”. Tôi không kịp trả lời. Đêm đến tôi nghe thấy tiếng gõ tường theo nhịp đánh “moóc”. Tôi không thuộc “moóc” nên không hiểu. (Lúc hỏi cung, một thằng Mỹ đã hỏi tôi rất kỹ, sao làm tình báo mà không được học vô tuyến điện). Tôi ngờ đây là cách nó bày đặt, để kiểm tra. Nếu tôi có biết “moóc” mà khai cung giấu nó; nay lại trả lời được “moóc” của người bị giam ở phòng bên; thì qua “nói chuyện”, tôi sẽ bị lộ. Cho nên tôi cứ im.

Sáng hôm sau khi đi cung, tôi để thằng gác đi trước. Khi ngang lối cửa phòng biệt giam số 5, tôi

nói thật nhanh: Chữ A gõ một, chữ B gõ hai. Rồi tôi đi thẳng.

Tối đó, người bên phòng số 5 bắt đầu gõ theo đúng ý tôi. Vậy là hai bên bắt đầu nói chuyện với nhau được.

Nhưng tôi vẫn nghi người đó là tay sai do địch bố trí.

Thêm nữa, tình cờ, trưa hôm sau, bỗng bọn gác gọi tôi đi cắt tóc. Đến chỗ cắt tóc tại phòng làm thủ tục; gần làm xong, thằng cắt tóc mới hỏi: “Anh là Thông phải không?”. Tôi ngó ra, trả lời: “Tôi là Hợp”. Chúng nó gắt nhau: “Hoàng Trí Thông ở phòng bên kia”. Vậy là tôi biết tên người ấy.

Gõ tường nói với nhau, đứt quãng nhiều đêm.

Tổng hợp lại thì:

Anh ta hỏi tôi tên gì? Bị bắt bao giờ? Tôi cứ trả lời đúng như lời cung giả tạo đã khai; đề phòng địch gài bẫy.

Còn anh ta thì cho tôi biết, tên là Thông; ở Công an vũ trang Yên Bái; vào Nam công tác ở tỉnh Mỹ Tho, làm An ninh đô thị; bị địch bắt ở hầm bí mật, có súng, nên nhận là cán bộ Tỉnh đội. Về Sài Gòn đã bị giam ở phòng 2 Bộ Tổng Tham mưu nguy. Bị bệnh bí đái, nên đi trị ở bệnh viện. Tôi hỏi ở đâu, anh ta không rõ. Đến trại này, anh ta chưa đi cung. Vài ngày sau thì lại cho biết, đã đi cung ở một phòng ở hông của trại này. Tôi rất ngạc nhiên: Vì tôi bị hỏi cung ở dãy phòng, phải đi qua một cái sân; sao nơi hỏi cung anh ta lại ở hông của trại tù này?

Anh ta thấy tôi bị bắt cuối 1970, nên hỏi tình hình bên ngoài; tôi kể cho biết có đảo chính bên Cam-pu-chia.

Mỗi lần gõ nói chuyện, rất lâu mới hiểu được ý; nhiều khi còn gõ sai.

*

Bộ đội ta tấn công vào Sài Gòn, đã giải thoát tôi khỏi nhà tù 3 Bạch Đằng trưa 30/4/1975.

Sau khi gặp lại, tôi đã báo cáo cho Bộ Công an về việc người nhận tên là Thông, hồi đầu 1971, ở trại tù 3 Bạch Đằng, đã gõ tường nói chuyện với tôi. Mà tôi nghi là tay sai của địch; và tôi phán đoán là: Chúng bày kế hoạch như thế, là để nếu tôi vô ý, qua gõ tường nói chuyện với người nhận tên là Thông đó, tưởng là bạn tù tin được, sẽ tự làm lộ tung tích thật của tôi.

Bộ Công an đã cho xác minh. Thì ở Công an vũ trang Yên Bái, đúng có một cán bộ tên là Thông. Nhưng anh Thông không hề đi Nam.

Tiếp tục xác minh, theo tên vợ, con mà người gõ tường đã cho tôi biết. Thì mới tìm ra: Có một cán bộ Công an vũ trang khác, bạn thân với anh Thông; khi đi Nam, bị địch bắt, đã đầu hàng; nhưng khai nhận tên là Thông.

Cuối cùng, kẻ phản bội đã phải thú nhận là: Hồi đầu năm 1971, sau khi đã đầu hàng địch, chính là y đã làm theo kế hoạch của địch, gõ tường nói chuyện với người bị giam ở phòng bên cạnh (là tôi), để giúp địch thẩm tra lời khai của người đó.

*

Vậy là, trong tình huống độc đáo như tôi đã trải qua, có thể coi đây là một trận “thắng kếp” của tôi: vừa về đấu trí, vừa về phản gián!

*

Rõ là, hễ có quyết tâm cách mạng triệt để, thì dù gặp hoàn cảnh nào, ở bất cứ đâu, mỗi người đều vẫn có thể làm điều có ích cho Tổ Quốc, và cho nhân dân.

*

Trận đấu theo kiểu đó, ở ngay trong trại tù 3 Bạch Đằng của địch, xảy ra đầu năm 1971, phải đợi đến sau 30/4/1975 - nghĩa là sau hơn bốn năm - mới có “trọng tài đủ thẩm quyền” để chính thức phân rõ bên thắng và bên thua.

Có lẽ, ở các cuộc thi đấu quốc tế giữa các “vua cờ”, cũng không phải chờ đợi lâu bằng!

Hà Nội, ngày 29/8/1996

Tết trong nhà tù Mỹ ngục

Người ta thường nói “nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”. Tôi bị bắt và ở tù đúng bốn năm, bốn tháng, mười ngày; và bị biệt giam từ đầu đến cuối. Bắt đầu ở Bến Tre, sau đưa về Cần Thơ, qua Bình Đức, rồi về Sài Gòn cho đến khi ra tù. Ở Sài Gòn, khi tra tấn thì địch đưa đến trại giam ở đường Trần Bình Trọng, còn lại đều ở 3 Bạch Đằng. Mỗi lần dẫn giải, chúng đều bịt mắt, có lúc còn nút chặt lỗ tai, chân tay dĩ nhiên bị còng. Chúng đưa đi ban đêm, hàng tiếng đồng hồ, đến nơi đưa vào xà lim, mới mở mắt, tháo nút tai. Ngày được giải phóng, tôi mới thấy, mấy phòng chúng đã giam tôi, mà tôi tưởng cách nhau hàng bao nhiêu cây số, thực ra chỉ trong khuôn viên khu 3 Bạch Đằng, có phòng chỉ cách chỗ cũ khoảng 20 mét.

Tết đầu tiên tôi sống trong nhà tù là đầu năm 1971. Khi đó địch chưa biết tung tích thật của tôi. Tôi bị giam ở xà lim cuối dãy. Ban đêm, chuột cống to bằng con mèo con, ở đâu chạy ra đụng cả vào người tôi. Mấy ngày Tết, bọn chúng đều nghỉ.

Một chiều, do sự phản chiếu qua những mảnh chông bằng thủy tinh gắn trên tường rào, bỗng có ánh nắng chiếu vào phòng giam tôi; một điểm sáng trắng tròn, và di chuyển. Tôi ngồi ngắm ánh nắng đó. Và đó là ý tưởng cho một bài thơ tôi tập làm trong tù, với tựa đề “NẮNG”, nội dung như sau:

“Hôm nay lần đầu tiên
Có nắng rọi trong phòng
Ngoài kia chắc nắng đẹp
Chan hòa nắng tươi vui.

Xà lim chiều vắng lạnh
Không tỏa hết bàn tay
Trườn trên tường đóm nắng
Như sức sống long lanh.

Giơ tay mừng đón nắng
Lòng những tưởng bồi hồi
Miền Cờ Sao nắng đẹp
Sức sống bay thăm tôi”.

Cũng trong dịp Tết đó, vào một đêm, chẳng hiểu vì sao, mấy tên gác lén mở đài của ta, không rõ là đài Hà Nội hay đài Giải Phóng.

Bỗng nhiên, tôi nghe lỏm được một đoạn bài bình luận, hoan hô các chiến sĩ Giải phóng quân, đánh giỏi thắng lớn ở đường 9 Nam Lào. Lòng tôi rộn ràng vui sướng không sao tả được. Đó thực là một món quà Tết đối với tôi mùa Xuân năm đó.

Sau đó, do nhiều nguyên nhân khác nhau, bọn địch tìm được tung tích thật của tôi. Chúng tra tấn dai dẳng suốt từ tháng 3/1971 đến tháng 11/1971. Sau này tôi mới được biết, do bên ngoài chủ trương thả một tên tù binh Mỹ, và đặt vấn đề trao đổi tôi với tù binh Mỹ trước khi kết thúc Hội nghị Paris. Tuy ngưng tra tấn, nhưng bọn Mỹ vẫn tìm cách hỏi cung nhằm khai thác tin tức; đương nhiên tôi phải đối phó để không bị sơ hở có hại cho ta.

Năm 1972, chúng đã đưa tôi đến giam ở một phòng thiết kế đặc biệt. Rộng khoảng bốn mét vuông, cửa sắt đem cao su để cách âm: điện, nước, thậm chí không khí, đều do chúng chủ động từ bên ngoài cắt hoặc mở; tường sơn trắng toát gây căng thẳng tâm lý, cộng với năm ngọn đèn sáng suốt đêm ngày để cho người tù không phân biệt lúc nào là ngày, lúc nào là đêm. Sau ngày 30/4/1975 cán bộ kỹ thuật của ta đến xem, thấy trong tường có gắn bí mật mi-cơ-rô; trên trần có gắn máy thu hình hồng ngoại để chúng theo dõi động thái của tôi bất cứ lúc nào.

Chỉ có một lỗ chuồng chim để nhận phần ăn. Bọn nhân viên canh gác không được phép tiếp xúc nói chuyện với người bị giam.

Cuối năm 1972, có lẽ là dịp gần Tết. Tên Mỹ hỏi cung tôi thấy chẳng có ích gì cho chúng, nên đe dọa trả tôi cho bọn nguy, ngụ ý để tra tấn, hồng buộc tôi phải khai. Một đêm đang ngủ bỗng nghe có một tiếng nổ dữ dội, chắc là vào khu vực trại giam; tôi hiểu là đạn lớn của ta bắn vào.

Khi tôi bị địch bắt, là thời gian chúng “bình định cấp tốc nông thôn” sau Mậu Thân 1968; lúc đó tôi ở Mỏ Cày, Bến Tre, mắt thấy trực thăng của Nguyễn Văn Thiệu hạ xuống ăn mừng “bình định” xong Bến Tre. Nên, nay thấy có tiếng của đạn lớn bắn vào tận Sài Gòn, tôi thấy ngay là “bình định nông thôn” của địch đã bị thất bại.

Tiếng đạn lớn của ta nổ ngay ở Sài Gòn, làm cho tôi liên tưởng đến tiếng nói của đồng bào, đồng chí báo hiệu cho tôi là bản lề cuộc chiến đã chuyển. Và đó là đề tài cho tôi tập làm một bài thơ khác, có

tựa đề “Tiếng người”, nói tâm tư nguyện vọng của tôi khi đó, ước gì thành mục tiêu nhắm bắn cho các xạ thủ pháo binh ta, tiếp tục nã trúng vào đầu não của Mỹ ngụy, dù có bị hy sinh thì khi thắng lợi, các đồng chí vẫn phân biệt được xác người cách mạng với xác quân thù.

Đầu năm 1973, giáp Tết, tôi có được tên Mỹ hỏi cung thông báo đã có Hiệp định Paris; nhưng y nói chưa biết số phận của tôi như thế nào. Thấy không được trao trả, tôi đã đấu tranh bằng nhiều cách, nhưng chúng vẫn tiếp tục biệt giam tôi, mà không chịu đưa tôi đến giam chung với các tù binh khác. Cuối năm 1974, tôi đấu tranh và phê phán chúng chẳng những vi phạm Hiệp định Paris, không trao trả tôi; mà còn vô nhân đạo vì suốt mấy năm trời không được ra nắng. Bọn chúng đuối lý, phải cho tôi “tắm nắng”.

Nhưng cũng chỉ được mấy lần, bỗng nhiên chúng không cho “tắm nắng” nữa. Sau giải phóng Sài Gòn, tôi mới được biết là lúc đó ta đã đánh Buôn Ma Thuột nên địch trả đũa đối với tù. Cho đến tận khi được bộ đội ta giải thoát khỏi nhà tù Mỹ ngụy, đúng ngày 30/4/1975, tôi mới được các đồng chí lãnh đạo cho biết, bọn chỉ huy Mỹ ngụy đã ra lệnh giết tôi, nhưng bọn tay sai bên dưới - khi đi học tập cải tạo khai ra - vì chúng thấy quân ta đã đến gần, nên không dám thi hành lệnh trên.

Nếu chúng đã giết tôi như chủ trương, thì hẳn là tôi không có dịp ghi lại những bài thơ tôi tập làm khi ở tù và nhớ trong đầu; cũng như không có dịp kể lại vài mẩu chuyện trên đây vào các dịp Tết trong

thời gian ở tù Mỹ ngục ở Sài Gòn, từ cuối 1970 đến 30/4/1975.

Xuân 1995

Dinh Độc lập, ngày 1/5/1975

Khoảng trưa ngày 30/4/1975, tiểu đoàn bộ đội ta tiến chiếm khu vực 3 Bạch Đằng, đã giải thoát tôi khỏi nhà tù của Tỉnh báo trung ương nguy quyền Sài Gòn. Đồng chí Du là Tiểu đoàn trưởng, đã đưa tôi đến nơi đóng của Ban chỉ huy đơn vị; tại Bộ Tư lệnh Hải quân nguy, cũng ở đường Bạch Đằng. Chiều ấy, anh em chia cho tôi cùng ăn lương khô, với đồ hộp. Suốt đêm hôm đó, chúng tôi trò chuyện; anh em hỏi chuyện tù của tôi, và về Sài Gòn; và kể cho tôi nghe chuyện chiến đấu của anh em, cùng với tình hình ngoài Bắc. Tôi nhờ anh Du chuyển một thư cho Thành ủy Sài Gòn để báo tin.

Sáng ngày 1/5/1975, anh Du nói với tôi rằng: “Đơn vị của Anh lại phải tiếp tục hành quân; nếu đưa tôi cùng đi theo, lỡ có sao thì uổng; nên anh ấy sẽ bàn giao tôi cho đơn vị khác ở lại Sài Gòn, để đợi gặp Ủy ban Quân quản và Thành ủy”.

Rồi anh Du dùng xe jeep chở tôi đến dinh Độc Lập.

Đọc đường, súng, đạn, quần áo lính nguy vứt bừa bãi và rải rác.

Trong không khí ngày đầu Sài Gòn được giải phóng; người và xe đi đầy đường. Có lẽ “cảnh sát công lộ” của nguy đã trốn biệt. Nên ở các ngã tư, mọi người tự liệu tránh nhau, rồi dòng người và xe lại cứ thế tuôn đi.

Gần đến dinh Độc Lập, đã thấy đông nghẹt người; lách mãi, xe mới đến sát được vòng rào. Anh Du nhờ một chiến sĩ gác ở sát vòng rào, vào báo cho anh ấy vào liên hệ có việc. lát sau, anh Du vào trước; tôi còn ở lại ngoài vòng rào để chờ. Nên cũng là dịp tôi được mắt thấy tai nghe những chuyện chưa từng có thời Mỹ ngụy thống trị; và cũng không bao giờ có thể lặp lại lần thứ hai ở dinh Độc Lập này.

*

Người đứng quanh đó nói với nhau rằng: Hồi trước, qua đây là đi len lét; một hàng dây kẽm gai bắt mọi người đi xa vòng rào, chứ đâu có đến sát và tụ tập được như hôm nay.

Có nhiều băng vải đỏ được giương cao, với khẩu hiệu “Chào mừng Ủy ban Quân quản”, hay “Chào mừng ngày 1/5”. Chắc là do cơ sở nội thành của ta đã kịp thời làm nên.

Cánh cổng sắt của dinh Độc Lập vì bị húc đỏ, nên không đóng lại được. Bộ đội ta phải đưa một số chiến sĩ để canh giữ ở đây.

Một ông đứng tuổi đang hỏi chuyện một chiến sĩ ta, về quê quán, và học lực; rồi quay sang nói với người đứng cạnh: “Cứ bảo có tấm máu! Bộ đội miền Bắc; trình độ ngang tú tài đấy; mà hiền khô!”.

Một ông, cùng một sư thầy và một tu sĩ đang hỏi chuyện một chiến sĩ khác, tỏ vẻ thỏa mãn với câu trả lời về chính sách đối với trí thức và tôn giáo ở miền Bắc.

Một ông khác, mới biết một anh bộ đội là trung đội trưởng; quay sang nói với một người đứng

cạnh: “Chỉ huy với lính như nhau; chỉ khác ở chỗ có thêm khẩu súng ngắn”.

Một bà đứng tuổi, cứ vuột cái áo của một chiến sĩ ta; và nói với một bà khác: “Hồi trước, “lính” sắp đi càn đâu đó, là đến nơi chúng tôi kiểm chác”. “Bộ đội giải phóng” này mời ăn uống chỉ cảm ơn; rồi bắc nồi tự nấu cơm kia kìa”.

Nhìn vào bên trong vòng rào dinh Độc Lập, quả nhiên là một cảnh tượng có một không hai.

Trong sân, lác đác chỗ này chỗ kia, những chiếc xoong cơm to đang nghi ngút khói.

Mấy chiếc xe tăng đậu ở vị trí. Trên sân cỏ của dinh Độc Lập, các chiến sĩ ta tùm năm, tùm ba, nằm nghỉ.

Anh Du cùng một cán bộ quay trở ra vòng rào đón tôi. Anh Du trở về đơn vị của mình. Tôi theo đồng chí cán bộ vào trong sân.

Hỏi chuyện các chiến sĩ, mới biết anh em hành quân cấp tốc bằng cơ giới từ ngoài Đà Nẵng vào; vừa đi vừa đánh địch. Suốt ngày đêm không nghỉ; cũng buồn ngủ, nhưng nay vui quá không muốn ngủ. Hành quân liên miên, chẳng tắm giặt gì được; đến đây, có nước, tắm giặt “đã quá!”. Điều này gián tiếp giải thích cho tôi quang cảnh quần áo mới giặt, được phơi trên tất cả các lùm cây, và rải đầy trên bãi cỏ; có chiến sĩ còn đang dùng ngay vòi nước phun ở giữa sân “phủ đầu rồng” này để tắm một cách thoải mái.

Cũng lúc đó, mấy anh phóng viên báo, máy ảnh lũng lảng ở cỏ, đang đôn đáo tìm hỏi xem chiếc xe tăng nào đã vào đầu tiên, và ai là người đã cắm cờ trên dinh Độc Lập? Trước thềm dinh Độc Lập, mấy

anh quay phim đang thu cảnh một đơn vị bộ đội cầm cờ chạy vào tòa nhà chính. Tôi hỏi chuyện mới biết thêm là: Theo kế hoạch thì một đơn vị khác phải tiến chiếm dinh Độc Lập; nên phóng viên, nhiếp ảnh, quay phim đều dồn theo đơn vị ấy; chẳng ngờ dọc đường hành quân, gặp sức chống trả quyết liệt của quân địch, nên bị chậm. Cũng theo chỉ đạo của trên, đơn vị nào chiếm được dinh Độc Lập trước thì cứ vào. Thành ra đơn vị tiến chiếm dinh Độc Lập hôm qua không có ai chụp ảnh, quay phim đi theo; bây giờ phải đi tìm hỏi để ghi lại hình ảnh.

Nặng to. Ngại tôi còn yếu, anh em bảo tôi vào nghỉ trong nhà cho đỡ mệt.

Tầng hầm của tòa nhà là nơi đóng của Ban chỉ huy đơn vị đã tiến chiếm dinh Độc Lập. Ở đó cũng có bộ phận tiền trạm, chuẩn bị cho Ủy ban Quân quản sắp vào. Tuy đại diện Ủy ban Quân quản còn chưa tới; mà đã có nhiều người xin vào để chào mừng Ủy ban Quân quản; làm anh em phải khát.

Đã đến trưa. Anh em chia cơm cho tôi ăn. Lúc đó, tôi cũng mới được biết là toàn bộ Nội các của Dương Văn Minh đều còn bị giữ ở trên lầu. Suốt từ trưa hôm qua, họ chưa ăn. Nói cho đúng là họ không ăn nổi lương khô và đồ hộp của bộ đội. Anh em bàn nhau, đành phải lấy xe ô tô, dẫn một sĩ quan ngục cũ đóng trong dinh Độc Lập, cùng ra phố mua đồ ăn cho họ.

*

Đợi đến gần hết chiều, mà đại diện Ủy ban Quân quản vẫn chưa tới. Người chỉ huy đơn vị tiền trạm bảo tôi hãy về một cơ sở cũ ở tạm; rồi đến gặp Ủy ban Quân quản sau vậy.

Đêm 1/5/1975, tôi ngủ tại nhà anh chị Ba Trương, ở Bình Thới. Nhà bị địch bắn cháy hồi đợt 2 Mậu Thân. Mưa to, dột lung tung, cả nhà chỉ có một chỗ không dột. Anh chị Ba nhất định bắt tôi ngủ ở chỗ đó. Ngại tình hình khu vực chưa yên, anh Ba và một cháu trai canh gác phòng kẻ xấu có thể đến làm hại tôi. Làm sao tôi có thể ngủ! Thế là mọi người đều thức, quây quần quanh nơi còn khô ráo trong nhà, để hàn huyên tâm sự cho đến sáng.

Sáng hôm sau, chị Ba đi chợ, định làm cơm mừng tôi ra tù. Thì một chiếc ô tô đậu trước cửa.

Người chạy vào nhà là cháu Nhơn, con trai lớn anh chị Ba. Lúc đợt 2 Mậu Thân, cháu thoát ly gia đình ra vùng giải phóng ở đơn vị chúng tôi; sau anh Sáu Dân chọn đưa cháu về đơn vị bảo vệ của Anh.

Cháu vào nhà, thấy tôi, ôm chầm ngay lấy, và khóc rống; nói ai cũng nghĩ tôi chết rồi.

Cháu cho biết, hôm nay theo chú Sáu về Sài Gòn; chú Sáu cho ghé thăm gia đình một lát.

Cháu nói sẽ báo ngay cho anh Sáu Dân.

Vài giờ sau, bỗng nghe tiếng xe cảnh sát rú còi.

Anh chị Ba sợ bọn nguy còn hoành hành, bảo tôi lui vào buồng trong.

Tiếng xe ô tô dừng lại ngay trước cửa nhà.

Rồi thỉnh thoảng tiếng chân chạy vào, với tiếng hỏi dồn dập: “Tur Trọng đâu?”.

Anh Ba lo quá, chạy ra cản không cho họ vào buồng trong. Tôi nhìn qua khe màn che, thì ra anh Hai Sơn, rồi đến anh Sáu Ngọc. Tôi bước ra, bảo anh Ba là anh em đồng minh đây, đừng sợ.

Thì ra, do cháu Nhơn báo tin, anh Sáu Dân chỉ thị cho anh em An ninh đến đón tôi ngay; đề phòng lỡ có gì xảy đến cho tôi.

Thế mà, làm anh chị Ba cũng bị một phen sợ đến hết hồn.

*

Đó là những hình ảnh tôi đã chứng kiến, trong vài ngày đầu ở thành phố Sài Gòn mới được giải phóng. Những hình ảnh ấy như đã mãi mãi in sâu trong tâm khảm tôi.

4/1997

Những giọt nước mắt ngày Tết

Tôi đã trải qua nhiều cái Tết ở nhiều thời kỳ, và ở nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Từ những cái Tết cùng những người thân trong gia đình, thời thơ ấu. Đến những cái Tết, khi đã đi hoạt động cách mạng, tuy xa gia đình, nhưng lại vui với đồng đội, đồng bào; trong các vùng tự do ở miền Bắc, cũng như các vùng giải phóng ở miền Nam. Tết trong Hà Nội tạm bị địch chiếm; Tết Mậu Thân ở giữa Sài Gòn; Tết trong tù. Mỗi Tết đều có nét riêng.

Nhưng chưa có Tết nào, lại có nhiều nước mắt, như tôi ghi lại sau đây.

*

Sau giải phóng miền Nam, thống nhất cả nước; đầu năm 1976, tôi lại đã được hưởng một cái Tết trong không khí đầm ấm của gia đình; sau 11 năm xa cách, tưởng chừng không bao giờ còn gặp lại được nhau.

Cũng chính dịp Tết đó, một chuyện không ngờ đã đến với tôi.

Cô Hằng, em họ tôi, công tác ở Nha Khí tượng Thủy văn, nhắn cho tôi là có một người quen, nghe tin tôi đã về miền Bắc, ngỏ ý muốn gặp tôi về việc gia đình. Cô em không nói tên. Làm cho tôi nghĩ mãi, chưa biết là ai.

Chiều 2 Tết.

Vừa tiễn xong mấy người bạn đến thăm. Có chuông gọi cửa. Rồi, một người đàn bà khoảng trên 40 tuổi bước vào. Tôi trông hơi quen; vì có những dáng nét có lẽ không thay đổi; nhưng vẫn chưa nhận rõ là ai.

Mới ngồi, chị ấy đã khóc ròng.

Rồi, nói trong nức nở: “Em là vợ anh Chi...”.

Chưa dứt câu lại khóc.

Thế là: Những hình ảnh, và những sự kiện của 25 năm về trước, bỗng như vừa mới xảy ra trước mắt tôi.

*

1951. Nội thành Hà Nội. Thành phố còn bị địch tạm chiếm. Một ngôi nhà có nhiều hộ, ở gần cuối phố Xăng-xôm cũ (nay là Triệu Việt Vương).

Tôi đến đó lần đầu, vào một xẩm tối. Mang theo một cái hộp gỗ, buộc dây để dễ cầm.

Sau khi trao chiếc hộp gỗ cho người đàn ông vừa trả lời đúng mật khẩu, tôi hẹn lần gặp sau; rồi ra xe hơi đang chờ sẵn ở phía tường nhà Diêm⁽¹⁾.

Trong hộp gỗ, là một chiếc máy phát vô tuyến điện, do ta lắp lầy, mà anh Trần Quốc Hoàn, Bí thư Đặc khu ủy Hà Nội, đã giao cho anh Trần Sâm để dùng ở Nội thành. Không hiểu do người dùng không thạo, hay do máy trục trặc; mà mãi vẫn không liên lạc được về căn cứ bằng máy này. Gặp tôi, anh Sâm phàn nàn chuyện đó. Và nhờ tôi gửi ra ngoài căn cứ để chữa. Tôi nhận lời; nhưng cũng không cho biết là tôi có người chữa được, và đang ở ngay nội thành.

Việc giao máy từ bên anh Sâm cho tôi cũng có chuyện buồn cười.

Theo hẹn, tôi đến phố Phủ Doãn, vào một tiệm sửa xe ô tô. Đó là một cơ sở giao liên của anh Sâm. Tôi đưa một mảnh giấy có mấy chữ làm tín hiệu; nội dung ghi là “giao xe đã sửa xong cho người cầm thư”. Ông chủ tiệm, cũng là thợ sửa xe, không nói một câu; im lặng lấy ra một bọc giấy báo, đưa cho tôi.

Tôi bước ra cửa, theo hướng xe ô tô đã đợi sẵn ở góc đường Tràng Thi.

Nhưng, mới đi mấy bước, tôi đã phải quay lại tiệm sửa xe.

Anh Sâm nói với tôi rằng cái máy phát này, cấu tạo trong một hộp gỗ nhỏ, vuông vắn, và nhẹ. Còn đây là bọc giấy báo, tròn như cái giò lụa; và hơi nặng. Khéo nhầm. Tôi nói với ông chủ tiệm: “Của tôi nhẹ, mà sao gói này nặng thế?”. Ông ấy bình thản trả lời: “Lợn đạn; mà lại không nặng, sao được?”. Tôi nhận lợn đạn làm gì? Rõ là ông ấy đã giao nhầm “hàng” của người khác cho tôi! Tôi gửi lại ông chủ tiệm gói “hàng”, và về.

Báo lại cho anh Sâm; anh ấy xác nhận là bị nhầm. Rồi anh Sâm nhờ qua anh Ngọc “đen”, cán bộ Công an nội thành, để chuyển cho tôi chiếc máy phát vô tuyến, cần gửi ra căn cứ để sửa.

Tôi có ý định sửa cái máy phát vô tuyến ngay ở nội thành. Vì trong số các cơ sở Điện báo của Công an Hà Nội lúc đó, có một người làm nghề vô tuyến điện ở cơ quan Météo (Nha Khí tượng) của địch. Do có tay nghề giỏi, và đã có kinh nghiệm chữa máy thu phát vô tuyến của địch, nên anh ấy trả lời cán bộ trực tiếp phụ trách anh ấy là: Có thể nhận chữa chiếc máy phát vô tuyến, nghi là bị hỏng. Nên

đưa đến chữa tại nhà, để dễ giữ bí mật; vì anh ấy thường có chữa tư, máy thu thanh vô tuyến của dân; nên dễ trà trộn với những dụng cụ, linh kiện, máy hỏng đang sửa v.v... thường để bừa bãi trên bàn.

Đó chính là cái hộp gỗ, mà người đàn ông ở gần cuối phố Xăng-Xôm xâm tới hôm đó, đã nhận từ tay tôi.

Phải nói ngay rằng: Hồi đó, còn sống trong vòng kim kẹp, tại một thành phố như Hà Nội; mà một người viên chức trong bộ máy của chúng, dám tham gia công tác Diệt báo của Công an ta, đã cung cấp nhiều tin tức quan trọng (được Cục Tình báo trung ương của ta đánh giá cao); thì đó đã là một nghĩa cử đáng biểu dương. Thế mà, nay còn dám nhận chữa, tại nhà mình, một loại đồ “quốc cấm”, thì phải thừa nhận là “to gan”! Vì, ai cũng biết: Mỗi người viên chức thời đó, đều có một gánh nặng gia đình; đóng góp với Kháng chiến, mà lỡ sa xảy, thì bản thân bị tù đầy, mà gia đình cũng tan nát ngay.

Sau đó, do đã biết nhau, thỉnh thoảng tôi đến gặp anh Chi tại nhà, để sinh hoạt chính trị, hay bàn việc hoạt động. Chị vợ, biết chồng tham gia kháng chiến có nguy hiểm; nhưng mỗi lần tôi đến, chẳng những không sợ sệt, mà còn niềm nở; và khéo giả vờ làm một việc gì đó ngoài hiên để canh chừng cho chúng tôi nói chuyện. Có lần, vì chuyện gì đó, anh Chi đánh vợ. Hôm tôi đến, chị vợ “mách” với cán bộ. Tôi giải thích cho anh ấy, khuyên không được đánh vợ; anh Chi nghe ra; gia đình qua đó lại vui vẻ.

Về sau, do chúng tôi đã đưa được bộ thu phát vô tuyến loại Mỹ vào nội thành, nên chiếc máy tự

tạo vẫn để ở chỗ anh Chi; chỉ dặn anh tìm cách giấu kỹ.

*

Đúng, anh Chi là cơ sở Điện báo; người cách đây 25 năm đã nhận chữa cái máy phát vô tuyến điện của anh Sâm, do tôi đưa đến nhà. Vậy, người đàn bà đang ngồi trước mặt tôi, hôm nay, là vợ của anh Chi thật ư?

Phải chăng, vì nay chị tiêu tụy quá, nên tôi chưa nhận ra được ngay là chị!

Ngày Tết, sao chị ấy không vui, mà lại khóc?

Tôi an ủi, và yêu cầu chị bình tĩnh, cho tôi biết ngọn nguồn.

Và chị đã kể.

*

“Em biết là hồi 7/1954, nhà em cùng mấy anh trong tổ Điện báo, đã được chuyển từ Công an Hà Nội sang Tình báo trung ương. Anh Chúc nhận nhiệm vụ mới, đã đi Nam. Riêng nhà em, không muốn đi. Phần vì gia đình; phần vì muốn được sống trong không khí độc lập tự do, đã ao ước từ bao nhiêu năm.

Lúc gần tiếp quản Hà Nội, bên Tình báo cũng lại đưa cho nhà em chữa một cái máy phát vô tuyến của chị Vân, rồi không thấy đến nhận; nhà em lại giấu bằng cách vớt trên trần nhà; sau tiếp quản cũng quên đi.

Đến 1965, không hiểu do ai tố cáo, mà Công an đến khám nhà, tìm thấy có cái máy phát vô tuyến trên trần nhà; ghép nhà em vào tội gián điệp và bắt đi”.

“Lúc đó, em đang công tác ở xí nghiệp. Chi bộ đã chuẩn bị kết nạp em vào Đảng. Khi xảy ra việc nhà em bị bắt, Bí thư Chi bộ gọi em đến. Bảo: “Nếu chị ly hôn với anh ấy, thì được kết nạp Đảng. Không thì thôi”.

Em đã trả lời: “Vợ chồng ăn ở với nhau từng ấy năm, tôi tin rằng chồng tôi không phải gián điệp. Vả lại, ngay lúc Hà Nội còn bị địch chiếm, nhà tôi hoạt động bí mật cho Kháng chiến có cán bộ đã đến nhà. Nếu cần, xin cho hỏi lại. Tôi không thể ly hôn”.

“Các con chúng em học ở trường, bị bạn bè xa lánh, vì có bố làm gián điệp.

Gia đình em đã gặp nhiều khó khăn.

Em không còn trông vào chỗ nào, để nhờ mình oan cho chồng.

Nhưng sau đó, không hiểu vì sao, nhà em được tha về. Nhưng giấy tha chỉ ghi là “tạm tha”. Chứ không phải là “vô tội”.

Mất việc, nhà em phải chạy vạy; kiếm việc làm, để có tiền nuôi gia đình.

Không may, một hôm đang đi đường, nhà em bị tai nạn ô tô; nên đã qua đời từ mấy năm nay”.

Chị lại sụt sùi. Thương chồng. Tội phận.

*

Tôi đi Nam từ đầu 1964. Ở trong đó Ban An ninh Trung ương cục có máy vô tuyến điện, vẫn liên lạc hàng ngày về Bộ Công an. Mà sao, chừng ấy năm, không thấy ở Bộ có hỏi gì tôi về trường hợp này.

*

“Có người cho em biết là Anh ở trong Nam đã về ngoài này; và chị Hằng cùng làm ở cơ quan

nhà em, là em Anh. Nên em đã tìm chị Hằng, nhờ giúp cho em được gặp Anh. Hy vọng là Anh còn nhớ, và Anh chứng minh cho”.

*

Tôi đâu phải con người đã lãng trí. Càng không phải con người vô ơn!

Tôi an ủi; khuyên chị về nhà; và hãy bình tĩnh chờ.

*

Sau Tết, đến cơ quan, tôi yêu cầu cho đọc hồ sơ vụ này.

Rồi, tôi mời các cán bộ Công an Hà Nội thời kháng chiến chống Pháp đã có liên hệ công tác với tổ Diệt báo, có anh cơ sở tên là Chi, làm ở Nha Khí tượng, đến họp. Mọi người đều có nhận định thống nhất rất tốt đối với tổ Diệt báo này, và đối với cá nhân anh Chi.

Tôi đã hỏi cán bộ làm vụ án này: Vì sao, lúc tôi công tác ở trong Nam, vẫn có vô tuyến điện liên lạc thẳng từ Bộ vào. Có nhiều việc cũ, chỉ có tôi biết, Bộ còn điện vào hỏi tôi. Cớ sao, vụ này, không thấy có điện vào hỏi tôi?

Câu trả lời đã là: Không rõ cấp trên làm việc ra sao.

Tôi lại nói: Làm sai, thì phải nhận là làm sai. Bắt oan người ta, mà khi tha tại sao lại ghi giấy là “tạm tha”?

Đã không ai trả lời được suôn sẻ.

Tiếp đó, chúng tôi đã làm biên bản; có chữ ký của các người dự họp.

Biên bản đã được chuyển đến Cục đã từng làm vụ án này. Tôi yêu cầu ra văn bản minh oan cho anh Chi.

Nhưng vì là việc không phải do tôi phụ trách; hơn nữa là việc cũ, lúc tôi đang ở trong Nam; nên đành phải để đồng chí có thẩm quyền, và đã phụ trách việc này giải quyết. Tuy thế, việc vẫn im lìm.

Đợi lâu. Chưa thấy giải quyết. Tôi phải nhắc nhiều lần.

Gần một năm trôi qua, công việc vẫn không có chuyển động.

Cuối cùng, tôi đã phải làm văn bản gửi đồng chí có trách nhiệm đó.

Tôi đã viết nghiêm túc rằng: Vì chân lý, và vì chính sách nhân nghĩa đối với cơ sở cũ đã tham gia công tác kháng chiến trong lúc Hà Nội còn bị địch chiếm; việc đã rõ; nếu đồng chí không chịu sửa, thì tôi phải báo cáo thẳng lên Bộ trưởng, để Bộ trưởng xét và quyết định.

Và tôi đã phải làm như tôi đã viết.

Vì sao? Cũng dễ đoán ra.

Đọc xong báo cáo của tôi, và xem lại hồ sơ vụ án, Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn đã phải kêu lên: Tại sao có thể đối xử như thế, đối với một người như thế!

Rồi Bộ trưởng lập tức mời Cục trưởng chuyên trách đến, yêu cầu ra ngay văn bản minh oan cho người “được tạm tha”; mà không may, đã bị tai nạn và đã qua đời.

Bộ trưởng cũng chỉ thị, cử cán bộ, xuống thẳng cơ sở, họp với chính quyền, và dân khu phố; công bố bản minh oan cho anh Chi.

*

Lại một Tết nữa.

Không báo trước. Chị Chi lại đến thăm tôi tại nhà.

Trong nước mắt, chị kể cho tôi diễn biến tình hình từ sau khi Bộ trưởng cho minh oan cho chồng chị.

Chị không còn đi làm ở xí nghiệp. Nhưng nay, bà con trong Khu phố đã đối xử với gia đình chị hoàn toàn khác. Bạn bè ở xí nghiệp cũ, nghe tin, cũng đến chia vui với Chị. Các cháu nhỏ ở trường đã được vào đoàn, vào đội.

Chị cảm ơn tôi. Tôi chỉ đáp là đã làm theo nghĩa vụ và trách nhiệm. Và tôi vẫn tiếc là 11 năm ở trong Nam, không được biết việc kịp thời để sớm giúp gia đình chị tránh được nỗi đau khổ không đáng có.

Chị vẫn khóc.

Nhưng tôi hiểu rằng, không phải còn là những giọt nước mắt buồn tủi vì oan ức của năm ngoái nữa.

*

Tôi không quen khóc thành tiếng. Nhưng mắt tôi cay cay.

Phải chăng, những giọt nước mắt của Chị, cũng là hình ảnh một phần thưởng cao quý của người dân lành, dành cho một cán bộ Công an như tôi.

Trong đời làm Công an của mình; liệu có bao nhiêu người đã nhận được những giọt nước mắt, như tôi đã được nhận buổi Tết không thể quên đó!

Hà Nội, 2/11/1996

⁽¹⁾ Nhà Diêm: Là khu đất ở phía Đông Nam kinh thành Thăng Long. Tháng 9 năm Giáp Tuất (1154), vua Lý Anh Tông (1138-1175) cho dựng đàn Nam Giao để tế trời. Năm 1890 khu đất có đàn Nam Giao được giao cho một công ty xây dựng nhà máy diêm. Năm 1956, Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo được xây dựng trên nền đất của đàn. Từ năm 2004, Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo di dời để xây Trung tâm thương mại Vincom Bà Triệu.

Mục lục

Trang

- 1- Thầy giáo Nguyễn Công Hoan với học trò và con của mình (1933)
- 2- Yêu cầu cho ăn cá (1936)
- 3- Rươi đâu? (1937)
- 4- Những cảnh lộn độn của thầy giáo, nhà văn Nguyễn Công Hoan (1938)
- 5- Tôi đã gặp Bắc lần đầu như thế nào? (1945)
- 6- Làm báo ở chiến khu (1945)
- 7- Cụ Minh già (1945)
- 8- Báo “Công an mới” ra đời như thế nào (1946)
- 9- Đòn quyết định: Khám phá vụ Ôn Như Hầu (1946)
- 10- Hà Nội, những ngày đầu Kháng chiến toàn quốc (1946)
- 11- Chuyện về Hồ (1950)
- 12- Trời đánh không chết
- 13- Những chuyến đi và những cuộc gặp (1951)
- 14- Một cuộc đấu tranh (1954)
- 15- Chuyển giao hành chính và tiếp quản Hải Phòng
- 16- Máy lần đầu đi công tác ở nước ngoài (1955)
- 17- Bảo vệ Bác Hồ đi thăm mấy nước Đông Nam Á
- 18- Cơ yếu tham gia chống biệt kích (1963)

- 19- Thiên la địa võng chống gián điệp biệt kích (1963)
- 20- Đi Nam bằng tàu không số (1964)
- 21- Lòng dân miền Nam (1964)
- 22- Về với cội nguồn (1964)
- 23- Xung quanh cuốn Bất khuất (1964)
- 24- Tết ngưng bắn trong thời đánh Mỹ (1965)
- 25- Lúc nghe tiếng xích xe tăng Mỹ chạy trên đầu (1967)
- 26- Nhớ về mùa Xuân năm ấy (1968)
- 27- Một trận thắng “kép” (1971)
- 28- Tết trong nhà tù Mỹ ngục (1971)
- 29- Dinh Độc Lập, ngày 1/5/1975 (1975)
- 30- Những giọt nước mắt ngày Tết (1976)